

**TỰ TƯỜNG HỢP TÁC XÃ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
VÀ THỰC TIỄN VIỆT NAM**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VỤ HỢP TÁC XÃ**

**TƯ TƯỞNG HỢP TÁC XÃ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
VÀ THỰC TIỄN VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mô hình hợp tác xã được hình thành cách đây khoảng 200 năm ở châu Âu và từ đó đã phát triển ở hầu khắp các nước trên thế giới. Hợp tác xã là thành quả của nền văn minh nhân loại, được khởi nguồn và xuất phát từ mong muốn, ước mơ về một xã hội dân chủ, công bằng, một cuộc sống tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa tư tưởng hợp tác xã vào Việt Nam. Trong hành trình tìm đường cứu nước, Người đã chọn lọc ý tưởng về hợp tác xã và đưa vào Việt Nam với mong muốn nông dân có một "mái nhà chung" để đoàn kết, cùng nhau phát triển sản xuất. Theo Người, mục đích của việc tổ chức hợp tác xã là để cải thiện đời sống nhân dân, làm cho nông dân được no ấm, mạnh khỏe, được học tập. Vận dụng sáng tạo những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", Đảng ta xác định: xây dựng và phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã có vai trò rất quan trọng.

Tuy nhiên, hiện nay nhận thức về kinh tế hợp tác và hợp tác xã vẫn chưa có sự thống nhất. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn chưa hiểu đúng về bản chất và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của mô hình hợp tác xã kiểu mới, chưa thật sự hiểu rõ sự khác biệt giữa hợp tác xã kiểu cũ trước đây với hợp tác xã kiểu mới, đánh đồng hợp tác xã với doanh

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

nghiệp, công ty cổ phần dẫn đến vừa xem nhẹ, vừa can thiệp không đúng vào quyền tự chủ, tự quyết của từng hợp tác xã. Bản thân những thành viên tham gia hợp tác xã cũng chưa nhận thức hết các mặt trách nhiệm xây dựng và phát triển tổ chức kinh tế này. Nhiều xã viên chỉ thấy lợi ích, đòi hỏi nhiều mà quên đi trách nhiệm phải đóng góp để cho tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã mà họ tham gia không ngừng lớn mạnh về kinh tế, trên cơ sở đó mới đem lại lợi ích lớn hơn cho chính mình.

Để góp phần tìm hiểu, thống nhất nhận thức về khái niệm, bản chất và phương thức hoạt động của hợp tác xã, đồng thời góp phần hoàn thiện khung khổ pháp luật Việt Nam về hợp tác xã, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư xuất bản cuốn sách ***Tư tưởng hợp tác xã: kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam***.

Cuốn sách gồm một số bài viết của các chuyên gia nghiên cứu về tư tưởng hợp tác xã ở trong nước và trên thế giới; tham khảo luật hợp tác xã của một số quốc gia, nghiên cứu kinh nghiệm hoạt động của các hợp tác xã trên thế giới để bổ sung, hoàn thiện khung khổ pháp luật Việt Nam về hợp tác xã, tìm kiếm phương thức hoạt động hiệu quả cho hệ thống hợp tác xã Việt Nam.

Trong cuốn sách, các tác giả đã nêu ra những quan điểm, ý kiến riêng của mình về vấn đề hợp tác xã, về cơ chế, chính sách đối với hệ thống hợp tác xã. Để bạn đọc thuận tiện nghiên cứu, tham khảo, chúng tôi giữ nguyên các ý kiến này và coi đó là các quan điểm riêng. Bên cạnh đó, có một số số liệu trong bài viết của các tác giả trong và ngoài nước ở cuốn sách này tuy không mới, nhưng là số liệu được sưu tầm, phục vụ cho mục đích vào thời điểm viết bài, nên chúng tôi vẫn giữ lại.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Hợp tác xã là một khái niệm và là một tổ chức mang tính phổ biến trên thế giới, mang tính xã hội và nhân văn sâu sắc; được hình thành cách đây gần hai thế kỷ ở châu Âu và từ đó được phát triển ở hầu khắp các nước trên thế giới. Tổ chức hợp tác xã tiếp tục phát triển và thể hiện được tính tương thích của mình cho đến ngày nay và cả trong tương lai, bởi nó là một tổ chức tự chủ dựa trên các giá trị tương trợ, tự chịu trách nhiệm, dân chủ, bình đẳng, công bằng và đoàn kết.

Ở nước ta, khái niệm "hợp tác xã" rất quen thuộc trong xã hội. Những hợp tác xã đầu tiên ở nước ta được thành lập cách đây hơn 50 năm và Luật hợp tác xã đầu tiên có hiệu lực từ năm 1997. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều cách hiểu khác nhau về bản chất tổ chức hợp tác xã, nhận thức của nhiều người về bản chất hợp tác xã chưa thật sự rõ ràng, chưa đầy đủ, thậm chí còn lệch lạc, đặc biệt là không rõ về bản chất đích thực của tổ chức hợp tác xã: hoặc nhầm lẫn tổ chức hợp tác xã với tổ chức doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp; hoặc coi tổ chức hợp tác xã là tổ chức xã hội - từ thiện; hoặc cho rằng hợp tác xã là cánh tay dài của chính quyền địa phương và nhà nước. Một thực tế ở nước ta hiện nay là có một số lượng không nhỏ hợp tác xã chỉ mang tính hình thức, xã viên không góp vốn hoặc góp vốn rất thấp, không có ràng buộc về kinh tế với hợp tác xã; đồng thời cũng có một số lượng không nhỏ hợp tác xã có bản chất doanh nghiệp.

Nhằm góp phần thống nhất nhận thức về bản chất tổ chức

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

hợp tác xã, Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp một số tư liệu của các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước về hợp tác xã và phát triển hợp tác xã thành cuốn sách ***Tư tưởng hợp tác xã: kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam***.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích có tính định hướng cho việc nhận thức đúng và đầy đủ về bản chất tổ chức hợp tác xã, góp phần định hình chuẩn về khung khổ pháp luật, tạo điều kiện cơ bản cho hợp tác xã phát triển lành mạnh và bền vững với mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế và đời sống của thành viên, phát huy những nỗ lực và nâng cao vị thế của xã viên hợp tác xã, góp phần tích cực và quan trọng về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa,... cho sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế, thiếu sót do thời gian có hạn và tư liệu chưa thể tập hợp đầy đủ, trong đó phần lớn tư liệu chủ yếu là tiếng nước ngoài. Rất mong được sự thông cảm và góp ý từ phía bạn đọc.

PHẦN THỨ NHẤT
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

KHUYẾN NGHỊ SỐ 193 VỀ KHUYẾN TRỢ HỢP TÁC XÃ NĂM 2002

TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (ILO)

Hội nghị toàn thể của Tổ chức Lao động quốc tế,
Được Hội đồng quản trị ILO kỳ họp lần thứ 90 triệu tập
tại Ginevơ, ngày 3-6-2003,

Công nhận tầm quan trọng của các hợp tác xã trong vấn đề tạo việc làm, huy động các nguồn lực, tạo vốn đầu tư và sự đóng góp của các hợp tác xã vào nền kinh tế, và

Công nhận rằng các hợp tác xã ở mọi hình thức đều khuyến trợ sự tham gia của tất cả mọi người một cách đầy đủ nhất trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, và

Công nhận rằng quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra những sức ép, vấn đề, thách thức và cơ hội mới, đa dạng đối với các hợp tác xã và rằng cần có các hình thức đoàn kết nhân loại mạnh mẽ hơn tại cấp quốc gia và quốc tế để giúp chia sẻ một cách công bằng hơn các lợi ích của quá trình toàn cầu hóa, và

Nhận thức rằng Tuyên bố ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc được Hội nghị Lao động quốc tế thông qua tại kỳ họp lần thứ 86 (1998), và

Nhận thức rằng các quyền và nguyên tắc cơ bản nêu trong các công ước và khuyến nghị lao động quốc tế, đặc biệt là Công ước về lao động cưỡng bức, năm 1930; Công ước về tự do hiệp hội và bảo vệ quyền được tổ chức, năm 1948; Công ước về quyền được tổ chức và thương lượng tập thể, năm 1949; Công ước về trả công bình đẳng, năm 1951; Công ước về an sinh xã hội (các tiêu chuẩn tối thiểu), năm 1952; Công ước về loại bỏ lao động cưỡng bức, năm 1957; Công ước về phân biệt đối xử (trong việc làm và nghề nghiệp), năm 1958; Công ước về chính sách việc làm, năm 1964; Công ước về tuổi tối thiểu, năm 1973; Công ước và khuyến nghị về các tổ chức của lao động nông thôn, năm 1975; Công ước và khuyến nghị về phát triển nguồn nhân lực, năm 1975; Khuyến nghị về chính sách việc làm (các điều khoản bổ sung), năm 1984; Khuyến nghị về tạo việc làm tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, năm 1998 và Công ước về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, năm 1999, và

Nhắc lại nguyên tắc nêu tại Tuyên ngôn Philadelphia rằng "lao động không phải là hàng hóa", và

Nhắc lại rằng việc triển khai việc làm mang tính nhân văn cho người lao động ở tất cả mọi nơi là mục đích hàng đầu của Tổ chức Lao động quốc tế, và

Sau khi quyết định thông qua một số đề nghị về khuyến trợ các hợp tác xã, là nội dung thứ tư của chương trình nghị sự của kỳ họp, và

Sau khi quyết định rằng các đề nghị đó sẽ có hình thức của một khuyến nghị;

Thông qua khuyến nghị sau đây được gọi là Khuyến nghị về khuyến trợ các hợp tác xã, năm 2002 vào ngày 20-6-2002.

I. PHẠM VI, KHÁI NIỆM VÀ CÁC MỤC ĐÍCH

1. Công nhận rằng các hợp tác xã được hoạt động tại tất cả các ngành trong nền kinh tế.

Khuyến nghị này áp dụng cho tất cả các loại hình hợp tác xã.

2. Theo mục đích của Khuyến nghị này, thuật ngữ "hợp tác xã" chỉ một hiệp hội tự chủ của nhiều người tự nguyện hợp lại để thỏa mãn nhu cầu và nguyện vọng chung của mình về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một doanh nghiệp đồng sở hữu và được quản lý một cách dân chủ.

3. Việc khuyến trợ và tăng cường thương hiệu của các hợp tác xã cần được khuyến khích trên cơ sở:

(a) Các giá trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, dân chủ, công bằng, bình đẳng và đoàn kết của hợp tác xã; cũng như các giá trị khác như chân thành, cởi mở, có trách nhiệm xã hội và quan tâm tới những đối tượng khác; và

(b) Các nguyên tắc của hợp tác xã nhưng được phát triển theo phong trào hợp tác xã quốc tế cũng như theo nội dung của phần Phụ lục. Các nguyên tắc đó là tham gia tự nguyện và mở rộng, quản lý xã viên một cách dân chủ, tham gia các thành phần kinh tế, tự chủ và độc lập, giáo dục, đào tạo và thông tin, hợp tác giữa các hợp tác xã và quan tâm tới cộng đồng.

4. Cần thông qua các biện pháp khuyến trợ tiềm năng của các hợp tác xã tại tất cả các nước không phân biệt mức độ phát triển của các nước đó để giúp hợp tác xã và đội ngũ xã viên:

(a) Tạo ra và phát huy các hoạt động tạo thu nhập và việc làm bền vững chính đáng;

(b) Phát huy năng lực và trí tuệ của nguồn lực con người về các giá trị, lợi thế và lợi ích của phong trào hợp tác xã

thông qua công tác giáo dục và đào tạo;

(c) Phát huy năng lực kinh doanh của các hợp tác xã, bao gồm năng lực điều hành và quản lý doanh nghiệp;

(d) Tăng cường tính cạnh tranh của các hợp tác xã cũng như khả năng tiếp cận thị trường và các cơ quan tài chính;

(e) Tăng mức tiết kiệm và đầu tư;

(f) Cải thiện tăng trưởng kinh tế - xã hội có tính đến sự cần thiết phải xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử;

(g) Đóng góp vào sự phát triển con người bền vững; và

(h) Thành lập và mở rộng một khu vực linh hoạt và mạnh mẽ của nền kinh tế bao gồm các hợp tác xã để đáp ứng các nhu cầu kinh tế - xã hội của cộng đồng.

5. Cần khuyến khích thông qua các biện pháp đặc biệt nhằm giúp các hợp tác xã, các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động và phát triển trên cơ sở đoàn kết, nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã viên cũng như các nhu cầu của xã hội, trong đó có các đối tượng thuộc các nhóm yếu thế nhằm giúp họ hòa nhập với xã hội.

II. KHUÔN KHỔ CHÍNH SÁCH VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ

6. Một xã hội cân bằng cần có các khu vực nhà nước và tư nhân có sức mạnh cũng như một hệ thống hợp tác xã, khu vực đối ứng, có tính chất xã hội và phi chính phủ khác đủ mạnh. Trong hoàn cảnh như vậy, chính phủ cần tạo ra một chính sách và khung khổ pháp lý có tính chất hỗ trợ phù hợp với đặc điểm và chức năng của các hợp tác xã và được định hướng bởi các giá trị và nguyên tắc hợp tác xã nêu tại khoản 3, như:

(a) Xây dựng một khung thiết chế với mục đích cho phép các hợp tác xã đăng ký hoạt động một cách nhanh chóng, đơn

giản theo cách thức hiệu quả và chấp nhận được ở mức có thể;

(b) Khuyến trợ các chính sách nhằm cho phép tạo lập các nguồn dự phòng phù hợp, là phần không thể bị chia sẻ, và các quỹ tương trợ tại các hợp tác xã;

(c) Cung cấp thông tin cho quá trình thông qua những biện pháp giám sát các hợp tác xã trong những lĩnh vực phù hợp với bản chất và chức năng trong khi vẫn tôn trọng sự tự chủ của họ phù hợp với luật pháp và quy định của quốc gia và không được kém thuận lợi hơn những quy định được áp dụng với các loại hình doanh nghiệp và tổ chức xã hội khác;

(d) Tạo điều kiện cho các ban quản trị hợp tác xã thuộc cơ cấu hợp tác xã đáp ứng các nhu cầu của xã viên; và

(e) Khuyến khích phát huy hợp tác xã theo hướng doanh nghiệp tự chủ và tự quản, cụ thể trong các lĩnh vực mà các hợp tác xã đóng vai trò quan trọng hoặc cung cấp các dịch vụ mà không loại hình doanh nghiệp nào khác có thể cung cấp được.

7.

(1) Vấn đề khuyến trợ các hợp tác xã được định hướng bởi các giá trị và nguyên tắc nêu tại khoản 3 cần được xem là một trong những trụ cột phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và quốc tế.

(2) Các hợp tác xã cần được đối xử theo luật pháp và thông lệ quốc gia và không kém thuận lợi hơn những quy định áp dụng với các hình thức doanh nghiệp và tổ chức xã hội khác. Chính phủ cần đưa ra các biện pháp hỗ trợ nếu phù hợp đối với các hoạt động của hợp tác xã nhằm đáp ứng các tác động của chính sách công và xã hội cụ thể như khuyến trợ việc làm hoặc phát huy các hoạt động tạo thuận lợi cho các nhóm hoặc khu vực yếu thế. Các biện pháp như vậy có thể bao gồm các chế độ thuế, các chương trình vay vốn, trợ cấp,

tiếp cận các chương trình việc làm của nhà nước và các quy định đấu thầu đặc biệt ở mức độ tối đa có thể.

(3) Cần quan tâm đặc biệt đến việc đẩy mạnh sự tham gia của phụ nữ trong phong trào hợp tác xã tại tất cả các cấp, đặc biệt là cấp quản lý và lãnh đạo.

8.

(1) Các chính sách quốc gia cần đặc biệt chú ý:

(a) Khuyến trợ các tiêu chuẩn lao động cơ bản của ILO và Tuyên bố về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc đối với tất cả đối tượng người lao động trong các hợp tác xã, không được phép có bất cứ hành vi phân biệt nào;

(b) Đảm bảo rằng các hợp tác xã không được dựng lên, hoặc được sử dụng với mục đích trái với luật pháp lao động, hoặc được dùng để thiết lập các mối quan hệ lao động nguy tạo, và chống lại những hình thức hợp tác xã giả hiệu xâm phạm các quyền của người lao động bằng cách đảm bảo áp dụng luật pháp lao động tại tất cả các doanh nghiệp;

(c) Khuyến trợ bình đẳng giới trong các doanh nghiệp và trong công việc;

(d) Khuyến khích các biện pháp nhằm đảm bảo áp dụng các ví dụ lao động điển hình (best labour practices - ND) tại các hợp tác xã, bao gồm vấn đề tiếp cận những thông tin thích hợp;

(e) Phát triển kỹ năng chuyên môn và hướng nghiệp dạy nghề, khả năng kinh doanh và quản lý, kiến thức về khả năng kinh doanh và các kỹ năng về kinh tế và chính sách xã hội nói chung của các xã viên, người lao động và các nhà quản lý, tăng cường để họ tiếp cận các công nghệ thông tin và viễn thông;

(f) Khuyến trợ giáo dục và đào tạo theo các nguyên tắc và thông lệ của hợp tác xã tại tất cả các cấp thích hợp trong hệ thống giáo dục và đào tạo quốc dân và trong xã hội ở mức độ

rộng hơn;

(g) Khuyến trợ thông qua các biện pháp quy định an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc;

(h) Cung cấp các hình thức hỗ trợ cho công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất và tính cạnh tranh của các hợp tác xã và chất lượng của hàng hóa, dịch vụ do các hợp tác xã tạo ra;

(i) Tạo điều kiện để các hợp tác xã tiếp cận với các nguồn tín dụng;

(j) Tạo điều kiện để các hợp tác xã tiếp cận với thị trường;

(k) Khuyến trợ việc phổ biến thông tin về các hợp tác xã; và

(l) Tìm cách cải thiện các số liệu thống kê quốc gia về các hợp tác xã trên khía cạnh xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển.

(2) Các chính sách đó cần:

(a) Phân quyền xây dựng và thực hiện các chính sách và quy định đối với các hợp tác xã tới cấp khu vực và cơ sở, nếu thích hợp;

(b) Quy định trách nhiệm pháp lý của các hợp tác xã trong các lĩnh vực như đăng ký, kiểm toán và kiểm tra về khía cạnh xã hội và lấy giấy đăng ký; và

(c) Khuyến trợ các ví dụ điển hình về quản lý doanh nghiệp trong các hợp tác xã.

9. Các chính phủ cần khuyến trợ vai trò quan trọng của các hợp tác xã đang trong quá trình chuyển đổi những hoạt động thường mang tính chất để tồn tại (đôi khi được xem là nền kinh tế "phi chính thức") sang công việc được luật pháp bảo vệ và hòa nhập đầy đủ vào dòng chảy của nền kinh tế.

III. THỰC THI CÁC CHÍNH SÁCH CÔNG NHẪM KHUYẾN TRỢ CÁC HỢP TÁC XÃ

10.

(1) Các nước thành viên cần thông qua luật pháp và pháp quy cụ thể về hợp tác xã được định hướng bởi các giá trị và nguyên tắc của hợp tác xã nêu tại khoản 3 và điều chỉnh luật pháp và pháp quy đó khi cần thiết.

(2) Chính phủ cần tham khảo ý kiến các tổ chức của hợp tác xã cũng như các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động có liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh pháp luật, chính sách và các quy định áp dụng đối với các hợp tác xã.

11.

(1) Chính phủ cần tạo điều kiện để các hợp tác xã tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ nhằm tăng cường tính linh hoạt trong kinh doanh và năng lực tạo việc làm và thu nhập của các hợp tác xã.

(2) Các dịch vụ đó bao gồm:

(a) Các chương trình phát triển nguồn nhân lực;

(b) Nghiên cứu và các cơ quan tư vấn quản lý;

(c) Tiếp cận với các nguồn tài chính và đầu tư;

(d) Các cơ quan kế toán và kiểm toán;

(e) Các cơ quan thông tin quản lý;

(f) Các cơ quan thông tin và đối ngoại;

(g) Các cơ quan tư vấn về công nghệ và phát minh sáng kiến;

(h) Các cơ quan dịch vụ pháp lý và thuế;

(i) Các cơ quan hỗ trợ tiếp cận thị trường; và

(j) Các cơ quan hỗ trợ khác, nếu phù hợp.

(3) Các chính phủ cần tạo điều kiện để thành lập các cơ quan hỗ trợ này. Cần khuyến khích các hợp tác xã và các tổ chức của họ tham gia vào những tổ chức cũng như ban quản lý của các cơ quan dịch vụ và tài trợ các cơ quan này nếu có thể và nếu thấy thích hợp.

(4) Các chính phủ cần công nhận vai trò của các hợp tác xã và các tổ chức của họ thông qua xây dựng các văn kiện phù hợp nhằm thiết lập và tăng cường các hợp tác xã ở cấp trung ương và địa phương.

12. Các chính phủ cần thông qua các biện pháp, nếu phù hợp, giúp các hợp tác xã tiếp cận với những nguồn đầu tư, tài chính và tín dụng. Các biện pháp đó nên là:

(a) Cho phép cấp vốn vay và các phương tiện tài chính khác;

(b) Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều chỉnh các cấp độ không hợp lý đối với tài sản của hợp tác xã và giảm bớt chi phí trong các lần chuyển vốn vay;

(c) Giúp điều hành một hệ thống tài chính tự chủ của các hợp tác xã bao gồm các hợp tác xã tiết kiệm, tín dụng, ngân hàng và bảo hiểm; và

(d) Bao gồm các quy định đặc biệt đối với các nhóm yếu thế.

13. Để khuyến trợ phong trào hợp tác xã, chính phủ cần khuyến khích các điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các mối quan hệ chuyên môn, thương mại và tài chính để tạo điều kiện cho việc trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ rủi ro cũng như lợi ích giữa các hình thức hợp tác xã.

IV. VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ QUAN HỆ GIỮA CÁC TỔ CHỨC NÀY

14. Các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động cần phối hợp với các tổ chức của hợp tác xã, tìm kiếm các biện pháp và cách thức khuyến trợ hệ thống hợp tác xã với phương châm công nhận tầm quan trọng của các hợp tác

xã trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

15. Các tổ chức của người sử dụng lao động, khi cần thiết, nên mở rộng đối tượng xã viên bằng cách động viên họ tham gia và hỗ trợ các dịch vụ hỗ trợ phù hợp với các điều kiện áp dụng với các xã viên khác.

16. Cần khuyến khích người lao động:

(a) Tư vấn và hỗ trợ người lao động trong các hợp tác xã tham gia các tổ chức của người lao động;

(b) Hỗ trợ các xã viên thành lập hợp tác xã, với mục đích tạo điều kiện cho họ tiếp cận với những hàng hóa và dịch vụ cơ bản;

(c) Tham gia các ủy ban và các nhóm công tác tại cấp cơ sở, quốc gia và quốc tế nhằm xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội tác động đến các hợp tác xã;

(d) Hỗ trợ và tham gia thành lập các hợp tác xã mới nhằm tạo ra và duy trì việc làm, kể cả trường hợp đóng cửa các doanh nghiệp;

(e) Hỗ trợ và tham gia các chương trình dành cho các hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã;

(f) Khuyến trợ bình đẳng về cơ hội tại các hợp tác xã;

(g) Khuyến trợ thực hiện quyền của người lao động là xã viên các hợp tác xã; và

(h) Triển khai các hoạt động nhằm khuyến trợ các hợp tác xã, bao gồm vấn đề giáo dục và đào tạo.

17. Cần khuyến khích các hợp tác xã và tổ chức đại diện các hợp tác xã:

(a) Thiết lập mối liên hệ chủ động với các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động với các cơ quan chính phủ và phi chính phủ trên quan điểm tạo ra một môi trường lành mạnh cho sự phát triển các hợp tác xã;

(b) Giúp họ quản lý tốt các dịch vụ hỗ trợ và đóng góp

vào hoạt động tài chính của họ;

(c) Cung cấp các dịch vụ thương mại và tài chính cho các hợp tác xã thành viên;

(d) Đầu tư và đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực cho các xã viên, người lao động và giới quản lý của các hợp tác xã;

(e) Tiếp tục phát triển và trở thành thành viên của các tổ chức hợp tác xã quốc gia và quốc tế;

(f) Đại diện cho phong trào hợp tác xã trong nước trên bình diện quốc tế; và

(g) Tiến hành các hoạt động khác nhằm khuyến trợ các hợp tác xã.

V. HỢP TÁC XÃ QUỐC TẾ

18. Cần tạo điều kiện cho hệ thống hợp tác xã quốc tế thông qua:

(a) Trao đổi thông tin về các chính sách và chương trình được xem là có hiệu quả trong lĩnh vực tạo việc làm và thu nhập cho các xã viên hợp tác xã;

(b) Khuyến khích và khuyến trợ các mối quan hệ giữa các cơ quan và thiết chế quốc gia và quốc tế liên quan đến quá trình phát triển các hợp tác xã nhằm cho phép:

(i) Trao đổi nhân sự cũng như các ý tưởng về tài liệu và phương pháp luận trong giáo dục - đào tạo và các tài liệu tham khảo;

(ii) Xây dựng và sử dụng tài liệu nghiên cứu, các số liệu khác về các hợp tác xã và vấn đề phát triển các hợp tác xã;

(iii) Thiết lập các liên minh và hệ thống hợp tác quốc tế giữa các hợp tác xã;

(iv) Khuyến trợ và bảo vệ các giá trị và nguyên tắc của hợp tác xã;

(v) Thiết lập các mối quan hệ thương mại giữa các hợp tác xã; và

(c) Các hợp tác xã tiếp cận với các dữ liệu trong nước và quốc tế như thông tin thị trường, luật pháp, phương pháp và kỹ năng đào tạo và các tiêu chuẩn sản phẩm; và

(d) Xây dựng các bộ hướng dẫn chung của khu vực hoặc quốc tế và pháp luật, nếu có thể, nhằm khuyến trợ các hợp tác xã, có tham khảo những tổ chức của các hợp tác xã, người sử dụng lao động và người lao động liên quan.

VI. NỘI DUNG

19. Khuyến nghị này sửa đổi và thay thế Khuyến nghị các hợp tác xã (tại các nước đang phát triển) năm 1966.

PHỤ LỤC VỀ CÁC NGUYÊN TẮC HỢP TÁC XÃ

*(Trích từ Tuyên bố về quy định về hợp tác xã
được thông qua tại Đại hội đồng Liên minh
hợp tác xã quốc tế năm 1995)*

Các nguyên tắc về hợp tác xã là phân hướng dẫn theo đó các hợp tác xã đưa các giá trị của mình vào thực tiễn.

Tham gia tự nguyện và mở rộng

Hợp tác xã là các tổ chức tự nguyện và mở rộng để mọi người có thể sử dụng các dịch vụ của mình và sẵn sàng nhận các trách nhiệm xã viên mà không bị phân biệt về giới tính, xã hội, nguồn gốc, chính kiến hay tôn giáo.

Quản lý thành viên theo hình thức dân chủ

Hợp tác xã là các tổ chức dân chủ được quản lý bởi các xã viên, những người tham gia tích cực vào quá trình xây dựng các chính sách và ra các quyết định. Nam giới và phụ nữ tham gia với tư cách là các đại diện được bầu đều có trách nhiệm với tư cách thành viên của mình. Trước hết các xã viên hợp tác xã đều có quyền bầu như nhau (mỗi xã viên một phiếu bầu) và các hợp tác xã ở các mức độ khác nhau cũng được tổ chức theo hình thức dân chủ.

Tham gia vào các hoạt động kinh tế

Các xã viên được đóng góp một cách bình đẳng và quản lý một cách dân chủ đối với nguồn vốn của hợp tác xã. Ít nhất một phần trong số vốn đó thường là tài sản chung của hợp tác xã.

Các xã viên thường nhận được một khoản bồi thường hạn

ché, nếu có, đối với nguồn vốn đã nói như một điều kiện của tư cách xã viên hợp tác xã. Các xã viên sẽ phân bổ một số hoặc tất cả các khoản thặng dư theo các mục đích: phát triển hợp tác xã của mình; lập các khoản dự trữ mà ít nhất một phần trong số đó sẽ không được phân tán; và hỗ trợ các hoạt động khác được tập thể xã viên chấp thuận.

Tự chủ và độc lập

Hợp tác xã là các tổ chức tự chủ, tự cứu do xã viên quản lý. Nếu các hợp tác xã thỏa thuận với các tổ chức khác, kể cả chính phủ, hoặc gây vốn từ các nguồn lực bên ngoài thì họ sẽ thực hiện việc đó theo những điều kiện có thể bảo đảm để các xã viên quản lý một cách dân chủ và duy trì sự tự chủ của hợp tác xã mình.

Giáo dục - đào tạo và thông tin

Các hợp tác xã sẽ cung cấp giáo dục - đào tạo cho xã viên, những đại diện được bầu, các nhà quản lý và người lao động của mình để họ có thể đóng góp một cách hiệu quả vào quá trình phát triển hợp tác xã. Họ công bố rộng rãi - đặc biệt đến tầng lớp thanh niên và lãnh đạo - về bản chất và lợi ích của hợp tác xã.

Hợp tác giữa các hợp tác xã

Các hợp tác xã phục vụ xã viên của mình một cách hiệu quả nhất và tăng cường phong trào hợp tác xã bằng việc phối hợp thông qua cơ cấu địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế.

Quan tâm tới cộng đồng

Các hợp tác xã hoạt động vì sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua các chính sách được xã viên thông qua.

QUYỀN SỞ HỮU VÀ QUỸ DỰ TRỮ TRONG HỢP TÁC XÃ - THỰC TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG TƯƠNG LAI

ZVI GALOR*

Quyền sở hữu và quỹ dự trữ là những vấn đề lý luận và thực tiễn rất quan trọng đối với phần lớn hợp tác xã trên thế giới. Thực tế hầu hết các hợp tác xã đều tuân thủ Nguyên tắc hợp tác xã thứ ba của Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA). Nguyên tắc này bàn về hai khía cạnh bảo đảm cho các hợp tác xã tồn tại: *một là*, cấu trúc vốn của hợp tác xã và mức độ sở hữu thực sự của từng cá nhân đối với hợp tác xã; *hai là*, chi phí phải trả để các thành viên được tham gia hoạt động trong hợp tác xã. Xã viên có thể trả bao nhiêu cho hợp tác xã để tham gia một cách tích cực nhằm bù đắp phần chi phí của mình trong tổng chi phí hoạt động của hợp tác xã.

Vấn đề này đã được chúng tôi đưa ra trong một cuộc thảo luận trước đây và được xuất bản ở một vài nơi khác nhau. Tôi muốn đưa ra thêm một vài tranh luận xung quanh các quan

* Nguyên Giám đốc Viện Quốc tế của Histadrut, Ixraen, một nhà nghiên cứu hàng đầu về hợp tác xã.

điểm về vấn đề này.

Hai vấn đề cơ bản

Nguyên tắc hợp tác xã thứ ba¹ của ICA bao gồm hai phần, đề cập mối quan hệ giữa xã viên và hợp tác xã của họ.

Phần thứ nhất liên quan tới mức độ sở hữu của xã viên với hợp tác xã.

Phần thứ hai bàn về chi phí gia nhập của xã viên trong hợp tác xã. Khoản tiền xã viên trả cho các dịch vụ mà hợp tác xã cung cấp lại. Số tiền này nói chung nằm trong tổng thu nhập của hợp tác xã. Phần thặng dư khi thu nhập đủ bù đắp chi phí được để lại và phần lớn hợp tác xã đều có khoản dôi ra này. Thực tế, hằng năm đa phần các hợp tác xã đều trích từ đó 25% vào một quỹ đặc biệt gọi là Quỹ dự trữ. Theo Nguyên tắc hợp tác xã thứ ba và trong nhiều Luật hợp tác xã trên thế giới², những quỹ này không được phân chia và không thuộc sở hữu của bất kỳ xã viên riêng biệt nào.

Trong khuôn khổ bài viết sẽ bàn về hai vấn đề có tác động qua lại này, bởi vì ở rất nhiều hợp tác xã, tài sản cố định không được tài trợ bằng các quỹ dự trữ.

1. Galor: - "Phê phán Nguyên tắc hợp tác xã thứ ba của ICA" (1997): <http://www.wisc.edu/uwcc/ctic/orgs/ica/pubs/Publications-from-Regions1/Asia---Co-op-Dialogue-Vol-7-No-2-191/Criticizing-the-Third-Co-operative-Princ1.html>; <http://www.pdfforum.org/webapps/archivus/showarticle.php?searchp=galer&ct=&ca=y&cd=&mode=2&id=90>.

- "Hợp tác xã, thành viên và vấn đề quyền sở hữu": <http://www.pdfforum.org/webapps/archivus/showarticle.php?searchp=galer&ct=&ca=y&cd=&mode=2&id=92>; <http://www.ruralfinance.org/servlet/CDSServlet?status=ND0xNDaZLjEyMDA3Jjc9ZW4mNjE9ZG9jdW1lbnRzJjY1PWluZm8~#koinf> o.

- "Phân chia kết quả trong hợp tác xã và sự tham gia của các thành viên" (tháng 4-2003): http://www.alternative-finance.org.uk/rtf/galer_dividingresults.rtf; <http://www.pdfforum.org/webapps/archivus/showarticle.php?searchp=galer&ct=&ca=y&cd=&mode=2&id=93>; <http://microfinancegateway.org/content/article/detail/20235>.

2. Luật hợp tác xã ở Canada (<http://laws.justice.gc.ca/en/C-1.7/index.html>).

I. QUỸ DỰ TRỮ

Thực tế ở nhiều quốc gia khác nhau, một phần giá trị thặng dư của hợp tác xã - nói chung là 25% - được chuyển vào một quỹ dự trữ của hợp tác xã. Cần lưu ý rằng đây là thực tế quan trọng diễn ra ở hầu hết hợp tác xã trên thế giới. Chỉ có một vài trường hợp¹ mà ở đó hợp tác xã không trích lập quỹ dự trữ.

Tại sao mỗi hợp tác xã phải tạo lập quỹ dự trữ? Vấn đề này đã tạo ra nhiều tranh luận nhằm giải thích nó. Ở đây, chúng tôi sẽ đưa ra một vài quan điểm và lý giải tại sao phải trích lập quỹ dự trữ và quỹ dự trữ dùng để làm gì. Bên cạnh đó, chúng tôi muốn thêm vào một vài ý kiến chống lại thực tế này.

1. Bản chất thực sự của quỹ dự trữ²

Điểm đầu tiên cần đề cập là đặc điểm của quỹ dự trữ:

"Bản chất của quỹ dự trữ là *tập thể, không phân chia* và mỗi doanh nghiệp trên thế giới hoạt động, thực hiện chức năng đều có quỹ dự trữ".

1. Trường hợp của Moshav - một mô hình hợp tác xã đa mục đích:

- <http://www.pdforum.org/webapps/archivus/showarticle.php?searchp=galor&ct=&ca=y&cd=&mode=2&id=113&sortby=t&sortdir=a>;
- http://www.coopnetupdate.org/modules.php?op=modload&name=PN_Isis_Eng&file=index&action=query&^t3003=000121&^t1051=cupdate&^t3004=noreverse&^t3005=search&^t3008=check;
- TheMoshav-MultiPurposeCooper.doc: http://www.coopgalor.com/i_publications.html;
- <http://microfinancegateway.org/content/article/detail/14600>).

2. Ở đây đưa ra một vài quan điểm khác nhau. Theo chúng tôi, điều quan trọng cần chú ý là nội dung quan điểm, ý kiến chứ không phải việc ai viết ra điều đó. Những quan điểm này có thể bắt gặp trong các website dưới đây (đầu năm 2003): <http://www.gdrc.org/icm/coop-listserv.html>; <http://postoffice.ag.ohio.state.edu:8100/Lists/devfinance/List.html>.

Đây là một niềm tin phổ biến của rất nhiều nhà lãnh đạo và thành viên các hợp tác xã đang hoạt động trên thế giới. Kết quả của cách tiếp cận này là thực tế tồn tại ở nhiều hợp tác xã trên thế giới. Tại sao chúng ta cần phải trích lập các quỹ dự trữ? Một vài lý do sẽ được trình bày cụ thể dưới đây, tuy nhiên trước tiên cần đưa ra được bản chất của quỹ dự trữ. Tranh luận vẫn tiếp diễn và giải thích rằng bởi vì mỗi doanh nghiệp đều có quỹ dự trữ, nên hợp tác xã cũng phải có. Theo Nguyên tắc hợp tác xã thứ ba của ICA thì trong hợp tác xã cũng nên có một lượng vốn không thuộc về sở hữu cá nhân mà phải dựa trên nền tảng sở hữu chung, và quỹ này không được phân chia cho các thành viên trong bất cứ sự kiện nào.

Cách tiếp cận này đã được lật lại và một trong những kết quả là Nghị quyết của Hội nghị các nhà lãnh đạo Macoscle¹.

2. Lợi ích giữa tất cả các thành viên

Luận chứng dưới đây nói rằng:

Với tư cách một xã viên, bạn đồng ý đóng góp và phân chia đều lợi nhuận cho tất cả các xã viên. Đó chính là điểm mấu chốt trong lý thuyết về hợp tác xã.

Điều này giải thích cách mà hợp tác xã đang xây dựng quỹ dự trữ. Tất cả các xã viên tham gia vào hoạt động tài chính này, nhưng trên cơ sở tham gia không đồng đều vào các hoạt động kinh tế thông thường của hợp tác xã. Lý do đưa ra là vì các thành viên, theo bản chất của tổ chức họ tham gia, sẽ đóng góp theo đúng tỷ lệ từ những gì họ kiếm được cho tới lợi ích khác, những thành viên kiếm được ít hơn sẽ tham gia ít hơn.

Đây là một luận chứng thú vị. Chúng ta hãy thử đưa ra một ví dụ, một ví dụ có thể minh họa rõ hơn cho lời giải

1. Nghị quyết của Macoscle (<http://www.coopgalor.com/realization.html>).

thích. Trong ví dụ này, chúng ta có một hợp tác xã gồm hai thành viên: một giàu và một nghèo. Thành viên nghèo có một gia đình lớn và đó là lý do tại sao anh ta tham gia vào hợp tác xã nhiều hơn người giàu kia. Anh ta tham gia càng nhiều, mua càng nhiều hàng hóa của hợp tác xã: trong hợp tác xã sản xuất, anh ta làm việc nhiều hoặc sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn; trong hợp tác xã tiêu dùng và tiết kiệm, anh ta ký kết nhiều hợp đồng tín dụng bởi vì anh ta muốn tạo ra nhiều thu nhập cho gia đình mình. Cùng thời gian đó, xã viên giàu kia ít có nhu cầu sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, vì vậy anh ta tham gia ít hơn.

Người thứ nhất trả phần lớn trong tổng chi phí hoạt động của hợp tác xã và điều này là phù hợp. Bạn tham gia càng nhiều, bạn phải đóng góp càng nhiều để bảo đảm cho hợp tác xã hoạt động. Thành viên thứ hai - người giàu hơn - tham gia hoạt động ít hơn, sẽ đóng góp vào quỹ dự trữ ít hơn thành viên thứ nhất.

Do có thể phục vụ lợi ích của cả hai thành viên (được tài trợ trên cơ sở không cân bằng), quỹ dự trữ có thể được sử dụng cho bất cứ trường hợp nào, cả hai thành viên có thể hưởng lợi không bằng nhau khi thành viên nghèo đang tài trợ cho người đồng nghiệp giàu kia.

Chúng tôi đang chống lại thực tế này. Nếu chúng ta đang tìm kiếm hoạt động phúc lợi cho tất cả xã viên, tại sao không đưa ra mức trách nhiệm ngang nhau giữa các xã viên?

3. Bảo vệ (giữ gìn) vốn cho các thành viên

Thêm một vài luận điểm tương tự về lý do cần tạo lập quỹ dự trữ được đưa ra dưới đây:

"Các hiệp hội hợp tác xã chủ yếu (Sacco) trên thế giới nhận ra sự cần thiết phải tạo lập quỹ dự trữ để bảo đảm tiền tiết kiệm của các xã viên"; đồng thời cần trả lời câu hỏi: "Có cách nào khác mà Saccos có thể bảo đảm tiền tiết kiệm cho

các xã viên của nó".

Bảo đảm tiền tiết kiệm cho các xã viên là một ý tưởng rất quan trọng. Có thể bảo đảm như thế nào và từ đâu?

Một trong những nỗi sợ lớn nhất của các xã viên là hợp tác xã không có khả năng trả lại khoản tiền mà họ đã gửi vào hợp tác xã trong các tài khoản tiết kiệm khác nhau. Tại sao hợp tác xã không thể trả lại tiền cho các xã viên? Tiền có thể bị ban quản trị hợp tác xã chiếm dụng, hoặc có chiều hướng dùng để thanh toán cho các khoản nợ xấu trong hợp tác xã. Có một thực tế mà hầu hết các thành viên cũng như ban quản trị không quan tâm đến là tiền của xã viên, hay của hợp tác xã không được bảo đảm để chống lại sự hao mòn giá trị thực, bởi vì sự tồn tại của mức lạm phát hằng năm.

Làm thế nào để quỹ dự trữ có thể giữ tiền tiết kiệm cho các xã viên? Quỹ dự trữ không thuộc về các xã viên riêng biệt. Nếu xuất hiện một khoản nợ xấu trong hợp tác xã, nó sẽ là nợ của toàn bộ hợp tác xã. Nó cần được bù đắp bởi bản thân hợp tác xã chứ không liên quan đến từng xã viên riêng lẻ. Hợp tác xã có thể trích từ quỹ dự trữ, nếu nó tồn tại trên thực tế, chứ không phải chỉ trong những cuốn sách về hợp tác xã và phải bù đắp khoản nợ xấu đó.

Tại sao khoản nợ này chỉ được bù đắp bởi một thành viên tham gia, thành viên nghèo phải chịu nhiều hơn thành viên giàu? Nếu đó là một đóng góp tập thể của tất cả các xã viên do sự thiếu hụt tài chính trong hợp tác xã, thì sự thiếu hụt này không được tạo ra bởi sự nghỉ ngơi của các xã viên, tại sao không chia đều trách nhiệm của các thành viên trong việc bù đắp khoản nợ này?

Chúng ta cũng đưa ra một trường hợp làm "mất" tiền trong hợp tác xã, ở đó giải pháp sử dụng tiền từ quỹ dự trữ được rất nhiều người đưa ra.

Ý nghĩa của sự việc các hợp tác xã bị thua lỗ trong cân đối hoạt động, hay trong lưu chuyển tiền tệ là gì? Mất hay

thiếu hụt tiền chính là kết quả của một thực tế là hợp tác xã không quy định mức chi phí để tham gia hoạt động của thành viên và không chú ý tới việc duy trì chi phí hoạt động có hiệu quả. Thực tế, việc giữ tiền bên ngoài một quỹ dự trữ mang lại sự biết ơn cho các hoạt động kinh tế trước đây của hợp tác xã, có nghĩa là các xã viên tham gia trong những năm đầu phải trả cho các xã viên mới tham gia trong năm hiện tại. Tại sao? Nguyên tắc cơ bản của một hợp tác xã là thành viên trả toàn bộ chi phí của sự tham gia vào hoạt động kinh tế của hợp tác xã trong năm đó. Đó là một thực tế sai lầm khi sử dụng tiền từ hoạt động kinh tế trước đây để bù đắp khoản lỗ trong năm hiện tại, hay để chuyển lỗ sang năm sau (?).

Thực tế tốt nhất mà các hợp tác xã có thể áp dụng để giữ tiền tiết kiệm cho các xã viên là đề nghị với họ một tỷ lệ lãi suất cao hơn mức lạm phát hiện hành. Đây không phải trường hợp của các hiệp hội hợp tác xã ở khắp nơi.

Chúng tôi đã hỏi các xã viên ở rất nhiều hợp tác xã thuộc nhiều quốc gia trên khắp thế giới, những nơi quỹ dự trữ được giữ lại, họ thậm chí không biết đến sự tồn tại của chúng, thậm chí ngay cả trong trường hợp chúng được ghi nhận ở Bảng cân đối kế toán hằng năm, hoặc họ thừa nhận rằng tiền trong các quỹ dự trữ đã được sử dụng để trả các khoản chi phí hoạt động (thiệt hại, tổn thất) hay phân phát cho các xã viên. Vì vậy, nếu lượng tiền này được chia cho các xã viên thì phải lấy gì để bảo vệ an toàn cho hợp tác xã?

4. Sự phát triển trong tương lai của hợp tác xã

Một vài lý lẽ dưới đây tiếp tục nêu ra những lý do rất quan trọng cần phải tạo lập các quỹ dự trữ này:

- "Lợi nhuận của một hợp tác xã cho phép tạo lập dự trữ cho sự phát triển trong tương lai của hợp tác xã".
- "Quỹ được đầu tư vào tài sản cố định của hợp tác xã".

Khi các quỹ dự trữ được đầu tư vào tài sản cố định của

hợp tác xã, nó không còn tính thanh khoản và không còn khả năng thanh toán trong các sự việc đòi hỏi nhiệm vụ của các quỹ này. Vì vậy cách làm này không hợp lý. Đây là một phần trong sự nhầm lẫn sâu sắc về vấn đề nền tảng cơ bản của việc sáng lập hợp tác xã.

Sử dụng quỹ dự trữ để tạo lập tài sản cố định là một vấn đề không rõ ràng. Nói chung, khi gặp xã viên của một hợp tác xã và hỏi họ: "Hợp tác xã thuộc về ai?", trong mọi trường hợp, câu trả lời sẽ là "Thuộc về chúng tôi, các xã viên". Sau đó hỏi họ: "Phần của các xã viên trong tổng tài sản?", câu trả lời trong mọi trường hợp sẽ là: "Chia đều cho tất cả chúng tôi", và sau đó hỏi họ: "Bạn có chức danh sở hữu nào trong hợp tác xã?", không có câu trả lời, bởi vì xã viên không phải là chủ của hợp tác xã. Trên thực tế, tài sản cố định của hợp tác xã không thuộc về bất cứ ai.

Khi tài sản cố định của hợp tác xã được tạo lập bên ngoài khoản tiền đóng góp trong các quỹ dự trữ của hợp tác xã, đây là một sự tạo lập bên ngoài các quỹ đóng góp từ các xã viên, bằng phương thức thanh toán dựa trên nền tảng không bình đẳng. Tài sản của hợp tác xã thuộc về tất cả các xã viên như nhau, dù trên cơ sở cá nhân hay tập thể, nhưng vẫn được tài trợ bởi các xã viên nghèo, người phải trả nhiều hơn cho người giàu. Đây là một việc làm bất công.

Tài sản cố định của hợp tác xã có thể tạo lập thông qua sự đóng góp đồng đều của tất cả các thành viên, và không bao giờ lấy từ thặng dư hay quỹ dự trữ, cả hai đều được trích lập từ lợi nhuận.

Kết thúc năm tài chính mà không có giá trị thặng dư là một thực tế phổ biến trong suốt 80 năm tại Kibbutz và Moshav ở Ixraen.

Quỹ dự trữ nếu có dựa vào luật pháp, phải được hỗ trợ và thuộc về tất cả các xã viên một cách bình đẳng.

Xã viên rõ ràng thiết lập một hợp tác xã xây dựng phục vụ mục đích của họ, khi việc hạch toán tài chính của họ cho thấy rằng chi phí mua các tòa nhà thấp hơn chi phí họ bỏ ra để thuê tòa nhà đó. Nhưng, nếu họ quyết định mua ngôi nhà này, tất cả xã viên với cơ sở ngang bằng nhau, đều có thể trả cho nó. Đây là quan điểm của tôi. Điều này ngược với quan điểm của rất nhiều nhà lãnh đạo hợp tác xã trên thế giới. Có rất nhiều người không đáp lại.

5. Dịch vụ tốt hơn cho các thành viên

Một lý do khác của việc trích lập quỹ dự trữ được đưa ra:

- "Mục đích của nó là mang lại sự hỗ trợ tốt hơn cho các xã viên".

Quan điểm này gần như trái ngược với bản chất thực sự của quỹ dự trữ. Việc trích lập quỹ dự trữ được thực hiện bằng cách lấy tiền từ túi của các xã viên. Lượng tiền này được tích lũy dưới nhiều hình thức khác nhau trong hợp tác xã, trong đó bao gồm cả quỹ dự trữ. Lượng tiền này không thuộc về các xã viên, vì vậy điều này trái với bản chất của hợp tác xã. Bằng cách thu tiền từ các xã viên đã làm giảm một phần thu nhập thuần của xã viên, đồng thời mang đến sự phục vụ tồi đối với xã viên. Để tập trung lượng tiền này, hợp tác xã cần tăng chi phí đóng góp của xã viên, thay vì mong chờ mang lại cho họ dịch vụ tốt nhất có thể, điều này giảm chi phí tham gia của xã viên đến mức thấp nhất có thể.

Một hợp tác xã được thành lập bởi các thành viên sau khi họ nhận ra rằng nếu làm việc độc lập, họ không có khả năng đạt được cái họ mong muốn ở mức chi phí mà họ không thể tiếp cận được, hay không phù hợp với năng lực tài chính của họ. Khi nhận ra điều này, họ sẵn sàng từ bỏ một phần chủ nghĩa cá nhân để cộng tác với những người khác cũng đang tìm kiếm một dịch vụ tương tự và cũng nhận ra nếu chỉ có

một mình thì họ không thể làm được, và cùng với nhau, họ thành lập một tổ chức kinh tế, tổ chức này sẽ cho phép họ đạt được điều mong muốn với chi phí ở mức thấp nhất có thể của từng người cùng chất lượng tốt nhất cho dịch vụ.

Một hợp tác xã không hoàn trả lại cho các xã viên dịch vụ tốt nhất có thể ở mức chi phí thấp nhất có thể, bởi vì nó giữ lại tài sản của xã viên, bên ngoài sự đóng góp vào các hoạt động kinh tế của hợp tác xã, vì một vài mục đích khác nhau, cũng giống như quỹ dự trữ, bằng cách làm này đã tăng dần chi phí đóng góp của xã viên, chống lại lợi ích trong tổ chức kinh tế mà họ thành lập.

Quỹ dự trữ tất nhiên không phục vụ cho xã viên tốt hơn.

6. Nợ không thu hồi được của các thành viên

Tham khảo tại các hiệp hội hợp tác xã:

Các hiệp hội hợp tác xã sử dụng quỹ dự trữ để thanh toán những khoản nợ xấu được tính vào nợ không thu hồi được. Quỹ dự trữ chỉ được sử dụng trong những trường hợp dự trữ cho nợ xấu không đủ.

Vì vậy theo đề xuất này, có thể đặt ra câu hỏi: "Nếu quỹ dự trữ đã được đầu tư vào tài sản cố định của hợp tác xã, làm thế nào họ có thể sử dụng nó để bù đắp nợ không thu hồi được của các xã viên?".

Thậm chí nếu vẫn giữ tiền trong các quỹ này, chúng ta tạo ra sự không công bằng giữa các xã viên. Tại sao một xã viên trong hợp tác xã, người đóng góp nhiều hơn, người phải trả nhiều hơn trong tổng chi phí hoạt động của hợp tác xã lại phải trả cho khoản lỗ từ nợ xấu của xã viên khác? Liệu khoản nợ này có được chia đều cho tất cả các xã viên hay không?

Chúng tôi có được số liệu về thực trạng tích lũy, tập trung vốn (được gọi là "dự trữ" trong các báo cáo thống kê) được đề cập bởi một viên chức WOCCU (Hiệp hội tín dụng quốc tế): "Vào cuối năm 2002, lên tới 7,4 tỷ đôla! Tôi chắc chắn

rằng với việc bổ sung thêm vốn tập trung của các tổ chức tín dụng quốc tế trên toàn thế giới, con số này sẽ tăng thêm một cách chóng mặt, khó tưởng tượng".

Thực trạng nói đến ở trên là một cảnh báo nghiêm trọng. Chúng ta được biết rằng có trên 7 tỷ đôla được tập trung, trên những cơ sở khác nhau, từ túi của các thành viên. Trong nhiều trường hợp, lượng tiền này, giống như quỹ dự trữ ở một vài cấu trúc, được giới hạn chỉ sử dụng trong những trường hợp khẩn cấp và do đó, trong phần lớn hợp tác xã trên thế giới đang dần mất đi giá trị thực của nó trên một vài cơ sở, hoặc sử dụng vào các chức năng hiện tại của hợp tác xã và thông thường không thể sử dụng như quỹ dự trữ, do đó tạo ra sự bất công bằng giữa các xã viên, giống như một hoạt động không cần thiết.

7. Vượt qua những tác động của vấn đề

Thêm một quan điểm nữa về quỹ dự trữ: Hợp tác xã giống như một tổ chức kinh doanh, cần có khả năng vượt qua ảnh hưởng của các vấn đề. Quỹ dự trữ là một cách để tạo ra khả năng này. Hợp tác xã hình thành vốn (vốn cổ phần) và thu nhập để lại.

Vì mục đích tương tự, các hợp tác xã mà tuân theo thông lệ hoàn trả "lãi suất cổ phần" (ngay cả khi có thể nhận biết qua quỹ dự trữ hay hình thức khác) sẽ không tạo lập được khả năng vượt qua khó khăn.

Quan niệm này còn cho rằng: "Tôi không phản đối, cũng không ủng hộ quỹ dự trữ, bởi vì tôi nghĩ rằng thông thường sẽ sai lầm khi cố gắng thiết lập một đường dẫn trực tiếp giữa các tài sản riêng biệt (kể cả tài sản cố định đã được phân loại hay không) với bất kỳ nguồn tài sản riêng biệt của hợp tác xã".

Một trong những điểm nhấn mạnh ở đây là thực tế các hợp tác xã hoạt động giống các tổ chức kinh doanh khác.

Chẳng hạn, họ có thể có quỹ dự trữ để đối phó với các vấn đề sau cùng và tác động của chúng. Tôi không nghĩ rằng quỹ dự trữ, giống như họ đang thực hiện trong hệ thống hợp tác xã trên thế giới hiện nay, có thể giúp hợp tác xã đối mặt với các vấn đề, vì lý do được giải thích trước đây. Nhưng nếu chúng ta muốn đối mặt với những vấn đề này, tại sao lại lấy từ thặng dư, hay tại sao lấy từ tài khoản hoạt động hiện tại của hợp tác xã. Nếu vấn đề xuất phát từ lỗi trong hoạt động hiện tại của hợp tác xã, các xã viên có thể xử lý trực tiếp, trong cùng năm tài chính, tùy theo sự tham gia của họ trong hoạt động kinh tế của hợp tác xã trong suốt năm đó.

Nếu các trở ngại xảy đến với tài sản cố định của hợp tác xã, chúng có thể được bù đắp bởi tất cả các xã viên một cách ngang bằng nhau, bởi vì những tài sản cố định được chia đều cho các xã viên, ngay khi thuộc sở hữu chung hay trên nền tảng sở hữu cá nhân.

8. Nguồn để mở rộng hợp tác xã

Ý kiến bổ sung cho vấn đề quỹ dự trữ - quỹ dự trữ là nguồn để mở rộng hợp tác xã:

"Nếu các hợp tác xã tài chính cố gắng trở thành các nhà cung cấp dịch vụ tài chính chuyên nghiệp, cạnh tranh với các ngân hàng, thì tôi băn khoăn không biết nó làm thế nào để tài trợ cho việc tăng khả năng, phát triển dịch vụ và sản phẩm, để tăng dịch vụ của nó vượt xa hơn nữa (nhiều tòa nhà hơn, nhiều ô tô, nhiều nhân viên hơn)?"

Điểm quan trọng phải chú ý ở đây là ý nghĩa của việc tăng năng lực để hợp tác xã có khả năng hoàn lại và tăng thêm lợi ích dưới nhiều hình thức và cách tận dụng khác nhau cho các xã viên. Các hiệp hội hợp tác xã lấy lại được nguồn tài chính của nó từ các tài khoản tiền gửi dài hạn của xã viên, đó được coi như là một phần của vốn cổ phần, hay vay từ bên ngoài. Trong cả hai trường hợp này, tài khoản

được hoàn trả nguyên vẹn bởi những người hưởng lợi từ nó. Vì vậy, không có một mối liên kết nào giữa việc tăng các hoạt động tài chính với việc có các quỹ dự trữ. Nếu ý nghĩa là sự tạo lập quỹ dự trữ sẽ cho phép hợp tác xã tăng khả năng phân bổ tín dụng, chúng tôi chỉ ra hai vấn đề dưới đây:

- Các quỹ dự trữ này đã được trích lập với sự tham gia không đồng đều của các xã viên trong các hoạt động kinh tế trước đây của hợp tác xã, gây ảnh hưởng tới lợi ích mà không có sự đền bù cho các xã viên đã đóng góp tài sản.

- Lượng tiền tín dụng có thể được hoàn trả cùng với tiền lãi. Lượng tiền này không thuộc về các xã viên mà thuộc về một quỹ không phân chia, quỹ này không thuộc về các xã viên. Quỹ này tăng dần lên nhờ các hoạt động hằng năm và tạo lập ra khối lượng vốn trong hợp tác xã, một lượng khổng lồ, mà không thuộc về bất cứ ai. Khối lượng vốn này thúc đẩy hợp tác xã tìm nguồn đầu tư an toàn và thu hút nhiều sự đầu tư vào nhà xưởng và các tài sản cố định khác, không thuộc về các xã viên. Kết quả là tạo ra khoảng cách giữa một bên là các xã viên với một bên là hợp tác xã của họ.

Một hợp tác xã, không giống như các tổ chức kinh tế khác, không thành lập vì mục tiêu phát sinh lợi nhuận, mà phải nhằm mang lại cho các xã viên của nó các dịch vụ tốt nhất có thể được. Hay nói cách khác, hợp tác xã thực sự phải cố gắng hết sức để tối đa hóa lợi ích cho các xã viên.

Nếu tăng trưởng và chất lượng được cải thiện, năng lực được tài trợ bằng lợi nhuận, điều này có nghĩa như "động lực thúc đẩy" có thể tạo ra thành công nối tiếp thành công, sự đổi mới và nhịp độ tăng trưởng đều đặn cho hợp tác xã, dựa trên chất lượng và nhược điểm của chính nó.

Lợi nhuận không phải một từ xấu, nó chỉ có nghĩa là mọi hoạt động kinh tế của các cá nhân hay tổ chức đều nhằm mục đích có thu nhập đủ bù đắp chi phí, đó là mong muốn của các ông chủ đối với hoạt động kinh tế của mình, kể cả tăng cường

dự trữ cho những thời điểm xấu trong tương lai. Nói ngắn gọn, lợi nhuận cho phép họ phát triển và mở rộng tầm nhìn mà họ có được từ các hoạt động, cho tổ chức của họ.

Lợi nhuận là quan trọng, không còn nghi ngờ gì về điều này. Điều quan trọng, với chúng ta, là lợi nhuận lấy được từ đâu và hướng vào đâu, hợp tác xã giống như một tổ chức kinh tế cũng được các xã viên thành lập để mang lại cho họ các dịch vụ tốt nhất có thể, ở mức chi phí thấp nhất có thể. Nói cách khác, hợp tác xã bù đắp chính xác chi phí hoạt động của nó, vì vậy có khả năng chuyển nhượng bất kỳ khoản thặng dư nào vào túi các xã viên. Và tốt hơn nữa là chuyển nhượng thêm, tùy theo sự tham gia của các xã viên. Đây là lý do vì sao hợp tác xã tồn tại.

9. Quỹ dự trữ là điều kiện để tồn tại

Một quan điểm nữa về vấn đề này được đưa ra trong một tranh luận khác về quỹ dự trữ và phản đối quan niệm lợi nhuận trong hợp tác xã:

"Lý do của một hợp tác xã trước tiên được dựa vào cung cấp một dịch vụ (hoặc nhiều dịch vụ) cho các xã viên, chứ không phải vì lợi nhuận. Mặt khác, nếu nó thường xuyên mang lại một chút thặng dư tối thiểu hằng năm thì sẽ cho phép nó phát triển hoặc trích lập quỹ dự trữ để bù đắp các khoản nợ xấu hoặc tăng cổ phần hay tài khoản, ngược lại, nó sẽ phá sản và không còn khả năng cung cấp các dịch vụ như mục đích ban đầu nữa".

Quan điểm này đang tiến tới một ý nghĩa rất quan trọng của hợp tác xã, đó là lý do tại sao hợp tác xã được thành lập và vì mục đích gì. Nó nhắc lại một cách kiên định thực tế rằng hợp tác xã nhằm mang lại cho xã viên các dịch vụ chứ không phải tạo ra lợi nhuận. Quan điểm trên không đi theo lôgic này mà quay lại với ý tưởng rằng hợp tác xã có thể giữ lại một chút từ những gì các xã viên kiếm được, vì mục đích

đề cập ở trên và trong đoạn này, lý lẽ của họ không được rõ ràng.

Thực tiễn nhấn mạnh rằng quỹ dự trữ được tạo lập để đối mặt với các khoản nợ xấu hoặc để tăng vốn, điều này không rõ ràng trong trường hợp của hợp tác xã tiêu dùng, hay khi dùng để đối phó với các khoản nợ. Ở trên chúng ta đã bàn về các khoản nợ xấu và biết rằng các khoản nợ xấu này có thể được bù đắp, hoặc bởi các thành viên tùy theo sự tham gia của họ trong năm đó, hoặc chia đều cho tất cả các xã viên, trong cùng năm tài chính đó. Từ đó kết luận rằng nếu không có quỹ dự trữ, hợp tác xã có thể không tồn tại được nữa. Tôi đang cố gắng chỉ ra trong bài viết này rằng đây không phải là thực trạng khi đề cập hợp tác xã.

II. VẤN ĐỀ QUYỀN SỞ HỮU

Hợp tác xã thuộc về ai?

Cách tiếp cận hiện tại về quyền sở hữu trong hợp tác xã quy định rất rõ ràng là¹: hợp tác xã cấu thành một thực thể tách biệt với các xã viên của nó, vì vậy, tài sản của hợp tác xã thuộc sở hữu chung của các xã viên chứ không thuộc sở hữu cá nhân. Thực tế, xã viên không sở hữu tài sản của chính hợp tác xã mà họ thành lập.

Một trong những lý do mà các hợp tác xã ở khắp nơi không phân phối tài sản còn lại sau khi giải thể được giải thích là: "Lý do cơ bản dường như rất đơn giản, đó là để bảo đảm quyền thừa kế tài sản cho các thế hệ sau". Nó còn giải thích một vài điểm liên quan đến quyền sở hữu trong hợp tác xã.

Hợp tác xã thuộc về toàn thể xã viên vì một mục đích rõ ràng là đáp ứng các nhu cầu chung của họ. Hiệp hội hợp tác

1. Nguyên tắc thứ ba của ICA Idem.

xã quản lý một cách dân chủ hợp tác xã, sở hữu doanh nghiệp hợp tác xã chứ không phải cá nhân.

Nó đưa ra kết luận cơ bản: "Hợp tác xã thuộc sở hữu của một nhóm những người sử dụng".

Có một cách tiếp cận khác về quyền sở hữu trong hợp tác xã¹, đề xuất các xã viên sở hữu hợp tác xã theo hai cách riêng lẻ và hoàn toàn. Phương pháp này dựa trên giả thiết là có những xã viên tài trợ cho tài sản cố định trong hợp tác xã, họ là người sở hữu hợp tác xã.

Thực tế hoạt động của các hợp tác xã, trong phần lớn trường hợp, là để hỗ trợ việc thành lập hợp tác xã do sự tham gia không đồng đều giữa các xã viên vào các hoạt động kinh tế của hợp tác xã. Thực tế này tạo lập tài sản cố định, hỗ trợ cho các cá nhân trên cơ sở không bằng nhau và không thuộc về các xã viên riêng lẻ mà dựa trên một nền tảng sở hữu chung. Thực tế hiện tại là khi rời khỏi hợp tác xã, các xã viên không nhận gì từ tài sản cố định. Thực tế có những trường hợp hợp tác xã bị giải thể, nhưng giá trị còn lại của tài sản cố định cũng không được trả lại cho các xã viên mà được chuyển nhượng cho các mục đích khác theo quy định trong các luật hợp tác xã khác nhau.

Quan điểm hợp tác xã không thuộc về các xã viên dẫn đến nhiều vấn đề với các hợp tác xã trên thế giới. Đây chính là nguyên nhân của Nghị quyết mới của Mascosle².

1. Galor - một vài bài viết khác nhau:

a) <http://www.alternative-finance.org.uk/cgi-bin/summary.pl?id=302&view=html&language=E&sourceLang=E>;

b) http://www.coopnetupdate.org/modules.php?op=modload&name=PN_Isis_Eng&file=index&action=query&^t3003=000118&^t1051=cupdate&^t3004=noreverse&^t3005=search&^t3008=check;

c) <http://www.ruralfinance.org/id/7986>.

2. Nghị quyết của Mascosle, *Sđd*.

1. Ý nghĩa của quyền sở hữu

Cần lưu ý rằng tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau về quyền sở hữu. Một trong những cách đặt vấn đề này nói rằng: "Trong loại hình hợp tác xã tồn tại một giới hạn tất yếu quy định những điều bạn được làm đối với quyền sở hữu của bạn, không có nghĩa là bạn không phải người sở hữu lâu dài". Quyền sở hữu (bởi ít nhất là một người) được định nghĩa là bạn có được quyền với lượng giá trị thặng dư và có quyền đưa ra quyết định... Điều hạn chế quyền của người sở hữu đối với tài sản cố định trong hợp tác xã không phải là họ không được mang tài sản cố định đó về nhà, mà ở chỗ họ chỉ được chia phần lãi hiện tại do họ kiếm được. Tất nhiên là trừ khi có một sự thanh toán của một tổ chức từ thiện hay một tổ chức công cộng, trong trường hợp này chúng ta tự tìm ra một tình huống sẽ được mô tả sau.

Khái niệm đưa ra ở trên về quyền sở hữu trong hợp tác xã là phù hợp trong rất nhiều các định nghĩa khác nhau. Ngoài ra, còn một vài khái niệm phổ biến về quyền sở hữu khác:

Theo *Webster's Revised Unabridged Dictionary* (1913), quyền sở hữu: trạng thái trở thành một người chủ sở hữu, có quyền sở hữu, chiếm hữu, đòi yêu sách hợp pháp.

Theo *WordNet # 2.0*, quyền sở hữu: (1) Là mối quan hệ giữa một người sở hữu với vật bị chiếm hữu; sự chiếm hữu với quyền được chuyển nhượng cho người khác; (2) Hành động kiểm soát tài sản; (3) Trạng thái, hoặc thực tế là người chiếm giữ.

Tôi nghi ngờ vị trí của các xã viên đối với quyền sở hữu; trong nguyên tắc hợp tác xã của ICA vấn đề này tương ứng hai ví dụ khác nhau về quyền sở hữu được đưa ra trong hai từ điển trên.

2. Tài sản thừa kế cho thế hệ tương lai

Cách tiếp cận hướng về quyền sở hữu chung có thể được

mô tả trong Hợp tác xã Desjardins tại Quebec, Canada và được đưa ra ở đây như một ví dụ. Hợp tác xã này đã tồn tại hàng trăm năm và đạt được một số thành tựu đáng kể.

Cách tiếp cận của Desjardins mô tả và kết nối lý do tại sao quyền sở hữu nên giữ nguyên nền tảng chung trong hợp tác xã, với thực tế rằng hợp tác xã là một thực thể tách biệt với các xã viên độc lập, do đó những tài sản được tạo lập bởi các thể hệ trước đó không thể thuộc về các xã viên hiện tại, và nó còn nói thêm rằng: "Tôi là một chủ sở hữu với giả thuyết là giới hạn của các thể hệ nhà làm luật và lãnh đạo hợp tác xã đã nhận thấy việc cần thiết phải bảo vệ sự tồn tại lâu dài cho tổ chức hợp tác xã". Vì vậy theo quan điểm này, thể hệ hiện tại không có quyền hưởng lợi từ các tài sản này.

Điều này giải thích rằng "khi tôi tham gia Desjardins với 5 đôla, tôi sẽ trở thành một xã viên, một chủ nhân chính thức theo quy chế và luật của Quebec, với giới hạn là mục tiêu của luận điểm này. Tất cả những quyền mà tôi có được là với tư cách một người chủ hợp pháp. Tất cả đứng yên vì tôi không có ý định mang các cao ốc về nhà, bởi vì tôi biết rằng nó vì lợi ích dài hạn của tôi. Thật không may mắn, nó ngăn cản tôi với bản chất ích kỷ, luôn muốn đóng cửa nhà máy và trở về nhà với sự giàu sang (một mẫu nhỏ của tôi trong tòa nhà, tôi đoán tôi có thể mang một cánh cửa hay đại loại như thế) được tạo lập từ 10-15 thế hệ làm việc chăm chỉ trước đó. Họ không phải cô chú, bố mẹ, càng không phải ông bà của tôi (và do đó tôi không có quyền với nó). Họ là các thành viên khác, của một cộng đồng mà sự thịnh vượng có được nhờ nỗ lực của họ và giới hạn hiểu biết về quyền sở hữu cá nhân được chấp nhận theo truyền thống pháp lý của phong trào hợp tác xã".

Có một vài quan điểm được nhấn mạnh dưới đây:

- Chi phí cho quyền trở thành xã viên (được gọi là vốn cổ phần) trong hầu hết các hợp tác xã rất thấp. Họ giữ nguyên giá trị đó trong suốt cuộc đời xã viên của họ.

- Phần vốn góp này mang lại cho xã viên quyền quản lý hợp tác xã, đặc biệt là cơ chế dân chủ của hợp tác xã.

- Xã viên chỉ sở hữu hợp tác xã trên nền tảng chung, vì vậy nếu anh ta rời khỏi hợp tác xã, sẽ không còn quyền sở hữu nữa. Về mặt lý thuyết, nếu tất cả các xã viên rời khỏi hợp tác xã trong một ngày, mỗi người sẽ nhận lại 5 đôla như đã nói ở trên, nó đại diện cho một phần nhỏ trong tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, và những cái còn lại sẽ không thuộc về ai trong hợp tác xã đó, mà thuộc về xã viên của các hợp tác xã khác theo luật hợp tác xã của rất nhiều quốc gia quy định. Tại sao xã viên của hợp tác xã lại được ưu tiên hưởng lợi ích từ tài sản của xã viên một hợp tác xã là một câu hỏi cần phải được làm rõ hơn nữa.

- Một quan điểm chính được đưa ra bởi những người theo đuổi nguyên tắc hợp tác xã của ICA: tại sao không xã viên độc lập nào lớn tiếng đòi được hưởng lợi từ phần liên quan của họ với tài sản cố định trong hợp tác xã nói trên - nó có thể là một cánh cửa hoặc hơn thế, đó là những tài sản đã được tạo lập bởi các thế hệ trước? Đây là trường hợp của Hợp tác xã Desjardins và các hợp tác xã lớn khác ở phương Tây. Tuy nhiên, trên thế giới ngày nay có rất nhiều hợp tác xã mà chỉ tồn tại một thế hệ duy nhất, vì vậy rõ ràng là tài sản cố định được tạo lập nhờ sự đóng góp của các xã viên hiện tại. Như vậy, tại sao xã viên phải trả cả cuộc đời mình để tạo lập tài sản cố định mà nó không mang lại lợi ích cho người thừa kế của họ, trái lại, nó mang đến lợi ích cho một người hoàn toàn xa lạ? Nếu xem xét các tài liệu về hợp tác xã, chúng ta có thể chú ý đến các hợp tác xã lớn ở phương Tây¹, sau một vài thế hệ, đã chấm dứt sự tồn tại và lý do chính là, trên thực tế

1. Zvi Galor: "Xã viên sở hữu hợp tác xã: hai trường hợp ở Ixraen":

<http://www.coopnetupdate.org/modules.php?op=modload&name=News&file=article&sid=75>.

chúng không thuộc về ai, thực sự không thuộc về các xã viên của chúng.

Quan điểm ở trên được hoàn thiện bởi châm ngôn: "Khi nó đứng yên, tôi vẫn nghĩ rằng tôi là người đồng sở hữu với một vài giới hạn hợp lý trong quyền của tôi để bảo đảm sự tồn tại lâu dài của hợp tác xã".

Một quan điểm nữa về vấn đề này được đưa ra: "Ở hầu hết các quốc gia, xã viên có quyền sở hữu một phần trong tổng vốn của hợp tác xã và các đơn vị không phân chia".

Theo hiểu biết của tôi thì trong trường hợp này xã viên là người chủ của không gì cả.

Giả sử một xã viên rời hợp tác xã, anh/cô ấy không lấy gì trong tài sản của hợp tác xã. Giả sử 40% xã viên rời khỏi hợp tác xã, họ không lấy bất cứ thứ gì trong tài sản của hợp tác xã, mà để lại cho các xã viên khác; nói chung, tài sản của hợp tác xã không bao giờ được trả lại. Tôi nhận thấy điều này hết sức bất công. Tôi nhận thấy nó gần như là lý do chính giải thích tại sao các hợp tác xã hoạt động lâu năm đang mất dần khả năng, lòng trung thành của các xã viên, động cơ cho các xã viên và nhiều khó khăn khác.

3. Thành viên không có liên quan tới tài sản

Một quan điểm khác được đưa lại cho chúng tôi. Nó nói rằng không cần thiết phải kết nối các xã viên với quyền sở hữu, bởi vì "Tôi tin rằng khả năng sử dụng và nguồn dự trữ không thể kết nối trực tiếp với nhau được, ngay cả trong trường hợp của các hợp tác xã".

Hợp tác xã được tài trợ hoàn toàn bởi sự đóng góp của các xã viên (thậm chí khi hợp tác xã được tài trợ bằng vốn vay, vẫn có các xã viên phải chịu trách nhiệm hoàn trả khoản nợ đó và thực hiện trách nhiệm này thông qua việc tham gia các hoạt động kinh tế của hợp tác xã).

Xã viên, theo cách tiếp cận của tôi, tài trợ trực tiếp cho tài

sản cố định trong hợp tác xã và chia đều cho tất cả các xã viên. Anh/cô ấy có một phần trong quyền sở hữu, đây là liên kết trực tiếp đầu tiên.

Các xã viên tài trợ hoạt động của hợp tác xã thông qua sự tham gia không đồng đều. Đây là một thực tế phổ biến trên toàn thế giới. Đó là kiểu liên kết trực tiếp thứ hai tồn tại trong hợp tác xã.

Các quan điểm trên nói thêm rằng trong rất nhiều trường hợp, "hầu hết các hợp tác xã trong ngành dịch vụ sẽ đầu tư tương đối nhỏ vào tài sản cố định và rất khó có thể chỉ ra xã viên nào đang sử dụng tài sản cố định đó". Ở hợp tác xã sản xuất, trong một vài trường hợp có thể liên kết trực tiếp việc sử dụng một tài sản với một xã viên cụ thể.

Trong phần lớn luật hợp tác xã trên thế giới, có một vài dấu hiệu quan trọng chỉ ra thực tế là các hợp tác xã không thuộc về xã viên của nó. Đề cập hợp tác xã trong trường hợp giải thể, phần lớn luật nói rằng tất cả tài sản của hợp tác xã, tài chính và tài sản cố định có thể được bán và tập hợp lại trong một quỹ. Tài sản này sẽ sử dụng để:

- Trả các khoản nợ nếu có.
- Trả cho các xã viên theo vốn góp của họ (theo giá trị danh nghĩa).
- Giá trị còn lại thuộc về các hợp tác xã khác, liên đoàn hoặc cán bộ đào tạo của hợp tác xã, hay để làm từ thiện (phụ thuộc vào quốc gia chúng ta đề cập).

Những xã viên góp vốn sở hữu cái gì? Thực tế đó là tiền ký quỹ dài hạn, bởi vì nó không đại diện cho bất cứ giá trị tài sản cố định nào trong hợp tác xã. Các xã viên nhận được phần đóng góp của họ trong trường hợp giải thể, theo giá trị danh nghĩa. Nói chung, lượng tiền này luôn được đánh giá thấp hơn mức lạm phát thường niên của quốc gia đó.

Vì vậy, giá trị của tài sản cố định không thuộc về các xã viên trong hợp tác xã bị giải thể, mà thuộc về xã viên của các

hợp tác xã khác. Theo quan điểm của tôi, điều này rất bất công. Nhưng, nó cũng chỉ ra rằng xã viên không phải là người sở hữu của hợp tác xã, hay ít nhất không sở hữu tài sản cố định trong hợp tác xã.

Nguồn tài liệu này nói rằng: "xã viên trong hợp tác xã không có quyền tự do chuyển nhượng quyền sở hữu cho người khác và đó là vấn đề thực sự, là quyền bỏ phiếu đưa ra quyết định ngang nhau của các xã viên trong hợp tác xã".

Điều này không phải diễn ra trong tất cả các trường hợp. Hợp tác xã vận tải, hợp tác xã vận tải công cộng ở Moshav, Ixraen cho phép xã viên khi rời hợp tác xã được nhận lại giá trị thực sự của phần tài sản họ góp vào hợp tác xã. Các hợp tác xã tiêu dùng ở Ixraen, theo quy định của toà án tối cao, phải chia tài sản thành các phần bằng nhau, mỗi phần cho từng xã viên¹. Xã viên có thể rút ra khỏi hợp tác xã và nhận giá trị thực của phần tài sản của họ. Trong nhiều trường hợp, hợp tác xã sử dụng phương thức thanh toán từ nguồn tiền vào, bằng tiền mặt hoặc thẻ tín dụng, lấy từ tiền tham gia của các xã viên mới.

Một quan điểm thực tế khác, tiếp tục quan điểm đã trình bày ở trên và bổ sung cho sự tranh luận khi nói rằng: "Các chính phủ trên thế giới sẽ không cho phép các xã viên được nhận lại một phần tài sản (cố định, vật chất, hay tài sản khác) chừng nào hợp tác xã vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (dù quan niệm là lợi nhuận hay thặng dư). Một hợp tác xã có thể (không nên) tích lũy và sử dụng thặng dư để xây dựng tài sản (thực hiện giá trị thuần) và sau đó thanh toán, phân phối tiền lãi được tích lũy mà không có nghĩa vụ nộp thuế".

Tuyên bố này rất quan trọng, với hai mặt:

Một là, vấn đề miễn thuế, đặc biệt với thuế thu nhập.

1. Zvi Galor: "Xã viên sở hữu hợp tác xã: hai trường hợp ở Ixraen", *Tlđđ*.

Không có lý do giải thích tại sao hợp tác xã hay xã viên lại được miễn thuế thu nhập. Vấn đề phát sinh khi các hợp tác xã, theo phương pháp tiếp cận thông thường các chức năng của hợp tác xã, đã tạo ra quá nhiều giá trị thặng dư (lợi nhuận) như kết quả thuần của các hoạt động tài chính thường niên và khi đối phó với những kết quả tài chính đang cố gắng để được miễn thuế.

Vai trò của hợp tác xã là phục vụ xã viên một cách tốt nhất có thể, với mức chi phí thấp nhất có thể. Khi kết thúc năm tài chính mà hợp tác xã không có giá trị thặng dư, bằng cách phục vụ các xã viên một cách tốt nhất, xã viên không cần trả bất kỳ chi phí thuế nào. Nói cách khác, giống như các công dân khác trong các nước nói trên các xã viên phải trả thuế thu nhập cá nhân, theo tỷ lệ thuế quy định.

Hai là, các hợp tác xã có thể sử dụng giá trị thặng dư để đầu tư tài sản cố định hoặc các công cụ tài chính; trong trường hợp cần thanh lý, các hợp tác xã chấp nhận các quỹ tài chính này và giá trị của tài sản cố định có thể trả lại cho xã viên với điều kiện là phải trả thuế thu nhập cá nhân. Tôi hoàn toàn tán thành quan điểm này, nó không tuân theo phương pháp thông dụng của ICA.

Thay cho lời tóm tắt

Vấn đề quyền sở hữu trong hợp tác xã nên thuộc sở hữu tập thể hay sở hữu cá nhân của từng xã viên không phải là vấn đề quan tâm của phần lớn hợp tác xã trên thế giới. Nhiều quan điểm khác nhau đã được đưa ra ở trên để giải thích lý do tại sao các hợp tác xã lại thuộc sở hữu chung của xã viên.

Thật ngạc nhiên, một phương pháp tiếp cận vấn đề quyền sở hữu trong hợp tác xã nhận được sự biểu dương của Luật hợp tác xã mới của Canada¹, ở đó nói rằng:

1. Theo Luật hợp tác xã Canada:

"Theo tôi, luật của Canada tuyên bố rõ ràng rằng: xã viên là chủ, có quyền phân phối tài sản trong trường hợp hợp tác xã bị giải thể (nếu còn tài sản) và có quyền được chia cổ tức. Đúng, trong một vài hợp tác xã ở Canada cho phép những người không phải xã viên sử dụng hợp tác xã - nhưng họ không phải là người chủ và không được trao bất kỳ quyền nào".

Quan điểm này rất thú vị, bởi vì nó chống lại các quan điểm thịnh hành về quyền sở hữu tại hợp tác xã ở Canada.

Nó giống như Luật hợp tác xã của Canada, có yếu tố mới khác với luật của rất nhiều nước khác.

Tải xuống và cố gắng tìm hiểu thêm về vấn đề này, phiên bản mới nhất vào tháng 4-2003 về Luật hợp tác xã Canada, để tìm ra nhân tố mới. Xin đưa ra một vài trích dẫn của luật này, vì nó đặt ra một số vấn đề.

Quyền biểu quyết của xã viên:

"Điều 16: Những thay đổi nguyên tắc cơ bản

Định nghĩa "Cổ phần phổ thông"

284. Theo mục đích của điều này, "Cổ phần phổ thông" nghĩa là một phần vốn góp, mang lại quyền cho người nắm giữ trên các khía cạnh sau, bao gồm các quyền bình đẳng:

- (a) Nhận lợi tức theo tỷ lệ vốn góp, và
- (b) Nhận tài sản còn lại trong trường hợp giải thể hợp tác xã".

Cũng có một mục nói về việc thanh lý:

(7) Ngay sau khi có xác nhận về việc giải thể, hợp tác xã không được trì hoãn, phải:

- (a) Gửi thông báo cho các chủ nợ của hợp tác xã;
- (b) Bắt đầu tập trung tài sản, bố trí các tài sản không trả bằng tiền mặt cho các xã viên hoặc cổ đông của hợp tác xã, thanh toán hết nợ và thực hiện mọi hoạt động cần thiết để thanh lý doanh nghiệp; và
- (c) Sau khi đưa ra các thông báo ở điểm (a) và cung cấp các phương thức thanh toán thoả đáng cho các khoản nợ, theo Điều 20 và 2, phân phối tài sản còn lại cho các xã viên và cổ đông (nếu có) theo quyền lợi tương ứng của họ

(<http://csf.colorado.edu/archive/2003/coop-bus/msg00299.html>).

228. Mỗi cổ phần đầu tư mang lại quyền biểu quyết dựa theo quy định ở Điều 286 hay 287, xã viên đó có quyền biểu quyết hay không.

Nếu tôi hiểu chính xác thì Điều 228 này chỉ ra rằng ở Canada, một xã viên có thể có cổ phần đầu tư, điều đó mang lại cho họ quyền trở thành người chủ một phần trong hợp tác xã, trong khi những xã viên khác có thể không có cổ phần đầu tư.

Một quan điểm khác là một ý tưởng cũ: mỗi xã viên = một phiếu biểu quyết, được bổ sung là: mỗi cổ phần = một phiếu.

Điều này có đúng không khi một xã viên có nhiều hơn một quyền biểu quyết trong bất kỳ hợp tác xã dân chủ nào ở Canada?

Tiếp tục theo Luật hợp tác xã của Canada:

Giải thể:

Định nghĩa về "người liên quan"

(8) Trong điều này, "người liên quan" bao gồm:

(a) Xã viên, người nắm giữ cổ phần, giám đốc, viên chức, người lao động và chủ nợ của hợp tác xã bị giải thể.

Khoản này nói với chúng ta rằng tồn tại trong hợp tác xã cả xã viên và các cổ đông. Thế họ có phải là một hay không (?).

Cổ phần của xã viên:

117. Một hợp tác xã có cổ phần của xã viên phải có một nhóm cổ phần được chọn ra theo điều này.

Quyền ngang nhau:

(2) Theo khoản 20 và 21, cổ phần hội viên sẽ mang lại cho xã viên nắm giữ các quyền ngang nhau, bao gồm quyền được: (a) nhận lợi tức cổ phần cho phần vốn góp; và (b) nhận giá trị tài sản còn lại của hợp tác xã trong trường hợp bị giải thể.

(3) Những điều khoản này không bao gồm bất kỳ sự ưu

tiền, quyền, điều kiện, giới hạn, hạn chế hay ngăn cấm nào với phần vốn góp của hội viên, ngoại trừ những quy định trong luật này.

Phân phối khi giải thể:

112. Theo khoản 20 và 21, trong trường hợp giải thể hợp tác xã, sau khi thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ pháp lý khác - bao gồm cả lợi nhuận chưa thanh toán, phần phải trả cho người nắm giữ cổ phần đầu tư và trả hết nợ cho thành viên góp vốn - giá trị của tài sản còn lại của hợp tác xã sẽ được phân phối cho mọi người, bao gồm phân phối: (a) giữa các hội viên tại thời điểm giải thể, cho bất kỳ hạng nào, vẫn chia đều cho các thành viên không kể đến quy mô vốn góp, hay cổ phần họ nắm giữ; (b) giữa các xã viên tại thời điểm giải thể trên cơ sở tích lũy của các thành viên đó trong thời kỳ trước khi giải thể; hoặc (c) các tổ chức từ thiện hoặc thực thể hợp tác xã.

Khoản này nói rằng Luật hợp tác xã trong trường hợp này không cân nhắc tài sản tích lũy của các thể hệ trước, hay sự đóng góp cho cộng đồng, ít nhất như một sự lựa chọn. Nó cho tôi thấy rằng luật hiện hành trong phần lớn các trường hợp xã viên với tư cách người chủ độc lập của hợp tác xã và không phải trên nền tảng không phân chia, giống như đòi hỏi của Nguyên tắc hợp tác xã thứ ba của ICA.

Một cổ phần, một phiếu:

(5) Nếu cổ đông được trao quyền biểu quyết phù hợp với khoản đóng góp.

(3) Hoặc phù hợp với luật này, mỗi cổ phần đầu tư mang lại cho người nắm giữ một phiếu. Xã viên có thể thực hiện quyền này khi là người nắm giữ cổ phần đầu tư.

(6) Bất chấp Điều 37, một xã viên nắm giữ cổ phần đầu tư có thể thực hiện bất cứ quyền biểu quyết nào mà người nắm giữ cổ phần đầu tư có.

Hai tình trạng chính hiện diện ở các hợp tác xã tại Canada

hiện nay là:

a. Các hợp tác xã mà xã viên sở hữu trên nền tảng sở hữu tập thể;

b. Các hợp tác xã mà quyền sở hữu được chia thành hai bộ phận:

- Xã viên trên nền tảng sở hữu tập thể, và

- Quyền sở hữu của các nhà đầu tư, thậm chí có thể chỉ là một bộ phận nhỏ.

Vì vậy, hợp tác xã thuộc về cả các nhà đầu tư, phần lớn thành viên mới, không có quyền với tài sản của thể hệ trước, những người thiết lập nên tài sản của hợp tác xã, và là người "tạm thời" gửi tiền vào tay của những xã viên hiện thời. Hợp tác xã thuộc về cả hai, cả trên nền tảng chung không phân chia, cả cho các thành viên thông thường.

Điểm mấu chốt trong tranh luận của chúng ta là tại sao các nhà đầu tư có thể trở thành người sở hữu nhiều hơn các xã viên khác, kể cả những xã viên có thâm niên trên 10 năm.

Tồn tại một sự giải thích cho những câu hỏi này¹.

"Bạn có thể không quan tâm rằng ở Canada phần lớn các hợp tác xã hoạt động theo luật hợp tác xã địa phương. Cũng có hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã Canada, nhưng chiếm tỷ lệ rất nhỏ".

Để hiểu đúng thực tế ở mỗi quốc gia, bạn phải xem xét tất cả các luật. Ở Alberta, hiện tại có ít nhất ba luật khác nhau chi phối các loại hình hợp tác xã khác nhau: Luật hợp tác xã, Luật các tổ chức tín dụng và Luật lợi ích nông thôn. Bạn sẽ nhận thấy tình trạng tương tự tại các địa phương khác.

Hiện tại, rất nhiều địa phương đang cân nhắc sửa lại luật của họ. Quebec đang làm việc để xem lại luật đã thông qua năm 1996. Để hợp tác xã vững mạnh thì luật không được trì trệ, phải thường xuyên thay đổi và hoàn thiện.

1. Thư gửi Zvi Galor, ngày 17-11-2003.

Có nhiều luật đang đi tìm phương hướng để tăng phương tiện huy động vốn cho hợp tác xã. Một số đã tăng khả năng bán cổ phần ra bên ngoài. Tất cả luật mà tôi đã biết chỉ cho phép các đối tác đầu tư không quá 25% và với các ban đại diện cũng chỉ lên tới 25%.

Luật hiện hành tại Quebec đề cập các khoản vay hay cổ phần đặc biệt không kèm quyền biểu quyết. Sự khác biệt ở đây là hợp tác xã có thể đề nghị lợi tức cho các đối tác này lên tới 25% và thặng dư cổ phần có thể đạt được ở mức tương tự. Luật mới có thể đưa ra một vài sự thay đổi.

Lý lẽ sau cùng được đưa ra là khi hợp tác xã cần vốn mà các xã viên không có khả năng gia tăng từ nguồn vốn của họ, thì đây là một giải pháp có thể chấp nhận được.

Thêm nữa, vốn là một vấn đề trong các hợp tác xã trên thế giới. Các tổ chức bảo trợ Canada đang làm việc một cách chăm chỉ nhằm tìm ra giải pháp và các tài liệu nghiên cứu chính được đưa ra để xem xét trong đầu năm nay.

Liệu có thể tìm giải pháp cho vấn đề vốn trong khi gạt bỏ quyền sở hữu cho những nhà đầu tư không phải xã viên? Câu trả lời rõ ràng là: "Không". Liên minh công nhân hợp tác xã ở Canada đã đạt được sự bình đẳng trong các lĩnh vực cùng với các mô hình doanh nghiệp khác nhờ giành được quyền cho công nhân hợp tác xã đầu tư cổ phần vào "Kế hoạch nghỉ hưu". Điều này làm tăng nhu cầu đầu tư của họ trong hợp tác xã sản xuất.

Cũng có một vấn đề đáng quan tâm là quan niệm và các loại cổ phần ở nông thôn. Bạn có cổ phần chung, cổ phần đầu tư, cổ phần tham dự, cổ phần không tham dự, cổ phần thành viên, cổ phần hợp đồng,... Một vài cổ phần cho bạn quyền sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, một số khác để đầu tư trong những điều kiện được phép và số khác nữa là quyền với các quan hệ kinh tế hợp đồng với hợp tác xã.

Những quan điểm này không cần thiết phải trả lời hay chú

thích gì thêm câu hỏi của bạn. Canada cũng như nhiều nước khác, hoạt động dưới nhiều quy định và đạo luật chồng chéo nhau, không có một luật duy nhất bao quát toàn quốc gia. Chú thích bằng một luật độc lập không thể cung cấp đầy đủ bức tranh thực tế.

Hợp tác xã thuộc về ai và theo cách thức như thế nào cũng là một trong số những vấn đề quan trọng. Một vài người đồng ý với quan điểm của bạn. Các mô hình hợp tác xã và điều kiện trong các vùng khác nhau bảo đảm sự linh hoạt cho phép các mô hình hợp tác xã đáp ứng được nhu cầu của xã viên.

Tôi có xu hướng nghiêng về quan điểm sở hữu chung hoạt động kinh doanh trong hợp tác xã hơn là quan điểm theo sở hữu cá nhân tài sản của từng xã viên. Tôi phải thừa nhận rằng với tôi, nhân tố quan trọng nhất là bảo đảm hợp tác xã đáp ứng được nhu cầu của các xã viên chứ không quan tâm nó thuộc về ai.

Thực tế tại phần lớn hợp tác xã ở nhiều nơi trên thế giới, và chắc chắn ở Canada cũng thế, là khi hợp tác xã cần bổ sung vốn, các xã viên không có khả năng tăng vốn từ nguồn họ sở hữu, hợp tác xã phải đi vay từ nhiều nguồn khác nhau. Vốn vay này phải được hoàn trả trong suốt thời gian sử dụng vốn bằng các thu nhập hiện hành của hợp tác xã (chú ý rằng thực tế các xã viên tham gia vào nghĩa vụ trả nợ này không trên nền tảng công bằng), thực tế thì những xã viên tham gia càng nhiều vào hợp tác xã, lại phải thanh toán nhiều hơn so với tài sản thuộc về tất cả các xã viên trên cơ sở chung, bình đẳng.

Khi các khoản vay đã được hợp tác xã thanh toán, tài sản còn lại thuộc về toàn thể hợp tác xã mà không thuộc về cá nhân, thậm chí mặc dù xã viên phải trả nợ trong suốt năm tham gia hợp tác xã.

Hiện nay, hợp tác xã đang tạo lập cổ phần đầu tư và một

phần tài sản này thuộc về những người mới, không phải xã viên. Những người không phải hội viên là chủ một phần tài sản trong hợp tác xã mà xã viên không sở hữu.

Hy vọng sẽ không có gì thay đổi khi hợp tác xã phải hoàn trả các khoản nợ mỗi năm một phần vốn và thanh toán lợi nhuận, phần tài sản này sẽ được ghi nợ vào tài khoản của các xã viên, vì vậy khi tài sản không còn nghĩa vụ thanh toán nợ thì nó hoàn toàn thuộc về tất cả các xã viên như nhau.

SỬA ĐỔI CÁC NGUYÊN TẮC HỢP TÁC XÃ VÀ VAI TRÒ CỦA HỢP TÁC XÃ TRONG THẾ KỶ XXI

GS. HANS-H. MUENKNER*

Tại sao cần phải sửa đổi các nguyên tắc hợp tác xã hiện nay của ICA? Có phải các nguyên tắc hợp tác xã đóng vai trò là bức tường thành bảo vệ mô hình hợp tác xã trong thế giới đang thay đổi này? Các nguyên tắc hợp tác xã phải sửa đổi vì đã hoàn thành những mục tiêu của mình? Hay hợp tác xã sẽ biến mất vì không còn đất sống trong sự biến đổi của thế giới, trừ khi chúng thích ứng được với môi trường mới? Liệu có thể thay đổi các nguyên tắc hợp tác xã mà không làm thay đổi bản chất đặc trưng của hợp tác xã? Liệu sự sửa đổi này có đồng thời làm thay đổi mô hình nổi tiếng và đã được thử thách này? Câu trả lời là: "Không".

"Hợp tác xã hiện đại" ra đời vào giữa thế kỷ XIX, trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, như là một hình thức tổ chức giúp đỡ mọi người đối mặt với sự thay đổi xã hội, kinh tế, chính trị và kỹ thuật nhanh chóng và to lớn. Thế kỷ XXI cũng là thời điểm của những thay đổi xâu đi nhanh chóng trong tất cả các lĩnh vực do các vấn đề sinh thái nghiêm trọng.

* Nguyên Viện trưởng Viện Hợp tác, Đại học Tổng hợp Marburg, Cộng hòa Liên bang Đức. Bài viết tháng 6-1995.

Bài viết này chỉ giả thuyết những ý tưởng chung dựa trên khái niệm, các nguyên tắc hợp tác xã chỉ dẫn xã viên làm những điều đúng và mô hình tổ chức cơ bản để theo đuổi những mục tiêu lý tưởng của hợp tác xã, không phụ thuộc vào thời điểm và hoàn cảnh hay liệu các nguyên tắc ứng dụng có được áp dụng hay không.

Lời kêu gọi sửa đổi các nguyên tắc hợp tác xã một phần là do sức ép về việc danh sách các nguyên tắc của ICA thiếu một số nguyên tắc quan trọng, một phần do sự nhầm lẫn giữa các giá trị, các nguyên tắc và thông lệ.

Theo đó, bài viết sẽ tiến hành theo ba bước:

- Cố gắng làm sáng tỏ những vấn đề còn tranh cãi về thể nào là hợp tác xã và những giá trị, nguyên tắc và thông lệ;
- Những thay đổi đối với môi trường hợp tác xã sẽ được phân tích;
- Đồng thời cũng sẽ bàn bạc về cách thức hợp tác xã tự điều chỉnh và phản ứng lại những thay đổi này, cố gắng tìm ra giải pháp bằng cách đưa ra các cách thức và biện pháp có thể giúp mọi người như: những thay đổi để sử dụng cách tiếp cận hợp tác xã hoặc hình thức tổ chức nhằm cải thiện điều kiện của họ, đối mặt với những vấn đề đe dọa họ, những giải pháp mà cả thị trường và nhà nước đều không đưa ra.

I. CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI CÁC NGUYÊN TẮC HỢP TÁC XÃ CẢ VỀ HÌNH THỨC VÀ THỰC TẾ

Trong nhiều thập niên, các hợp tác xã đã theo đuổi các chính sách cạnh tranh đầy đủ để có thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường, với các công ty thương mại thông qua việc mô phỏng các chính sách kinh doanh của đối thủ. Khẩu hiệu lúc đó là "phát triển hay diệt vong". Tuy nhiên, nhiều hợp tác xã lớn đã biến mất thay vì tồn tại do sự phát triển không kiểm soát, quá tải các nguồn lực và khả năng.

Một sự hiển nhiên là ở hình thức cao nhất của mình lại kém rõ ràng nhất, nếu chính sách này được áp dụng theo từng bước nhỏ một thì tất cả sẽ vận hành đúng.

Cố gắng điều chỉnh mô hình hợp tác xã và đặc biệt là Luật hợp tác xã nhằm đáp ứng nhu cầu sống còn của hợp tác xã trong thị trường cạnh tranh cao độ thường tập trung vào việc khắc phục "điểm yếu cấu trúc" của mô hình tổ chức hợp tác xã (đây cũng từng được coi là nguồn sức mạnh lý tưởng của hợp tác xã), điều này được thể hiện trong thời gian gần đây, khi mô hình hợp tác xã ngày càng gần với mô hình công ty.

Nó cũng liên quan đến việc:

- Mở đường cho vấn đề gia tăng vốn góp của xã viên, những người không phải là xã viên và cả từ thị trường vốn, làm cho phần vốn góp của hợp tác xã hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư, đặt vốn vào vị trí có quyền lực hơn trong hợp tác xã;

- Tạo cho ban quản trị quyền chủ động hơn trong việc điều hành hợp tác xã mà không cần phải tham vấn xã viên quá nhiều bằng các cuộc đại hội xã viên hoặc đại biểu xã viên;

- Tuyển dụng các chuyên gia bên ngoài (không phải là xã viên hoặc thành viên,...) phục vụ cho ban quản trị, nếu như trong hợp tác xã không có người đủ trình độ quản lý (điều này có thể có, nhưng đa số các lãnh đạo hợp tác xã đều được bầu lên do có trình độ, có thể quyết định những chính sách chung của hợp tác xã và tham khảo ý kiến của các chuyên gia để thực hiện những chính sách này, còn những người đại diện trong ban quản trị và những chuyên gia quản lý được ban quản trị thuê);

- Tạo điều kiện cho việc hợp nhất thành những hợp tác xã quy mô lớn hơn là tuyên truyền hoà nhập và tạo thành mạng lưới giữa các cơ sở quy mô nhỏ;

- Kiểm toán viên hợp tác xã tập trung vào việc kiểm toán

tài chính như các công ty hơn là tập trung vào "hình thức kiểm toán" đặc biệt của hợp tác xã hoặc là kiểm toán quản lý trong mối liên hệ với việc đạt được mục tiêu của việc khuyến khích xã viên;

- Tiến hành các hoạt động kinh doanh với những người không phải là xã viên như là một phần quan trọng và không thể thiếu được của hoạt động kinh doanh, xác định mức độ khác nhau giữa xã viên và những khách hàng bình thường khác, khuyến khích xã viên bằng lợi nhuận từ phần vốn góp, giống như công ty;

- Chấp nhận các luật thuế với những dịch vụ hoặc điều kiện ưu đãi cho hợp tác xã như là phần lợi nhuận ẩn.

Vấn đề đặt ra là liệu những sự mô phỏng theo mô hình công ty này có cần thiết và hữu ích hay là hướng đi sai lầm, biến các đặc điểm của hợp tác xã giống với mô hình công ty sẽ khiến hợp tác xã thành những công ty bình thường?

Về bản chất, hợp tác xã là tổ chức tự lực, xã viên tự xác định mục đích để cùng hoạt động, tự quyết định các quy tắc áp dụng và kiểm soát những người lãnh đạo (do bầu) một cách dân chủ.

Những đặc trưng của hợp tác xã, như là tổ chức tự chủ, xã viên tự lực, tự quản lý phục vụ cho các nhu cầu của xã viên, không được thể hiện trong danh sách các nguyên tắc hợp tác xã hiện hành của ICA. Việc thiếu vắng này có thể nhằm mục đích che giấu, đó là hợp tác xã ở các nước xã hội chủ nghĩa (trước đây) và các nước đang phát triển không thực sự được coi là một tổ chức tự chủ, mà thường chỉ là công cụ thực hiện những chương trình và kế hoạch của nhà nước nhiều hơn.

Với những thay đổi chính trị diễn ra trong vài năm gần đây ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (trước đây) và những kết quả đáng thất vọng của mô hình "nửa hợp tác xã" được điều hành bởi nhà nước ở các nước đang phát

triển, đặc tính tự chủ của hợp tác xã và nhu cầu để hợp tác xã tự chủ trong điều hành hoạt động của mình đã được nhìn nhận. Điều này tất yếu sẽ dẫn đến việc điều chỉnh lại danh sách các nguyên tắc của hợp tác xã theo khái niệm ban đầu, bằng cách thêm nguyên tắc tự quản và khuyến khích xã viên vào danh sách hiện hành.

Còn một vấn đề nữa làm đảo lộn việc hài hoà hóa các mục đích của phong trào hợp tác xã thế giới là vấn đề các mục đích được ưu tiên trong hợp tác xã. Liệu hợp tác xã có phục vụ trước hết cho xã viên - những người đóng góp tài chính, điều hành và tham gia hợp tác xã - hay hợp tác xã sẽ phục vụ cho các mục đích chung, bảo trợ xã hội (giống như trong Luật hợp tác xã Maharashtra (Ấn Độ) năm 1960 và Luật hợp tác xã Xingapo năm 1979), kinh tế, công bằng xã hội, hòa bình,... Trong trường hợp này, hợp tác xã có thể sẽ cần tìm kiếm các quỹ công cộng mà chắc chắn nhà nước sẽ kiểm soát việc sử dụng các quỹ này.

Điều này chắc chắn không phải là một vấn đề lớn, nhưng rõ ràng đây là một ưu tiên.

Kinh nghiệm chỉ ra rằng một người sẽ có khuynh hướng gia nhập hợp tác xã tự nguyện, đóng góp công sức, tài sản và chủ động tham gia vào các hoạt động của hợp tác xã nếu như người đó nhận được những kết quả hữu hình và vô hình trở lại. Mà lợi ích lớn nhất, xác thực nhất và đáng tin cậy nhất đối với xã viên là mong muốn (và hơn thế nữa là kinh nghiệm) được giải quyết tốt nhất những vấn đề của mình trong khuôn khổ chung của hợp tác xã. Xã viên có quyền quyết định lựa chọn những đặc quyền khác cho hợp tác xã của mình, nếu họ không ích kỷ, có khuynh hướng xã hội và muốn được chia sẻ với những người cần giúp đỡ khác. Nhưng đây không phải là mô hình chuẩn về cách cư xử của xã viên và có thể do đó không được coi là nguyên tắc hợp tác xã.

Do đó, bộ nguyên tắc hợp tác xã thực tế phải kể đến "điểm yếu" của con người, luôn nghĩ đến những vấn đề hiện tại của mình trước, không tách rời trách nhiệm cộng đồng, cho thế giới và các thế hệ mai sau. Một hợp tác xã mới nên thêm vào danh sách quyền ưu tiên; ví dụ: dưới tiêu đề "trách nhiệm cộng đồng" và giống như nguyên tắc cuối cùng: "hợp tác xã nhận biết trách nhiệm cộng đồng" trong khi tập trung vào nhu cầu của xã viên, tôn trọng và bảo vệ môi trường toàn cầu, phục vụ những lợi ích chung của cộng đồng thông qua các chính sách dân chủ.

Hơn thế nữa, khi định nghĩa về một hợp tác xã, mà trong đó có tính trước các nguyên tắc hợp tác xã, có thể tham khảo đặc trưng tự lực của hợp tác xã.

Cần phải có sự phân biệt rõ ràng giữa các giá trị của hợp tác xã, các nguyên tắc và thông lệ.

Những cố gắng hiện nay của ICA nhằm định nghĩa hợp tác xã bằng các ý tưởng mà khái niệm hợp tác xã dựa vào, bằng hệ thống giá trị hợp tác xã điển hình, bằng các nguyên tắc mà xã viên có thể sử dụng như những chỉ dẫn cho hoạt động hợp tác xã của mình, đã không tạo nên sự rõ ràng trong các vấn đề mà càng làm gia tăng thêm những tranh cãi.

Nhằm đạt được một khái niệm hợp tác xã rõ ràng, cần phải xác định định nghĩa hợp tác xã là gì hoặc có thể sẽ là gì. Định nghĩa được đưa ra trong Khuyến cáo 127 năm 1966 của Đại hội Liên đoàn Lao động thế giới (ILC) về vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội tại các nước đang phát triển hầu như đã đạt được sự thống nhất cơ bản.

Hợp tác xã là *"một hiệp hội của những người tự nguyện gia nhập nhằm đạt được kết quả chung thông qua việc tạo dựng một tổ chức quản lý dân chủ, góp vốn công bằng và chấp nhận chia sẻ bình đẳng các rủi ro và lợi nhuận từ các hoạt động mà mình tham gia một cách chủ động"* (đoạn 12

(1) (a)).

Khái niệm này bao hàm tất cả:

- Lý thuyết hợp tác xã điển hình (các giá trị và nguyên tắc), và
- Cơ cấu hợp tác xã điển hình.

Khi cố gắng định nghĩa những ý tưởng chung đằng sau khái niệm hợp tác xã, cần phải quan tâm đến quá khứ nhằm phát triển một viễn cảnh sáng sủa cho tương lai.

Hợp tác xã được sáng tạo như là một tổ chức có tiềm năng đổi mới lớn trong thời đại thay đổi nhanh chóng, giống như công ty được sáng tạo là một mô hình tổ chức cho phép tích lũy số lượng lớn tiền bạc để đầu tư từ những nguồn ẩn danh (do đó ở Pháp có tên là công ty ẩn danh). Có một loại hình cho phép người ta góp chung nguồn lực (bao gồm cả những thứ khác ngoài tiền), biến những tiềm năng nhỏ thành một lực lượng lớn đáng kể (cả trên thị trường lẫn trên chính trường).

Có nhiều phương thức mà các cá nhân có thể sử dụng để thực hành các ý tưởng mới, công nghệ mới, cơ hội, thể chế mà hoạt động cá thể không thể có. Hợp tác xã đưa ra sự bảo vệ trong nhóm những người có nhu cầu và mong muốn chung, làm cho nó có khả năng áp dụng những cải tiến thậm chí đi ngược lại xu hướng chung.

Hợp tác xã là mô hình tổ chức hợp tác đã được kiểm nghiệm, đưa ra một bộ các quy tắc có khả năng điều hoà các yếu tố xung đột trong hệ thống cân bằng tốt, mà trong xã hội thì thường xuyên có xung đột: tự do và phụ thuộc, truyền thống và phát triển, tự chủ cá nhân và đoàn kết nhóm, ích kỷ và trách nhiệm xã hội,...

Một vài ý tưởng chung đằng sau khái niệm hợp tác xã giống với những quyền cơ bản của con người:

- Tự do hợp hội, ví dụ: tự do làm việc cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, đúng luật, tự quyết định mục đích cho đến khi

hợp tác xã vẫn được coi là hữu dụng, có ích và không xâm phạm quyền của người khác.

- Bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, bao gồm quyền đóng góp tài sản của cá nhân vào của chung và vẫn giữ nguyên quyền sở hữu tư nhân đối với các hoạt động kinh doanh của cá nhân và hộ gia đình, chỉ sử dụng quy chế hợp tác xã cho những dịch vụ cụ thể hoặc để huy động tài sản của họ góp thành tài sản chung. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng hợp tác xã dịch vụ dễ hình thành và thực hiện hơn là tập thể (tổ hợp tác).

- Bình đẳng đối với tất cả mọi người, không phân biệt tín ngưỡng, chủng tộc, giới tính.

- Tự do giao kết, ví dụ: lập các ràng buộc pháp lý trong khuôn khổ luật chung, tạo những nghĩa vụ tự bắt buộc trên cơ sở đồng tình hoặc trong điều lệ của tổ chức. Bảo vệ những quyền này theo luật và có quyền khởi kiện lên toà án độc lập nếu những quyền này bị vi phạm.

Liệt kê trên đây chỉ ra rằng ý tưởng hợp tác chịu ảnh hưởng nhất định của Tuyên bố về quyền con người của cách mạng Pháp và Hiến pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Những người chấp nhận cách thức hợp tác trong điều hành công việc của mình, đồng tình với những ý tưởng chung về khái niệm hợp tác xã và chấp nhận những ý tưởng này như là định hướng cho cách suy nghĩ và hành động của mình sẽ phối hợp những ý tưởng lý thuyết vào hệ thống giá trị hợp tác xã của chính mình.

Các xã viên hợp tác xã tin tưởng vào sự tự chủ, hỗ trợ lẫn nhau, đoàn kết, bình đẳng, công bằng xã hội và trách nhiệm xã hội với sự thể hiện và nhấn mạnh khác nhau về ý tưởng này hoặc ý tưởng khác. Họ tổ chức các mối liên hệ với tổ chức hợp tác xã, với những xã viên trong hợp tác xã và thường xuyên làm cho cuộc sống của họ ngang bằng nhau trên cơ sở hệ thống giá trị này. Những ý tưởng cơ bản này đã

được các xã viên chuyển tải vào bộ chỉ dẫn hợp tác xã đặc biệt, mà theo đó cơ cấu hợp tác xã điển hình được thích ứng với cuộc sống. Việc kết hợp các chỉ dẫn này tạo nên một hệ thống các chỉ dẫn cá nhân có khi tái củng cố, có khi hạn chế lẫn nhau.

II. CÁC NGUYÊN TẮC HỢP TÁC XÃ - TIẾP CẬN ĐỂ SỬA ĐỔI

Khi nghiên cứu danh sách các nguyên tắc hợp tác xã của ICA, có thể nhận thấy rằng danh sách này không đầy đủ và không đúng ở một vài cấp độ.

Một vài nguyên tắc quan trọng bị thiếu, trong khi các quy tắc áp dụng thông lệ lại được đưa vào, mặc dù đó là những thông lệ thực tiễn khác nhau.

1. Bổ sung danh sách các nguyên tắc

Sự cần thiết phải bổ sung nguyên tắc tự lực, hỗ trợ lẫn nhau, khích lệ xã viên và tính tự chủ của hợp tác xã như là tổ chức tự lực tự nhân vào danh sách các nguyên tắc đã từng được bàn luận. Với sự bổ sung này, trong tương lai, những hợp tác xã do nhà nước hoặc đảng phái điều hành và các công ty lợi ích chung sẽ không còn được tính như là hợp tác xã và rõ ràng là không được điều chỉnh bởi các nguyên tắc hợp tác xã.

Cũng cần phải nghiên cứu để thêm vào danh sách chính thức của ICA một nguyên tắc: trách nhiệm cộng đồng.

Nguyên tắc này có thể giúp gia tăng sức ép đối với phong trào hợp tác xã quốc tế, nếu nguyên tắc tự lực được thêm vào trong khi nguyên tắc đoàn kết và trách nhiệm xã hội thì không. Những người ủng hộ hợp tác xã là một tổ chức hợp tác tin rằng hợp tác xã phải phục vụ lợi ích của xã viên và

không ai khác ngoài xã viên. Những người khác thì cho rằng hợp tác xã có trách nhiệm với không chỉ xã viên của mình mà còn cả với cộng đồng nơi họ làm việc và nói chung, đối với hạnh phúc của mọi người - một quan điểm được ICA thể hiện trong các nguyên tắc hợp tác xã năm 1966 với những lời lẽ rất mạnh mẽ.

Bài viết này nhấn mạnh tầm quan trọng của các vấn đề toàn cầu hóa như suy thoái môi trường, bất bình đẳng xã hội, lây lan dịch bệnh trên toàn thế giới, đe dọa không chỉ xã viên hợp tác xã mà còn cả thế giới. Những vấn đề như vậy không thể được giải quyết chỉ bởi các cá nhân hoặc nhóm dân cư địa phương và thậm chí cả nhà nước mà phải ở cấp độ toàn cầu.

Tuy nhiên, khi hợp tác xã tập trung cố gắng vào các vấn đề của cộng đồng và toàn cầu, có thể nhận thấy là thật khó để lôi kéo xã viên tự nguyện đóng góp cho mục đích chung nếu không đưa ra những phần thưởng trực tiếp cho họ. Ý tưởng của nguyên tắc trách nhiệm cộng đồng có thể cần được nhân rộng trong các hợp tác xã, bằng cách làm cho các xã viên hiểu rằng tất cả đều cùng ngồi trên một con thuyền, chỉ có thể xử trí và giải quyết các vấn đề toàn cầu một cách triệt để nếu mọi cá nhân thay đổi cách sống của họ và có ý thức về trách nhiệm cộng đồng của mình.

Đó là lý do tại sao những nguyên tắc hợp tác xã "mới" được đưa ra mà không thực sự mới bởi vì những nguyên tắc vẫn luôn được áp dụng, tuy nhiên nếu được thể hiện như dưới đây thì tầm quan trọng của nó càng được nhấn mạnh hơn:

"Hợp tác xã nhận thức được trách nhiệm cộng đồng của mình. Trong khi tập trung vào các nhu cầu của xã viên hợp tác xã, đồng thời tôn trọng và bảo vệ môi trường toàn cầu và phục vụ cho lợi ích của cộng đồng qua các chính sách được thông qua một cách dân chủ".

2. Thay đổi môi trường mà hợp tác xã phải hoạt

động

Bước sang thiên niên kỷ mới, thế giới đang phải đối mặt với những vấn đề toàn cầu mà từng nhóm người hay từng quốc gia không thể tự giải quyết một cách riêng lẻ được nữa. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các cộng đồng dân cư trên thế giới ngày càng rõ ràng hơn. Tất cả những ảnh hưởng cùng những tác động trở lại của các vấn đề như: thay đổi khí hậu, ô nhiễm nước, đất và không khí, lan truyền bệnh tật hiểm nghèo như ung thư, AIDS và nghèo đói hay bất ổn chính trị,... khiến hàng triệu người phải rời bỏ nhà cửa và di cư đến những nơi mà họ hy vọng có điều kiện sống tốt hơn.

Những thay đổi quan trọng nhất đã diễn ra và vẫn còn diễn ra trên thế giới ở các lĩnh vực chính trị, địa - dân số, xã hội, kinh tế, môi trường và công nghệ.

3. Các thay đổi chính trị

Thay đổi rõ rệt và có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lĩnh vực này là sự suy yếu của chủ nghĩa xã hội giáo điều dưới hình thức một chính phủ, nhiều thể chế công, nhiều công ty nhà nước và tập thể ở nhiều nước đang được tư nhân hóa hoặc bị giải tán, để lại đằng sau sự mất định hướng, thất vọng và những sự suy sụp lớn. Các chương trình điều chỉnh cơ cấu ở nhiều nước đang phát triển và một vài nước công nghiệp gây ra những khó khăn, đặc biệt là đối với những tầng lớp thu nhập thấp trong dân cư, đứng vị trí thứ hai.

Tự do hóa nền kinh tế với việc bãi bỏ các quy định, phân quyền và giảm dần sự can thiệp của nhà nước vào các hoạt động kinh tế, mở cửa các cơ hội cho các công ty làm giàu, được giáo dục và nâng cao sức mạnh từ sự yếu kém, nghèo khổ và thiếu hiểu biết - một khung cảnh cổ điển cho sự phát triển hợp tác xã.

Các đảng phái chính trị ngày càng để tâm hơn đến các vấn

đề sinh thái và xã hội của sự phát triển, đây là kết quả từ hoạt động gây sức ép của các nhà hoạt động môi trường lên các đảng phái chính trị.

Thay đổi địa - dân số

Thế giới đang chứng kiến hai xu hướng địa - dân số trái ngược nhưng lại cùng là những vấn đề toàn cầu.

Ở các nước công nghiệp, tỷ lệ sinh giảm trong khi tuổi thọ của người già gia tăng. Việc này dẫn đến tình trạng số người trong độ tuổi lao động ngày càng giảm, nhà nước đứng trước áp lực phải cung cấp các bảo đảm xã hội cho số lượng người già đang ngày một gia tăng, những người sau khi về hưu sẽ bước vào độ tuổi thứ ba trong khoảng 20-30 năm tới. Ở Đức trong vòng 30 năm tới, tổng số người nộp thuế và đóng bảo hiểm sẽ ít hơn nhiều so với số người già đòi hỏi được chi trả phụ cấp xã hội. Mô hình dân số hình kim tự tháp trước kia nay đã biến thành mô hình dân số cây nấm.

Tại các nước đang phát triển, tình hình lại trái ngược. Ở châu Phi và nhiều quốc gia châu Á, khu vực Mỹ Latinh, trừ Trung Quốc, tỷ lệ sinh vẫn còn ở mức cao với đa phần số dân ở độ tuổi dưới 20. Thay vì thành công trong kiểm soát tỷ lệ sinh, những tiến bộ y học đã giúp giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và kéo dài tuổi thọ. Kết quả là sự khan hiếm đất đai, xung đột xung quanh việc sử dụng đất, đô thị hóa tăng cao với những khu nhà ổ chuột và những khu nhà định cư trái phép khắp các thành phố như Lagos, Nairobi, Lusaka, Manila, Bangkok hay Rio de Janeiro đang ngày càng gia tăng với tốc độ chóng mặt.

Sự phân bố dân cư không đồng đều, các cơ hội làm giàu, đồng thời với nó là cả những xung đột nội bộ và nội chiến cũng gây ra sự di cư mạnh.

Thay đổi xã hội

Sự suy giảm các hệ thống giá trị trên toàn thế giới đã được nhìn nhận, đã được chỉ ra từ sớm trước việc dân số phát

triển mạnh và mất cân bằng gia tăng dân số. Cấu trúc gia đình, từ xa xưa từng là hệ thống hiệu quả và đáng tin cậy trong việc bảo đảm an toàn xã hội, nay đã tan rã. Ở nhiều nước công nghiệp, các gia đình lớn, nhiều thế hệ đã từ lâu không còn là cấu trúc tiêu chuẩn. Thay vào đó, gia đình hạt nhân với một hoặc hai con là tiêu chuẩn, nhưng hiện nay hộ gia đình đơn đã và đang có xu hướng phát triển mạnh. Dưới những điều kiện như vậy, vấn đề đáng quan tâm từ nhiều năm nay phải được tái nghiên cứu một cách rõ ràng.

Tại các nước đang phát triển, hệ thống gia đình kết hợp vẫn là mạng lưới an ninh xã hội đáng tin cậy và mạnh mẽ, tuy nhiên cũng đã bắt đầu xuất hiện những căng thẳng, đặc biệt ở những nơi mà sự nghèo đói, khan hiếm đất đai và bất ổn chính trị khiến cho người ta phải di cư, bỏ trẻ con, phụ nữ và người già ở lại.

Một thay đổi có ảnh hưởng rộng nữa đang xảy ra là sự quan tâm đến vai trò của phụ nữ, cả ở trong gia đình lẫn ở nơi làm việc. Tại các nước công nghiệp, những cố gắng đã được tạo dựng sau các cuộc đấu tranh chính trị lâu dài đem lại cho phụ nữ những cơ hội công bằng trong tiếp cận giáo dục, nghề nghiệp và vị trí tại nơi làm việc. Xu hướng này thành công bởi nó diễn ra cùng lúc với sự củng cố những thay đổi trong cấu trúc gia đình và đã tác động trở lại tỷ lệ sinh.

Tương tự như vậy, từ vài thập niên trở lại đây, ở các nước đang phát triển cũng diễn ra cuộc đấu tranh chống những lực cản của truyền thống và tôn giáo, giành các cơ hội công bằng cho phụ nữ.

Thay đổi kinh tế

Thay đổi kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất là sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường, tiếp theo sự tan rã của một số nhà nước xã hội chủ nghĩa. Ở tất cả các nước, có sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Thậm chí ở những nước công nghiệp giàu có, sự phân bố

không đồng đều về thu nhập xã hội và sự gia tăng nghèo khổ đã lên đến mức không thể tưởng tượng nổi ngay từ vài thập niên trước đây. Số người thất nghiệp và vô gia cư đang tăng đều. Ở Frankfurt, nơi tập trung những ngân hàng lớn của châu Âu và Đức, hơn 30% số dân (khoảng 650.000 người) phụ thuộc vào trợ cấp xã hội.

Xu hướng việc làm giảm nhưng được trả lương hậu hĩnh hơn và đưa nguồn việc làm sang các nước có giá nhân công thấp đã làm gia tăng số người thất nghiệp sống dựa vào trợ cấp xã hội, tình trạng này không thể tiếp tục lâu hơn nữa bởi nó đang và tiếp tục làm nảy sinh những bất ổn xã hội trầm trọng. Do đó, những nhà hoạt động kinh tế và chính trị phải tìm kiếm giải pháp công bằng hơn cho vấn đề phân phối công việc và thu nhập.

Tại các nước đang phát triển, tình trạng nghèo đói lan rộng, thất nghiệp tăng cao, lạm phát, các kỳ hạn thương mại không ưu đãi về xuất khẩu nông sản và gánh nặng nợ nước ngoài tạo ra một bức tranh ảm đạm. Các chương trình điều chỉnh cấu trúc nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gia tăng sản xuất và xuất khẩu bằng gần như bất cứ giá nào đã làm suy giảm yếu tố chính sách xã hội, nhiều đến mức những chương trình mới chăm lo cho việc điều chỉnh quy mô xã hội phải làm đờ ải. Giảm đầu tư vào cơ sở hạ tầng xã hội (giáo dục, sức khỏe) ở các nước cần cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội khẩn cấp không tương xứng với đòi hỏi của phát triển bền vững, lâu dài.

Thay đổi sinh thái

Ô nhiễm nước, đất và không khí đã lên tới mức đáng quan ngại đối với loài người sống trên Trái đất này.

Thay đổi khí hậu dẫn đến hạn hán, cháy rừng, lũ lụt và mưa bão là nguyên nhân gây nên những thiệt hại nghiêm trọng. Nó bắt buộc con người phải nhìn nhận và thay đổi cách sống, đòi hỏi thái độ cẩn trọng hơn đối với việc sử dụng các

nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Tại các nước công nghiệp phát triển, kiểm soát ô nhiễm, ngăn ngừa, tái sử dụng chất thải, sử dụng những nguồn năng lượng thay thế và năng lượng mới, phát triển những công nghệ mới đang được chú trọng, tuy nhiên vẫn còn lâu mới được đặt lên hàng đầu trong chương trình nghị sự. Biện pháp bắt các công ty phải trả tiền cho những ô nhiễm do họ gây ra cũng không đạt được kết quả như mong muốn.

Tại các nước đang phát triển, hiện tượng sa mạc hóa do độc canh, sức ép dân số, chăn thả quá mức, sử dụng những hóa chất độc hại làm phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, tàn phá rừng,... đang là những mối nguy hiểm lớn nhất đối với môi trường sinh thái, là nguyên nhân làm gia tăng sự biến đổi khí hậu.

Theo các đánh giá của FAO (Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc) và WB (Ngân hàng Thế giới), các giới hạn bền vững của hệ sinh thái thế giới đã tới ngưỡng và thậm chí đã bị vượt quá. Các dấu hiệu sau cho thấy rõ điều này:

- Rừng nhiệt đới giảm 11 triệu ha/năm.
- Sự mất lớp mùn của đất nông nghiệp vượt quá sự tái tạo lên tới 26.000 triệu tấn hằng năm.
- Các phương thức canh tác sai lầm làm 6 triệu ha đất nông nghiệp biến thành sa mạc hằng năm.
- Hàng nghìn hồ bị chết về mặt sinh học và ngày càng nhiều hồ đang chết dần.
- Mực nước mặt đang giảm trên diện rộng ở châu Phi, Trung Quốc, Ấn Độ, Bắc Mỹ.
- Khoảng 1.000 loài thực vật và động vật tuyệt chủng hằng năm; trong vòng 20 năm tới, khoảng 1/5 số loài đã được biết đến sẽ bị biến mất.
- Ô nhiễm nước mặt và những tác động của nó cũng sẽ phải được nghiên cứu kỹ lưỡng.
- Đối với khí hậu toàn cầu, đến năm 2030, nhiệt độ sẽ

tăng từ 1,5-4,5°C.

- Đến năm 2100, mực nước biển sẽ tăng từ 1,4-2,2 m.

4. Thay đổi công nghệ

Sự phát triển hệ thống thông tin liên lạc đã đưa mọi người đến gần nhau hơn, tạo thuận lợi trong việc truyền bá thông tin và các sáng tạo, cho phép liên lạc từ bất kỳ khoảng cách nào.

Việc phát triển công nghệ tiết kiệm nhân công đã gây ra thất nghiệp lớn, nhưng cho phép tăng năng suất sản phẩm và dịch vụ với ít chi phí nhân lực nhất.

Những sáng tạo công nghệ đã mở đường cho việc sử dụng năng lượng và nguyên liệu thô hiệu quả hơn, thay thế các nguyên liệu hiếm bằng những sản phẩm nhân tạo. Hệ thống liên lạc và vận chuyển đã tạo ra khả năng lưu chuyển việc làm đến những nơi có giá nhân công rẻ, sản xuất riêng lẻ và các xí nghiệp lắp ráp. Nhờ công nghệ hiện đại mà nông dân có thể sản xuất ra lương thực nhiều chưa từng có và thậm chí còn được nhà nước trả tiền để giảm sản lượng nhằm tránh tình trạng dư thừa. Tuy nhiên, việc đạt được năng suất cao do sử dụng nhiều hóa chất đã gây ra tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng nước, đất và không khí.

Tại các nước đang phát triển, các chương trình phát triển vẫn đang khuyến khích những công nghệ cần đầu tư nhiều vốn, tiết kiệm nhân công (hơn nữa), cho dù các nước này đang thiếu vốn nhưng lại dư thừa nguồn nhân công giá rẻ. Các công nghệ tiên tiến khác đã được sử dụng như: năng lượng mặt trời để đun nấu mà không dùng lửa củi, làm mưa nhân tạo trong thời kỳ hạn hán, hệ thống tưới tiêu, giống cây trồng mới cho năng suất cao; tuy nhiên các công nghệ này không được nhiều người dân tiếp cận.

Công nghệ cần thiết cho hệ thống cung cấp năng lượng phổ biến đến địa phương dựa trên các nguồn năng lượng có khả năng tái tạo đã được phát triển rộng rãi, việc sản xuất

chúng tương đối rẻ và những kỹ năng cần thiết để điều hành thường dễ dàng kiếm được:

- Biến đổi nhiệt năng (vẫn đang phát triển);
- Biến đổi quang năng (hiệu quả đối với các nhà máy có công năng đến 10 kW ở những vùng xa xôi, hẻo lánh);
- Năng lượng gió (ví dụ: cho máy bơm nước);
- Năng lượng nước, các trạm thủy điện nhỏ (phương pháp hứa hẹn nhất);
- Biến đổi sinh học (phương pháp hiệu quả nhất đối với sản xuất sinh học không cạnh tranh với sản xuất lương thực).

Tuy nhiên, việc phổ biến những công nghệ này vẫn còn bị hạn chế, vì những nhà lập kế hoạch và những người ra quyết định tại các cơ quan có thẩm quyền chưa nhận thức đúng mức về tầm quan trọng của nó. Các hệ thống này vẫn đắt hơn so với các nguồn năng lượng khác (thông dụng) trên thị trường, nếu như nó không được sản xuất với số lượng lớn. Những người có thu nhập trung bình thấp không thể mua và vận hành được các hệ thống nêu trên, kể cả khi những hệ thống này cung cấp cho người sử dụng năng lượng tương đối rẻ và an toàn đối với môi trường.

III. VAI TRÒ CỦA HỢP TÁC XÃ TRONG THẾ KỶ XXI

Xã viên và các hợp tác xã đang phải đối phó với những thay đổi môi trường. Nếu đặt câu hỏi rằng "Hợp tác xã có thể làm gì cho xã viên của mình?" thì đó là một câu hỏi sai lầm. Câu hỏi đúng phải là: "Làm thế nào để các cá nhân giải quyết những áp lực của họ bằng tổ chức tự giúp đỡ?". Là các tổ chức tự giúp đỡ các thành viên của mình, nhiệm vụ của hợp tác xã là phải giúp các xã viên giải quyết các vấn đề đang đe dọa họ mà vì nó, họ thành lập và gia nhập hợp tác xã.

Tại các nước công nghiệp phát triển, rất nhiều khó khăn mà những xã viên đầu tiên đã phải đối mặt trong thế kỷ XX,

nay đã được giải quyết bằng một hệ thống hợp tác xã đang tồn tại, được tổ chức tốt và phát triển cao (một vài trong số này thể hiện xu hướng tiến dần tới mô hình công ty), cũng như bằng các thể chế tự do, các bảo đảm về quyền con người, hệ thống an ninh xã hội, các luật lao động và luật cạnh tranh hiệu quả, và bằng một thị trường cạnh tranh mạnh mẽ cho hàng tiêu dùng và dịch vụ,... mà vì chúng các xã viên hợp tác xã đã phải đấu tranh.

Ngày nay, có thêm nhiều vấn đề đang đe dọa cá nhân các công dân và thúc đẩy con người tham gia các hoạt động tự giúp và hình thành hoặc gia nhập hợp tác xã:

- Đấu tranh với thất nghiệp bằng cách thành lập doanh nghiệp tự quản lý để tự tạo việc làm, hoặc phát triển những mô hình mới như chia sẻ công việc hoặc việc làm bán thời gian nhằm đạt được sự phân phối công việc và thu nhập công bằng hơn; tổ chức các hợp tác xã cộng đồng mà ở đó các quỹ công cộng (được cung cấp như là trợ cấp thất nghiệp) được góp lại với sức ép công việc của những người thất nghiệp nhằm tạo lập các hình thức trung gian (lai) của các tổ chức tự giúp đỡ để cung cấp việc làm, chăm lo cho cộng đồng và vì lợi ích chung (ví dụ: hợp tác xã cộng đồng ở Vương quốc Anh hoặc hợp tác xã vì đoàn kết xã hội ở Italia).

- Tham gia hoạt động chống lại sự tăng giá bảo hiểm y tế bằng cách tổ chức chăm sóc sức khỏe trên cơ sở hợp tác xã, trong khi cả khu vực y tế tư nhân và nhà nước đều hướng đến các phương thuốc chữa bệnh công nghệ cao và đắt tiền. Điều này có thể thực hiện được bằng cách thành lập hợp tác xã y tế, thuê chính những bác sĩ của mình và điều hành chính bệnh viện của mình giống như các mô hình đã được thực hiện ở Nhật Bản, Tây Ban Nha và Xingapo.

- Áp dụng các phương thức chống lại sự cô lập và cách ly của số lượng đang gia tăng những người cao tuổi mà không có sự ràng buộc gia đình, bằng cách thành lập các tổ

chức tự giúp đỡ của những người cao tuổi dưới hình thức hợp tác xã dịch vụ, hợp tác xã nhà ở, trung tâm y tế hoặc những nhóm trợ giúp lẫn nhau khác, phát triển những hình thức mới kết hợp các dịch vụ tiết kiệm, nhà ở, chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm để mọi người có thể sử dụng như là một sự lựa chọn cho việc mất cấu trúc gia đình.

- Vận động công dân tham gia hoạt động chống lại sự tàn phá của môi trường trong tương lai bằng cách đưa ra những ưu tiên đối với các sản phẩm và công nghệ an toàn sinh thái, bằng cách góp chung năng lượng tiêu dùng thông qua hợp tác xã của những người tiêu dùng, hiệp hội các cổ đông và các nhóm tích cực gây áp lực đối với những nhà sản xuất để họ chấp nhận các phương pháp sản xuất có căn cứ sinh học.

- Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng có thể tái tạo được bằng cách thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất và bán những công nghệ tương ứng thông qua các hợp tác xã công nghiệp, hợp tác xã người tiêu dùng và hợp tác xã dịch vụ đặc biệt (ví dụ: sử dụng xe đạp điện giao hàng như hợp tác xã Kanagawa, Yokohama, Nhật Bản).

- Tránh hoặc tái chế chất thải như là một nhánh hoạt động của hợp tác xã người tiêu dùng hoặc hợp tác xã tái chế đặc biệt.

- Hình thành hợp tác xã nông nghiệp để sản xuất lương thực và hoa màu có căn cứ sinh học.

Trong tất cả các lĩnh vực, xã viên có thể trao quyền cho hợp tác xã đảm đương vai trò của những nhà sáng tạo. Trong khi các đối thủ cạnh tranh thương mại đưa lên hàng đầu câu hỏi "Liệu các sáng tạo này có đem lại lợi nhuận không?", các hợp tác xã có thể lựa chọn dần bước vào một lĩnh vực mới nếu nó có thể cung cấp lợi ích lâu dài cho xã viên và cho cộng đồng, thì có thể coi đó là lợi ích kinh tế.

Nếu muốn trở thành những người tiên phong trong xã hội tiền công nghiệp, hợp tác xã sẽ phải đầu tư vào vấn đề

giáo dục - đào tạo và công nghệ sinh học mới. Cơ sở hợp tác của các xã viên sẽ đem lại cho họ tiềm năng để khởi xướng các thay đổi, nếu những sáng tạo này có hiệu quả đối với việc cải thiện điều kiện sống của các xã viên và gia đình của họ trong thời gian lâu dài. Tất nhiên, các hợp tác xã, giống như bất kỳ doanh nghiệp nào khác, sẽ cần có quỹ để cung cấp tài chính cho các hoạt động của mình. Tuy nhiên, tổ chức xây dựng trên nguyên tắc hạn chế tự do vốn nên không thể hy vọng nhiều từ các nhà đầu tư ở bên ngoài. Việc các hoạt động sáng tạo có được thực hiện và được cung cấp tài chính hay không phụ thuộc nhiều vào khả năng của các nhà lãnh đạo và ban điều hành để huy động các nguồn từ chính những xã viên.

Xã viên sẽ được chuẩn bị để đóng góp nhiều hơn các khoản góp vốn hình thức và trả chi phí cho các dịch vụ của hợp tác xã, nếu lợi nhuận thu được từ những sáng tạo này là có thực và hữu hình. Xã viên sẽ quyết định các cơ hội và các giới hạn cho những hoạt động của hợp tác xã. Nếu không có sự ủng hộ của xã viên, những sáng tạo này sẽ không được và không thể thực hiện.

Tại các nước đang phát triển, hợp tác xã trong thế kỷ XXI sẽ đóng các vai trò cổ điển của mình như tại các nước công nghiệp trong thế kỷ XX: hợp tác xã cung ứng, tiếp thị, tiết kiệm và tín dụng, tiêu dùng, nhà ở, vận tải, bảo hiểm, bán buôn và bán lẻ, dịch vụ bất kỳ và công nghiệp, v.v.. Nhưng hợp tác xã cũng phải đương đầu với những vấn đề như: thất nghiệp cao, suy thoái môi trường, bước đầu làm quen với công nghệ mới và đưa ra những thay thế cho hệ thống an ninh xã hội dựa trên nền tảng gia đình đang bị suy tàn bằng hình thức mạng lưới xã hội mới vượt ra ngoài khuôn khổ gia đình và thị tộc trong một xã hội đa sắc tộc.

Kết luận

Sẽ có những thay đổi gì sau khi những nguyên tắc hợp tác xã sửa đổi được chấp nhận? Lần đầu tiên, ICA sẽ đưa ra một định nghĩa chung rõ ràng về thể nào là một hợp tác xã và từ đó xác định cấu trúc cơ bản mà qua đó các nguyên tắc hợp tác xã sẽ được áp dụng.

Khái niệm trong Khuyến cáo 127 của ILO (đã được trích dẫn ở phần trên) có thể được sử dụng cho mục đích này. Bên cạnh đó, có thể sử dụng một khái niệm khác như sau:

"Hợp tác xã là một nhóm người tự nguyện tập hợp nhau lại nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế và xã hội chung thông qua một doanh nghiệp cùng nhau làm chủ và quản lý dân chủ.

Nhằm mục đích đáp ứng những nhu cầu này một cách hiệu quả nhất, các hợp tác xã cùng gia nhập vào các liên đoàn, liên minh thực hiện công việc chung và các liên minh khác ở cấp địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế.

Hợp tác xã được dựa trên các giá trị: tự giúp đỡ, trách nhiệm lẫn nhau và công bằng. Hợp tác xã đại diện cho sự trung thực và minh bạch".

Định nghĩa này cùng với danh sách các nguyên tắc hợp tác xã sửa đổi (hoàn chỉnh và chính xác) sẽ có những tác động sau:

- Hợp tác xã sẽ có nguồn tư liệu phong phú hơn.
- Những khác biệt chủ yếu giữa hợp tác xã và các hình thức tổ chức khác được chỉ ra rõ hơn. Sự chú ý sẽ được đưa ra công bằng đối với doanh nghiệp hợp tác xã, các xã viên và nhóm hợp tác xã. Vai trò của xã viên sẽ rõ nét hơn.
- Hợp tác xã sẽ phát triển các phương tiện quản lý và chiến lược của riêng mình tương ứng với các mục tiêu và cấu trúc tổ chức của người điều hành doanh nghiệp chung. Chẳng hạn, trong hợp tác xã chiến lược sẽ phải tuân theo cấu trúc, ví dụ: duy trì đặc tính chủ chốt của hợp tác xã, cụ thể là nguồn gốc địa phương, phải có những mối liên hệ mật thiết với các xã viên và giá các giao dịch thấp hơn so với những đối thủ cạnh

tranh khác.

- Hợp tác xã sẽ tái gánh vác vai trò là tổ chức sáng tạo mà các xã viên hình thành và gia nhập để giải quyết các vấn đề do sự thay đổi nhanh chóng gây ra công nghệ, chính trị, kinh tế - xã hội. Là phong trào quốc tế, hợp tác xã có đóng góp hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Những xu hướng mới sẽ có những ảnh hưởng sâu rộng:

- Một định nghĩa rõ ràng sẽ loại trừ các tổ chức không phải hợp tác xã ra khỏi phong trào hợp tác xã và ra khỏi ICA.

- Nhấn mạnh vào đặc trưng tự giúp đỡ và đặc tính tự chủ của hợp tác xã sẽ loại trừ những tổ chức do nhà nước điều hành quản lý và những cấu trúc nửa nhà nước.

- Nhấn mạnh vào việc xã viên sẽ loại trừ những doanh nghiệp lợi ích chung.

Sau nhiều thập niên làm cho hợp tác xã giống những quy tắc điều hành của mô hình công ty, hợp tác xã sẽ phải tập trung vào việc thiết kế những mô hình hợp tác xã điển hình theo mục đích - thành lập, điều hành, tài chính, đánh giá, kiểm toán và phổ biến ứng dụng các lợi thế của hình thức tổ chức đặc biệt của mình mà những tổ chức không phải hợp tác xã không thể bắt chước được, đây cũng là một điểm mạnh hơn so với các đối thủ cạnh tranh.

Hợp tác xã sẽ quan tâm hơn đến xã viên, có nghĩa là hợp tác xã sẽ:

- Đầu tư vào nguồn nhân lực, đặc biệt là vào các xã viên và các nhóm xã viên, ví dụ: vào việc giáo dục - đào tạo và xây dựng những kênh thông tin và liên lạc.

- Vận động xã viên và huy động các nguồn lực của xã viên tham gia các hoạt động, nhằm loại bỏ các xã viên không hoạt động.

- Sử dụng toàn bộ các tiềm năng của xã viên.

- Tái thiết kế lại cơ cấu tổ chức cổ điển nhằm đưa ra nhiều cơ hội hơn nữa cho các xã viên chủ động tham gia.

Trong tương lai, hợp tác xã sẽ phải biến vai trò của xã viên thành hiện thực. Điều này có nghĩa là các lợi thế về quy chế thành viên sẽ hiện hữu và có thực. Xã viên phải có ý thức và phải được ưu tiên hơn những người khác. Xã viên phải nhận được vai trò là người nắm giữ tiền cọc chứ không chỉ là cổ đông thông thường, giữ phần vốn góp danh nghĩa. Sự thỏa mãn của xã viên sẽ phải là yếu tố chính trong việc đánh giá thành công của hợp tác xã.

Tất cả những điều này đều quay trở lại với sự thật giản dị rằng không thể có hợp tác xã mà không có xã viên.

Những thay đổi này sẽ chỉ xảy ra nếu lãnh đạo hợp tác xã tuân thủ theo các bước:

- Từ thấp đến cao;
- Từ mô hình doanh nghiệp hợp tác xã tập trung vào ban quản trị bất chúc công ty sang hợp tác xã tập trung vào xã viên phát triển quy tắc hoạt động của chính mình;
- Từ hợp tác xã như một doanh nghiệp bình thường phục vụ khách hàng (cả xã viên và không phải xã viên đều giống nhau) sang hợp tác xã bao gồm những nhóm người điều hành doanh nghiệp chung của chính mình theo những ưu tiên của chính họ, thông thường là: chỉ phục vụ xã viên là chủ yếu hoặc duy nhất;
- Từ việc người quản lý gánh vác vai trò của những người được ủy thác (hầu hết không kiểm soát được) đến quản lý thực thi những chính sách đã được xã viên chủ động bàn bạc, thảo luận và quyết định.

Điều này sẽ khiến cần phải xem xét lại những nội dung giáo dục - đào tạo cán bộ quản lý và điều hành, bao hàm không chỉ những kỹ năng quản lý thông thường mà cả những phương thức đặc biệt trong quản lý điều hành hợp tác xã, đặc biệt là kỹ năng quản lý tổ hợp tác. Những nhà lãnh đạo và

quản lý hợp tác xã phải có không chỉ năng lực kinh tế mà cả năng lực xã hội.

Giáo dục hợp tác xã như là một nguyên tắc có thể được trình bày như sau:

"Hợp tác xã tin tưởng vào giáo dục và đào tạo cho sự phát triển của mình. Họ đào tạo các xã viên để những người này có thể thực hiện vai trò của mình; từ đó các nhà lãnh đạo có thể đưa ra phương hướng đúng đắn; người lao động có thể nâng cao kiến thức hợp tác xã của mình cũng như năng lực chuyên môn, và cộng đồng chung có thể hiểu hơn về các giá trị của hợp tác xã".

Thách thức chủ yếu của hợp tác xã trong thế kỷ XXI là phải lấp đầy khoảng trống giá trị đang ngày một tăng bằng cách đưa ra hệ thống giá trị chắc chắn và thiết thực, hoàn chỉnh các hướng dẫn (nguyên tắc) mà qua đó hướng con người tìm các giải pháp cho những vấn đề đang gây áp lực nhất cho họ bằng cách tự mình giúp mình, bằng việc công nhận trách nhiệm đối với tương lai của chính mình, tin tưởng vào sức mạnh của bản thân và sức mạnh của những nỗ lực chung, vào sự tự giúp đỡ, đoàn kết cộng đồng.

Trong một thế giới mà trung thực và minh bạch sẽ không còn là những tiêu chuẩn xử sự trong các hoạt động chính trị và kinh tế, bằng chứng rõ ràng là việc hợp tác xã vẫn đại diện cho sự trung thực và minh bạch sẽ là một yếu tố quan trọng trong hệ thống giá trị hợp tác xã, giúp cho các nhà lãnh đạo hợp tác xã sống theo những ý tưởng này.

SỔ TAY ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VỀ LỊCH SỬ HỢP TÁC XÃ

KAREN ZIMBELMAN*

I. NHỮNG XUẤT PHÁT ĐIỂM BAN ĐẦU CỦA HỢP TÁC XÃ

Trong thuở ban đầu của xã hội loài người, con người học cách hợp tác và cùng làm việc với nhau để săn bắn, đánh bắt, tìm kiếm thức ăn, dựng lều trại và thỏa mãn nhu cầu của cá nhân cũng như của nhóm người. Các nhà sử học đã sớm tìm thấy các bằng chứng về sự hợp tác giữa con người tại Hy Lạp, Ai Cập, Rome và Babylon, giữa những người châu Mỹ bản địa với các bộ tộc châu Phi, và giữa nhiều nhóm khác nhau.

Nông nghiệp ban đầu có thể đã không tồn tại nếu không có sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các nông dân. Họ cùng nhau bảo vệ đất đai, thu hoạch mùa màng, xây dựng chuồng trại và kho bảo quản cũng như chia sẻ với nhau các dụng cụ lao động. Những ví dụ về sự hợp tác không chính thức - về làm việc cùng nhau - là tiền thân cho hợp tác xã hình thành và hoạt động.

II. NHỮNG HỢP TÁC XÃ ĐẦU TIÊN

* Giám đốc phát triển mạng lưới phía tây của National Cooperative Association, Hoa Kỳ.

Những hợp tác xã đầu tiên xuất hiện ở châu Âu vào cuối thế kỷ XVIII-XIX, trong cuộc cách mạng công nghiệp. Khi chuyển từ nông trang vào các thành phố đang phát triển, mọi người phải dựa vào các cửa hàng để cung cấp lương thực cho gia đình mình do họ không thể tiếp tục trồng lương thực. Những người làm công có rất ít quyền đối với việc kiểm tra chất lượng thực phẩm cũng như các điều kiện sống của mình. Những người kiếm được nhiều tiền hơn đương nhiên có nhiều quyền lực hơn những người không có tiền. Những hợp tác xã đầu tiên được lập ra để bảo vệ quyền lợi của những người có ít quyền lực trong xã hội - công nhân, người tiêu dùng, nông dân và người sản xuất.

Ở Anh, người tiêu dùng bị thất vọng bởi sự lạm dụng của những người chủ cửa hàng, rất nhiều người trong số họ đã pha trộn, làm giả hàng hóa nhằm tăng lợi nhuận. Trong nhiều trường hợp, tiền lương của công nhân được trả cho các giấy biên nhận nợ của công ty - một loại giấy tờ ghi nợ chỉ có thể dùng trong các cửa hàng của công ty. Những người tiêu dùng bình thường có rất ít sự lựa chọn và quyền kiểm soát.

Những nhóm người này bắt đầu thử nghiệm các cách cung cấp nhu cầu cho mình. Họ quyết định góp tiền để mua hàng tạp hóa. Khi đó, họ mua hàng hóa từ một người bán buôn và sau đó chia đều một cách công bằng cho nhau, họ ngạc nhiên vì có thể tiết kiệm được tiền mà chất lượng hàng hóa lại cao hơn.

III. HIỆP HỘI NHỮNG NGƯỜI TIỀN PHONG CÔNG BẰNG ROCHDALE

Vào năm 1843, công nhân Nhà máy xay sợi ở Rochdale, Anh bắt đầu đấu tranh. Khi cuộc đấu tranh thất bại, những công nhân xay sợi bắt đầu tìm cách khác để cải thiện đời sống

của mình. Thay bằng kêu gọi một cuộc đấu tranh khác hoặc trông chờ vào sự giúp đỡ của các hội từ thiện, một vài người trong số họ quyết định nắm lấy quyền kiểm soát đối với những lĩnh vực gần gũi và gây áp lực nhất đối với cuộc sống của họ. Họ tin rằng họ cần cửa hàng lương thực của riêng họ để thay thế cho cửa hàng của công ty và 28 người đã thành lập "Hiệp hội những người tiên phong công bằng Rochdale".

Sau khi tiết kiệm tiền được hơn một năm, những người tiên phong này mở cửa hàng hợp tác của họ tại số 31 hẻm Toad vào một đêm đông lạnh giá, tháng 12-1844. Mặc dù những người sáng lập đồng ý với nhau rằng sẽ chỉ bán bơ, đường, bột mì và bột yến mạch, nhưng họ cũng cung cấp nến, mỡ động vật vào buổi tối. Họ bắt buộc phải dùng nến do công ty gas từ chối cung cấp gas cho. Họ mua nến với số lượng lớn và bán cho các thành viên phần mà họ không dùng hết.

Những người tiên phong Rochdale không phải là nhóm đầu tiên cố gắng thành lập một hợp tác xã, nhưng họ là những người đầu tiên đã làm cho hợp tác xã của họ thành công và tồn tại được. Để tránh những sai lầm do các tổ chức hợp tác xã trước đó đã mắc phải và để giúp đỡ những người khác, họ phát triển một loạt những nguyên tắc hoạt động để điều hành tổ chức của mình. Những nguyên tắc này đã tạo thành nền tảng cho các nguyên tắc hợp tác xã ngày nay. Rochdale vẫn được coi là nơi khởi nguồn của phong trào hợp tác xã kiểu mới.

IV. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỢP TÁC XÃ Ở MỸ

Ở Mỹ, hợp tác xã có nguồn gốc từ thời thuộc địa. Cũng như những người anh em ở nước Anh, những nhóm hợp tác đầu tiên thử nghiệm lập nhóm và cùng nhau tìm kiếm lợi ích kinh tế. Một trong những hợp tác xã đầu tiên được thành lập

năm 1752, bởi Benjamin Franklin và được vận hành cho đến ngày nay là "Những người Philadelphia cộng tác bảo hiểm nhà cửa cho những mất mát vì hoả hoạn". Đó là hợp tác xã lâu đời nhất hiện nay của nước Mỹ, ra đời sớm hơn nhóm Rochdale, nhưng vị trí của nó trong lịch sử hợp tác xã không nổi tiếng bằng.

Từ thời kỳ thực dân đến nay, hầu hết các hợp tác xã của Mỹ đều được hình thành chủ yếu vì lợi ích của nông dân. Một số hợp tác xã hỗ trợ nông dân giữ chi phí thấp bằng cách tham gia vào việc mua bán nguyên vật liệu, như là thức ăn gia súc, nông cụ, dụng cụ và hạt giống. Một số hợp tác xã kinh doanh tiếp thị còn hỗ trợ nông dân thu được giá hàng hóa cao hơn bằng cách tập hợp nông sản thu hoạch của họ lại và bán với số lượng lớn. Một số khác cung cấp dịch vụ bảo quản và chế biến, như bảo quản lúa mì và làm phomat.

Các nhóm tiêu dùng ở Mỹ bắt đầu quan tâm đến hợp tác xã tiêu dùng đầu tiên ở Anh và sự thành công của những nông dân Mỹ trong việc hợp tác cùng với nhau. Họ bắt đầu hình thành các hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng. Vào năm 1845, một nhóm bắt đầu kinh doanh một cửa hàng ở Boston, thành lập dựa trên những nguyên tắc giống Những người tiên phong Rochdale đã áp dụng cách đó một năm. Những "hiệp hội bảo vệ" này bị chia rẽ bởi các vấn đề chính trị - xã hội của thời kỳ đó và cuối cùng chấm dứt hoạt động vào cuối cuộc nội chiến.

Hầu hết thất bại của hợp tác xã Mỹ là do không đủ vốn (tiền đầu tư của xã viên), quản lý kém và sự thiếu hiểu biết về các nguyên tắc hợp tác xã của các xã viên. Mãi cho đến những năm 1900, hợp tác xã mới bắt đầu có sự thành công thực sự, lâu bền ở Mỹ.

V. HỢP TÁC XÃ NGƯỜI TIÊU DÙNG TẠO NÊN NHỮNG LÀN SÓNG

Ở nông thôn cũng như thành thị, hợp tác xã những người tiêu dùng được tổ chức nhằm cung cấp cho người tiêu dùng quyền kiểm soát và đấu tranh chống sự không công bằng trong thực tế của các cửa hàng tư nhân và công ty. Qua năm tháng, hợp tác xã tiêu dùng đã có những "làn sóng" kinh nghiệm về sự tăng trưởng và phát triển, cũng như những thời điểm suy yếu.

Làn sóng đầu tiên bắt đầu vào đầu những năm 1900, với cái gọi là "Kế hoạch Rochdale". Dưới kế hoạch này, người tiêu dùng tổ chức thành những nhóm mua hàng để cùng nhau mua hàng từ người bán buôn. Người bán buôn sau đó có thể hỗ trợ những nhóm mua hàng này trong vận hành việc bán lẻ bằng cách hỗ trợ quản lý, kiểm kê và vốn. Năm 1920, đã có 2.600 hợp tác xã tiêu dùng ở Mỹ - 11 cửa hàng bách hóa - và 80% trong số đó là ở thành thị với số dân ít hơn 2.500 người. Tổng doanh số bán ra của những cửa hàng này khoảng 260 triệu USD. Bất hạnh rơi xuống khi những người bán buôn gặp khó khăn do sự tăng trưởng kinh tế quá nhanh, cả hệ thống sụp đổ và hầu hết các hợp tác xã bị đóng cửa trong vòng một thập niên.

Cuộc Đại suy thoái những năm 1930 nổ ra một làn sóng khác cho hợp tác xã ở thành thị và nông thôn. Ở California, Hội "Chấm dứt nạn nghèo đói ở California" (EPIC) vận động thành lập và ủng hộ các hợp tác xã "tự giúp" và đã không thành công trong việc bầu cử thống đốc Upton Sinclair. Một số "hiệp hội tiêu dùng" quốc gia được thành lập nhằm khuyến khích đào tạo và bảo vệ người tiêu dùng. Vào năm 1936, Toyohiko Kagawa, một nhân viên kế toán người Nhật Bản, với niềm tin xã hội, có những ảnh hưởng

đến sự phát triển của nhiều hợp tác xã ở Mỹ bởi tư tưởng "kinh tế anh em" - thuật ngữ ông dùng để nói về sự hợp tác. "Hợp tác xã, - ông nói, - là nền tảng của thế giới hòa bình. Đó là nguyên tắc hành động yêu thương. Cho dù ta có thích hay không thích thì không có cách nào khác ngoài hợp tác".

Những cố gắng này, được sự ủng hộ của tổ chức "Sự thỏa thuận mới" của Franklin Roosevelt, hỗ trợ kỹ thuật cho các hợp tác xã thành thị. Một số hợp tác xã tiêu dùng hàng đầu được khởi động trong giai đoạn này - ở Berkeley, Palo Alto, Eau Claire (Wisconsin), Hanover (New Hampshire), và Hyde Park (Chicago, gần Illinois), và Greenbelt (Maryland - ngoại ô Washington D.C.). Tất cả những cửa hàng này tồn tại được đến 50 năm. Nhưng vào những năm 1980, các hợp tác xã ở Berkeley và Greenbelt đóng cửa, các hợp tác xã ở Eau Claire và Palo Alto thu hẹp đáng kể hoạt động của mình. Các hợp tác xã ở Hanover và Hyde Park thì vượt qua và phát triển với những chương trình thành viên năng động.

Vào cuối những năm 1960-1970, "làn sóng mới" của hợp tác xã tiêu dùng bắt đầu. Xuất phát từ ý tưởng và học thuyết phản văn hóa cuối những năm 1960, các cửa hàng này được mở bởi những người trẻ tuổi và đầy sáng tạo. Họ thành lập hợp tác xã để đáp ứng những niềm tin của họ, không theo các hợp tác xã đi trước. Hầu hết các hợp tác xã mới chỉ bán thực phẩm tự nhiên, chưa tinh chế và với số lượng lớn. Các hoạt động của họ phong phú và đầy tính thử nghiệm. Một số cửa hàng mở cửa ở những giờ nhất định, một số khác mở cửa tất cả bảy ngày trong tuần. Một số được điều hành bởi những người tình nguyện, số khác do nhân viên trả lương toàn phần vận hành. Một số có hình thức người lao động tự quản lý, số khác có bộ máy quản lý truyền thống hơn. Một số trả lãi cho xã viên theo mức độ sử dụng dịch vụ vào cuối năm, số khác trả ngay tại quầy bằng cách giảm giá.

Các hợp tác xã này là những nhà tiên phong trong cái mà sau này được biết tới như là công nghiệp "thực phẩm tự nhiên", nhưng không phải tất cả chúng đều thành công. Một số thất bại do hệ thống điều hành và cấu trúc thử nghiệm. Hầu hết không đủ khả năng để thoát ra khỏi những khó khăn mà các hợp tác xã trước đó đã gặp phải: không đủ vốn, thiếu sự ủng hộ đúng mức của xã viên và không đủ khả năng để nâng cao hoạt động khi nền công nghiệp thực phẩm tự nhiên phát triển, một sự cam kết về lý tưởng hơn là những thành công kinh tế, thiếu sự ủng hộ đích đáng từ những người bán buôn và sự đoàn kết. Tuy nhiên, những hợp tác xã "làn sóng mới" tồn tại được lại đứng vững và phát triển mạnh mẽ.

Phong trào hợp tác xã tiêu dùng ở Mỹ đã có thành công, đặc biệt tương phản với hợp tác xã tiêu dùng ở châu Âu và châu Á. Mỗi làn sóng phát triển hợp tác xã đều hâm nóng lại lòng nhiệt tình tại thời điểm thử nghiệm và những sự đổi mới đã chứng minh được những thành công trong lòng người tiêu dùng - tối thiểu là trong một thời gian nào đó.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ QUỐC TẾ VÀ MỸ

PGS. KIMBERLY A. ZEULI VÀ
Giáo sư danh dự ROBERT CROPP*

I. HỢP TÁC XÃ LÀ GÌ?

Hợp tác xã hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Năm 1942, Ivan Emelianóp, một nhà nghiên cứu về hợp tác xã đã nhận xét rằng "sự đa dạng của hợp tác xã là muôn màu muôn vẻ và sự biến đổi của hợp tác xã thật sự là không thể đếm xuể". Và do đó, không thể có một định nghĩa chung toàn cầu cho hợp tác xã. Tuy nhiên, có hai định nghĩa được dùng phổ biến.

Một là, theo ICA: Hợp tác xã là tổ chức tự chủ của những người tự nguyện tập hợp nhau lại nhằm thỏa mãn những nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, văn hóa và xã hội thông qua việc tham gia góp vốn và quản lý dân chủ. Các nhà lãnh đạo hợp tác xã trên toàn thế giới công nhận ICA, một tổ chức phi chính phủ với hơn 230 tổ chức thành viên từ trên 100 quốc gia, như là cơ quan hướng dẫn về định nghĩa và các giá trị hợp tác xã.

Định nghĩa của ICA đề cập yếu tố chính của hợp tác xã, đó là: thành viên *tự nguyện*. Ép buộc là trái ngược với hợp

* Đại học Wisconsin, Madison.

tác xã. Người bị ép buộc hành động trái với nguyện vọng của họ, không thực sự là hợp tác. Hợp tác xã thực sự phải hình thành từ sự tin tưởng và sự giúp đỡ lẫn nhau, không thể là mệnh lệnh. Trong hợp tác xã thực sự, xã viên tự nguyện gia nhập và tự do rời bỏ hợp tác xã vào bất cứ lúc nào. Các hợp tác xã gượng ép thường thấy ở Liên Xô (trước đây) là một ví dụ, đó không thực sự là hợp tác xã.

Hai là, có một định nghĩa được chấp nhận rộng rãi khác là định nghĩa được Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) thông qua vào năm 1987: *Hợp tác xã là cơ sở kinh doanh do những người sử dụng tự làm chủ và tự quản lý, lợi nhuận được chia dựa trên cơ sở của việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ.* Định nghĩa này đưa ra ba nguyên tắc chung của hợp tác xã cấp I: xã viên tự làm chủ; tự quản lý; và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ.

Nguyên tắc "tự làm chủ" áp dụng đối với những người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã giúp đỡ tài chính đối với hợp tác xã và từ đó làm chủ hợp tác xã. Xã viên có trách nhiệm cung cấp một phần vốn tối thiểu cho hợp tác xã. Việc góp vốn bình đẳng của xã viên theo tỷ lệ bằng nhau theo dịch vụ mà xã viên sử dụng của hợp tác xã. Phần vốn góp này tạo nên việc cùng sở hữu (một phần của khái niệm của ICA).

Nguyên tắc "tự quản lý" có nghĩa là xã viên hợp tác xã điều hành công việc trực tiếp thông qua việc bỏ phiếu cho những quyết định quan trọng, lâu dài và gián tiếp thông qua những đại diện tại Ban điều hành hợp tác xã. Các quy chế và điều lệ hợp tác xã luôn quy định rằng chỉ những xã viên chủ động (xã viên có sử dụng dịch vụ của hợp tác xã) mới có thể trở thành chủ nhiệm hợp tác xã thông qua bầu cử, tuy nhiên vẫn có trường hợp người không phải là xã viên ở trong Ban điều hành hợp tác xã không thông qua bầu cử, cổ vấn. Cổ vấn giám đốc ngày càng trở nên phổ biến đối với những hợp tác xã nông nghiệp lớn ở Mỹ, nơi có các hoạt động kinh tế

và tài chính phức tạp, đòi hỏi cần có những chuyên gia tài chính và chuyên gia chuyên ngành. Chỉ có xã viên hợp tác xã mới có thể bỏ phiếu lựa chọn Ban điều hành và lựa chọn các hoạt động khác của hợp tác xã.

Quyền bỏ phiếu thường gắn liền với tư cách xã viên - thường là mỗi xã viên một phiếu bầu - và không phụ thuộc vào mức độ đầu tư hoặc sử dụng dịch vụ hợp tác xã. Luật hợp tác xã ở một số bang của Mỹ và một số quốc gia khác cũng có một vài nơi cho phép bầu theo tỷ lệ. Thay cho việc mỗi người một phiếu bầu, quyền bầu cử được dựa trên số lượng hoạt động kinh doanh của xã viên tham gia với hợp tác xã trong năm trước. Tuy nhiên, thông thường có giới hạn số lượng phiếu bầu mà một xã viên có thể có để ngăn chặn tình trạng hợp tác xã bị điều hành bởi thiểu số xã viên. Ví dụ, hợp tác xã ngũ cốc có thể cho phép một phiếu bầu được tính trên 1.000 gia (bushel) lúa mì bán ra thị trường vào năm trước, tuy nhiên mỗi xã viên bị giới hạn chỉ được 10 phiếu bầu. Quản lý dân chủ được duy trì bởi quyền bầu cử gắn với xã viên sử dụng dịch vụ. Quyền bầu cử công bằng, hay là quản lý dân chủ (như được ICA định nghĩa) là những dấu hiệu phân biệt của hợp tác xã.

"Phân phối lợi nhuận dựa trên cơ sở sử dụng" diễn tả nguyên tắc của tính tỷ lệ, một nền tảng quan trọng khác của hợp tác xã. Xã viên có thể chia lợi nhuận, chi phí và rủi ro trong kinh doanh công bằng theo tỷ lệ với những dịch vụ họ sử dụng. Cơ sở tỷ lệ là công bằng, giải thích dễ dàng (minh bạch) và hoàn toàn khả thi. Thực hiện khác đi sẽ ảnh hưởng đến sự đóng góp và giảm sự tham gia vào các hoạt động của hợp tác xã.

Lợi ích của hợp tác xã có thể bao gồm cả việc có được giá cả tốt hơn cho hàng hóa và dịch vụ, dịch vụ nâng cao và các nguyên liệu đầu vào phụ thuộc thị trường đầu ra. Hầu hết các

hợp tác xã đều nhận thấy rằng lợi nhuận thuần hằng năm, tất cả hoặc một phần đều xuất phát từ xã viên theo tỷ lệ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã (do đó còn gọi là sự hoàn lại tiền sử dụng dịch vụ). Hợp tác xã có thể chia một phần lãi như là lợi nhuận đầu tư. Cả liên bang và hầu hết các tiểu bang ở Mỹ đều quy định hằng năm chỉ chia lãi tối đa 8%. Mục đích của việc quy định này là để bảo đảm rằng lợi nhuận của hợp tác xã được tích lũy lại cho người sử dụng (góp sức) nhiều hơn là cho những người đầu tư (góp vốn) - vốn chỉ là thứ yếu.

Hiện nay, một số nhà nghiên cứu và lãnh đạo hợp tác xã cho rằng việc hạn chế chia lãi này là việc làm độc đoán và có hại cho hợp tác xã. Theo quan điểm của họ, tỷ lệ tối đa 8% làm cho việc đầu tư vào hợp tác xã kém hấp dẫn hơn so với đầu tư vào các hình thức kinh doanh khác. Điều này làm cho hợp tác xã kém cạnh tranh hơn, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến nông sản - lĩnh vực cần rất nhiều vốn.

II. TẠI SAO PHẢI HỢP TÁC?

Người ta tổ chức hoặc tham gia hợp tác xã vì những lý do khác nhau về kinh tế - xã hội và thậm chí cả chính trị. Hợp tác với người khác là cách thức thoả đáng để đạt được mục đích của mình, đồng thời cũng có thể giúp người khác đạt được những mong muốn của họ.

Nông dân thành lập hợp tác xã cung ứng và tiêu thụ sản phẩm để giúp họ tối đa hóa lợi nhuận. Muốn thế đòi hỏi sản phẩm họ bán ra phải được giá hơn và nguyên liệu đầu vào phải rẻ hơn. Và nông dân biết rằng họ chỉ là những người sản xuất giỏi chứ không phải là những người buôn bán thành thạo, do đó, nếu mua, bán với số lượng lớn họ sẽ được giá hơn.

Hợp tác xã tiêu dùng được thành lập để bán những sản

phẩm mà người tiêu dùng muốn mua nhưng lại không thể tìm thấy ở nơi khác với giá cả như vậy. Mỗi quan tâm hàng đầu của các xã viên hợp tác xã tiêu dùng là việc tăng cường năng lực mua sắm của họ - số lượng hàng hóa, dịch vụ mà họ có thể mua trong khuôn khổ thu nhập của mình. Họ thường mong muốn mua được nhiều hàng hóa với chất lượng cao nhất có thể. Với tư cách là người làm chủ, xã viên có tiếng nói trong việc tích trữ hàng hóa cho các cửa hàng.

Những người lao động tổ chức thành các hiệp hội và liên đoàn để thương lượng với những nhà quản lý và chủ sở hữu. Trong một vài trường hợp, những người lao động thành lập hợp tác xã do người lao động làm chủ. Đúng như tên gọi của nó, những hợp tác xã này do những người lao động làm chủ và được quản lý bởi chính những người lao động. Người lao động tạo dựng nên những cơ quan thương lượng và hợp tác xã với hy vọng tăng thêm các khoản thưởng, thu nhập phụ thêm, cải thiện điều kiện lao động và bảo đảm an toàn nghề nghiệp.

Hợp tác xã không mâu thuẫn với mục tiêu của chủ nghĩa tư bản, như một vài ý kiến khẳng định. Nếu như vậy, hợp tác xã không thể có được vị trí quan trọng như hiện nay trong nền kinh tế Mỹ. Khoảng 48.000 hợp tác xã hoạt động trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, phục vụ cho 120 triệu người, tương đương khoảng 4/10 người dân Mỹ. Hằng năm, thu nhập tối thiểu của một hợp tác xã trong số 100 hợp tác xã có thu nhập cao nhất nước Mỹ là khoảng 346 triệu USD (năm 2002) và tổng thu nhập là 119 tỷ USD. Hợp tác xã hiện diện trong các ngành nông nghiệp, tài chính, tạp phẩm, y tế, giải trí và năng lượng.

Hợp tác xã đặc biệt quan trọng trong nông nghiệp. Năm 2002, 3.140 hợp tác xã nông nghiệp cung cấp cho khoảng 3,1 tỷ nông dân (nhiều nông dân tham gia nhiều hợp tác xã

cùng một lúc) các dịch vụ về tiếp thị nông phẩm, cung ứng vật tư nông nghiệp và một số dịch vụ liên quan khác; nắm giữ 28% thị phần.

Đối với hợp tác xã phi nông nghiệp, 84 triệu người Mỹ là xã viên của 9.569 liên đoàn tín dụng, 865 hợp tác xã điện phục vụ cho 37 triệu dân tại 47 tiểu bang, hơn 1,5 triệu gia đình hiện đang ở tại các căn hộ của hợp tác xã nhà ở, và hơn 3 triệu người là xã viên của 5.000 hợp tác xã thực phẩm.

Việc nhiều người tham gia vào hợp tác xã trong điều kiện nền kinh tế cạnh tranh cao chứng tỏ sự vừa ý của các xã viên đối với hợp tác xã và tình hình tài chính hiệu quả, minh bạch.

Tóm lại, hợp tác xã được thành lập để phục vụ nhu cầu của xã viên và nhằm tạo lợi ích cho các xã viên hơn là cho những nhà đầu tư. Xu hướng xã viên tự điều hành này làm cho hợp tác xã khác về cơ bản so với các hình thức hợp tác khác. Thêm vào đó, các đặc trưng về cấu trúc và nguyên tắc điều hành lại làm hợp tác xã khác biệt hơn nữa so với các mô hình kinh doanh khác. Ở hầu hết các nước, mô hình hợp tác xã chỉ là một trong các mô hình kinh doanh hợp pháp.

SỰ HỢP TÁC GIỮA CÁC HỢP TÁC XÃ

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ QUỐC TẾ (ICA)*

Xuyên suốt phong trào hợp tác xã đã thường xuyên có những tranh luận về các nguyên tắc hợp tác xã, xuất phát từ báo cáo về các nguyên tắc hợp tác xã của Ủy ban ICA. Ủy ban cho rằng nguyên tắc bổ sung là "tất cả các tổ chức hợp tác xã đều nhằm mục đích phục vụ tốt nhất cho lợi ích của các xã viên và cộng đồng, do đó các hợp tác xã nên tích cực hợp tác với các hợp tác xã khác ở cấp địa phương, cấp quốc gia và quốc tế". Điều này đã được tái khẳng định tại Đại hội lần thứ 23 của ICA được tổ chức ở Vienna, năm 1966. Do đó, chủ đề "*Sự cộng tác của các tổ chức hợp tác xã ở địa phương, vùng, lãnh thổ và thế giới*" đã được lựa chọn là chủ đề cho lớp học về hợp tác xã quốc tế lần thứ 36. Khóa học được tổ chức ở Jablonna, Warsaw từ ngày 26 tháng 10 đến 4-11-1967 theo lời mời của Hội Nông nghiệp Trung ương của các hợp tác xã "Nông dân tự lực". Việc tổ chức lớp học tại đây đã làm tăng giá trị của khóa học, vì đây chính là một điển hình của phong trào hợp tác xã Ba Lan.

Vì thế, ICA mong đợi lớp học về một chủ đề thời sự sẽ hấp dẫn được sự tham dự của toàn bộ các loại hình hợp tác xã. Tuy nhiên, họ đã bị thất vọng bởi chỉ có 56 người tham dự đến từ

* Bài viết tháng 6-1995.

16 nước trên thế giới, phần lớn đều là các hợp tác xã bán lẻ và bán sỉ. Các hợp tác xã ngân hàng và bảo hiểm có đại diện nhưng rất ít.

Phong trào hợp tác xã Ba Lan đề cử 14 người tham dự đến từ các cửa hàng bơ sữa, nhân viên thị trường, người làm vườn, kinh doanh nhà đất, xây dựng, làm việc ở các quỹ tiết kiệm và tiền gửi ngân hàng, công nhân, nông dân và hợp tác xã người tiêu dùng. Không có sự tham dự của người Ba Lan, xã viên trong các hợp tác xã sẽ không được biết về sự thỏa thuận trực tiếp giữa các hợp tác xã bán sỉ và hợp tác xã bán lẻ.

Dù thế nào thì tất cả người tham dự đều đánh giá chủ đề là cực kỳ quan trọng và đã đề cập các cách thức khai thác khả năng hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các loại hình hợp tác xã khác nhau. Có một câu hỏi cơ bản đầu tiên cần phải trả lời: "Lý do gì khiến phong trào hợp tác xã đã thỏa thuận hợp tác với nhau trong các lĩnh vực kinh doanh và hoạt động khác nhau hoàn toàn?". Thực tế có phải rằng họ đã kiểm soát hoạt động kinh doanh của mình theo các nguyên lý giống nhau đủ mạnh làm cầu nối? Họ có nên cộng doanh đơn thuần bởi lòng trung thành tuyệt đối với các nguyên tắc hợp tác xã? Có rất ít người trả lời: "Không". Với câu hỏi: "Việc áp dụng các nguyên tắc hợp tác xã trong kinh doanh có phải là sự cộng tác với các cơ sở khác một cách thường xuyên?", đa số người tham dự trả lời: "Có" - một lý do đủ mạnh cho sự cộng tác, họ đã chấp nhận như một hợp tác xã thực sự và tán thành các nguyên tắc hợp tác xã, bao gồm cả nguyên tắc giữa các hợp tác xã. Như vậy, người tham dự đã lắng nghe bài phát biểu, đặc biệt bài trình bày của các ủy ban quốc tế của ICA và khi thảo luận nhóm, họ đã thảo luận các điểm được nêu ra trong bài phát biểu, họ dần dần ủng hộ quan điểm cho rằng sự cộng tác giữa các hợp tác xã là có thể và có rất nhiều trường hợp đã làm

được, đã thực hiện tốt trong thương mại.

Ông N. Hoff, Thư ký của Cộng đồng hợp tác xã bán sỉ của tổ chức ICA đã nói về công việc của tổ chức này và sự cố gắng cộng tác của họ ở châu Âu. Sự tự nhiên khi thảo luận trong cuộc nói chuyện của ông Hoff đã chỉ ra cách tiếp cận thực tế của lớp học bởi sự tập trung vào các chủ đề quan trọng như: Có thể cộng tác sản xuất không? Nếu ở đó có đầu mối cam kết giữa các hợp tác xã khác nhau, đặc biệt ở mức độ quốc tế thì có nên sản xuất chuyên canh một loại cây trồng để lấy sản phẩm hàng hóa trong một nước hoặc là trồng một số cây trên một vài nước hay không? Khó có thể trả lời trực tiếp tất cả các câu hỏi được đặt ra bởi sự khác nhau về luật pháp giữa các nước. Luật pháp quốc gia có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, mặc dù đã có sự ủng hộ nhằm mục tiêu một thương hiệu hợp tác xã quốc tế. Cần phải tăng cường hiểu biết và nghiên cứu, tuy nhiên những kiến thức hiện tại lại không được phổ biến một cách đủ rộng và phần lớn chỉ được sử dụng ở hợp tác xã truyền thống. Một đề nghị thú vị là tổ chức ICA sẽ nghiên cứu khả năng thành lập văn phòng trung tâm để đáp ứng các nhu cầu nhập khẩu của hợp tác xã tiêu dùng châu Âu. Không có một lời phản đối nào về quan điểm phải hợp nhất hệ thống bán buôn, bán lẻ và nêu quan điểm này có hiệu quả thì nó sẽ giúp cho việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này phát triển hơn.

Sự cân nhắc các hoạt động của hợp tác xã quốc tế chắc chắn liên quan đến tài chính thế giới và việc hợp tác về tài chính nổi lên ở hầu hết các chủ đề trong lớp học. Ông H.U. Mathias - Giám đốc điều hành của Hợp tác xã ngân hàng thế giới Basle - đã đưa ra phân tích sâu sắc về hợp tác xã tài chính thế giới và hoạt động của hợp tác xã này. Các nhóm thảo luận chắc chắn đều cảm thấy ngân hàng là cần thiết và đã đáp ứng nhu cầu, nhưng cần phải làm sáng tỏ rằng ngân hàng sẽ bảo đảm dựa trên nguyên tắc hợp tác xã, ngay cả khi

cần thiết vì các lý do về kinh tế để tăng lượng tiền "không hợp tác". Số tiền trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được vượt quá giới hạn cho phép. Như một mô hình lý tưởng, phong trào hợp tác xã quốc gia sẽ tự tăng nguồn vốn ban đầu, nhưng trong thực tế thì khác hẳn. Người ta đã hy vọng rằng sự hạn chế tài chính hiện tại của các quốc gia có nền kinh tế kế hoạch hóa ngăn cản sự ủng hộ của hợp tác xã ngân hàng thế giới sẽ được nói lỏng và các hỗ trợ này sẽ được thực hiện.

Nhiều lời phê bình đã được đưa ra, có lẽ do sự nghi ngờ của tất cả các công ty tài chính thế giới và sự nhạy cảm mà ngay cả hợp tác xã tài chính thế giới cũng không thể tồn tại đúng với nguyên tắc của chính nó. Trong câu trả lời của mình, ông Mathias đã chỉ ra rằng tất cả những người có cổ phần ở hợp tác xã ngân hàng thế giới đều là các tổ chức hợp tác xã, bao gồm cả các hợp tác xã tín dụng và cá nhân không được chấp nhận là thành viên.

Hợp tác xã bảo hiểm có vai trò lớn trong hợp tác xã tài chính và đại diện Ủy ban Bảo hiểm của ICA - ông Kjell Gustafsson của bang Folksam, Thụy Sĩ, đã nhấn mạnh rằng sự cộng tác là có thể giữa hợp tác xã bảo hiểm và các dạng hợp tác xã khác. Đã có trường hợp hợp tác xã bảo hiểm hợp tác với các tổ chức không phải là hợp tác xã và việc làm này đã gây nhiều tranh luận. Quan điểm tổng quát là sự cộng tác loại này không được khuyến khích. Ví dụ đặc trưng được đưa ra về mối liên hệ có thể bị tác động giữa các hợp tác xã bảo hiểm, hợp tác xã nhà ở, hợp tác xã người tiêu dùng. Do đó, việc hợp tác kiểu này cần được công khai hóa càng nhiều càng tốt. Quan điểm quốc gia có thể ngăn cản sự hợp tác giữa hợp tác xã bảo hiểm và hợp tác xã nhà ở, ví dụ: nhiều bang sẵn sàng tài trợ cho vấn đề về nhà ở và ngay cả hợp tác xã về nhà ở, trong một số trường hợp, vẫn có thể lôi cuốn sự giúp đỡ của bang. Theo ông Evan Solkjaer, người quản lý của một trong những hợp tác xã nhà ở lớn nhất ở Đan Mạch, phát biểu

với tư cách là đại diện của Ủy ban Hợp tác xã nhà ở của ICA, thì các vấn đề trên bao gồm cả một số vấn đề đối với hợp tác xã nhà ở. Một số nhóm làm việc cũng đưa ra một vài gợi ý hấp dẫn, bao gồm khả năng hợp tác xã ngân hàng thế giới sẽ cung cấp tài chính cho các dự án nhà ở trong nước. Vấn đề đặt ra là hợp tác xã nhà ở sẽ hợp tác với những người sản xuất của hợp tác xã sản xuất đến mức nào? Ông Solkjaer đưa ra chi tiết cuộc họp giữa đại diện Ủy ban Hợp tác xã nhà ở của ICA và Ủy ban Những người sản xuất về khả năng cùng hợp tác làm việc giữa hai bên, đồng thời hy vọng rằng thực tế của hoạt động thử nghiệm này sẽ dẫn đến sự hợp tác chắc chắn giữa hai ủy ban. Việc xuất khẩu vật liệu xây dựng cũng như các dụng cụ gia đình đã được khuyến khích và ở Scandinavia có rất nhiều hợp tác xã nhà ở sử dụng dụng cụ nhà bếp và nhà tắm, máy móc được sản xuất bởi hợp tác xã sản xuất.

Hợp tác xã nhà ở đã có thể bảo đảm mối liên hệ chặt chẽ với hợp tác xã người tiêu dùng và đóng vai trò đầu tiên trong việc bảo đảm rằng các hợp tác xã này được thành lập trên khu đất của hợp tác xã nhà ở. Người tham dự có thể xem trực tiếp các mô hình thực tiễn về sự cộng tác gần gũi này thông qua một số trường hợp ở Ba Lan, nơi rõ ràng có sự hợp tác mật thiết giữa hai kiểu hợp tác xã.

Ông Kaminski, thành viên Hội Nông nghiệp Trung ương của các hợp tác xã "Nông dân tự lực" và Ủy ban Nông nghiệp ICA phát biểu ngắn gọn về khả năng hợp tác của hợp tác xã nông nghiệp và các dạng hợp tác xã khác. Đặc biệt ông còn phác thảo khả năng mở rộng của hợp tác xã nông nghiệp trong lĩnh vực chế biến. Hợp tác xã này đã có sự liên kết với các công ty bảo hiểm, đặc biệt ở các nước phát triển, nơi hợp tác xã bảo hiểm mùa màng là phổ biến. Sự căng thẳng đã xảy ra giữa các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp - mong muốn giá cao nhất cho sản phẩm của họ, với hợp tác xã người tiêu dùng

- muốn giá thấp nhất cho hàng tiêu dùng của họ. Mặc dù đã được thừa nhận, nhưng dường như sự căng thẳng này sẽ giảm xuống mức có thể có sự hợp tác giữa hai hợp tác xã trên và "hợp đồng trang trại" được nói đến như là một xu hướng quan hệ tốt hơn. Thêm vào đó, mâu thuẫn có thể nảy sinh khi cả hai hình thức hợp tác xã đều muốn tham gia vào quá trình chế biến. Dưới góc nhìn của người Pháp, vốn có tư duy tổ chức mạnh, có lẽ hợp nhất các loại hình là có thể vượt qua khó khăn này.

Bà Barbara Rog-Swiostek, Trưởng Ban Quan hệ đối ngoại của Hội đồng Hợp tác xã tối cao Ba Lan, đã nêu ra hai chủ đề để thảo luận về sự hợp tác quốc tế nói chung giữa các hợp tác xã: vai trò của ICA và các ủy ban giúp việc trong việc phát triển các mối liên hệ giữa hợp tác xã thành viên; và cấp độ hợp tác giữa các hợp tác xã với các tổ chức không phải hợp tác xã thế giới (bao gồm cả các tổ chức chính phủ và phi chính phủ). Cuộc thảo luận về bài phát biểu của bà tập trung vào những vấn đề được coi là điểm yếu của ICA trong việc phổ biến công việc của các ủy ban phụ trợ. Tất cả mọi người đều cho rằng ICA đã không tự quảng cáo mình đúng mức và nó có thể trở thành tổ chức có áp lực mạnh hơn trên thế giới.

Bản báo cáo thu hoạch của các nhóm thảo luận - những người tham dự - đã chỉ ra rõ ràng là không có giải pháp đơn giản nào để giải quyết vấn đề hợp tác. Tìm hiểu thêm về các phong trào; trao đổi kinh nghiệm cá nhân ở tất cả các cấp độ giữa các phong trào, thậm chí giữa các loại hình khác nhau; phương thức hợp tác tốt, cả theo chiều ngang và chiều dọc, đều là những phương thức nhằm thúc đẩy hợp tác. Điều quan trọng là các hoạt động thương mại của hợp tác xã phải thành công và đây phải là mục tiêu đầu tiên. Các mục tiêu khác sẽ phải theo nó và những mục tiêu này phải khiến cho phong trào hợp tác xã khác hẳn với những loại hình tổ chức khác. Trong trường hợp tranh chấp xảy ra giữa các hợp tác xã,

những khác biệt phải được thảo luận và tìm ra giải pháp hơn là để cho hợp tác xã thất bại vì suy nghĩ rằng chắc chắn đó là tranh chấp không thể giải quyết được.

Sự cộng tác được nhấn mạnh đặc biệt ở ba lĩnh vực hoạt động: đầu tiên là vấn đề thương mại, thứ hai là vấn đề khoa học - công nghệ, thứ ba là vấn đề văn hóa - xã hội. Ví dụ từ các bài diễn thuyết khác nhau ở lớp học và các ví dụ thực tế ở Ba Lan đã chỉ ra những thành công đáng kể đạt được trong thương mại. Sự hợp tác trong vấn đề khoa học - công nghệ sẽ được nâng cao tương ứng với tốc độ thay đổi công nghệ. Trong vấn đề hợp tác này, pháp luật và chính trị là hai lĩnh vực thấp nhất. Hợp tác về văn hóa - xã hội sẽ bao gồm trình độ của các xã viên.

Tiếp theo, sự tập trung của các hợp tác xã cần phải nhấn mạnh đến sự tham gia nền tảng dân chủ của hợp tác xã còn tồn tại.

Những bài giảng của các ủy ban ICA hướng vào sự hợp tác quốc tế hoặc sự hợp tác trong nước của từng quốc gia. Điều đó rất có ích khi có một loạt bài giảng và thảo luận đặt ra cho những người tham dự thông tin nền tảng về phong trào hợp tác xã Ba Lan. Những tài liệu công phu được chuẩn bị bởi các ông Januz Sobieszc-Zanski, Tadeusz Szelazek và Tadeusz Romanowski đều đã đề cập những vấn đề cần quan tâm và thảo luận. Thêm vào đó, Ban tổ chức đã sắp xếp cho người đại diện các mô hình hợp tác xã nói chuyện về vấn đề hợp tác xã Ba Lan như nhà ở, tiết kiệm và tín dụng của người tàn tật, người tiêu dùng và tổ chức xuất khẩu rau quả, HORTEX.

Lớp học đã may mắn có cơ hội được đón tiếp các ông Mauritz Bonow - Chủ tịch tổ chức ICA và Gemmell Alexander - Giám đốc của ICA.

Ông Bonow đã đưa ra một điều tra xuất sắc, tổng quát và có chiều sâu về phong trào hợp tác xã trên toàn thế giới.

Ông đưa ra một vài lời phê bình thú vị về phong trào hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế kế hoạch hóa và chỉ ra bằng cách nào những thay đổi lớn đang diễn ra, ẩn sau cách dùng các cụm từ kinh tế thông thường, hướng tới sự giống nhau nhiều hơn. Ông nhấn mạnh sự khác biệt lớn giữa hai loại hình kinh tế cũng như sự khác biệt ở các nước đang phát triển, nơi mà, nhìn chung, bị chi phối bởi nền nông nghiệp thô sơ, trì trệ. Điểm nhấn mạnh ở lớp học về nhu cầu hợp tác thương mại giữa các hợp tác xã được gây tiếng vang, bởi ông Bonow đã phát hiện ra các bước đi cần thiết hướng tới tự do thương mại thế giới. EEC (Thị trường chung châu Âu), EFTA (Hiệp hội thương mại tự do châu Âu) và COMECON (Hội đồng Tương trợ kinh tế) sẽ được chấp nhận và phong trào hợp tác xã phải tiến tới sử dụng các thị trường lớn hơn này, bắt đầu trong những tổ chức này và sau đó là vượt ra ngoài những tổ chức này, kể cả ở những nơi chuẩn bị được xây dựng. Chấn chấn các công ty thương mại tư nhân phải tham gia những thị trường rộng lớn này. Việc hợp nhất công ty cũng đã diễn ra ở châu Âu. Ông Bonow phân vân liệu việc hợp tác này có khả năng xảy ra giữa Đông Âu và Tây Âu không. Ông cho rằng nếu có các lợi ích kinh tế thì có thể vượt qua các cản trở về tư tưởng, và ngay lập tức một thỏa thuận gần đây của Hãng Fiat giữa Italia và Ba Lan đã diễn ra. Ông Bonow đã chỉ ra rằng ở các nước đang phát triển vùng Viễn Đông, 52% số dân thế giới đang cố gắng sống chỉ bằng 12% thu nhập của thế giới, ngược lại, ở khu vực Bắc Mỹ, Mỹ và Canada chỉ có 7% số dân thế giới sống với 40% thu nhập toàn cầu. Ở Tây Âu, thu nhập quốc gia tăng gấp hai lần trong vòng 20 năm trở lại đây; ở Đông Âu, kinh tế đã tăng gấp đôi trong thời gian ngắn hơn thế, nhưng tại các nước đang phát triển, cùng với sự trì trệ trong nền kinh tế của họ thì thứ gia tăng duy nhất là dân số. Sự giúp đỡ từ các quốc gia giàu đã bị đình trệ, lương thực và sự

gia tăng dân số vẫn là hai vấn đề lớn cần giải quyết nếu không xảy ra dịch bệnh vào cuối thế kỷ. Ông cho rằng phong trào hợp tác xã cần làm nhiều việc hơn nữa để thúc đẩy các chính phủ thực hiện hành động và trong khi các phong trào hợp tác xã tác động ở cấp quốc gia thì tổ chức ICA phải hành động ở mức độ quốc tế thông qua các tổ chức phi chính phủ và liên chính phủ. Ông cho rằng phong trào hợp tác xã là phương tiện hỗ trợ quan trọng nhất cho các nước đang phát triển, bởi vì hợp tác xã khuyến khích sự tự lập một cách rộng khắp.

Điều có ý nghĩa là các chính phủ tài trợ đang gia tăng tìm kiếm sự viện trợ từ phong trào hợp tác xã và, trong khi hầu hết các tài trợ của chính phủ là thích hợp, duy chỉ có tự thân phong trào hợp tác xã có thể cung cấp các bí quyết sản xuất (know-how), do đó các phong trào hợp tác xã phải bảo đảm rằng chỉ những người giỏi chứ không phải là những người bị loại, mới được gửi đến các nước đang phát triển. Và ICA phải làm tất cả những gì có thể để bảo đảm tăng hiệu quả nguồn viện trợ thế giới cho phong trào hợp tác xã ở các nước đang phát triển.

Ông Alexander, Giám đốc ICA, xếp loại những gợi ý được các nhóm thảo luận đưa ra từ những ví dụ thực tiễn. Ông chỉ ra việc liên hệ của các hợp tác xã là thường xuyên bừa bãi ra sao và cho rằng các mối liên hệ đều đặn giữa các hợp tác xã khác nhau khá máy móc. Ông không đồng ý với quan điểm của một số người tham dự về vấn đề hợp tác giữa hợp tác xã và các tổ chức không phải là hợp tác xã, ví dụ: ông cho rằng các hợp tác xã không nên tránh giao tiếp với các tổ chức không phải là hợp tác xã. Họ cần phải có lòng tin để nhận biết các lợi ích và chấp nhận sử dụng chúng mà không ảnh hưởng xấu đến những đặc tính đích thực của hợp tác xã. Ông cho rằng thái độ nước đôi của phong trào hợp tác xã với chính phủ là ví dụ điển hình. Nhiều hợp tác xã hoạt động

trong kế hoạch của chính phủ. Đáp lại, việc chính phủ cung cấp tài chính là cần thiết - hợp tác xã phân bón có thể cần tiền của chính phủ - và hợp tác xã kinh doanh bí quyết sản xuất nhằm thực hiện các hoạt động.

Ví dụ về vấn đề này, gần đây có thể thấy ở Kênia, nơi mà chính phủ cung cấp tiền (phải trả lại) và một công ty bơ sữa hàng đầu của Thụy Sĩ cung cấp máy móc để xây dựng một hợp tác xã bơ sữa hoàn toàn độc lập. Ông Alexander nhìn thấy tiềm năng lớn cho Ngân hàng Hợp tác thế giới, ngân hàng này phải đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển hợp tác giữa các hợp tác xã vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Đó là mục tiêu cho các hợp tác xã châu Âu sử dụng nguồn vốn này một cách đầy đủ. Ở các vùng khác có khả năng phát triển các chi nhánh ngân hàng hơn là thành lập các ngân hàng hợp tác xã khu vực.

Nhìn chung, ông Alexander hy vọng sự hợp tác quốc tế giữa các hợp tác xã sẽ gia tăng, đối với ICA - tổ chức phi chính phủ duy nhất không bị chia rẽ chính trị - điều có ý nghĩa nhất là mỗi khi có một nhóm hợp tác xã mới được thành lập, thì đó là được thành lập trong khuôn khổ của ICA.

Kết luận

Lớp tập huấn về hợp tác xã thế giới lần thứ 36 đã làm việc tích cực, sôi nổi và đạt được kết quả thiết thực. Như thường lệ, người tham dự bao giờ cũng cảm thấy khóa học quá ngắn ngủi. Chúng tôi hy vọng rằng nhiều ý tưởng được đưa ra bởi người tham dự của các hợp tác xã sẽ được chính họ thực hiện tại các hợp tác xã của mình. Chắc chắn tất cả mọi người sẽ cảm nhận được lòng mến khách ấm áp, thân thiện của các xã viên người Ba Lan - những người mà chúng tôi đến liên hệ và những người đã quan tâm thực sự đến chúng tôi để đạt được các kết quả mong đợi trong phong trào mà họ đáng tự hào. Sự hợp tác của đơn vị chủ nhà, Hội

Nông nghiệp Trung ương của các hợp tác xã "Nông dân tự lực" thật tuyệt vời, cảm ơn tất cả những người tham dự và ICA về việc cung cấp các văn phòng và nhân viên của tổ chức này đã bảo đảm cho lớp học làm việc một cách thuận lợi.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở CHÂU ÂU

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

I. MỤC TIÊU

- EU có hơn 300.000 hợp tác xã với 2,3 triệu xã viên. Các hợp tác xã có mặt ở tất cả các nước thành viên cũ, thành viên mới và các nước là ứng cử viên.

- Luật về địa vị pháp lý của các công ty - hợp tác xã châu Âu (SCE) năm 2003 đã đề cập lợi ích của các hợp tác xã: phát triển tiềm lực, hoàn thiện hình ảnh các hợp tác xã, nhất là hợp tác xã ở các nước thành viên mới và các nước ứng cử viên (tất cả các nước thành viên phải thông qua các phương thức để luật này có hiệu lực).

- Phát triển (tăng cường) các luật và tạo một môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã.

- Tăng cường vị trí của các hợp tác xã trong các chương trình của EU.

- Ở mức độ quốc tế: tất cả các nước thành viên của EU cũng như chính phủ các nước thành viên mới hay các nước ứng cử viên đều đã thông qua Khuyến nghị số 193 về khuyến trợ các hợp tác xã năm 2002 của ILO.

II. KHUYẾN TRỢ CÁC HỢP TÁC XÃ VÀ TÌM HIỂU CÁC KHU VỰC

1. Nhận thức/thông tin

- Nâng cao nhận thức của các cơ quan quyền lực và các khu vực kinh tế tư nhân (hội thảo, sách giới thiệu, nghiên cứu theo chủ đề, mạng lưới).
- Trao đổi giữa các nước về thực tiễn, kinh nghiệm quý báu của các hợp tác xã.
- Khuyến khích các ý tưởng về sự nhận thức và chuyển thông tin cho các nền kinh tế kế hoạch cũ ở Trung Đông.
- Thực hiện việc "kiểm soát thống kê" hiệu quả (số lượng và sự tiến triển) từ các viện thống kê quốc gia.

2. Hoạt động khuyến trợ

- Giáo dục và thông tin: phát triển việc tiếp cận thông tin về các hợp tác xã (các phần đặc biệt về quản lý hợp tác xã, bài giảng đại học về quản lý, lãnh đạo hợp tác xã, đào tạo trực tuyến từ xa).
- Các dịch vụ hỗ trợ hợp tác xã: phổ biến các thực tiễn, kinh nghiệm tốt.
- Tiếp cận về tài chính: đơn giản hóa việc tiếp cận các quỹ tín dụng.
- Khuyến trợ các hợp tác xã xã hội (địa vị pháp lý mới).

3. Pháp lý

Trên cơ sở Luật SCE, các nước có thời hạn ba năm để ban hành các văn bản áp dụng. Tổ chức hội thảo với các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện việc triển khai các thông tư hướng dẫn Luật SCE.

Làm việc với chính quyền và các tổ chức đại diện các hợp tác xã nhằm hoàn thiện luật hiện hành.

Tôn trọng các nguyên tắc quốc tế (Tuyên ngôn ACI - Liên minh hợp tác xã quốc tế năm 1995 được nhắc lại trong Khuyến nghị R193) về việc soạn thảo các luật mới nhằm tạo ra sự uyển chuyển để đáp ứng các nhu cầu hiện tại của các hợp tác xã.

Điều chỉnh thuế thích đáng: theo dõi việc quay vòng, việc các hợp tác xã giả có thể lạm dụng những lợi ích ưu đãi về thuế dành cho các hợp tác xã; triển khai hệ thống các ưu đãi thích đáng và tạo ra tình trạng đa cạnh tranh.

Các quy định về cạnh tranh áp dụng cho các hợp tác xã được thực hiện như đối với doanh nghiệp.

Quy chế của Luật SCE được sửa đổi muộn nhất là sau năm năm khi luật có hiệu lực.

4. Hợp tác xã với các mục tiêu cộng đồng

- Sự tham gia của các hợp tác xã nông nghiệp trong việc phát triển nông nghiệp của CE cho phép đạt được các mục tiêu của Lisbon (Hội đồng châu Âu tại Lisbon đã quy định các mục tiêu chiến lược nhằm xây dựng cho CE "Nền kinh tế cạnh tranh và năng động nhất thế giới đến năm 2010").

- Vai trò quan trọng của các hợp tác xã đối với sự phát triển địa phương và các vùng khó khăn, biệt lập.

- Nhắc lại chính sách nông nghiệp của châu Âu, nhất là đối với các nước thành viên mới của Đông Âu: cách thức tiếp cận vốn, sự trợ giúp đặc biệt cho việc thành lập hợp tác xã. Mong muốn ưu đãi các hoạt động thương mại hợp tác xã bền vững, một sự quản lý tốt, một sự hợp tác giữa các hợp tác xã, giữa những người lãnh đạo trẻ. Quan hệ chính sách ủng hộ cho thu nhập, đào tạo và tăng cường vốn. Mong muốn tập trung phát triển các hợp tác xã dịch vụ phi nông nghiệp trong khu vực nông nghiệp (Hợp tác xã xã hội SCIC - công ty hợp tác xã lợi ích chung).

- Tạo việc làm và tạo điều kiện cho những người khó hòa nhập với xã hội tham gia các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã kinh tế - xã hội lợi nhuận ròng không được phân chia cho các thành viên.

HỢP TÁC XÃ - MỘT SỰ LỰA CHỌN THEO KHẢ NĂNG, MỘT NƠI TỐT ĐỂ ĐỊNH CƯ *

Mọi khu vực trong thành phố đều có hợp tác xã. Một hợp tác xã có thể là một tòa nhà ở có nhiều buồng cỡ trung hoặc một dãy nhà. Những người sống trong hợp tác xã gồm đủ mọi thành phần. Đó là những người có kiến thức khác nhau, với lợi tức khác nhau và đôi khi cũng là những người có nhu cầu chăm sóc đặc biệt. Những sự khác biệt và sống động trong cộng đồng là sức mạnh duy nhất của hợp tác xã.

Thành phố Toronto và vùng York có 17.000 đơn vị hợp tác xã chung cư. Hợp tác xã nào cũng đều có đơn vị theo giá thị trường và đơn vị có trợ cấp. Hợp tác xã được gọi là những đơn vị thị trường (Market Units) khi hội viên trả tiền theo giá thị trường. Các đơn vị được trợ cấp (Subsidized Units) là những đơn vị mà hội viên chỉ trả một phần của giá thị trường. Phần còn lại của giá tiền nhà sẽ được thanh toán bởi chương trình trợ cấp kết hợp với hợp tác xã.

Hiện nay, những đơn vị được trợ cấp rất hiếm vì danh sách chờ đợi rất dài.

I. MỘT SỰ LỰA CHỌN THEO KHẢ NĂNG

Hợp tác xã có thể cung ứng chung cư tùy theo khả năng

* Bài do Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư sưu tầm.

cho những người có lợi tức trung bình. Họ nói rộng thường xuyên danh sách chờ đợi cho những đơn vị giá thị trường. Tại khắp mọi vùng thuộc Toronto và York, có những hợp tác xã cho phép đăng ký vào danh sách chờ đợi. Tiền thuê đơn vị giá thị trường tại những hợp tác xã thường rẻ hơn là giá trên thị trường bình thường.

1. Hợp tác xã nhà ở là gì?

Nhà ở hợp tác xã là chung cư do chính hội viên cai quản. Hội viên cư ngụ trong chung cư là những người có trách nhiệm điều hành chung cư đó. Mỗi hội viên được quyền bỏ phiếu và hằng năm, hội viên bầu một ban quản lý từ trong nội bộ.

2. Những điều khác biệt của hợp tác xã nhà ở so với chung cư cho thuê thường lệ

- Những người sống trong một hợp tác xã là hội viên của hợp tác xã chứ không phải là người thuê nhà

Họ cùng nhau chịu trách nhiệm trong hợp tác xã. Mỗi hội viên được một phiếu bầu cử và mỗi năm hội viên bầu ra một ban quản lý từ trong nội bộ.

- Không có chủ nhà

Hội viên tự đề ra những quyết định quan trọng về việc bảo trì nhà ở và làm thế nào để điều hành công việc của hợp tác xã.

- Hội viên cai quản hợp tác xã

Hội viên bầu lên một ban quản lý để điều hành công việc của hợp tác xã. Đa số các hợp tác xã tự thuê nhân viên để thi hành công việc hằng ngày. Hội viên làm việc chung với nhau để việc quản lý hợp tác xã được trôi chảy và không tốn kém.

- Hội viên không phải lo về việc tiền thuê nhà gia tăng quá đáng

Thông thường, chủ nhà tăng tiền thuê nhà để được lãi tối

đa. Còn hợp tác xã là những cơ quan không vụ lợi. Như vậy không có nghĩa là tiền thuê nhà (chi phí của hợp tác xã) sẽ không tăng. Chi phí của hợp tác xã tăng lên cùng với sự gia tăng của chi phí điều hành. Sự khác biệt là hội viên được xem xét tình hình tài chính của hợp tác xã và các đề nghị về ngân quỹ của Ban quản lý. Các hội viên thống nhất ngân quỹ trong buổi hội nghị hằng năm. Nếu chi phí của chung cư tăng lên thì chi phí đó phản ánh sự tốn kém thật sự, chứ không phải để lấy lời.

- Hợp tác xã rất vững chắc

Hội viên chỉ bị mời ra khỏi hợp tác xã nếu vi phạm nội quy của hợp tác xã. Hợp tác xã cung cấp chung cư bảo đảm và lâu bền. Xã viên và gia đình có thể cư trú tại hợp tác xã trong một thời gian lâu dài và cùng nhau sinh sống trong cộng đồng.

II. HỘI VIÊN CỦA HỢP TÁC XÃ CẤU TẠO NGUỒN GỐC CỦA CỘNG ĐỒNG

Hợp tác xã sẽ không bao giờ bị bán hoặc trao đổi lấy lời, cho nên hội viên có thể quyết định cư ngụ tại hợp tác xã trong một thời gian lâu dài. Điều này khuyến khích sự tích cực tham gia, cùng nhau lo cho cộng đồng và cho phép hội viên cảm thấy yên tâm trong hợp tác xã và khu vực mình sống. Mọi người sẽ dễ dàng hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng nếu biết là họ sẽ thuộc về cộng đồng đó trong một thời gian lâu dài.

Hội viên của hợp tác xã thuộc về một cộng đồng hợp tác xã lớn hơn.

Có trên 165 hợp tác xã trong vùng Toronto và phụ cận được kết hợp thành một liên bang mà các hợp tác xã có thể đến để có được sự chia sẻ, thông tin và tham khảo.

III. CÁCH THỨC NỘP ĐƠN VÀO CHUNG CƯ HỢP TÁC XÃ

Mỗi hợp tác xã là một công ty riêng biệt nên cách thức nộp đơn ở mỗi nơi có phần khác biệt đôi chút.

Đa số các hợp tác xã sẽ mời ứng viên tham dự một buổi hội thảo thông tin trước hoặc sau khi người đó điền đơn. Đôi khi hợp tác xã tính lệ phí nộp đơn.

Nếu ứng viên cần được trợ giúp, cũng phải ghi tên trong danh sách chờ đợi của Chương trình chung cư xã hội tại Toronto. Sự trợ giúp của hợp tác xã do thị xã cai quản chỉ dành cho người đầu tiên có tên trong danh sách của thị xã. Sự trợ giúp của hợp tác xã do chính quyền toàn quốc cai quản cũng có thể được dành cho những người có tên trong danh sách chờ đợi riêng của từng hợp tác xã. Tuy nhiên, những sự trợ giúp của hợp tác xã rất giới hạn.

Hợp tác xã sẽ duyệt xét đơn xin của ứng viên. Khi có một đơn vị trống hoặc nếu danh sách chờ đợi của hợp tác xã cần bổ sung thêm người ghi danh, tất cả những vị thành niên trong danh sách sẽ được mời đến phỏng vấn trước khi được chấp nhận trở thành hội viên.

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở QUEBEC, CANADA*

I. THÔNG QUA KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ HIỆU QUẢ VÀ ĐỔI MỚI

1. Tăng cường tính phân biệt giữa hợp tác xã với các pháp nhân và tổ chức khác: làm rõ các nguyên tắc hợp tác được thiết lập bởi Liên minh hợp tác xã quốc tế. Nhấn mạnh tính dân chủ, sở hữu tập thể và khái niệm chủ sở hữu - người sử dụng.

Soạn thảo luật chung cho năm loại hình hợp tác xã, nhưng có các quy định riêng cho mỗi loại hợp tác xã để chúng vận hành và phát triển tốt nhất. Làm rõ các hợp tác xã của người lao động - cổ đông. Hoàn thiện hợp tác xã liên kết để hoạt động hiệu quả hơn (mềm dẻo hóa các quy định về thành lập, mở rộng thành phần thành viên).

Đề nghị khác: hợp tác xã về nhà ở, trường học, lao động cũng được tính đến.

2. Hoàn thiện phương thức tích lũy vốn: dự án luật phải làm rõ quyền của người góp vốn trong việc tiếp cận thông tin về vốn nắm giữ, về việc hoàn lại vốn góp của các thành viên xin ra khỏi hợp tác xã, vì vấn đề này có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của hợp tác xã.

* Bài do Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư sưu tầm.

3. Khẳng định lại việc không thể chia các quỹ dự trữ chung: bắt buộc phải thiết lập một quỹ dự trữ chung không chia.

4. Tăng cường mạng lưới khu vực/chuyên ngành: các hợp tác xã không phải là thành viên của liên đoàn tham gia tài chính cho sự phát triển khu vực/chuyên ngành; thiết lập các công cụ chứng thực hợp tác xã; tăng cường thẩm quyền của các liên đoàn để bảo đảm sự liên kết khu vực/chuyên ngành (có thể thanh tra, xác minh) và thay đổi thành viên của các liên đoàn (có thể chấp nhận các doanh nghiệp không phải là hợp tác xã).

5. Hoàn thiện sự vận hành hợp tác xã: giảm nhẹ các quy định về văn bản và ý kiến đòi hỏi, đơn giản hóa về mặt hành chính đối với việc công khai hợp pháp hóa các doanh nghiệp, cơ chế chuyển tiếp tư cách của tổ chức có mục đích không lợi nhuận sang tư cách hợp tác xã.

II. HOÀN THIỆN SỰ TÍCH LŨY VỐN

1. Bảo đảm tài chính thích đáng cho sự phát triển các hợp tác xã

- Mở rộng sự tham gia của chính phủ vào "Mạng lưới đầu tư xã hội của Quebec" (Quỹ trợ giúp cho các doanh nghiệp kinh tế - xã hội, bao gồm một hợp phần tích lũy vốn và một hợp phần hỗ trợ kỹ thuật).

- Tạo quỹ vùng và quỹ trợ giúp tín dụng hợp tác xã: nhu cầu của các quỹ bên ngoài nhằm bảo đảm sự phát triển các hợp tác xã. Quỹ này có từ nguồn vốn đóng góp của các cá nhân và 60% được dự trữ trong các doanh nghiệp hay hợp tác xã (giảm thuế cho các bên quyên góp quỹ là 50% tổng số tiền đầu tư).

- Thực hiện chương trình khuyến khích huy động vốn của các doanh nghiệp kinh tế - xã hội, thực hiện chương trình tài

chính doanh nghiệp, kinh tế tập thể cho đầu tư (bảo đảm cho vay tại các thiết chế/tổ chức tài chính, trước đây các thiết chế/tổ chức đó chỉ cho các doanh nghiệp lớn vay vốn).

- Chi các vốn bổ sung trong mạng lưới đầu tư xã hội của Quebec (2,6 triệu USD trong năm 2002, giảm thuế 150% cho các khoản đầu tư bởi các pháp nhân).

- Quỹ người lao động: ưu tiên đối với các doanh nghiệp tập thể, dành một khoản tài chính để cho các hợp tác xã và các tổ chức phi lợi nhuận vay với số tiền khoảng 50.000 đến 500.000 USD. Bộ Địa phương sẽ trợ cấp 1,5 triệu USD/5 năm. Thời gian vay từ một đến bảy năm, phương thức trả nợ rất mềm dẻo và đa dạng.

2. Tăng cường quỹ của mỗi hợp tác xã nhằm hoàn thiện việc gây quỹ của họ

- Trích một phần trong giới hạn nhằm khấu trừ cho tiền chia lãi. Cho phép phân chia một phần các số dư đã thực hiện với các thành viên không chính thức của các hợp tác xã sản xuất và lao động (dự thảo Luật hợp tác xã). Sửa đổi thuế để cho mức khấu hao là tiền chia lãi hoặc chính là số tiền dư mà nó có thể phát ra. Mục đích nhằm thỏa mãn việc tăng đầu tư của các thành viên các hợp tác xã này.

- Hỗ trợ các yêu cầu của phong trào hợp tác liên quan đến chế độ thuế liên đoàn. Yêu cầu thực hiện chế độ đầu tư hợp tác theo cấp liên đoàn.

- Đổi mới chế độ đầu tư hợp tác: ưu đãi thuế cho thành viên và người lao động của hợp tác xã đối với việc tăng vốn.

- Hoàn nộp thuế với tiền chia lãi được chuyển dưới hình thức vốn ưu đãi cho các thành viên của hợp tác xã: để khuyến khích các thành viên của hợp tác xã lao động và sản xuất được tham gia vào phát triển doanh nghiệp của họ.

III. HOÀN THIỆN CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN CHO CÁC HỢP TÁC XÃ

Việc hoàn thiện các dịch vụ tư vấn cho các hợp tác xã được tiến hành trên năm định hướng chiến lược.

1. Hoàn thiện dịch vụ tư vấn cho việc khởi động hoạt động của hợp tác xã mới

- Tiếp tục và đổi mới Chương trình giúp đỡ các hợp tác xã của phát triển vùng (CDR): thể hệ hợp tác xã, phần bổ sung kèm theo, hỗ trợ cho các dự án hợp tác tương lai và phần liên quan khi khởi động hoạt động của các hợp tác xã trong lĩnh vực mới nổi lên (7.655.000 USD đối với một chương trình).

2. Tăng cường việc phân chuyên môn và hoạt động của các liên đoàn

- Thực hiện chương trình theo dõi chuyên môn hóa các hợp tác xã đối với các liên đoàn. Việc theo dõi được bảo đảm bởi các liên đoàn hợp tác xã khu vực: 5.500.000 USD/3 năm (các dịch vụ hỗ trợ những hợp tác xã khó khăn hoặc có nhu cầu cần củng cố, trao đổi hiểu biết và giám định giữa các hợp tác xã trong cùng một lĩnh vực và ở các lĩnh vực khác nhau).

- Tiếp tục thực hiện và đổi mới chương trình trợ giúp các dự án phát triển và triển khai các công cụ quản lý chuyên môn, hành chính chung, ví dụ: đặt mạng lưới, tập hợp mua công cụ (4.500.000 USD/3 năm).

3. Tăng cường số lượng và sự đa dạng các loại hình hợp tác xã

Hỗ trợ các đối tác vùng và khu vực trong sự phát triển hợp tác giữa các bên hợp tác với đối tác kinh tế - xã hội (ví dụ: thỏa thuận giữa Hội đồng Hợp tác Quebec và các trung tâm địa phương về phát triển).

4. Tăng cường sự cạnh tranh của các công ty - hợp tác xã

- Hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới: phát triển các sản phẩm mới, giới thiệu và phân bổ các chương trình đã có trong lĩnh vực nghiên cứu và cải tạo, khuyến khích các đối tác giao dịch trong việc sản xuất và thương mại hóa.

- Sự nhạy cảm với các thực tế giao dịch mới nhất: đối với các liên đoàn vùng, hợp tác xã phát triển vùng, hợp tác xã thu nhận các công cụ cho việc hoàn thiện sự cạnh tranh.

5. Hỗ trợ sự tăng cường mở rộng hiệp hội các hợp tác xã

Phát triển và tuyên truyền các công cụ về chứng thực hợp tác xã: hoàn thiện sự tham gia của các thành viên, thông tin và đào tạo, quy trình quyết định tốt hơn.

IV. HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỢP TÁC XÃ

Kêu gọi tất cả các bộ và cơ quan chính phủ:

1. Hiểu biết của Hội đồng Hợp tác Quebec như là cấp đại diện của phong trào hợp tác xã

- Hỗ trợ cho cấu trúc của phong trào hợp tác xã và của Hội đồng Hợp tác Quebec.

- Phối hợp các hồ sơ chiến lược và trao đổi với các đối tác (về sự đa dạng của các lĩnh vực/khu vực kinh tế mới).

- Kiểm soát chiến lược và nghiên cứu (theo các trường đại học).

- Đào tạo đội ngũ lãnh đạo của hợp tác xã và giáo dục hợp tác xã.

2. Vai trò của bộ máy chính phủ trong việc hỗ trợ sự phát triển hợp tác xã

- Duy trì các ủy quyền/đại diện của chính phủ trong việc phát triển các hợp tác xã: nêu rõ từ năm 2002, Bộ Tài chính - Kinh tế phải nghiên cứu luật về hợp tác xã, chương trình giúp đỡ hợp tác xã của phát triển vùng, chế độ đầu tư hợp tác.

- Tạo ra "các hợp tác xã khác biệt" để có thể đạt được một tầm nhìn lớn hơn về sự thành công trong lĩnh vực hợp tác và ưu đãi các biện pháp đổi mới.

3. Tăng cường đào tạo hợp tác xã ở tất cả các cấp của hệ thống giáo dục

- Giảng dạy gộp ở các cấp khác nhau trong hệ thống trường học.

- Cấp cơ sở tiểu học và phổ thông: trong các giáo trình trường học, kế hoạch hoạt động của thanh niên, trung tâm học nghề về hợp tác.

- Giảng dạy ở cấp cao hơn.

4. Khuyến khích các đối tác trong khuôn khổ những kế hoạch khác nhau giữa các hợp tác xã và nhà nước

- Đối tác giao dịch giữa các hợp tác xã và chính phủ. Ví dụ: các nước châu Âu có hợp đồng trực tiếp giữa chính phủ và hợp tác xã (mở ra sự đòi hỏi các dịch vụ về xã hội).

- Các định hướng về ưu đãi trong những lĩnh vực về hợp tác xã nhà ở: tăng cường các liên đoàn và Tổng liên đoàn Quebec về nhà ở để tăng cường hợp tác tài chính và bất động sản của các tổ chức của hợp tác xã nhà ở, tính lâu dài của hình thức hợp tác xã này.

5. Ưu đãi tọa độ địa lý chiến lược của các hợp tác xã phải đối mặt với các xu hướng lớn về kinh tế

- xã hội

- Thực hiện nghiên cứu về tọa độ địa lý chiến lược của các hợp tác xã phải đối mặt với xu hướng toàn cầu hóa; tài chính phục vụ cho nghiên cứu.

- Chỉ ra các khu vực có tiềm năng phát triển hợp tác xã nhằm định hướng phát triển đa dạng hóa các hợp tác xã theo khu vực.

- Đối tác giữa các hợp tác xã và các công ty kinh tế - xã hội khác, ví dụ: giữa Hội đồng Hợp tác Quebec và liên đoàn kinh tế - xã hội để có các ý tưởng về phát triển doanh nghiệp tập thể.

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TẠI BANG QUEBEC, CANADA

VỤ HỢP TÁC XÃ - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

I. VÀI NÉT VỀ VAI TRÒ, VỊ TRÍ CỦA HỢP TÁC XÃ TẠI BANG QUEBEC

- Canada là quốc gia lớn thứ hai trên thế giới, sau Liên bang Nga, và nằm ở cực bắc của Bắc Mỹ; về phía nam, Canada giáp với Mỹ bằng một biên giới dài nhất thế giới; về phía tây bắc, Canada giáp với tiểu bang Alaska của Mỹ; về phía đông bắc, giáp đảo Greenland (thuộc Đan Mạch); ở bờ biển phía đông có quần đảo Saint-Pierre và Miquelon (thuộc Pháp).

Canada là một liên bang gồm 10 tỉnh và ba hạt, diện tích 9.984.670 km², hiện có 34.030.589 người (ước tính tháng 7-2011)¹, có nền dân chủ nghị viện, đứng đầu nhà nước là Nữ hoàng Elizabeth II của Vương quốc Anh, đứng đầu chính phủ là thủ tướng. Đây là một quốc gia sử dụng song ngữ, cả tiếng Anh và tiếng Pháp đều là ngôn ngữ chính thức ở cấp liên bang. Canada là một trong số các nước phát triển cao trên thế giới, có một nền kinh tế đa dạng, nguồn tài nguyên thiên

1. Theo số liệu của CIA - The World Factbook (BT).

nhiên phong phú và thương mại phát triển, đặc biệt với Mỹ. Canada là thành viên của các tổ chức G-8, G-20, NATO, OECD, WTO, Khối thịnh vượng chung, Cộng đồng Pháp ngữ, OAS, APEC, UN,...

- Quebec có diện tích gần 1,5 triệu km, tức là gần gấp ba lần nước Pháp, gấp bảy lần nước Anh, là bang lớn nhất của Canada, một quốc gia trong Canada. Hiện có khoảng 8 triệu người đang sinh sống tại Quebec (tỉnh bang đứng thứ nhì trong Canada về số dân, sau Ontario), trong đó 80% tập trung ở các trung tâm đô thị nằm dọc theo sông Saint-Laurent. Ngôn ngữ chính là tiếng Pháp.

Theo cơ chế liên bang, bang Quebec có quyền tự trị lớn, chịu trách nhiệm chính trong phát triển kinh tế, đổi mới và xuất nhập khẩu, văn hóa, giáo dục, v.v.. Mỗi bang có luật hợp tác xã riêng, gần đây có luật hợp tác xã chung của liên bang áp dụng cho những hợp tác xã hoạt động ở nhiều bang khác nhau.

- Ở Quebec hiện có 3.300 hợp tác xã và công ty bảo hiểm tương hỗ (trong tổng số 10.000 hợp tác xã và công ty bảo hiểm tương hỗ của Canada); 8,8 triệu xã viên (so với 8 triệu dân, tức là một xã viên tham gia nhiều hợp tác xã và so với tổng số 10 triệu xã viên hợp tác xã của Canada); thu hút trên 80% nông dân tham gia hợp tác xã; tạo việc làm cho 92.000 lao động (trong tổng số 165.000 việc làm do hợp tác xã của Canada tạo ra); có tổng tài sản 173 tỷ CAD (tương đương đồng đôla Mỹ) (trong tổng số 265 tỷ CAD của hợp tác xã toàn quốc); có doanh số 25,6 tỷ CAD (năm 2010). Trong khi trên thế giới có khoảng 750.000 hợp tác xã với 800 triệu xã viên, cùng với công ty bảo hiểm tương hỗ đã tạo việc làm cho trên 100 triệu người, tức là tạo việc làm nhiều hơn 20% so với các doanh nghiệp đa quốc gia.

Những hợp tác xã đầu tiên dưới hình thức công ty bảo hiểm tương hỗ được thành lập vào giữa thế kỷ XIX. Hợp tác

xã tiết kiệm và tín dụng đầu tiên được Desjardins thành lập vào năm 1900. Tiếp đó nhiều loại hình hợp tác xã khác được ra đời, như hợp tác xã nông nghiệp (1910), hợp tác xã thực phẩm (1930),...

- Hợp tác xã hợp thành một khu vực/thành phần kinh tế rất quan trọng của Canada bên cạnh khu vực kinh tế tư bản tư nhân và khu vực công (nhà nước). Ba khu vực này gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong khi khu vực kinh tế công tạo ra hàng hóa, dịch vụ chung quan trọng cho nhân dân và bảo đảm "cuộc sống cùng nhau" của con người, theo đó giá trị khu vực này theo đuổi là sự tham gia vào việc khuyến khích cải thiện các điều kiện sống cho mọi người dân; khu vực kinh tế tư nhân tạo ra hàng hóa, dịch vụ chung của cá nhân với mục đích tối đa hóa lợi ích cá nhân, theo đó giá trị của khu vực này là tham gia vào việc tối đa hóa lợi nhuận từ vốn tư bản tài chính; thì khu vực kinh tế hợp tác xã tạo ra hàng hóa, dịch vụ chung với mục đích tạo phúc lợi cho các thành viên của mình phù hợp với mục tiêu của tổ chức hợp tác xã, theo đó giá trị của khu vực này là tham gia vào việc hiện thực hóa các mục tiêu của tổ chức hợp tác xã. Như vậy, khu vực hợp tác xã là một thể chế bổ sung cho kinh tế thị trường và nhà nước trong nền kinh tế thị trường, là khu vực thứ ba không thể thiếu được, bảo đảm cho xã hội phát triển hài hòa, bền vững cả về kinh tế, xã hội và chính trị.

II. BẢN CHẤT TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ

Canada công nhận và đề cao bảy nguyên tắc hợp tác xã do Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA) khuyến nghị, quán triệt đầy đủ và chuyển tải tất cả nguyên tắc hợp tác của ICA vào Luật hợp tác xã của liên bang; bảo đảm Luật hợp tác xã khác biệt hẳn với Luật công ty, Luật về hội, tạo điều kiện phát triển hợp tác xã thật sự, đích thực, nhất quyết không phát

triển hợp tác xã mang tính hình thức, màu mè, giả tạo, đặt mục tiêu mỗi hợp tác xã ở bang Quebec là thật, trong khi đó có nước có tới 35.000 hợp tác xã, nhưng chỉ có 5.000 hợp tác xã là thật.

Luật phải tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự ra đời và phát triển hợp tác xã, tuân theo các tiêu chí: luật có những quy định chung, đồng thời có những quy định riêng cho từng loại hình hợp tác xã, như: hợp tác xã của người sản xuất, hợp tác xã của người tiêu dùng, hợp tác xã của người lao động, hợp tác xã nhà ở,...; xác định rõ chức năng của hợp tác xã, quyền, địa vị pháp lý của hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, liên đoàn hợp tác xã; quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của hợp tác xã đối với thành viên của mình, như: cung ứng dịch vụ, thông tin, giáo dục,...; bảo đảm khung pháp luật cho thành viên hợp tác xã, không phải cho người làm luật hay các tổ chức khác; tuân thủ đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Vậy hợp tác xã là gì? Theo tư tưởng hợp tác xã và theo Luật hợp tác xã của bang, *hợp tác xã là tổ chức của nhiều cá nhân (từ hai người trở lên, trong khi công ty có thể chỉ cần một người) thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của mình.*

Để đáp ứng nhu cầu chung đó (là mục tiêu, là cái có trước, trong khi đối với công ty, lợi nhuận và vốn mới là mục tiêu), hợp tác xã huy động vốn (tức tài chính là cái có sau, là phương tiện) và tiến hành hoạt động kinh doanh. Như vậy, đối với hợp tác xã, nhu cầu chung và đáp ứng nhu cầu chung là cái có trước, sau đó mới tiến hành huy động vốn, nghĩa là: hợp tác xã là tổ chức đối nhân, không phải đối vốn, với mục đích đáp ứng nhu cầu thành viên, không phải kinh doanh vốn. Nói cách khác, hợp tác xã nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên bằng phương thức kinh doanh.

Canada nhấn mạnh cần phải hiểu rõ bản chất và bản sắc của tổ chức hợp tác xã, sự khác biệt của nó với tổ chức công

ty. Ngay nguyên tắc đầu tiên của hợp tác xã đã đề cập sự tự nguyện tham gia hợp tác xã và yêu cầu phải sử dụng dịch vụ của hợp tác xã đối với xã viên. Tiếp đó là nguyên tắc quản lý dân chủ, mỗi xã viên có một phiếu bầu như nhau; góp vốn bằng nhau; lập quỹ dự trữ của hợp tác xã với mức tối thiểu 20% thặng dư hằng năm của hợp tác xã; phân phối thặng dư của hợp tác xã theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã; tự chủ và độc lập; giáo dục, huấn luyện và thông tin cho xã viên; hợp tác giữa các hợp tác xã; và quan tâm phát triển cộng đồng.

Do áp dụng nguyên tắc mở đối với việc kết nạp xã viên, hằng năm hoặc sau một số năm, hợp tác xã có thể định giá lại mức vốn tham gia làm xã viên hợp tác xã. Đối với việc chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, hợp tác xã có thể phân chia trực tiếp vào giá sản phẩm, dịch vụ giao dịch với xã viên. Thặng dư hằng năm sau khi trừ tối thiểu 20% trích lập quỹ dự trữ, phần còn lại phân phối cho xã viên theo cách thức sau: chia 25% ngay cho xã viên, phần còn lại cũng thuộc sở hữu của xã viên nhưng để lại trong hợp tác xã để cùng đầu tư và sẽ rút ra sau 10 năm. Nghĩa là, hằng năm xã viên được chia 25% thặng dư của mình trong năm đó và phần thặng dư của mình để lại trong hợp tác xã cách đó 10 năm. Hợp tác xã cũng có quyền để lại 100% thặng dư tại hợp tác xã mà không chia cho thành viên. Đây là hình thức huy động vốn đầu tư phát triển của hợp tác xã từ chính nội lực là các xã viên của mình, làm lợi trở lại cho chính xã viên. Theo luật của Canada, quỹ dự trữ là không chia, nhằm mục đích tái đầu tư cho hợp tác xã, mở rộng dịch vụ cho thành viên, thu hút thành viên mới. Thành viên ra khỏi hợp tác xã thì không được chia từ quỹ dự trữ. Do tác động kinh tế của hợp tác xã khác hẳn công ty như đã trình bày ở trên, nên chính phủ cần có chính sách hỗ trợ hợp tác xã.

Trước khi gia nhập hợp tác xã, thành viên phải được

tuyên truyền về tư tưởng và Luật hợp tác xã, điều này giúp thành viên hiểu rõ hợp tác xã khác với công ty; kêu gọi tình thân hợp tác thông qua hợp tác xã; khuyến khích hợp tác xã liên kết với nhau thành lập liên đoàn hợp tác xã, hiệp hội hợp tác xã. Canada nhấn mạnh sự tham gia tích cực của thành viên trong hợp tác xã với tư cách vừa là người chủ vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Trước hết, thành viên phải sử dụng dịch vụ của hợp tác xã - là yếu tố hàng đầu, quan trọng nhất của tổ chức hợp tác xã; chỉ xuất phát từ nhu cầu chung về dịch vụ và sử dụng dịch vụ của hợp tác xã thì mới có cơ sở hình thành hoạt động của hợp tác xã, thặng dư hợp tác xã, tương lai của hợp tác xã. Tiếp đó, thành viên phải tham gia tài chính, tức là góp vốn cho hợp tác xã để có phương tiện hoạt động kinh doanh tạo ra dịch vụ cho thành viên. Thành viên phải tham gia quyết định tất cả các vấn đề của hợp tác xã, như biểu quyết, tham gia họp, dự đại hội, kiểm soát hoạt động, tài chính của hợp tác xã. Thặng dư (lợi nhuận) của hợp tác xã hình thành từ chính việc sử dụng dịch vụ của hợp tác xã.

Quebec có truyền thống phát triển hợp tác xã lâu dài và áp dụng rất chặt chẽ các nguyên tắc hợp tác xã, ví dụ nếu xã viên không sử dụng dịch vụ của hợp tác xã mà không có lý do thì phải ra khỏi hợp tác xã, nhất là đối với hợp tác xã của người sản xuất. Tuy nhiên, quy định về tư cách thành viên có nói lỏng hơn đối với hợp tác xã của người tiêu dùng, khi số lượng xã viên lớn và lợi ích của xã viên đã được phân phối cùng với giá dịch vụ, sản phẩm của hợp tác xã cung ứng cho xã viên, nhưng thặng dư (lãi) hằng năm của hợp tác xã lại không chia cho xã viên mà để lại trong hợp tác xã để tích lũy phát triển. Về nguyên tắc, luật không cấm hợp tác xã cung ứng dịch vụ cho thị trường không phải thành viên, tuy nhiên hợp tác xã tập trung phục vụ thị trường thành viên cũng là nhiệm vụ rất lớn. Mặt khác, ở Quebec, phần lớn hợp

tác xã có số lượng xã viên đã rất lớn, gần như thu hút toàn bộ, ví dụ nông dân và đối tượng khác tham gia hợp tác xã, đồng thời các hợp tác xã liên kết vào các liên đoàn hợp tác xã - tức hợp tác xã của các hợp tác xã, nên có quy mô thị trường rất lớn. Liên đoàn hợp tác xã được phép cung ứng dịch vụ cho không phải chỉ thành viên, nhưng phải thành lập công ty trực thuộc và lượng dịch vụ cung ứng cho thị trường không phải thành viên không được quá 50% để giữ bản chất hợp tác xã.

Về loại hình hợp tác xã, Canada có:

- Hợp tác xã của người tiêu dùng, tức là hợp tác xã cung ứng các sản phẩm dịch vụ cho xã viên, ví dụ: hợp tác xã bán hàng tiêu dùng, hợp tác xã trong trường học;

- Hợp tác xã của người sản xuất, tức là hợp tác xã thu mua sản phẩm của xã viên, tiến hành chế biến, tiêu thụ trên thị trường, phát triển chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp; xã viên là người sản xuất, sử dụng dịch vụ của hợp tác xã để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình;

- Hợp tác xã của người lao động, tức là hợp tác xã mà xã viên đồng thời là người lao động trong hợp tác xã, ví dụ: hợp tác xã trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Hợp tác xã của người lao động là cổ đông, tức là hợp tác xã của những người làm thuê trong công ty, lập hợp tác xã để mua cổ phần của chính công ty đó; hiện có khoảng 60 hợp tác xã loại này;

- Hợp tác xã đoàn kết, tức là hợp tác xã cung ứng đa dịch vụ phục vụ xã viên, ví dụ: trông giữ con của các bà mẹ là xã viên hợp tác xã, hợp tác xã chăm sóc sức khỏe, hợp tác xã chăm sóc người cao tuổi.

Hai loại hình cuối mới phát triển trong những năm gần đây.

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC XÃ VÀ

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ

Vụ Hợp tác xã thuộc Bộ Phát triển kinh tế, Đổi mới và Xuất nhập khẩu bang Quebec là cơ quan thống nhất duy nhất quản lý tất cả các hợp tác xã phi tài chính. Cụ thể là:

- Có trách nhiệm quản lý hành chính đối với Luật hợp tác xã, rà soát, sửa đổi luật trình chính phủ kiến nghị Quốc hội bang sửa đổi, bổ sung pháp luật về hợp tác xã, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã phát triển lành mạnh.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn liên quan về hợp tác xã, phối hợp với các bộ khác về phát triển hợp tác xã, bảo đảm Luật hợp tác xã không mâu thuẫn với các luật khác, mọi người đều có thể hiểu được bản chất tổ chức hợp tác xã. Các bộ khác và chính quyền cấp dưới không có chức năng quản lý nhà nước về hợp tác xã, nhưng chính quyền địa phương chăm lo môi trường chung phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, ví dụ: khu chế xuất, cơ sở hạ tầng (điện, nước), đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã hoạt động, ví dụ: dành hợp đồng dịch vụ công cộng (bọc cây xanh thành phố vào mùa đông), gửi tiền vào hợp tác xã tín dụng. Vụ Hợp tác xã thuộc Bộ Phát triển kinh tế, Đổi mới và Xuất nhập khẩu bang Quebec quan hệ với hợp tác xã thông qua hội đồng là hiệp hội của hợp tác xã.

- Thực hiện đăng ký trực tiếp thành lập hợp tác xã (phi tài chính), tiếp nhận báo cáo hàng năm và theo dõi hoạt động của các hợp tác xã đã đăng ký; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hợp tác xã, đồng thời phục vụ công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã, nhất là đổi mới chính sách đối với hợp tác xã, vừa cung cấp thông tin trở lại đối với hợp tác xã, cho công tác giảng dạy, nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu.

- Nghiên cứu và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát

triển hợp tác xã trong sự phối hợp với các chương trình, chính sách hỗ trợ có liên quan, chú trọng tuyên truyền, quảng bá về văn hóa hợp tác xã; cam kết sử dụng mọi nguồn lực hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã của bang có đặc điểm là: *hỗ trợ trực tiếp; dựa vào kết quả; và được tiến hành bởi các tổ chức chuyên nghiệp.*

Bang Quebec có đạo luật riêng về hỗ trợ hợp tác xã và các tổ chức phi lợi nhuận, bao gồm các trợ giúp tài chính sau đây: bảo lãnh chi trả một phần hoặc toàn bộ các cam kết tài chính; bảo lãnh toàn bộ hoặc mua lại một phần cổ phần ưu đãi; cho vay có hoặc không có lãi suất; miễn một phần chi trả khoản vay; v.v.. Các ưu đãi, hỗ trợ này được chính phủ thực hiện trực tiếp đối với hợp tác xã.

Bang Quebec có Quỹ đầu tư trực thuộc Vụ Hợp tác xã - Bộ Phát triển kinh tế, Đổi mới và Xuất nhập khẩu bang; quỹ tiến hành cho vay trực tiếp và bảo lãnh theo dự án đầu tư đối với hợp tác xã và các tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Một số hỗ trợ tăng cường năng lực cho hợp tác xã như: huấn luyện, đào tạo, tư vấn, được chính phủ thực hiện thông qua hợp tác xã phát triển vùng - là những hợp tác xã cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nâng cao năng lực theo nhu cầu của các hợp tác xã thành viên trong vùng. Riêng đối với đào tạo về hợp tác xã, chính phủ thực hiện thống nhất thông qua chính sách đào tạo chung của bang, được thực hiện tại các trường đại học. Trường Đại học Sherbrook tại bang có Viện Nghiên cứu hợp tác xã và công ty bảo hiểm tương hỗ. Cơ sở vật chất và kinh phí đào tạo thạc sĩ (mỗi năm một lớp, khoảng 25 học viên) về hợp tác xã tại viện do chính phủ tài trợ. Ngoài ra, viện huy động nguồn tài trợ của hợp tác xã để thực hiện công tác nghiên cứu, tổ chức đào tạo thạc sĩ tại chức và huấn luyện ngắn hạn theo nhu cầu của các hợp tác xã theo phương thức thu phí. Cơ chế này thể hiện rõ sự gắn kết chặt chẽ giữa hỗ trợ nhà nước

với đóng góp của hợp tác xã.

Ngoài ra, chính phủ bang còn giảm thuế đối với hợp tác xã.

Ngân sách nhà nước còn hỗ trợ cho các hiệp hội, tổ chức cộng đồng, ví dụ: chi phí đi lại; hỗ trợ cho công tác thống kê, nghiên cứu, điều tra mang tính chiến lược, ví dụ: điều tra về sự tồn tại hoạt động của hợp tác xã so với doanh nghiệp, về hợp tác xã thực chất.

- Tổ chức đào tạo, thông tin về Luật hợp tác xã, chức năng của hợp tác xã và quản lý hợp tác xã đối với hợp tác xã, hiệp hội hợp tác xã, bảo đảm tất cả mọi người, mọi tổ chức hiểu rõ và thực thi thống nhất Luật hợp tác xã.

- Là đầu mối liên kết với các cơ quan, tổ chức có liên quan về hợp tác xã, bảo đảm thông tin hai chiều trôi chảy, hiểu và hành động thống nhất, phát triển quan hệ đối tác, phát triển quan hệ quốc tế về hợp tác xã. Vụ Hợp tác xã thuộc bang tham gia vào nhiều tổ chức, như Ủy ban Phát triển bền vững hợp tác xã, Ủy ban Phát triển doanh nghiệp Quebec,... - là những tổ chức tư vấn chính phủ Quebec về chính sách, phương hướng phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

IV. TỔ CHỨC HỘI CỦA HỢP TÁC XÃ

Hợp tác xã của bang tập hợp tự nguyện với nhau dưới tổ chức Hội đồng Quebec về hợp tác và tương trợ lẫn nhau (CQCM), được thành lập năm 1940, thu hút sự tham gia của tất cả hợp tác xã, liên đoàn hợp tác xã, hợp tác xã phát triển vùng, liên đoàn hợp tác xã phát triển vùng. Hội đồng có vai trò tham gia phát triển kinh tế - xã hội của bang thông qua việc khai thác tiềm năng của phong trào hợp tác xã và tương hỗ theo các nguyên tắc và giá trị hợp tác xã do ICA đề xướng. Sứ mệnh của Hội đồng là: hỗ trợ khu vực hợp tác xã hợp tác với các đối tác của họ; đại diện và bảo vệ về mặt tổng

thể quyền lợi của phong trào hợp tác xã và tương hỗ tại Quebec; và thúc đẩy sự phát triển dựa trên hợp tác xã nhằm mục tiêu đa dạng hóa các tác động về mặt lợi ích của việc hợp tác đối với các thành viên của mình và đối với công chúng.

Ngoài Hội đồng CQCM, còn có Hội đồng Canada về hợp tác và tương hỗ (CCCM). CCCM được thành lập năm 1946, là người phát ngôn và đại diện cho hợp tác xã khối Pháp ngữ của Canada, là thành viên của ICA. Dự kiến, hai hội này sẽ được sáp nhập trong tương lai.

Hiện nay, CQCM đề ra nhiệm vụ chủ yếu là thúc đẩy phát triển phong trào hợp tác xã nhằm đáp ứng ba vấn đề xã hội chủ yếu: đáp ứng những thay đổi về dân số học khi số dân của bang đang già đi nhanh chóng; phát triển bền vững; và phân bổ lại dân cư hợp lý hơn, phát triển nông thôn. Dân số già kéo theo hệ quả số người trong độ tuổi lao động sẽ giảm đi, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng lên. Vì vậy, cần phải giáo dục lớp trẻ quan tâm giúp đỡ người già và thúc đẩy phát triển hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tương hỗ. Phát triển bền vững đặt ra yêu cầu hợp tác xã cũng phải phát triển bền vững, đồng thời định hướng hợp tác xã hoạt động tích cực trong các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững như: sản xuất và sử dụng năng lượng xanh, năng lượng sinh học, năng lượng tái sinh, v.v.. Cùng với quá trình phát triển, dân cư có xu hướng rời bỏ nông thôn vào thành thị. Do vậy, hợp tác xã phải hướng sự phát triển mạnh về nông thôn, mở rộng hoạt động ở nông thôn, góp phần duy trì sự phân bổ dân cư hợp lý. Đồng thời, CQCM đặt ra hai nhiệm vụ đối nội trọng tâm là: phải tiếp tục làm rõ bản sắc tổ chức hợp tác xã và gắn kết nội bộ hợp tác xã chặt chẽ hơn nữa.

V. MỘT SỐ HỢP TÁC XÃ ĐIỀN HÌNH

1. Agropur

Agropur là hợp tác xã nông nghiệp, được thành lập vào ngày 24-8-1938, với 86 thành viên sáng lập là nông dân chăn nuôi bò sữa, mỗi cổ phần có giá trị 50 CAD. Agropur được thành lập trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, sản xuất nông nghiệp hết sức khó khăn, chi phí ngũ cốc tăng cao, thu nhập của nông dân giảm sút. Nông dân đã thành lập hợp tác xã để cung ứng dịch vụ cho chính mình. Trong quá trình phát triển, cùng với việc ra đời các hợp tác xã chuyên môn hóa cung ứng đầu vào cho xã viên, Agropur tập trung chức năng thu mua sữa và chế biến sản phẩm sữa cho xã viên. Vào năm 1940, số xã viên hợp tác xã tăng lên 109 người, sau đó là 3.812 người (1960), 8.135 người (1980), 4.891 người (2000) do việc hình thành hợp tác xã mới chuyên cung ứng đầu vào và 3.615 người (2008). Năm 2010, hợp tác xã có 3.459 xã viên với 365 đại biểu bầu, 15 thành viên Hội đồng Quản trị, thu mua bình quân 514.300 lít sữa/xã viên, doanh thu đạt 3,3 tỷ CAD, chế biến trên 3 tỷ lít sữa, có 27 nhà máy chế biến sản phẩm sữa tại Canada, Mỹ, Argentina với số lao động làm thuê 5.441 người. Agropur là hợp tác xã chế biến sữa lớn nhất Canada trong số tám hợp tác xã chế biến sữa, đứng thứ ba trong số các hợp tác xã phi tài chính. Hợp tác xã có năm công ty trực thuộc. Mỗi thành viên góp vốn 100 CAD bảo đảm tư cách thành viên, mỗi người có một phiếu bầu như nhau. Ngoài ra, thành viên có thể mua cổ phần đầu tư của hợp tác xã. Hằng năm, thành viên được chia từ phần thặng dư (lãi) của hợp tác xã theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, trong đó 25% được chia ngay bằng tiền mặt, 75% còn lại được để lại trong hợp tác xã dưới hình thức cổ phần đầu tư. Nguồn để lại này là rất lớn, bảo đảm để hợp tác xã có đủ vốn

đầu tư sản xuất, kinh doanh cho mình, đạt 506,5 triệu CAD năm 2010 (vốn góp thành viên đạt 348.000 CAD, vốn góp đầu tư cổ phần thành viên đạt 735.000 CAD).

2. La Coop

La Coop là liên đoàn hợp tác xã nông nghiệp, hiện có 106 hợp tác xã thành viên thuộc các bang Quebec, Ontario, Maritimes với 95.000 xã viên (trong đó 62.000 xã viên chính thức, 33.000 xã viên liên kết), 329 đại biểu bầu, 15 thành viên Hội đồng Quản trị; được thành lập năm 1922 trên cơ sở hợp nhất ba liên đoàn hợp tác xã nông nghiệp, ngày nay là tổ chức kinh doanh nông nghiệp lớn nhất Quebec. Doanh thu dịch vụ cung ứng cho xã viên đạt 4,1 tỷ CAD với 6.273 lao động làm thuê, doanh thu dịch vụ bán hàng cho xã viên đạt 2,2 tỷ CAD với 9.106 người lao động làm thuê, năm 2010. Tất cả nông dân và hợp tác xã nông nghiệp ở Quebec là thành viên của La Coop. Năm 1992, ở Quebec có 1.000 hợp tác xã nông nghiệp, sau này hợp nhất còn 600 hợp tác xã, số lượng nông trại cũng giảm đi do sáp nhập/hợp nhất. Hiện nay, liên đoàn tổ chức hai dịch vụ cho hợp tác xã thành viên: (i) thu mua lợn của hợp tác xã thành viên, tiến hành giết mổ, chế biến và tiêu thụ; (ii) cung ứng nông cụ và nguyên liệu vật tư đầu vào cho sản xuất chăn nuôi của các hợp tác xã thành viên, mà thực chất là của các xã viên/nông dân của các hợp tác xã thành viên. Mỗi hợp tác xã thành viên được cử một số lượng đại biểu trong liên đoàn (từ 1-15 người) tùy theo mức độ giao dịch giữa hợp tác xã thành viên với liên đoàn, với nhiệm kỳ ba năm; mỗi đại biểu có một phiếu bầu như nhau. Liên đoàn được phép giao dịch với không chỉ riêng thành viên, nhưng tỷ lệ giao dịch không được vượt quá 50% tổng giao dịch để giữ bản chất hợp tác xã. Trong khi đó, hợp tác xã chỉ được giao dịch với xã viên, không được phép giao dịch với đối tượng không phải xã viên. Về nguyên tắc, chỉ liên

đoàn hợp tác xã nông nghiệp được chia tài sản khi giải thể, nhưng đến nay chưa có trường hợp giải thể nào; liên đoàn và hợp tác xã phải cạnh tranh bình đẳng, không có chính sách khác biệt nào so với công ty, không có sự ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước. Hợp tác xã thành viên góp vốn 25 CAD, được chia lãi theo vốn góp và mức chia do Hội đồng Quản trị quyết định nếu hằng năm còn thặng dư; nếu ra khỏi liên đoàn thì được trả lại vốn góp và một phần khác nếu có lãi, cũng như sự đóng góp cho hợp tác xã, liên đoàn do Hội đồng Quản trị quyết định. Liên đoàn đóng 170.000 CAD phí hằng năm cho Hội đồng bang Quebec về hợp tác xã và được hưởng một số dịch vụ của Hội đồng; tổ chức tập huấn cho các hợp tác xã thành viên trên cơ sở thu phí.

3. Liên đoàn hợp tác xã trường học

Hợp tác xã trường học được thành lập từ năm 1940, trong trường đại học, trung học và sau trung học, do học sinh (hoặc cha mẹ học sinh khi học sinh dưới 14 tuổi), sinh viên là xã viên, chủ sở hữu; có chức năng cung ứng dịch vụ cho thầy cô giáo và học sinh, sinh viên: thư viện, sách vở, văn phòng phẩm, thực phẩm/căngtin, tin học, in ấn, sao chụp, ký túc xá, bãi xe,...; được điều hành như một doanh nghiệp, có quản trị, kế toán, thủ thư, kỹ thuật viên chuyên nghiệp. Hiện nay, đã có năm trường đại học có hợp tác xã trường học, thu hút gần 80 sinh viên tham gia; chỉ còn một trường đại học là chưa có hợp tác xã. Vốn góp của xã viên tham gia hợp tác xã là 15 CAD. Hợp tác xã phải thuê mặt bằng, cơ sở vật chất và tự đầu tư. Trong trường hợp hợp tác xã giải thể, nếu còn tài sản thì không chia cho xã viên mà chuyển giao cho liên đoàn hoặc chính quyền. Xã viên nếu ra khỏi hợp tác xã thì chỉ được trả lại phần vốn góp nếu vốn quỹ còn. Tuy nhiên, phần lớn học sinh, sinh viên cũng không rút phần vốn góp khi ra trường, không còn là xã viên nữa, vì vốn quá nhỏ, hơn nữa họ

đã được hưởng lợi rất nhiều trong quá trình sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Hợp tác xã có thể kết nạp xã viên liên kết không phải là học sinh, sinh viên, giáo viên của trường, nhưng xã viên liên kết này chỉ được sử dụng dịch vụ của hợp tác xã mà không có quyền biểu quyết.

Liên đoàn hợp tác xã trường học được thành lập từ năm 1983, cung ứng dịch vụ cho hợp tác xã thành viên là chủ sở hữu của liên đoàn; có sứ mệnh phát triển lâu dài hợp tác xã trong trường học; là đại diện và bảo vệ quyền lợi chung cho thành viên; hiện có trên 60 hợp tác xã thành viên trong 90 trường, với 100 điểm phục vụ; thuê 1.500 người lao động, với 400.000 xã viên; đạt gần 120 triệu CAD doanh thu. Theo quy định, học sinh, sinh viên từ 14 tuổi trở lên được gia nhập hợp tác xã, nếu dưới 14 tuổi thì cha mẹ thay mặt tham gia hợp tác xã. Hiện nay, hợp tác xã trường học thu hút tới 80% học sinh, sinh viên nói tiếng Pháp tại Quebec tham gia. Liên đoàn hợp tác xã chỉ cung ứng một số dịch vụ chung cho hợp tác xã thành viên, trước hết là dịch vụ tư vấn.

Năm 2010, liên đoàn đạt thu nhập 16 triệu CAD, tổng tài sản 2,3 triệu CAD, thặng dư đạt 104.000 CAD; trong khi đó các hợp tác xã thành viên đạt 120,6 triệu CAD doanh thu, tổng tài sản 19 triệu CAD và 754.000 CAD thặng dư.

4. Hợp tác xã phát triển vùng và liên đoàn hợp tác xã phát triển vùng

Hợp tác xã phát triển vùng được phát triển từ năm 1984, là hợp tác xã của các hợp tác xã tại một vùng (tổng số có 17 vùng), có sứ mệnh thúc đẩy sự phát triển hợp tác xã; cung cấp dịch vụ về tăng cường năng lực cho hợp tác xã như: cung ứng nhân lực, tư vấn tài chính, đào tạo, huấn luyện, tổ chức; giúp các hợp tác xã liên kết, hợp tác lẫn nhau; phối hợp với Vụ Hợp tác xã nhằm thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã. Hiện có 11 hợp tác xã phát triển vùng, thu hút 1.200 hợp tác

xã thành viên, năm 2010 đạt doanh thu 6,2 triệu CAD, góp phần thành lập mới 120 hợp tác xã/năm - tức 600 hợp tác xã mới trên nhiều lĩnh vực và tạo ra 2.000 việc làm trong năm qua. Hoạt động của hợp tác xã phát triển vùng phải dựa vào nhu cầu của hợp tác xã thành viên và sự đóng góp/trả phí của thành viên khi sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Về cơ cấu tài chính của hợp tác xã phát triển vùng, có 5% là đóng góp của thành viên, 25% là tự tài trợ của hợp tác xã, và 70% là hỗ trợ của chính phủ. Thặng dư của hợp tác xã không chia cho thành viên mà để lại 100% cho hợp tác xã.

Cứ 11 hợp tác xã phát triển vùng hợp tác với nhau thành lập Liên đoàn hợp tác xã phát triển vùng nhằm hỗ trợ các hợp tác xã phát triển vùng, mà xét cho cùng là các hợp tác xã thành viên; điều phối và phát triển mạng lưới hợp tác xã phát triển vùng trong việc chia sẻ nguồn lực và dịch vụ; đại diện cho các hợp tác xã phát triển vùng ở tầm quốc gia.

5. Tập đoàn tài chính Desjardins

Tập đoàn tài chính Desjardins là một ngân hàng dựa trên nguyên tắc tổ chức hợp tác xã, hợp thành từ 877 hợp tác xã tín dụng cơ sở, người khởi xướng là Desjardins - lập hợp tác xã tiết kiệm và tín dụng đầu tiên ở Canada vào năm 1900. Trong số đó, 54% số hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã của bang, gồm 451 hợp tác xã ở bang Quebec và bang Ontario, 26 chi nhánh hợp tác xã hoạt động ở bang New-Brunswick và bang Manitoba, hợp thành mạng lưới liên bang gồm hai tầng: hợp tác xã cơ sở và liên đoàn; 46% hoạt động theo Luật hợp tác xã của bang và Luật hợp tác xã liên bang, gồm 386 liên hiệp tín dụng (CU) ở cấp quốc gia, 14 CU độc lập, được cơ cấu theo nguyên tắc phân chia theo ba tầng: cơ sở, bang và liên bang. Tập đoàn đạt giá trị tài sản 256 tỷ CAD vào năm 2010, thu hút 11 triệu thành viên. Hiện nay, Tập đoàn Desjardins đứng thứ sáu trong hệ thống ngân hàng của Canada và đứng

thứ 112 trong hệ thống ngân hàng thế giới. Ngoài ra, Tập đoàn có năm công ty: an toàn tài chính hệ thống; bảo hiểm; chứng khoán; quản lý tài sản; đầu tư mạo hiểm.

6. Tập đoàn tài chính SSQ

SSQ là tập đoàn bảo hiểm tương hỗ được tổ chức theo nguyên tắc hợp tác xã, tức là thành viên lập ra để hỗ trợ nhau cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho chính mình với phí bảo hiểm rẻ, tin cậy; được thành lập vào năm 1944 do bác sĩ Jacques Tremblay sáng lập, giúp người dân nghèo khám chữa bệnh. Lúc đầu có 11 thành viên, ba bác sĩ, mỗi thành viên đóng góp phí 5 CAD/năm và phí hằng tháng đối với mỗi gia đình là 2,6 CAD. Ngày nay (2011), SSQ có gần 1 triệu thành viên, 1.600 người làm thuê, doanh số bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe đạt 1,4 tỷ CAD, bảo hiểm đầu tư và hưu trí 749,5 triệu CAD, bảo hiểm tài sản và thương tật 180 triệu CAD.

VI. MỘT SỐ TỔ CHỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

1. Socodevi

Socodevi là một tổ chức phi chính phủ được thành lập năm 1985 bởi một số hợp tác xã và tổ chức tương hỗ, có sứ mệnh tuyên truyền, tư vấn, chuyển giao công nghệ liên quan tới thúc đẩy phát triển hợp tác xã trên thế giới, nhằm tạo ra các hợp tác xã đích thực, bền vững thông qua cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thành lập, củng cố, phát triển hợp tác xã và tổ chức, hiệp hội tương hỗ. Hiện có 23 hợp tác xã và tổ chức tương hỗ là thành viên của Socodevi với 1,9 thành viên ở Canada, 16 tỷ CAD doanh thu và 31.000 lao động làm thuê. Sau 25 năm thành lập, Socodevi đã thực hiện 378 dự án tại 40 nước, bốn châu lục, hỗ trợ 634 tổ chức tương hỗ, hợp tác xã.

Về kinh phí hoạt động hỗ trợ quốc tế, ngoài sự đóng góp của các thành viên, Socodevi còn được Chính phủ Canada hỗ trợ thông qua CIDA. Socodevi đã nhiều năm hỗ trợ hợp tác xã của Việt Nam và cam kết tiếp tục hỗ trợ phát triển phong trào hợp tác xã Việt Nam trong thời gian tới.

2. Viện Nghiên cứu hợp tác xã và tổ chức tương hỗ (IRCUS)

IRCUS được thành lập năm 1967 dưới hình thức bộ môn, sau đó được thành lập chính thức vào năm 1976, có sứ mệnh hiện thực hóa và làm rõ bản chất hợp tác xã về mặt quản lý và phát triển các tổ chức này thông qua đào tạo và nghiên cứu về hợp tác xã, tổ chức tương hỗ. Cơ sở vật chất, chi phí hoạt động, đào tạo do chính phủ tài trợ. Hiện nay, Viện có 15 nhân sự, mỗi năm đào tạo một lớp thạc sĩ cho khoảng 25 sinh viên. Ngoài ra, Viện được hỗ trợ từ phong trào hợp tác xã để tiến hành nghiên cứu về hợp tác xã; mở các lớp đào tạo thạc sĩ tại chức cho các thành viên hợp tác xã, các lớp đào tạo, huấn luyện ngắn hạn về quản lý hợp tác xã trên cơ sở thu phí. Viện đã phát triển hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu về hợp tác xã, chủ yếu trong khối các nước nói tiếng Pháp ở châu Âu và khu vực Mỹ Latinh.

HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP PHÁP

*Luật sư CHANTAL CHOMMEL**

Được nông dân thành lập nhằm tổ chức chung và thống nhất nguồn nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, hợp tác xã nông nghiệp hiện diện khắp nơi trên nước Pháp, có đóng góp to lớn trong việc phát triển ngành nông nghiệp của đất nước.

Hợp tác xã nông nghiệp là một mô hình tổ chức được thành lập có quy mô mang cả tính chất địa phương và quốc tế. Được nông dân thành lập và phục vụ cho nông dân, các hợp tác xã nông nghiệp phải trực tiếp đương đầu với những thay đổi của ngành nông nghiệp và luôn chứng minh được khả năng thích ứng của mình.

Vị trí to lớn mà hợp tác xã nông nghiệp đạt được không chỉ dựa trên tài năng và sự quyết đoán của những nhà lãnh đạo, mà còn do những ảnh hưởng trong việc truyền bá, vận động và ủng hộ xã viên hợp tác xã. Chính nhờ đó, có 9/10 nông dân Pháp là xã viên hợp tác xã. Ngoài việc có số lượng lớn nông dân tham gia hợp tác xã, điều quan trọng là các xã viên hợp tác xã thường chủ động, nhiệt tình tham gia đóng góp vào sự thành công chung của tổ chức.

Từ đó, định nghĩa về sự đoàn kết, về giá trị hợp tác xã đã mang lại một câu trả lời chắc chắn để đối phó với những khó khăn hiện tại mà các nông dân đang phải đối mặt. Bằng cách

* Liên minh hợp tác xã Pháp.

cam kết và gia nhập cấu trúc minh bạch này, nông dân sẽ được hưởng lợi từ sự hỗ trợ có giá trị và thường xuyên trong việc bình ổn giá cả sản phẩm.

Các hợp tác xã ngày càng chủ động trong cả sản xuất và tiếp thị sản phẩm, đem lại cơ hội thực sự và giải đáp những khúc mắc cho nông dân, với động lực chung tiêu biểu cho tổ chức của họ.

I. VAI TRÒ KINH TẾ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Hợp tác xã nông nghiệp đóng một vai trò kinh tế quan trọng trong ngành kinh doanh nông sản ở Pháp. Với 3.500 cơ sở công nghiệp và thương mại (hợp tác xã, liên đoàn và SICAs - Công ty lợi ích chung nông nghiệp) và 1.500 cơ sở phụ thuộc, hợp tác xã đóng góp doanh thu hơn 77 tỷ euro (năm 2004) trên toàn cầu.

Với hơn 150.000 lao động trên khắp đất nước, hợp tác xã trực tiếp giúp duy trì việc làm ở khu vực nông thôn và là yếu tố chủ động trong phát triển nông thôn.

Hơn nữa, với tư cách là các cấu trúc nền tảng, hợp tác xã đang chủ động hỗ trợ nông dân phát triển trang trại của mình một cách bền vững. Thêm vào đó, gần đây hợp tác xã đã nắm giữ một số lượng công ty quan trọng từ khu vực phi hợp tác xã và tạo ra nhiều cơ sở phụ thuộc, đặc biệt trong công nghiệp thu mua, chế biến và tiếp thị. Ngày nay, nông dân, thông qua các hợp tác xã và các cơ sở phụ thuộc của hợp tác xã, kiểm soát hơn một nửa số cơ sở công nghiệp chế biến nông sản.

Khu vực hợp tác xã tồn tại là nhờ vào khả năng thu hút thành viên, tính bền vững và sự tăng trưởng. Xuất phát từ khả năng này của hợp tác xã mà nó được coi như một công ty thực sự.

Thực tế là các hợp tác xã thuộc các lĩnh vực sản xuất và

tiêu thụ sản phẩm có nhiều lựa chọn phát triển. Đó cũng là cơ hội để các hợp tác xã nâng cao vị trí của mình trong thị trường châu Âu rộng lớn và cạnh tranh với các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực nông sản.

Về mặt này, hợp tác xã khác với các công ty trách nhiệm hữu hạn. Ở đây, địa vị pháp lý của hợp tác xã đặc biệt nhấn mạnh đến những sự khác biệt về bản chất và quy định. Chúng đóng vai trò khác so với khu vực tư nhân, thậm chí cả khi hợp tác xã đơn ngành tiến hành đồng thời việc sản xuất và kinh doanh. Nhưng mục đích cuối cùng của hợp tác xã mua bán vẫn là thu mua sản phẩm của xã viên nhằm mục tiêu bán ra thị trường với những điều kiện có lợi nhất có thể cho xã viên.

* *Hợp tác xã cung ứng*: cung cấp cho xã viên phân bón, thuốc trừ sâu,... và bất kỳ loại sản phẩm đầu vào nào cần thiết cho sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, một vài hợp tác xã cung ứng kiểm soát cả hệ thống những cửa hàng đặc biệt chỉ bán các loại sản phẩm nhất định (Gamm Vert là một trong số đó). Những hợp tác xã này đóng vai trò như nhà tư vấn và hỗ trợ nông dân kiểm soát giá cả nông sản và bảo vệ môi trường.

* *Hợp tác xã dịch vụ*: cung cấp cho xã viên tất cả các dịch vụ cần thiết cho sản xuất: thụ tinh nhân tạo, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, trang thiết bị dùng cho sản xuất nông nghiệp.

* *Hợp tác xã quản lý chung*: là hợp tác xã trong đó các tài sản (đất đai, gia súc, phương tiện máy móc, nhân lực,...) là của chung, được sử dụng chung nhằm thành lập một trang trại để cùng khai thác. Tuy nhiên, loại hợp tác xã này rất hiếm.

* *CUMAs - hợp tác xã sử dụng chung dụng cụ nông nghiệp*: là một loại hình hợp tác xã dịch vụ thực hiện với phương tiện, nhiệm vụ tương ứng có mối liên hệ trực tiếp với quy trình sản xuất vật nuôi và rau quả. Mục đích của loại hình hợp tác này là nhằm nói lỏng hoặc tăng cường các điều kiện sản xuất và tăng năng suất.

CUMAs thường nhỏ, bao gồm tối thiểu bốn nông dân. Năm 2003, số lượng thành viên trung bình là 18. Hiện nay có hơn 13.000 CUMAs ở Pháp với 230.000 thành viên, độ tuổi trung bình là từ 38 đến 45 tuổi, 2.300 công nhân thường xuyên và 4.100 công nhân thời vụ. Hằng năm, CUMAs mang lại một lượng lớn doanh thu.

CUMAs xuất hiện lần đầu tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhờ vào Kế hoạch Marshall, đạt được thành công và đóng góp lớn vào quá trình cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ở Pháp.

Việc nhóm các nông dân vào loại hình hợp tác xã này cho phép:

- Mua sắm chung máy móc hiệu suất cao với giá thấp hơn.
- Tạo cơ hội đầu tư mà nếu với một nông dân riêng lẻ thì thường khó đạt được.
- Truyền bá bí quyết sản xuất cho cộng đồng nông dân.
- Kiểm soát quá trình cơ giới hóa sản xuất.
- Tạo việc làm ở nông thôn.

CUMAs được nhà nước hỗ trợ: miễn thuế kinh doanh địa phương, được ưu tiên tiếp cận các nguồn vay tín dụng với tỷ lệ lãi suất ưu đãi (nhà nước sẽ trả giúp phần chênh lệch giữa tỷ lệ lãi suất vay thương mại và tỷ lệ lãi suất áp dụng cho CUMAs).

Hầu hết các hoạt động kinh tế của CUMAs tập trung vào việc tạo thuận lợi cho thu hoạch: gặt đập 17%, ủ xilô 18%, máy thu hoạch nhỏ 6%. Chi phí cơ giới hóa, thường chiếm khoảng 20-30% tổng chi phí của nông dân, được giảm nhờ vào sự hợp lý hóa trong lựa chọn và sử dụng các phương tiện sở hữu chung của hợp tác xã.

* *Hợp tác xã thụ tinh nhân tạo*: có 48 hợp tác xã chuyên về thụ tinh nhân tạo (trung tâm thụ tinh) và 20 liên đoàn hợp tác xã (trung tâm sản xuất), thuê 3.300 nhân công và chiếm

khoảng 85% số ca thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi bò sữa và 12% cho tạo giống vật nuôi (gia súc lấy thịt).

** Các hoạt động chế biến:* chiếm 40% thu nhập của các hợp tác xã nông nghiệp.

Hợp tác xã chiếm đến 40% cổ phần thị trường trong các lĩnh vực công nghiệp: giết mổ gia súc, sản xuất bơ sữa, chăn nuôi, công nghiệp đồ hộp, nhà máy đường, sản xuất và chưng cất rượu.

Tuy nhiên, con số này chắc chắn đã tăng do hợp tác xã ngày nay đang nắm giữ nhiều công ty trong khu vực kinh tế tư nhân và đã thành lập một số công ty trách nhiệm hữu hạn, đặc biệt trong ngành sơ chế và tiêu thụ.

Ngày nay 2/3 thu nhập của hợp tác xã nông nghiệp là do 10% hợp tác xã nông nghiệp nắm giữ. Thông qua các hoạt động liên doanh, sắp xếp lại và tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân, hợp tác xã, đóng vai trò như những tập đoàn công nghiệp, đang tạo dựng phương tiện kinh tế hiệu quả cao cho nông dân.

Một vài số liệu chính

Thu nhập toàn cầu của hợp tác xã nông nghiệp được đánh giá là gần 77 tỷ euro trong năm 2003 (bao gồm cả các cơ sở phụ trợ), được chia như sau:

	Doanh thu (tỷ euro)
- Các hoạt động thu mua của hợp tác xã	32
- Các hoạt động chuyển đổi và chế biến của hợp tác xã	11,5
- Các hoạt động thu mua của cơ sở phụ	10
- Các hoạt động chuyển đổi và chế biến của cơ sở phụ	19
- Các hoạt động khác	4,5

Doanh thu của hợp tác xã năm 2003 trong các lĩnh vực

dưới đây đạt 29 tỷ euro và chiếm lĩnh thị phần như sau:

	%
- Rượu táo	80
- Rượu	74
- Chăn nuôi	60
- Đường	62
- Thịt lợn	46
- Ngô	40
- Mạch nha	40
- Chất lượng rượu	38
- Các sản phẩm bơ sữa	37
- Thịt bò	36
- Xay xát	35
- Sâmpanh	30

Nguồn: Liên minh hợp tác xã Pháp năm 2003.

II. NGUỒN GỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN VỊ TRÍ PHÁP LÝ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Lý thuyết hợp tác xã bắt nguồn từ Vương quốc Anh và trở thành phong trào "Những người tiên phong công bằng Rochdale" từ giữa thế kỷ XIX. Ở Pháp, khoảng thế kỷ XVII, xuất hiện một vài "hợp tác xã bơ sữa" ở vùng Jura, nơi nông dân thu mua sữa chung lại để cùng nhau làm phomat (muốn làm phomat cần đến hàng trăm lít sữa, do vậy phải góp chung lại).

1. Lịch sử vị trí pháp lý của hợp tác xã

Hợp tác là một cách để tổ chức các hoạt động kinh tế dựa trên việc đoàn kết giữa các thành viên, những thành viên có điều kiện hơn giúp đỡ các thành viên yếu thế hơn và ủng hộ lẫn nhau để đạt được những lợi ích chung.

Ở Pháp, hợp tác xã được hình thành do một vài khủng

hoảng xảy ra trong kinh tế nông nghiệp từ cuối thế kỷ XIX.

Vào những năm 1880, liên đoàn thương nghiệp của nông dân lần đầu tiên tham gia vào các hoạt động kinh tế và sức mạnh của họ được tăng cường từ đó. Họ bắt đầu cạnh tranh với thương nhân bằng việc mua phân bón cho các thành viên.

Vào năm 1884, một đạo luật mới về liên đoàn thương nghiệp đề cập mục đích của họ là ủng hộ các lợi ích nông nghiệp. Năm 1920, một đạo luật chuyên ngành quy định liên đoàn thương mại có thể mua máy móc, phương tiện, phân bón, hạt giống, cây trồng, gia súc, vật nuôi để phân phối lại cho các thành viên. Rất nhiều liên đoàn thương nghiệp của nông dân đã chuyển đổi thành hợp tác xã từ đó.

Lịch sử của hợp tác xã nông nghiệp có liên hệ mật thiết với khủng hoảng ngành công nghiệp rượu vào đầu thế kỷ XX. Những người sản xuất rượu ở miền Nam nước Pháp thường bán các sản phẩm của mình cho thương lái. Ý tưởng liên kết với nhau để đạt được những lợi ích chung không hề được đặt ra nếu như họ vẫn thu đủ lợi nhuận từ những vườn nho của mình

Tuy nhiên, vào năm 1899, những người sản xuất rượu bắt đầu gặp khó khăn trầm trọng trong việc bán rượu. Họ vừa mới thay thế một giống mới của Mỹ sau khi vườn nho giống cũ bị tàn phá do dịch bệnh. Tuy giống nho mới tăng sản lượng nhưng giá rượu lại bị giảm. Nhằm bảo vệ quyền lợi và cuộc sống, những nhà sản xuất rượu nho đã quyết định lập thành một liên đoàn và hợp tác xã sản xuất rượu đầu tiên mang tên "Những người sản xuất rượu tự do" đã được ra đời tháng 12-1901.

Nhà nước từng bước một đang hỗ trợ tài chính cho khu vực nông nghiệp. Các liên hiệp tín dụng nông nghiệp tương hỗ, được thành lập đầu tiên năm 1894, hỗ trợ nông dân và các hợp tác xã nông nghiệp.

Cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất, các hợp tác xã được

lợi từ những chính sách tài chính là phương tiện để tái thiết các khu vực bị phá hủy và xây dựng lại nền kinh tế mới ở khu vực nông thôn. Sự sụp đổ của thị trường lúa mì năm 1934-1935 đã tạo tiền đề cho việc thành lập Văn phòng Lúa mì, nơi nhà nước bảo đảm tiêu thụ cho người sản xuất. Rất nhiều hầm ủ được xây dựng và thường là do hợp tác xã quản lý.

Vào lúc đó, có khoảng hơn 6.000 hợp tác xã nông nghiệp được hưởng những ưu đãi tín dụng mới. Thêm vào đó, họ được miễn thuế đối với lợi nhuận thu được từ sản xuất và thương mại cũng như thuế doanh thu.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hợp tác xã nông nghiệp vẫn có được lợi thế về thuế và đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Sau đó là thời kỳ vàng son của CUMAs (hợp tác xã dùng chung các phương tiện nông nghiệp) và hợp tác xã dịch vụ. Họ được ưu tiên trong việc phân phối các phương tiện, nông cụ được cung cấp theo Kế hoạch Marshall và được hưởng lợi từ một số lợi thế, đặc biệt là được miễn thuế kinh doanh địa phương và được tiếp cận các khoản tín dụng với tỷ lệ lãi suất thấp được nhà nước bảo đảm.

Ngày 10-9-1947, đạo luật bao gồm tất cả các quy định về địa vị pháp lý của hợp tác xã được tập hợp lại trong một văn bản, quy định các điều luật chung cho tất cả các loại hình hợp tác xã khác nhau, tạo lập hình thức và quyền hạn hoạt động, điều hành hợp tác xã.

Từ đó, điều luật không ngừng thay đổi và đã được sửa đổi nhằm đưa vào báo cáo những thay đổi chính của nền nông nghiệp Pháp, đặc biệt trong bối cảnh hình thành Cộng đồng châu Âu và ngày nay là toàn cầu hóa thị trường.

Đạo luật ngày 27-6-1972 rất đáng quan tâm. Đạo luật này có những điều cho phép vi phạm các nguyên tắc của hợp tác xã như: cho phép những người không phải là xã viên hợp tác xã điều hành hợp tác xã, tỷ lệ phiếu bầu, đánh giá vốn đăng ký,

mở ra khả năng cho phép những nhà đầu tư (không phải xã viên) trở thành xã viên và cuối cùng, cho phép cơ quan điều hành và cơ quan kiểm soát chịu trách nhiệm điều hành, quản lý hợp tác xã.

Đạo luật ngày 3-1-1991 và Đạo luật ngày 13-7-1992 cũng là những đạo luật quan trọng. Các đạo luật này cho phép những nhà đầu tư bên ngoài (không phải là xã viên hợp tác xã) mua phần vốn góp của hợp tác xã. Đồng thời cũng cho phép giải thể hợp tác xã nếu những người thuộc Ban kiểm soát hợp tác xã quyết định như vậy. Trong trường hợp này, tối thiểu 10 năm, hợp tác xã không được chia phần quỹ không chia của hợp tác xã.

Sự phát triển các quy định về địa vị pháp lý của hợp tác xã chứng tỏ những cố gắng của loại hình kinh tế này nhằm phát triển phù hợp với những điều kiện mới trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

2. Những lý do phát triển hợp tác nông nghiệp

2.1. Những ưu điểm của mô hình tổ chức hợp tác xã

a) Ý nghĩa tương hỗ

Việc tụ hợp nhau lại cho phép tạo hiệu quả kinh tế theo quy mô (thu hoạch, điều kiện, tiếp thị,...).

Cấu trúc hợp tác cho phép đầu tư mà nếu chỉ từng cá nhân nông dân sẽ không thực hiện được; cho phép truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm và tăng năng suất.

Hơn thế nữa, một trong những mục tiêu của hợp tác xã là hỗ trợ phát triển nông thôn, hợp tác xã cho phép số lượng lớn nhất nông dân tham gia và trở thành xã viên. Điều này giúp cho nông dân phát triển hệ thống sản xuất một cách bền vững mà không sợ việc phi địa phương hóa. Việc duy trì nông dân và phương tiện ở khu vực nông thôn giúp phát triển kinh tế địa phương.

b) Quản lý khu vực bởi những người sản xuất

Xã viên hợp tác xã có thể lựa chọn mức độ tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, tiêu thụ, chế biến).

Điều này cho phép xã viên hợp tác xã kiểm soát chiến lược sản xuất, chiến lược tiêu thụ và chi tiêu.

Hợp tác xã hoạt động đóng vai trò sống còn trong lĩnh vực cung cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và lĩnh vực chế biến, tiêu thụ nông sản, bởi những lý do sau:

- Tăng hiệu quả của kinh doanh nông nghiệp.
- Điều chỉnh sản xuất cho phù hợp với đòi hỏi của người tiêu dùng, cả về số lượng và chất lượng.
- Nâng cao chất lượng nông sản nhằm nâng cao vị thế trên thị trường.

2.2. Hỗ trợ của các thể chế công đối với hợp tác xã nông nghiệp

Nhận thức được vai trò quan trọng của hợp tác xã nông nghiệp trong việc phát triển ngành kinh doanh nông nghiệp nói chung, các thể chế công có sự hỗ trợ theo hai con đường:

- Hỗ trợ nhằm vào cơ sở trực thuộc, hiện tại không còn thông dụng nữa, nhưng trong quá khứ, đây là một chính sách hỗ trợ hữu hiệu cho phát triển hợp tác xã.
- Có chế độ thuế riêng, cho phép những người sản xuất phát triển các hoạt động của mình trong khuôn khổ phù hợp.

3. Khung khổ pháp lý hiện hành

3.1. Hợp tác xã nói chung

Có một số "dạng" hợp tác xã: nhà máy quy mô nhỏ, hợp tác xã ngư dân, hợp tác xã ngân hàng, hợp tác xã tiêu dùng,...

Tất cả được điều chỉnh bởi Đạo luật ngày 10-9-1947, theo

đó đưa ra những quy định chung áp dụng cho tất cả các hợp tác xã thuộc tất cả các ngành kinh tế.

3.2. Hợp tác xã nông nghiệp

Hợp tác xã nông nghiệp và Công ty lợi ích chung nông nghiệp (SICAs) về cơ bản được điều chỉnh bởi Bộ luật nông thôn. Phần quy định pháp lý của bộ luật này đưa ra hầu hết những nguyên tắc áp dụng cho hợp tác xã nông nghiệp. Các phương thức áp dụng được quy định tại phần điều chỉnh của bộ luật. Các quy định chính như sau:

- Áp dụng cho hợp tác xã nông nghiệp: mục II, quyển V Bộ luật nông thôn (Điều L.521-1 đến L.529-6 và R.521-1 đến R.529-2).

- Áp dụng cho SICAs: mục III quyển V Bộ luật nông thôn (Điều L.531-1 đến L.535-5 và R.531-2 đến R.535-1).

Bộ Nông nghiệp xây dựng những quy chế cơ bản mà hợp tác xã nông nghiệp bắt buộc phải tuân theo.

Cũng phải nhắc thêm rằng ngoài việc tuân thủ những quy định trên, hợp tác xã nông nghiệp còn phải tuân theo những quy định tại các văn bản luật chuyên ngành khác, ví dụ: Luật thương mại và Luật thuế.

III. ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Mục đích của hợp tác xã là để những nông dân cùng hợp tác nhằm tạo điều kiện và phát triển các hoạt động kinh tế, tăng cường và nâng cao kết quả của các hoạt động này.

1. Các nguyên tắc chính

Tự do gia nhập: là nguyên tắc "mở". Bất kỳ người sản xuất nào, nếu có chung "mục đích" như hợp tác xã và có cùng địa bàn hoạt động thì đều có thể trở thành xã viên hợp tác xã

(sau khi được Ban quản trị thông qua).

Quản lý dân chủ: là nguyên tắc "một người = một phiếu bầu". Tại đại hội xã viên, tất cả các xã viên hợp tác xã đều có quyền bỏ phiếu như nhau, không phụ thuộc vào số lượng vốn do họ góp vào hợp tác xã và cũng không phụ thuộc vào tỷ lệ tham gia vào các giao dịch kinh tế mà họ thực hiện với hợp tác xã.

Tuy nhiên, quy định này cũng có một số ngoại lệ: có một vài phiếu bầu có giá trị cao hơn phụ thuộc vào mức độ hiệu quả của các sự tham gia của họ đối với hoạt động của hợp tác xã. Giá trị này không thể đơn thuần dựa trên các tính chất tài chính và không làm tăng mức vốn góp. Thêm vào đó, giá trị này không thể vượt quá một mức độ nhất định: không ai nắm giữ được hơn 20% tổng số phiếu trong đại hội xã viên.

"Acapitalim": có nghĩa là hợp tác xã không chia lãi cổ phần và đây là quỹ không chia của hợp tác xã.

Hợp tác xã là tổ chức đối nhân, không phải tổ chức đối vốn - nơi các cổ đông có thể bán cổ phần của mình bất kỳ lúc nào.

2. Các quy tắc chính và các giá trị

Minh bạch: tất cả các xã viên hợp tác xã đều phải tôn trọng các quy tắc hoạt động của hợp tác xã và ngược lại, các hợp tác xã cũng phải đào tạo và thông tin cho các thành viên. Tuy nhiên, những nông dân riêng lẻ cũng có thể phải thực hiện các dịch vụ mà họ được hưởng lợi từ hợp tác xã và phải được thông báo về chính sách, đặc biệt về giá của mỗi sản phẩm.

Công bằng: tất cả các xã viên đều trả cùng một giá cho những sản phẩm giống nhau (về số lượng và chất lượng).

Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có khả năng khác xảy ra tùy thuộc vào mức độ giá trị đóng góp của nông dân (ví dụ: rau

quả sớm vụ).

Việc đối xử này dựa trên mục tiêu kinh tế và được công khai.

Đoàn kết: là nguyên tắc được ưu tiên trong hợp tác xã. Đó không phải là những hỗ trợ lâu dài mà chỉ là hỗ trợ cho những khó khăn hiện tại của nông dân hoặc cho những bước khởi đầu của nông dân trẻ.

Trách nhiệm: một trong những mục tiêu của hợp tác xã nông nghiệp là giúp đỡ nông dân đạt được những mục đích của họ. Hợp tác xã không những là cách thức giúp nông dân có được sự trả công xứng đáng đối với sản phẩm họ làm ra, mà còn cung cấp cho họ những thông tin cần thiết để hiểu và thích ứng được với những thay đổi của nó.

Hợp tác xã do đó phải cung cấp cho xã viên những thông tin về thị trường và chính sách nông nghiệp để họ có thể điều hành nông trang của mình một cách hiệu quả nhất.

Trả công theo sản phẩm: hằng tháng, các xã viên được nhận một khoản tiền cho các đóng góp sản phẩm của họ vào hợp tác xã. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ban điều hành có thể tăng mức tiền này nếu điều kiện tài chính của hợp tác xã cho phép.

Chia lợi nhuận: sau khi biểu quyết thông qua bảng cân đối thu chi, đại hội xã viên sẽ quyết định phân chia khoản lợi nhuận cuối cùng, sẽ có các lựa chọn sau đây:

- Chuyển toàn bộ hoặc một phần lãi vào các quỹ dự phòng;

- Trả lãi cho xã viên theo tỷ lệ đóng góp vào hoạt động kinh doanh của hợp tác xã hoặc tỷ lệ sử dụng các dịch vụ của hợp tác xã.

- Cuối cùng, nếu vẫn còn, đại hội xã viên sẽ trả lãi cho phần vốn góp. Tỷ lệ trả lãi vốn góp này không được vượt quá tỷ lệ nhất định mà Bộ Kinh tế quy định (4,26% năm 2004).

Trong trường hợp hợp tác xã giải thể, các quỹ dự phòng

của hợp tác xã phải chuyển cho một hợp tác xã khác hoặc phải được sử dụng vì lợi ích chung của ngành nông nghiệp, vì hai lý do sau:

- Chuyển tài sản của hợp tác xã từ thể hệ này sang thể hệ tiếp sau: bởi các quỹ dự phòng của hợp tác xã là không thể chia, giá trị các phần vốn góp xã hội chỉ mang tính danh nghĩa. Nếu nông dân trẻ muốn mua lại phần vốn góp của người lớn tuổi theo đúng giá trị thực của phần vốn đó thì sẽ không bao giờ mua được. Hợp tác xã sẽ được đưa ra thị trường và các xã viên sẽ không đủ khả năng để tiếp tục duy trì sự sở hữu của mình.

- Nhằm tránh việc các hợp tác xã giải thể thay đổi giá trị thực của số vốn đăng ký, khi xã viên ra khỏi hợp tác xã hoặc khi hợp tác xã giải thể, hợp tác xã trả lại giá trị danh nghĩa của các cổ phần.

Một hình thức biến giá trị phần vốn góp thành hiện thực là bằng cách hợp nhất một số phần dự trữ vào vốn. Tóm lại, lựa chọn này chỉ bù trừ các tác động của lạm phát và đưa vào thực hiện nguyên tắc công bằng trong hợp tác xã nông nghiệp.

3. Các nguyên tắc đặc trưng của hợp tác xã nông nghiệp

Khi quyết định gia nhập hợp tác xã, người sản xuất đồng ý tôn trọng hai loại cam kết:

- Cam kết giao toàn bộ hoặc một phần sản phẩm cho hợp tác xã theo thời gian xác định trong điều lệ.

- Cam kết góp vốn để hợp tác xã có khả năng tự chủ tài chính, hoặc tối thiểu là có thể phát triển. Những nông dân (cá nhân hoặc thực thể pháp lý), kể cả các hợp tác xã khác hoặc các hiệp hội nông nghiệp có thể là xã viên của hợp tác xã nếu họ chấp nhận tuân thủ hai điều kiện này.

Những nhà đầu tư - xã viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã - cũng có thể tham gia nhiều hợp tác xã với tư cách đặc biệt. Những người này có thể sở hữu một phần vốn góp nếu trong điều lệ có quy định, tuy nhiên luôn phải ít hơn 1/2 tổng số vốn góp của hợp tác xã.

- Điểm đặc biệt: hợp tác xã, là đơn vị được lập ra và phục vụ cho nông dân, về nguyên tắc không thể tiến hành các hoạt động kinh doanh với bất kỳ đối tượng nào khác ngoài các xã viên của mình. Tuy nhiên, cũng có những ngoại lệ, nếu thỏa mãn ba điều kiện sau:

+ Được quy định trong điều lệ.

+ Các giao dịch với những người không phải là xã viên phải phù hợp với mục đích của hợp tác xã.

+ Các giao dịch này bị giới hạn không được vượt quá 20% tổng doanh thu hằng năm của hợp tác xã. Điều này có giá trị là những giao dịch này sẽ phải chịu thuế.

IV. CÁC LOẠI CẤU TRÚC QUY ĐỊNH VỊ TRÍ PHÁP LÝ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Cơ quan có thẩm quyền (hạt trường, thị trường vùng hoặc bộ trưởng Bộ Nông nghiệp phụ thuộc vào mức độ quan trọng của vùng lãnh thổ) bổ nhiệm một nhân viên hành chính phê duyệt các hoạt động của hợp tác xã, tất cả đều được quy định hoặc hạn chế tại Bộ luật nông thôn.

1. Các hợp tác xã nông nghiệp

a) Các loại hình hoạt động (hoặc mục tiêu hoạt động)

Hợp tác xã thu mua: những hợp tác xã này thu thập và tập trung các sản phẩm của xã viên thu hoạch, sơ chế và đem đi tiêu thụ.

Hợp tác cùng khai thác các nguồn tài nguyên: các hợp tác xã cùng bình ổn giá cả nông trại của các xã viên, có thể là

chủ sở hữu hoặc thuê.

Theo khu vực: áp dụng cho các hợp tác xã có khu vực hoạt động trải rộng hoặc có số lượng xã viên lớn. Theo quy định, các hợp tác xã này sẽ phải chia đại hội thành các bộ phận (khu vực) để thuận tiện cho việc tư vấn, giúp đỡ các xã viên.

Hợp tác xã ngũ cốc: những hợp tác xã này làm mọi việc liên quan đến ngũ cốc, từ sản xuất đến dự trữ, từ bảo quản đến sơ chế và bán.

Hợp tác xã cung ứng: những hợp tác xã này mua các sản phẩm như: hạt giống, bao bì, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư nông nghiệp,... và bán lại cho xã viên.

Hợp tác xã dịch vụ: những hợp tác xã này cung ứng cho các xã viên của mình (và chỉ phục vụ xã viên) những dịch vụ đặc biệt phục vụ cho hoạt động nông nghiệp của họ: kiểm tra, thí nghiệm, các tiện nghi cho dự trữ, bảo quản,...

b) Các lĩnh vực hoạt động

Quy chế về hợp tác xã phải quy định cả loại hình hoạt động và sản phẩm mà họ định sản xuất, kinh doanh. Theo đó, có hai loại hình hợp tác xã:

Hợp tác xã đơn ngành: là loại hình hợp tác xã chỉ có một mục tiêu hoặc chỉ quan tâm đến một loại sản phẩm.

Hợp tác xã đa ngành: là loại hình cấu trúc có nhiều mục tiêu hoặc hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực sản xuất.

c) Hợp tác xã chuyên ngành

Một vài hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực đặc biệt, chuyên môn hóa cao như: hợp tác xã thụ tinh nhân tạo. Việc lựa chọn vật nuôi phải tuân theo quy tắc nghiêm ngặt bởi các hợp tác xã có chuyên môn hóa cao để từ đó cải thiện loài

cũng như sức khoẻ và chất lượng của vật nuôi.

Đây cũng là trường hợp của CUMAs (hợp tác xã sử dụng chung dụng cụ nông nghiệp), loại hình hợp tác xã dịch vụ đặc biệt và đặc trưng của nó là thường dùng chung máy nông nghiệp. CUMAs cho phép và tổ chức việc sử dụng chung nông cụ như: máy kéo, máy gặt đập liên hợp, máy phun nước,... Loại hình này thường có quy mô nhỏ ở địa phương.

2. Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hay hợp tác xã cấp II

Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp tập hợp các thực thể pháp lý, chủ yếu là hợp tác xã nông nghiệp, nhưng không phải không có ngoại lệ. Cá nhân (nông dân) không thể là thành viên của hợp tác xã cấp II.

Hợp tác xã cấp II có chức năng như hợp tác xã nói chung và cũng có những loại hoạt động tương tự. Ưu điểm là loại hình này có thể tập hợp được số lượng sản phẩm nhiều hơn và tạo ra sự đầu tư lớn hơn.

Lĩnh vực sản xuất sữa là một ảnh hưởng tốt: hợp tác xã tập hợp sữa của các xã viên và phân phối lại cho liên hiệp để chế biến (thành bơ, sữa bột, pho mát,...) và đem bán.

3. SICAs (hợp tác xã chung lợi ích nông nghiệp)

SICAs được thành lập nhằm thực hiện các công việc vì lợi ích chung (điện khí hóa nông thôn, lò giết mổ, vệ sinh công cộng,...) ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, khi đó không có quy định riêng ngoại lệ cho hợp tác xã. SICAs hỗ trợ các hiệp hội nông dân và các hiệp hội nghề nghiệp không phải nông dân khác.

SICAs là một loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, theo đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận, SICAs sẽ có tư cách nửa hợp tác xã.

SICAs có sự khác nhau về định nghĩa và chức năng nếu so sánh với hợp tác xã thực thụ:

- Những người sản xuất phải làm chủ đa số phiếu bầu, nhưng những thành viên không phải là nông dân trong ngành (những người làm công nghiệp, thương nhân và thậm chí cả những nhà lãnh đạo địa phương) phải chiếm ít nhất 20% tổng số phiếu bầu ở đại hội cổ đông.

- Phần tiền vốn gia nhập không được chuyển thành tiền hoạt động.

- SICAs có thể thực hiện giao dịch với các đối tượng không phải là xã viên tới khoảng 50% tổng doanh thu.

Ưu điểm chủ yếu của hình thức này là tập hợp các loại đối tác khác nhau cùng hoạt động trong một lĩnh vực kinh tế hoặc cùng trong một khu vực địa lý nhằm nâng cao hình ảnh.

4. Tập đoàn hợp tác xã

Tập đoàn hợp tác xã không được đề cập như một loại hợp tác xã về mặt pháp lý nhưng đem lại tầm quan trọng về kinh tế.

Sự ra đời của tập đoàn hợp tác xã có khả năng tập hợp các hợp tác xã, liên đoàn hợp tác xã, SICAs và các công ty trách nhiệm hữu hạn, là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

Từ năm 1991, hợp tác xã có thể thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn, thường áp dụng chủ yếu cho các lĩnh vực sơ chế và tiêu thụ.

Về nguyên tắc, các tập đoàn hợp tác xã sẽ đem lại việc sử dụng có hiệu quả hơn các tài nguyên của tập đoàn và tạo ra sự cạnh tranh tốt hơn nhờ vào các công ty chuyên ngành. Các tập đoàn này phải tập hợp, thống nhất các báo cáo tài chính và công khai tại đại hội.

Các tập đoàn này là phương tiện chủ yếu để các hợp tác

xã có thể cạnh tranh với các công ty đa quốc gia cùng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và tạo vị trí thuận lợi hơn trong thị trường châu Âu rộng lớn.

V. ÁP DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC HỢP TÁC XÃ TRONG ĐỜI SỐNG THỰC TẾ CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Hợp tác xã là các doanh nghiệp, do vậy, họ sử dụng các phương thức thanh toán tương ứng với các quy định áp dụng riêng cho hợp tác xã. Bản chất của hợp tác xã nằm ở các quy định ưu tiên cho xã viên.

Phương thức thanh toán được hợp tác xã sử dụng thể hiện bản chất này. Ngày nay, việc thanh toán trên toàn châu Âu của hợp tác xã rất thuận tiện là nhờ vào các quy định mới của Liên minh châu Âu.

Các hợp tác xã phải hạch toán riêng rẽ các dịch vụ cung cấp cho xã viên (tiêu thụ, thụ tinh nhân tạo cho gia súc, các chuyên gia cho việc chăm sóc vườn nho,...). Sổ sách phải thể hiện ngay lập tức những nhiệm vụ hợp tác xã làm nhằm bình ổn giá cho xã viên hay nhằm cung cấp những dịch vụ tốt nhất có thể cho nông trại của xã viên.

Với ý nghĩa như vậy, phương pháp sổ kế toán đặc biệt được Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài chính lập ra cho hợp tác xã nông nghiệp. Phương pháp này tuân theo các quy tắc của Liên minh châu Âu: hợp tác xã đồng thời tuân thủ theo những phương thức thanh toán kinh doanh bình thường và thể hiện tính chất đặc biệt của mối quan hệ giữa hợp tác xã với xã viên, bao gồm những quy định đặc biệt áp dụng đối với vốn đăng ký.

Vốn đăng ký thể hiện sự gia nhập của xã viên và được xây dựng trên cơ sở lôgic hoạt động chứ không dựa trên lôgic tài chính. Việc này được tính toán dựa trên diện tích

nông trại của xã viên đó hoặc doanh thu của xã viên đó đối với hợp tác xã, hoặc sản lượng trên một hécta mà xã viên đó đạt được.

Hợp tác xã lựa chọn một tiêu chuẩn thích hợp cho vốn đăng ký một lần và cho tất cả, điều này phải được quy định trong điều lệ.

Vốn đăng ký thể hiện trong sổ kế toán là khác nhau và thay đổi tùy theo quy mô trang trại của xã viên.

Vốn đăng ký là yếu tố quyết định việc thành lập hợp tác xã, làm cho nó hoạt động và thực hiện các vai trò của hợp tác xã như là người hỗ trợ các hoạt động của xã viên.

Vốn đăng ký cho phép những nông dân cùng nhau đầu tư hoặc quản lý việc sơ chế và tiêu thụ sản phẩm của họ. Phần vốn góp xã hội được thừa nhận bởi những nông dân xác nhận tư cách thành viên và khẳng định trách nhiệm của họ đối với hợp tác xã.

Khi một xã viên ra khỏi hợp tác xã (chấm dứt tư cách xã viên hoặc về hưu), hợp tác xã sẽ trả lại cho người đó phần vốn góp mà họ đã đóng. Việc chi trả lại này sẽ chỉ tính toán phần giá trị danh nghĩa của phần vốn góp chứ không thể hiện trên sổ sách kế toán giá trị thực và giá trị tiềm tàng của toàn bộ hợp tác xã.

Tuy nhiên, điều lệ của hợp tác xã có thể cho phép việc định giá lại phần vốn góp bằng việc hợp nhất một vài quỹ dự trữ vào vốn nhằm mục đích bù trừ các tác động và lạm phát.

Thêm vào đó, giá cả hợp tác xã phải trả cho các sản phẩm của các xã viên là như nhau cho dù nông trại của họ có to nhỏ khác nhau và dù rằng các sản phẩm giống nhau cả về số lượng và chất lượng.

Hợp tác xã phải bảo đảm rằng tất cả các xã viên phải được biết về các cách thức cụ thể trả cho sự đóng góp của họ. Xã viên cũng phải được thông báo về giá cả hàng hóa và dịch vụ mà hợp tác xã cung cấp. Hợp tác xã nông nghiệp là

một công cụ tổ chức sản xuất, tham gia bình ổn giá cả hàng nông sản và tương hỗ giúp đỡ lẫn nhau. Đó là lý do tại sao nguyên tắc công bằng lại được tái khẳng định dù cho càng ngày trong quá trình phát triển của hợp tác xã, các đối tác tài chính càng được rộng mở hơn.

Trong một vài trường hợp, hợp tác xã có thể thưởng cho những xã viên đóng góp đều đặn các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định, hoặc cho những xã viên tôn trọng các kế hoạch do hợp tác xã định sẵn để từ đó hợp tác xã có vị trí tốt hơn trên thị trường.

Công bằng là nguyên tắc kinh tế cơ bản đối với hợp tác xã nông nghiệp, nhưng việc sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng và số lượng cũng được đánh giá cao.

VI. HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Hoạt động của hợp tác xã phải phù hợp với luật và những quy định của ngành, lĩnh vực. Bộ Nông nghiệp xây dựng những quy chế chuẩn và hợp tác xã nông nghiệp bắt buộc phải tuân thủ.

Hợp tác xã có cấu trúc cơ bản như sau:

Đại hội xã viên

Đây là nơi các xã viên thảo luận và bầu. Tất cả các thành viên đều có quyền có mặt và có quyền trình bày ý kiến của mình tại Đại hội xã viên, mỗi người có một phiếu bầu không phụ thuộc vào số vốn góp họ có. Nguyên tắc này - "một người một phiếu bầu" - khác so với Luật công ty trách nhiệm hữu hạn, ở đó số phiếu bầu thường tỷ lệ với số vốn góp.

Đại hội thường niên

Sau khi đọc báo cáo tài chính, báo cáo quản lý, báo cáo của Ban điều hành và báo cáo kiểm toán, Đại hội thường niên phải:

- Kiểm tra, thông qua hoặc góp ý sửa đổi, bổ sung sổ sách

kế toán và thống nhất, nếu cần thiết.

- Chấp nhận hoặc từ chối miễn trừ đối với những người điều hành hợp tác xã.

- Quyết định về hình thức phân chia lợi nhuận và quỹ dự trữ bắt buộc.

- Quyết định việc trả phần lợi tức thu được từ vốn góp, hoặc nếu cần thiết lập tỷ lệ chi trả.

Khi triệu tập thường lệ và đạt được số đại biểu cần thiết, Đại hội thường niên có thể ra những quyết định trong phạm vi thẩm quyền của mình.

Đại hội bất thường năm

Đại hội này chỉ được triệu tập nếu sửa đổi, bổ sung điều lệ và không được trái với quy định pháp lý về hợp tác xã.

Ban điều hành

Ban điều hành hợp tác xã là một cơ quan tập thể và lâm thời. Nó điều hành hợp tác xã và thể hiện bằng các giao dịch với các bên thứ ba. Ban điều hành thường xuyên gặp gỡ bàn bạc nếu cần thiết và ít nhất ba tháng một lần. Ban điều hành là một cơ cấu ra quyết định nhanh và các thành viên do Đại hội xã viên bầu.

Ban điều hành cử ra chủ nhiệm hợp tác xã, được hợp tác xã thuê và trả công, chủ nhiệm có trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của hợp tác xã.

Tinh thần hợp tác là dựa trên sự tôn trọng con người, trách nhiệm của hợp tác xã, các nguyên tắc đoàn kết (mỗi người vì mọi người), sự giúp đỡ tương trợ lẫn nhau (đối với tất cả mọi người) và sự công bằng xã hội (phân phối bình đẳng các hoa lợi của hợp tác xã theo sức đóng góp của mỗi người).

VII. CHẾ ĐỘ THUẾ CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Tại sao lại có chế độ thuế riêng cho hợp tác xã?

Hợp tác xã nông nghiệp không phải chịu thuế kinh doanh đối với những hoạt động họ thực hiện với xã viên, vì hai lý do:

- Nông dân là xã viên hợp tác xã không thể trả hai lần thuế kinh doanh: một lần cho các sản phẩm của chính họ và lần thứ hai thông qua các phương tiện của chung. Thu nhập của xã viên là kết quả của hợp tác xã thể hiện trong sổ sách kế toán.

- Xã viên hợp tác xã thu được lãi từ phần vốn góp họ đóng khi tham gia hợp tác xã.

Các hợp tác xã và các liên đoàn phải đóng thuế kinh doanh địa phương, nhưng mức thuế này được giảm bằng một nửa. CUMAs thì không phải đóng thuế.

Trên nguyên tắc, SICAs phải đóng thuế kinh doanh giống như các công ty trách nhiệm hữu hạn khác nhưng trong hầu hết các trường hợp, họ chỉ phải đóng một nửa thuế kinh doanh địa phương.

Hợp tác xã, cũng giống như các công ty ở Pháp, phải đóng các loại thuế gián tiếp như thuế VAT.

Có một vài ý kiến phê phán quy định pháp lý này đối với hợp tác xã và cho rằng chế độ thuế đặc biệt đối với hợp tác xã là một yếu tố cạnh tranh không bình đẳng so với những thành phần tư nhân còn lại. Tuy nhiên, những phê phán này cũng đã dịu đi khi người ta tính đến tầm quan trọng của hợp tác xã trong sự phát triển của toàn ngành nông nghiệp Pháp. Hơn thế nữa, chế định đặc biệt đối với hợp tác xã mặc dù có đem lại cho hợp tác xã một số lợi thế nhưng cũng có những điểm đáng kể, đây là điều không thể coi nhẹ.

Đầu tiên, hợp tác xã phải trải qua quá trình xét duyệt, và các nhà chức trách chỉ cho phép hợp tác xã hoạt động trong những ngành mà họ đã đăng ký và chỉ được hoạt động trong những khu vực đặc biệt và bị giới hạn. Điều này khiến cho

hợp tác xã phải xây dựng một chương trình hành động bị giới hạn. Thêm vào đó, hợp tác xã chỉ được thực hiện các giao dịch với xã viên trong giới hạn chương trình hành động hạn chế này.

Các quy tắc hoạt động khác của hợp tác xã cũng có ý nghĩa nhất định. Ví dụ: nguyên tắc công bằng bắt buộc hợp tác xã phải biết được sự đóng góp của xã viên và trả cho các sản phẩm của họ giá bằng nhau.

Nguyên tắc riêng này là công bằng khi hợp tác xã chỉ có thể thực hiện các giao dịch với xã viên. Còn đối với các giao dịch với những đối tượng không phải là xã viên thì không được chiếm quá 20% tổng doanh thu và điều này phải được quy định trong điều lệ. Những giao dịch này sẽ phải chịu mức thuế kinh doanh bình thường giống như các công ty trách nhiệm hữu hạn.

Tương tự, điều đáng phải lưu ý là các quỹ dự phòng của hợp tác xã không thể được chia trong trường hợp giải thể.

Cuối cùng, cả cơ quan thuế và các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp quản lý và kiểm tra sự tuân thủ các quy định pháp luật của hợp tác xã nông nghiệp. Điều này có thể dẫn đến việc điều chỉnh thuế và các giao dịch của hợp tác xã sau đó sẽ bị đối xử như các hoạt động thương mại cổ điển và/hoặc dẫn đến việc hủy bỏ sự phê chuẩn.

VIII. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

1. Xây dựng các quy định

Chức năng đầu tiên của nhà nước trong lĩnh vực này là thiết lập và thông qua khung pháp lý áp dụng cho hợp tác xã nông nghiệp.

Đây là nhiệm vụ chủ yếu của Bộ Nông nghiệp, tuy nhiên

các bộ, ngành khác cũng có trách nhiệm liên quan, đặc biệt là Bộ Kinh tế và Tài chính đối với lĩnh vực thuế và Bộ Tư pháp đối với Luật công ty và Luật thương mại.

Hiện tại, các cơ quan nhà nước được hướng dẫn ba nội dung chính:

- Giữ gìn các quy tắc về sự trung thành và cạnh tranh công bằng giữa hợp tác xã với khu vực tư nhân.
- Đưa vào thực hiện và sửa đổi, bổ sung quy định pháp lý về hợp tác xã nhằm phù hợp với các quy chế pháp lý về hợp tác xã của Cộng đồng châu Âu (SCE).
- Duy trì và củng cố phong trào hợp tác xã để đem lại các lợi ích cho nhà sản xuất cũng như ngành nông nghiệp Pháp nói chung.
- Giám sát sự điều hành hợp tác xã.

2. Sự chứng nhận hoạt động của nhà nước và sự quản lý, kiểm tra hợp tác xã nông nghiệp

Cấu trúc hợp tác xã dường như phải làm việc với nhiều loại cơ quan hành chính: cơ quan thuế vụ bảo đảm hợp tác xã phải tuân thủ các quy định đặc biệt về chế độ pháp lý, các cơ quan hành chính khác sẽ kiểm tra việc tuân thủ những quy định pháp lý thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý.

Nhưng Bộ Nông nghiệp vẫn có vai trò nổi bật. Những người đại diện chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp luôn có mối liên hệ với Bộ. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp cũng có trách nhiệm đối với hai thủ tục: cấp giấy chứng nhận và hủy bỏ nó nếu có vi phạm quy tắc hợp tác xã.

Chứng nhận hoạt động

Hợp tác xã nông nghiệp, các liên đoàn và SICAs phải thực hiện thủ tục chứng nhận hoạt động để xác nhận điều lệ phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Tuỳ theo địa bàn lãnh thổ, các giấy chứng nhận sẽ được

những người đứng đầu khu vực, vùng hoặc bộ trưởng Bộ Nông nghiệp cấp.

Đơn vị đăng ký phải nộp đơn đăng ký cho cơ quan hành chính có thẩm quyền. Một ủy ban đặc biệt (Ủy ban Khu vực về các định hướng nông nghiệp hoặc Ủy ban Trung ương về chứng nhận hoạt động hợp tác xã) bao gồm đại diện các cơ quan hành chính và chuyên môn sẽ xem xét đơn đề nghị và đưa ra các kiến nghị. Quyết định cuối cùng sẽ được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

Quản lý, kiểm tra

Hàng năm, các hợp tác xã nông nghiệp phải trình lên cơ quan đã cấp giấy chứng nhận các báo cáo thể hiện hoạt động của mình phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp tác xã.

Báo cáo này phải bao gồm cả bản photocopy các quyết định của Đại hội xã viên, các tài liệu trình bày tại Đại hội xã viên cho các xã viên thẩm tra, báo cáo chi tiêu hằng năm, lỗ, lãi, bảng cân đối, các báo cáo tổng kết về tình hình tài chính và quản lý hợp tác xã, báo cáo kiểm toán.

Thêm vào đó, tất cả những sửa đổi, bổ sung điều lệ hợp tác xã (mục đích, thời gian hoạt động, các giao dịch, liên doanh liên kết,...) sẽ phải được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong vòng một tháng kể từ khi những sửa đổi, bổ sung này được thông qua.

Tương tự, nếu hợp tác xã muốn tham gia vào công ty trách nhiệm hữu hạn cũng phải thông báo cho các đơn vị của Bộ Nông nghiệp biết để cho phép hoặc từ chối.

Giấy phép hoạt động có thể bị hủy bỏ nếu hợp tác xã ngừng áp dụng các quy định trong điều lệ, nếu các sửa đổi mục đích hoạt động hoặc các hoạt động của hợp tác xã vượt ra ngoài khu vực lãnh thổ hợp tác xã được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động.

Ngoài ra, hợp tác xã cũng sẽ bị rút giấy phép hoạt động

nếu cơ quan kiểm tra phát hiện ra rằng các cán bộ điều hành hợp tác xã không đủ năng lực, các quy định pháp lý, điều lệ hoặc quy chế bị phá vỡ hoặc hợp tác xã không bảo đảm và nâng cao lợi ích cho xã viên.

IX. HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CHO HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Điều quan trọng đầu tiên nhấn mạnh ở đây là không có chế độ phụ cấp đặc biệt dành cho hợp tác xã. Hợp tác xã chỉ được lợi duy nhất về mặt tài chính cho đến giờ là chế độ thuế đặc biệt.

Tuy nhiên, hợp tác xã, cũng giống như công ty trách nhiệm hữu hạn, có thể nhận được một số hỗ trợ tài chính đối với một số chương trình mà họ thực hiện.

Ví dụ như những hỗ trợ từ Quỹ cơ cấu châu Âu; một vài dự án đầu tư (đạt được việc trao đổi thiết bị mới, các hoạt động làm giảm ô nhiễm hoặc các bước đưa ra nhằm nâng cao chất lượng) có thể được cùng hỗ trợ bởi nhà chức trách Pháp và châu Âu, và tất nhiên lợi ích cả hai bên cùng được hưởng. Những hoạt động này phải tuân theo những ưu tiên đã định trước.

Hỗ trợ tài chính cũng có thể được đưa ra như là một phần của chiến lược phát triển kinh tế của vùng hoặc của nhà nước nhằm thúc đẩy các chương trình đặc biệt phù hợp với những nhu cầu của kinh tế vùng. Trong trường hợp này, các nhà chức trách vùng cung cấp một phần tài chính cho những hoạt động hoặc dự án này.

Cuối cùng, có một số hỗ trợ đặc biệt khác như: hỗ trợ tài chính cho việc tạo ra một số mô hình CUMAs, hoặc giảm tỷ lệ lợi nhuận từ các khoản cho vay để nhận được một số loại thiết bị đặc biệt của CUMAs.

X. KẾT LUẬN

Hợp tác xã nông nghiệp là một hình thức tổ chức với những thành công đã xác định, có khả năng giúp các nhóm người vượt qua khó khăn và giúp nông dân có được những phương tiện và cấu trúc ở địa phương thích hợp cho sự phát triển của mình.

Là một công cụ được thành lập bởi và do nông dân, hợp tác xã nông nghiệp phải đương đầu trực tiếp với những biến động của ngành nông nghiệp, do đó có rất nhiều cơ hội để chúng tỏ khả năng thích ứng của mình.

Thành công của hợp tác xã không chỉ gắn liền với các kỹ năng và quyết định của những người quản lý hợp tác xã mà còn phụ thuộc vào khả năng gắn kết các xã viên và nâng cao lợi ích của họ. Luôn luôn tâm niệm điều đó và hợp tác xã có thể tự hào rằng hầu hết nông dân Pháp đều là xã viên hợp tác xã.

Hợp tác xã đã phát triển rất nhiều trong thế kỷ qua. Việc mở rộng quy mô trang trại của xã viên, củng cố sự tăng trưởng kinh tế và bảo vệ lợi ích kinh tế của xã viên trước những đe dọa của các cơn khủng hoảng thường kỳ trong quá khứ đã khiến cho hợp tác xã ngày nay trở thành một tổ chức đáng tin cậy, có khả năng thực hiện vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong khi vẫn tôn trọng các nguyên tắc của hợp tác xã nông nghiệp.

Sự phát triển của hợp tác xã đặc biệt nổi bật trong 20 năm gần đây, được đặc trưng bởi hai xu hướng: một bên là phong trào tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức và một bên là việc hợp tác xã tham gia vào ngành công nghiệp lưu kho, sơ chế và tiếp thị nông sản.

Các tập đoàn hợp tác xã hùng mạnh đã được ra đời và hiện có khả năng ảnh hưởng đến thị trường châu Âu và thế giới.

Việc luôn quan tâm đến tính cạnh tranh là chìa khóa để thúc đẩy sức sản xuất bền vững của các xã viên hợp tác xã.

Hợp tác xã nông nghiệp đã thực hiện vai trò của mình một cách hoàn hảo khi thu mua và bán lại sản phẩm của xã viên ra thị trường, bảo hộ thông qua việc bình ổn giá rất đơn giản. Các quy tắc kinh tế, chính trị, xã hội mới đòi hỏi hợp tác xã phải có chiến lược giống với chiến lược của khu vực kinh tế tư nhân để đối mặt với thị trường mở.

Khả năng của hợp tác xã trong việc thay đổi và thích ứng với môi trường, thỏa mãn những mong muốn mới của xã viên hợp tác xã là sự khẳng định cho các ý tưởng về việc cùng nhau hợp tác và thực hiện những dự án chung sẽ tồn tại và luôn tồn tại trong thực tế.

Các thách thức trong tương lai

Trong tương lai, các hướng phát triển chính của hợp tác xã như sau:

- Hợp tác xã là công cụ cho những nông dân trẻ và giúp đỡ họ xây dựng một trang trại mới.

- Hợp tác xã vẫn giữ những yếu tố cơ bản như tổ chức kinh tế, giảm giá thành sản xuất, bình ổn giá nông sản, điều chỉnh chất lượng và số lượng sản phẩm. Đó là một cách để nông dân có thể tiếp cận chính sách phát triển trong lĩnh vực của mình.

- Quy định hoạt động theo lãnh thổ khiến hợp tác xã có vai trò quyết định trong phát triển kinh tế ở địa phương và trong việc bảo vệ môi trường ở khu vực nông thôn.

- Hợp tác xã là trường đào tạo cho nông dân tham gia vào việc điều hành các phương tiện kinh tế của họ.

Tất cả tương lai của nông dân và ngành nông nghiệp thế giới phụ thuộc vào khả năng hợp tác thiết lập một hệ thống các hoạt động chung cũng như những phương thức đoàn kết tương ứng.

Tính hợp pháp của hợp tác xã nằm ở thành tích kinh tế và

ở khả năng đấu tranh cho các giá trị về tính minh bạch, công bằng và đoàn kết trong sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc điều hành dân chủ là đặc trưng của hợp tác xã.

Hợp tác xã có trách nhiệm đối với các xã viên, với khu vực nông thôn nói chung và với khu vực địa bàn mà hợp tác xã hoạt động.

Thị trường toàn cầu hóa, sự cách tân, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm là những thách thức lớn đối với hợp tác xã hiện nay và trong tương lai. Điều này đưa đến phỏng đoán rằng để hợp tác xã có thể trở thành người dẫn đầu trên thị trường thì phải tái cơ cấu, cùng hợp tác và cùng tập hợp lại nhằm tạo vị trí tốt hơn trên thị trường thế giới.

Ngày nay, hợp tác xã ở Pháp thực hiện sự liên kết và có đối tác trên khắp châu Âu. Điều luật 1435/2003 về hợp tác xã châu Âu (SCE) tạo một khung pháp lý thích hợp để cho ra đời những tập đoàn hợp tác xã châu Âu đa quốc gia.

VỀ LUẬT 502, LUẬT HỢP TÁC XÃ MALAIXIA NĂM
1993,
TIẾP TỤC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐẾN NĂM
2008
(LUẬT A1297 CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1-1-2008)

GS. HANS-H. MUENKNER*

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

"Hội thảo đã mở đường cho chiến lược và lựa chọn ở cấp chính quyền trung ương để xây dựng môi trường chính sách thuận lợi trong khung khổ luật pháp đầu tiên quy định quyền quản lý và kiểm soát dân chủ của xã viên và quản lý chuyên nghiệp trong hợp tác xã"¹.

1. Mục đích của hợp tác xã

Trong phần đầu của luật đã nêu rằng hợp tác xã được xem như là công cụ để đóng góp nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội của quốc gia, tức là mục tiêu kinh tế vĩ mô. Điều này không phù hợp với định nghĩa hợp tác xã trong điều

* Bài viết ngày 1-7-2008.

1. Lời đề dẫn Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, tổ chức tại Kuala Lumpur, từ ngày 12 đến 15-3-2007 của Shil Kwan Lee, Giám đốc địa phương của ICA/ROAP (Liên minh hợp tác xã quốc tế/Văn phòng khu vực châu Á - Thái Bình Dương).

khoản giải thích từ ngữ (Điều 2), đã sử dụng định nghĩa trong Báo cáo của ICA về nhận dạng hợp tác xã năm 1995:

"... là một tổ chức tự chủ của những cá nhân liên kết với nhau một cách tự nguyện nhằm đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, văn hóa và xã hội thông qua một doanh nghiệp được sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ".

Khoản 4.1 cũng đã nhắc lại mục tiêu của hợp tác xã là thúc đẩy các lợi ích kinh tế của xã viên phù hợp với nguyên tắc của hợp tác xã, bao gồm nguyên tắc độc lập và tự chủ (Điều 2).

2. Mối quan hệ giữa chính phủ và hợp tác xã

"Cần có một chính sách nhất quán của nhà nước và Luật hợp tác xã có thể được sửa đổi sau khi thông qua một chính sách có lợi cho phát triển hợp tác xã"¹.

Ban đầu, mô hình liên kết hợp tác xã cổ điển Ấn Độ - Anh (theo Luật hợp tác xã Ấn Độ năm 1904, 1912) khá nói lỏng, được sự bảo trợ của nhà nước và sự hỗ trợ của chính các xã viên. Mô hình pháp lý này trở thành khung khổ pháp luật phổ biến cho các hợp tác xã ở các nước thuộc địa cũ của Anh và dần dần trở thành khung khổ cứng để quản lý nhà nước về hợp tác xã mà ở đó nhà nước có quyền thanh tra, kiểm toán, kiểm tra và giám sát các hợp tác xã, bao gồm quyền của các cán bộ nhà nước yêu cầu thông qua trước những quyết định quan trọng về bầu các ban, hay can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản lý các công việc hằng ngày của hợp tác xã.

Luật hợp tác xã Malaixia cũng đã đi theo hướng phát triển này. Sau nhiều năm, quyền lực nhà nước đối với các hợp tác xã đã được mở rộng, có chọn lọc và cụ thể hơn. Từ đó, một mặt

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 3.

dẫn tới việc có quá nhiều quy chế, mặt khác gây ra nhiều vấn đề trong thực hiện toàn bộ quyền và kiểm tra, áp dụng tuân thủ theo đúng các quy tắc. Kiểu pháp luật về hợp tác xã này khác xa với mô hình ban đầu. Khi Luật hợp tác xã tín dụng Ấn Độ năm 1904 được ban hành, ông Dencil Ibbetson tuyên bố rằng mọi người có cơ hội để cải thiện cuộc sống thông qua sự tự hỗ trợ lẫn nhau của một nhóm và chính phủ có thể hỗ trợ thông qua dịch vụ tư vấn của các nhân viên đã được đào tạo của cơ quan cấp đăng ký kinh doanh, các nhân viên đó là "một người chỉ dẫn, hướng dẫn và là người bạn của hợp tác xã chứ không phải là một cán bộ thanh tra". Xu hướng phổ biến hiện nay là nhìn nhận chính phủ và hợp tác xã một cách ngang bằng nhau, đều là đối tác trong sự phát triển, chứ không phải là ông chủ và nhân viên, hay đối tác dưới quyền.

3. Quyền lực của ủy ban trong việc ban hành quy chế, trật tự, chỉ dẫn và hướng dẫn,...

"Việc tìm ra giới hạn quyền trong quy chế là rất quan trọng, nhằm ngăn ngừa tình trạng quy định quá mức và để lại quyền tự chủ cho các hợp tác xã điều chỉnh các quy định của luật cho phù hợp với các yêu cầu cụ thể trong điều lệ của từng hợp tác xã"¹.

Đây là thông lệ chung cho phép bộ trưởng đưa ra các quy định dưới luật để thi hành luật. Tuy nhiên, có những giới hạn rõ ràng về quyền đưa ra các quy tắc. Theo Điều 86A và 86B Luật 502, quyền đưa ra các quy định của bộ trưởng đã liên tục được mở rộng qua các năm, đến nay đã có 27 khoản được bổ sung trong điều quy định các khái niệm chung (Điều 86A), đồng thời quy định thêm 10 vấn đề khác (liệt kê sau

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 10.

Điều 86B). Ở đó có rủi ro của việc sao chép đúng với quy định quá mức.

Trên cùng vấn đề này, quyền lực tương lai được đưa ra rõ ràng, ví như quyền đưa ra trật tự, hướng dẫn chung (Điều 86B). Phạm vi rộng của quyền lực trên thực tế cho phép các bộ trưởng và/hoặc ủy ban làm suy giảm quyền tự chủ của các hợp tác xã - quyền đã được bảo vệ trong phần khác của luật. Điều này giải thích niềm tin có giới hạn về khả năng quản lý các vấn đề của chính họ.

Một cách khác để chính phủ kiểm tra việc thi hành các hoạt động của hợp tác xã là vấn đề đưa ra các quyết định quan trọng trong việc bầu cán bộ hợp tác xã phải được thông qua bởi chính phủ, ví dụ: ban hành quy chế, quyết định các vấn đề về quản lý và về sử dụng các quỹ (danh mục dưới Điều 86B).

Một điều khoản đặc biệt khác (Điều 87) đã có từ thời còn là luật theo tập quán (1904-1946). Điều này cho phép bộ trưởng có quyền miễn thuế cho các tổ chức theo quy định của pháp luật.

Những quyền lực có ảnh hưởng sâu rộng của cơ quan lập pháp đã giữ quyền kiểm soát quá mức và chỉ để lại một phạm vi nhỏ quyền tự chủ cho hợp tác xã.

4. Quyền lực chính phủ và hoạt động của các tổ chức hợp tác xã

"Vai trò bộ máy chủ chốt của hợp tác xã như đại diện pháp luật về lợi ích của các hiệp hội và thành viên của hiệp hội có thể được thừa nhận. Dựa trên cơ sở nguyên tắc của các công ty thành viên, chính phủ có thể trao cho bộ phận hợp tác xã quyền tự điều chỉnh như cơ chế tăng cường tính độc lập, tự chủ của hợp tác xã trong khung khổ pháp luật.

Theo ý nghĩa đó, chính phủ phải cho phép bộ máy chủ chốt của hợp tác xã điều chỉnh (không phải điều khiển) các hiệp hội thành viên của hợp tác xã chính"¹.

Trong khi sự can thiệp và nhiệm vụ của chính phủ nhằm thúc đẩy sự phát triển của hợp tác xã theo xu hướng mạnh lên, có thể bao gồm cả việc thúc đẩy các tổ chức đỉnh của hợp tác xã mạnh lên, Luật hợp tác xã Malaixia quy định các dịch vụ chính phủ tiếp quản và giữ chức năng mà bộ máy quản lý của hợp tác xã không thể thực hiện được, kể cả với hoạt động kiểm toán tổng thể, tư vấn và giải quyết các cuộc tranh luận. Ý tưởng ban đầu theo mô hình hợp tác xã Anh - Ấn Độ cũ đã để lại những chức năng này từ công việc của chính phủ cho chính các tổ chức của hợp tác xã ngay sau khi các liên đoàn hay hiệp hội hợp tác xã có thể tiếp quản công việc. Theo quan điểm của Luật hợp tác xã Malaixia, chính phủ duy trì hoạt động xúc tiến, kiểm tra cùng chức năng phân xử và các tổ chức đỉnh của hợp tác xã được cho phép cạnh tranh với các dịch vụ công về phí đóng góp của thành viên hoặc để duy trì mối quan hệ không quan trọng.

5. Quyền can thiệp của chính phủ

Việc quản lý bầu cử lãnh đạo dân chủ của các công chức hiện là một tài sản quý giá và là một đặc trưng để phân biệt của hợp tác xã phải được bảo vệ bằng pháp luật. Luật hợp tác xã phải quy định khung khổ cho việc bỏ phiếu bầu những người lãnh đạo đáng tin cậy, các tiêu chuẩn của hệ điều hành tốt, trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của cán bộ, công chức thông qua các điều khoản hạn chế vị trí của ban

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 8.

lãnh đạo hợp tác xã, thuật ngữ về cán bộ,... quyền lực và trách nhiệm, nghĩa vụ pháp lý của cán bộ nhà nước¹. "Chính phủ không được mong đợi can thiệp vào công việc của hợp tác xã, ngoại trừ khi hợp tác xã yêu cầu sự giúp đỡ của chính phủ"².

Luật hợp tác xã Malaixia trao cho chính phủ quyền can thiệp trực tiếp vào các công việc nội bộ của hợp tác xã. Lý lẽ thông thường để bào chữa cho những quyền lực này là: đây là những quyền lực được dùng trong trường hợp khẩn cấp, và chỉ dùng với những mục đích tốt. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy các lý do hợp lý luôn được dựng lên.

Sức mạnh quyền lực này bao gồm quyền đưa ra các hướng dẫn, nguyên tắc chỉ đạo (Điều 86B), hướng dẫn hợp tác xã triệu tập đại hội xã viên (Điều 18A, khoản 2); triệu tập đại hội xã viên bất thường, quyết định chương trình và người chủ tọa (Điều 40, khoản 2), hướng dẫn sửa đổi quy chế (Điều 18A, khoản 1) hay sửa đổi quy chế theo kiến nghị của chính họ (Điều 18A, khoản 2). Thông báo về đại hội phải được gửi tới ủy ban để có quyền tham dự và cho ý kiến góp ý (Điều 41).

6. Quyền kiểm soát quá mức của chính phủ

"Mối quan hệ giữa chính phủ và hợp tác xã phải được quy định rõ giới hạn trong Luật hợp tác xã. Phải quy định rõ vai trò của từng bên. Quy định giới hạn rõ ràng về quyền lực nhà nước, đặc biệt là quyền kiểm soát và ban hành các quy định bổ sung dưới luật"².

1. Xem: Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 11.

2. 2. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 13, 3.

Luật 502 cho phép chính phủ có một phạm vi quyền lực rộng để quản lý các hợp tác xã. Từ quyền thanh, kiểm tra các báo cáo chính thức cũng như phi chính thức (Điều 64) đến thẩm tra (Điều 66) và bổ nhiệm những cán bộ thay thế tạm thời ban đã được bầu cử (Điều 39 và 69A). Thực tế, ủy ban được trao quyền lực để tiếp quản công việc kinh doanh của một hợp tác xã (Điều 69). Các cán bộ của hiệp hội hợp tác xã có thể mất uy tín (Điều 80). Ủy ban có trách nhiệm giải quyết những tranh luận bên trong hoặc giữa các hợp tác xã liên quan đến việc thành lập, quy chế, bầu các chức danh, cách quản lý của đại hội xã viên, quản lý hoặc kinh doanh của một hợp tác xã (Điều 82). Ủy ban cũng có tác động đến việc thành lập tòa án để giải quyết các xung đột (Điều 83).

Trong nhiều năm, quyền kiểm soát của chính phủ đối với các hợp tác xã liên tục được chi tiết hóa, mở rộng và tinh lọc. Gánh nặng quy chế dần tới vấn đề quản lý việc chấp hành cũng như việc phát triển các quy chế. Kiểu luật pháp này khác xa với mô hình ban đầu năm 1904, khi đó chỉ quy định cơ quan đăng ký hợp tác xã có thể là người "hướng dẫn, tư vấn và người bạn của các hợp tác xã chứ không phải là cơ quan kiểm tra".

Quyền ban hành quy chế của các bộ trưởng để thực thi luật tiếp tục được mở rộng và đến nay có đến 27 khoản (tăng từ 18 khoản ban đầu) bổ sung một điều khoản chung (86) cùng với danh sách liệt kê sau Điều 86B đã chỉ ra 10 vấn đề của các quy chế sau. Ở đầu danh sách, có thêm nhiều nguyên tắc đã tạo ra quyền lực rõ ràng như quyền đưa ra trật tự và thiết lập hướng dẫn (Điều 86A và 86B).

Tác động thực tế của quyền lực của các bộ trưởng làm suy yếu quyền tự trị của hợp tác xã và giải thích sự thiếu tin tưởng về khả năng của các xã viên trong việc điều chỉnh và

quản lý vấn đề của chính họ.

Thêm vào đó quyền lực cho phép các bộ trưởng miễn thuế cho các hiệp hội theo quy định của luật (Điều 87) - chung quy lại, đã làm cho quyền lực của một bộ trưởng đã vượt quá luật của Quốc hội.

7. Phạt và trừng phạt quá mức

Nhiều điều khoản phạt trong luật cho phép cơ quan có quyền lực áp đặt mức phạt cao lên các hành vi không đúng với quy định của luật hoặc nghĩa vụ quy định trong quy chế, trật tự, chỉ dẫn hay hướng dẫn của Hội đồng các bộ trưởng. Ví dụ: một số quy định tại khoản 19.4; 19A.2; 39.2; 44.2; 44A.3; 44B.2; 52.4; 52A.2; 53.2; 54.3 và 4; 54A.3; 58.6 và 59.6.

Thực tế, điều này góp phần làm các hợp tác xã đã đăng ký mất niềm tin vào chính phủ và biến các hợp tác xã thành một tổ chức nửa công chúng dưới sự kiểm soát của chính phủ. Những quy định này thể hiện triết lý đang bị tranh cãi trong trường hợp của hợp tác xã: "ngăn ngừa còn tốt hơn là khắc phục". Quan điểm này trái với quan điểm hiện đại "cho phép mọi người rút ra bài học từ những lỗi của họ". Kinh nghiệm cho thấy thậm chí không thể tránh được sai sót xảy ra ngay cả khi chính phủ thực hiện việc kiểm soát, ví như thất bại của ngân hàng hợp tác xã Malaixia trong những năm 1980. Trừng phạt quá mức có thể gặp khó khăn khi thực hiện, nếu mức phạt vượt quá khả năng thanh toán của cá nhân sẽ gây hậu quả tiêu cực. Pháp luật cần phải thực tế nếu không sẽ bị mất tín nhiệm.

II. NHẬN XÉT VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT

1. Thành lập hợp tác xã

"Luật phải quy định các công cụ để xác định đâu thực sự là hợp tác xã, ví dụ kiểm toán trước đăng ký, cần phải được thông qua trước khi đăng ký kinh doanh, cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về số lượng xã viên sáng lập tối thiểu (không quá nhiều, không quá ít, phụ thuộc vào loại hình hợp tác xã và tình hình tài chính)"¹.

"Các yêu cầu cần đáp ứng trước khi đăng ký kinh doanh cần phải được giải thích rõ ràng trong luật về các chính sách liên quan đến đăng ký kinh doanh. Mức vốn tối thiểu đa dạng tùy theo từng trường hợp. Do đó, quy mô vốn đòi hỏi để thành lập một hợp tác xã có thể không được quy định cố định trong luật, nhưng vẫn phải được đánh giá tùy từng trường hợp trong quá trình kiểm toán trước đăng ký kinh doanh. Có thể chống được nạn quan liêu"².

Luật của Malaixia quy định số lượng xã viên sáng lập của một hợp tác xã chính tối thiểu là 50 (Điều 5, khoản 1(a)). Theo tiêu chuẩn quốc tế và thực tế ở nhiều quốc gia, con số này là quá cao. Thậm chí, ngay cả số lượng tối thiểu 20 sáng lập viên được cho phép trong các trường hợp ngoại lệ (Điều 8, khoản 1) cũng là quá cao. Ở Đức, số lượng quy định ban đầu là 10 sáng lập viên, trong trường hợp có 7 người Đức. Con số này có xu hướng giảm xuống, thậm chí những quy định về số lượng nhỏ nhất là 3 (quy định của Luật hợp tác xã Đức sửa đổi năm 2006), hay giảm xuống 5 (quy định về các hiệp hội hợp tác xã của Liên minh châu Âu năm 2003).

1, 2. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 10.

Nếu quy định pháp luật bắt buộc số lượng tối thiểu xã viên sáng lập quá lớn sẽ gây ra tình trạng thực hiện không đúng quy định về thành lập mới và thường xảy ra với các hợp tác xã nhỏ như hợp tác xã của người đánh cá trong một làng, các hợp tác xã của những người thợ lành nghề như người làm bánh, bán thịt, thợ mộc, hay thợ xây trong một thành phố nhỏ. Hợp tác xã thường bắt đầu từ quy mô nhỏ và phát triển chậm. Trong rất nhiều trường hợp, hợp tác xã vẫn duy trì quy mô nhỏ. Những hợp tác xã nhỏ tồn tại lâu năm ở địa phương với quan hệ xã hội chặt chẽ giữa các xã viên thường là nhân tố bền vững nhất trong sự phát triển hợp tác xã. Hợp tác xã tiêu dùng và tín dụng lại khác, việc thành lập các hợp tác xã nhỏ, trên lĩnh vực không phải là tiết kiệm có thể tránh được phải kiểm toán. Tuy nhiên, kiểm toán trước hết nhằm xem xét khả năng kinh tế đã không được quy định trong luật. Với những nhóm ít người mong muốn thành lập hợp tác xã, cách duy nhất là thành lập một tổ chức kinh tế tư nhân không chính thức tương tự như quy định của luật hiện hành và không có sự bảo vệ của pháp luật về mặt pháp lý.

2. Quyền tự trị của hợp tác xã trong việc quy định điều lệ

"Những nội dung cơ bản cần có của điều lệ phải được quy định trong luật. Tuy nhiên, quyền tự trị là cần thiết để điều chỉnh các điều khoản chung trong luật đáp ứng với các yêu cầu trong từng trường hợp cụ thể. Quyền tự điều chỉnh này không cần bị hạn chế quá mức bằng việc đưa ra luật bao hàm tất cả, bằng các quy chế cụ thể hay các mô hình bắt buộc của luật"¹.

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về

Trong điều lệ của các hợp tác xã, hợp tác xã có thể tự do điều chỉnh các quy tắc chung được quy định trong luật và quy chế theo các yêu cầu cụ thể của hợp tác xã. Tuy nhiên, theo Luật 502, quy chế và kế hoạch hoạt động, không được dành nhiều cho hợp tác xã có thể điều chỉnh tự do trong điều lệ của họ. Luật pháp mở rộng cùng với quy chế, trật tự, hướng dẫn, chỉ dẫn muốn rằng trong hầu hết các vấn đề, hợp tác xã chỉ có thể lập lại những quy định đã được điều chỉnh ở cấp cao hơn. Tuy nhiên, để hợp lý hóa, điều lệ do hợp tác xã xây dựng phải được đưa ra trước hội đồng trước khi điều lệ được đăng ký và có hiệu lực (Điều 18, khoản 2 và 3).

Ủy ban có quyền ra lệnh cho hợp tác xã phải sửa đổi điều lệ hoặc xây dựng điều lệ với một số nội dung cụ thể (Điều 18, khoản 1) hoặc mặc nhiên phải sửa đổi (Điều 18A, khoản 2).

3. Quyền tự quản lý

Thành công của các hợp tác xã trong nền kinh tế toàn cầu phụ thuộc vào việc... "duy trì đầy đủ tính tự chủ và độc lập về chính trị của hợp tác xã, đồng thời thiết lập khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế thông qua củng cố năng lực quản lý, ghi nhớ tinh thần và kỹ năng kinh doanh của các xã viên thông qua các chiến lược đổi mới"¹.

Tự điều hành là quyền của hợp tác xã được tự do quản lý công việc của chính họ. Tuy nhiên, theo Luật 502, nguyên tắc của hợp tác xã lệ thuộc vào rất nhiều giới hạn. Theo khoản 40.2, ủy ban có quyền triệu tập đại hội xã viên để quyết định các vấn đề cần đưa ra trao đổi trong cuộc họp và để đưa ra lời khuyên. Điều 42 quy định như sau: "Tùy thuộc vào quy chế

hợp tác xã, 2007, tr. 11.

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, Báo cáo tóm tắt, 2007, tr. 2.

hoặc trật tự, hướng dẫn hay chỉ dẫn, mỗi hợp tác xã phải có một ban gồm từ 6 đến 15 xã viên do đại hội xã viên bầu ra".

Hoạt động kinh doanh của các hợp tác xã không thể phát triển trong điều kiện chịu sự giám sát chặt chẽ của chính phủ, khi đó hầu hết các quyết định quản lý quan trọng đều phải được chính quyền thông qua, thậm chí bao gồm cả việc lựa chọn xã viên bầu vào các ban. Theo Luật 502, các hợp tác xã phải tìm kiếm các bằng chứng từ ủy ban xem một xã viên có đáp ứng đủ các yêu cầu để chỉ định thành viên Ban quản trị (43.2) hay cụ thể trong luật quy định rằng "thỏa mãn yêu cầu và các tiêu chuẩn phù hợp theo quy định của ủy ban nếu có".

4. Các công ty con (thành viên)

Kinh nghiệm chỉ ra rằng đầu tư quỹ của hợp tác xã vào các công ty con có nhiều rủi ro tiềm tàng và mang lại cơ hội để gian lận hoặc lạm dụng. Luật 502 đúng đắn khi không cho phép các khoản đầu tư bằng một nguyên tắc, ngoại trừ trường hợp được sự phê duyệt bằng văn bản từ trước của ủy ban (19.1): "thực hiện theo đúng các yêu cầu, quy định của luật, quy chế, trật tự, hướng dẫn hay chỉ dẫn" (19.3). Quy định tương tự được áp dụng với việc mở chi nhánh (19A.1), tuy nhiên yếu tố chính chống lại việc hợp tác xã sử dụng không đúng các công ty con là mục đích của các công ty con phải liên quan trực tiếp đến mục đích của hợp tác xã và việc nhận phụ tùng, linh kiện từ một hoạt động nào đó phải được đóng góp để thúc đẩy việc khuyến khích lợi ích của xã viên, lại không được quy định trong luật.

Kết luận

"Tìm đúng liều lượng quy định là một điều rất quan trọng, để chống lại việc quản lý quá mức và để lại quyền tự

chủ... Quyền tự chủ và điều chỉnh hợp lý là: các hợp tác xã phải có quyền tự chủ trong việc xây dựng điều lệ trong khuôn khổ các quy định của luật. Khuôn khổ hợp lý nếu bảo vệ được đặc điểm của hợp tác xã là một loại hình tổ chức, bảo vệ được lợi ích cho xã viên, quyền lợi của các chủ nợ, và bảo vệ lợi ích công chúng"¹.

Các quy định của Luật 502 điều chỉnh hầu hết các vấn đề liên quan đến hợp tác xã một cách cụ thể, thường quy định hai lần (trong luật, trong quy chế dưới luật và trật tự, hướng dẫn, chỉ dẫn,...). Đây chính là một trường hợp rõ ràng của quản lý quá mức. Lời khuyên được đưa ra cách đây hơn 1.000 năm bởi Montesquieu, có thể nhắc lại: Nếu không hoàn toàn cần thiết cần ban hành luật (hoặc một số quy định của luật) thì không thực sự cần thiết phải ban hành một đạo luật (hoặc điều khoản của luật).

Quản lý quá mức không cho phép phát huy tính tự chủ trong hợp tác xã trong việc xây dựng điều lệ phù hợp với các nhu cầu cụ thể của hợp tác xã. Trong nhiều trường hợp, điều lệ chỉ có thể nhắc lại những quy định cụ thể và chắc chắn đã có sẵn từ trước bởi chính phủ. Như Westergard, một chuyên gia về phát triển hợp tác xã, người Thụy Điển, đã từng thừa nhận: "Chính phủ muốn chúng ta được dân chủ, nhưng chúng ta chỉ được để lại rất ít quyền dân chủ". Những ví dụ gây ngạc nhiên về việc quản lý quá mức là các định nghĩa về tiền gửi và tài sản trong các khoản giải thích từ ngữ (Điều 2), các điều khoản về chuyển nhượng tài sản của các xã viên đã qua đời (Điều 24); phân phối lợi nhuận (Điều 57) và các báo cáo tài chính của ban quản trị (Điều 59).

Luật 502 thiết lập một tập hợp các tiêu chuẩn cao trong quản lý và chỉ đạo của chính phủ. Tuy nhiên, trên thực tế,

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, 2007, tr. 10.

điều này thường không khả thi để thực hiện tất cả các quy định này, ngay cả khi có một số lượng lớn các cán bộ nhà nước, kiểm toán và tư vấn viên được đào tạo và có động cơ tốt. Bài học rút ra từ những năm 1960 cho thấy không chính phủ nào có thể có đủ khả năng để thi hành đầy đủ các hoạt động kiểm soát tất cả các hợp tác xã liên tục. Đây chính là lý do vì sao trong nhiều nước đang áp dụng mẫu chuẩn mực hợp tác xã Anh - Ấn Độ cổ điển (bao gồm Malaixia), các hợp tác xã được kiểm toán phân loại đề nghị một mức độ chỉ dẫn, kiểm tra, quản lý và kiểm soát khác, theo nhu cầu của họ và được phản chiếu thông qua thứ hạng của họ trong danh mục kiểm toán.

Rất khó để thấy được cách mà các doanh nghiệp hợp tác xã có thể phát triển dưới sự kiểm soát chặt chẽ từ chính phủ và đòi hỏi chính phủ phải thông qua phần lớn những quyết định quản lý quan trọng như: việc sử dụng các quỹ, bầu các thành viên quản lý, lãnh đạo.

Tóm lại, gợi ý của Hội nghị các bộ trưởng hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ năm, tổ chức tại Bắc Kinh, năm 1999 có thể được trích dẫn và được nhắc lại bằng nhiều cách bởi gợi ý tại kỳ họp lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã, tổ chức tại Malaixia, năm 2007.

"Các hợp tác xã đóng góp tốt nhất cho xã hội khi họ hoạt động theo đúng bản chất là tổ chức tự chủ, do chính các xã viên tự kiểm soát, và khi họ duy trì đúng các giá trị và nguyên tắc hợp tác xã (độc lập và tự chủ)"¹.

"Tiềm năng của các hợp tác xã được nhận thức rõ khi luật pháp quy định rõ các đặc điểm riêng của hợp tác xã. Hợp tác xã có thể đạt được mục tiêu nếu họ nhận thức được họ là ai,

1, 2. Báo cáo tại Hội nghị các bộ trưởng hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ năm, 1999, tr. 6.

và họ có thể làm được gì, tuy nhiên hợp tác xã có thể nào nên điều chỉnh chính họ bằng các quy chế (tự điều chỉnh)"².

"Bằng chứng thuyết phục đưa ra rằng hợp tác xã còn duy trì sự yếu kém chừng nào còn có sự can thiệp từ bên ngoài. Hai nhân tố chính quyết định sự thành công của hợp tác xã (quản lý tốt và hiệu quả kiểm soát của các xã viên) hoàn toàn bị bỏ qua"³.

"Luật phải thừa nhận khả năng thực thi quyền tự quyết định và tự kiểm soát của hợp tác xã, nếu hợp tác xã phát triển trong thể chế tự chủ.

Những vấn đề sau rất quan trọng:

Các hợp tác xã nên đưa ra những quy tắc và quy chế của chính hợp tác xã để bảo đảm trách nhiệm giải trình và tính rõ ràng trong khuôn khổ luật pháp...

Các hợp tác xã nên quy định về tính minh bạch và trách nhiệm của báo cáo, kiểm toán và ban kiểm soát...

Luật có thể quy định các tiêu chuẩn tối thiểu về tính minh bạch và các hình phạt trong trường hợp không phục tùng"¹.

Luật 502 cho thấy sự mâu thuẫn và tình thế khó xử đã được đề cập trong Báo cáo tại Hội nghị lần thứ tám các bộ trưởng về luật pháp và chính sách về hợp tác xã năm 2007:

Kiểm soát của chính quyền và quyền tự chủ của các hợp tác xã: chính quyền mong muốn hợp tác xã tiến hành hoạt động dưới sự điều chỉnh bởi chính sách của nhà nước. Chính quyền không mong muốn can thiệp vào công việc của hợp tác xã, ngoại trừ khi hợp tác xã có yêu cầu hỗ trợ.

Chế độ dân chủ và tính hiệu quả: trong trường hợp không có ai trong toàn bộ xã viên đáp ứng đủ yêu cầu để nắm giữ vị

3. Hội thảo "Vì hợp tác xã còn yếu kém nên cần tiếp tục có sự hỗ trợ từ bên ngoài của chính phủ", tr. 8.

1. Báo cáo tại Hội nghị các bộ trưởng hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ năm, 1999, tr. 13.

trí lãnh đạo, có thể thực hiện quyền lựa chọn bổ nhiệm giám đốc bên ngoài tham gia vào hợp tác xã để đào tạo và chuẩn bị cho các nhà lãnh đạo chính bên trong hợp tác xã.

Giới hạn quyền tự chủ của hợp tác xã: cần tìm ra sự cân bằng hợp lý giữa một bên là quyền hướng dẫn kiểm tra hợp tác xã với một bên là quyền tự lực, tự chủ, tự hoạt động của hợp tác xã.

VỀ LUẬT HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP 2006 TRUNG QUỐC

GS. HANS-H. MUEKNER

Luật hợp tác xã nông nghiệp Trung Quốc được Quốc hội Trung Quốc thông qua tại kỳ họp thứ 24, ngày 31-10-2006. Trước khi đi vào chi tiết nội dung của luật, cũng cần phải nhấn mạnh rằng những bình luận dưới đây được dựa trên bản dịch không chính thức nội dung của luật mà tác giả bài viết có được, vì vậy có thể có sự chưa chuẩn xác/hiểu lầm giữa nội dung gốc của luật và bản dịch.

I. NHỮNG BÌNH LUẬN CHUNG

Nhìn chung, nội dung của luật này đã phù hợp với những chuẩn mực quốc tế về hình thức hợp tác xã. Nội dung ngắn gọn, súc tích, không có những chi tiết thừa. Không có sự điều chỉnh quá luật. Ngược lại, một số nội dung sau đang bị điều chỉnh dưới luật:

- Xác định mục đích của các tổ chức hợp tác xã: tăng cường lợi ích kinh tế - xã hội của xã viên và hậu quả của việc Ban quản lý hợp tác xã vi phạm những nội dung cơ bản này.

- Khối lượng các giao dịch với các đối tượng - không phải là thành viên hợp tác xã được chấp nhận, ví dụ: "có thể không trở thành vấn đề quan tâm chính" hoặc là "không vượt quá tỷ

lệ X phần trăm trong tổng số doanh thu hằng năm của ba năm liên tiếp gần đây nhất".

- Luật này mới chỉ điều chỉnh những hợp tác xã cấp cơ sở. Không có những quy định về quyền lực của các hợp tác xã cấp cơ sở đối với liên đoàn (theo nguyên tắc hợp tác xã trong các hợp tác xã).

- Thành phần xã viên (Điều 14), trong khi nông dân chiếm đa phần trong hợp tác xã chuyên nông nghiệp, dường như còn có thành phần các xã viên khác: xã viên - người sử dụng thông thường (nông dân) và xã viên - người đầu tư. Dường như không rõ ràng rằng liệu có thể có xã viên - người lao động không?

- Mục đích và phạm vi việc thực hiện kiểm toán, yêu cầu về năng lực và tính độc lập của những kiểm toán viên.

- Trong trường hợp sáp nhập và chia tách, hầu hết các vấn đề đều đề ngỏ, ví dụ: sự khác nhau giữa sáp nhập và chuyển đổi, quyền của thành viên thiểu số bất đồng quan điểm, việc bảo vệ quyền lợi của người cho vay, giá trị pháp lý (tính hiệu lực) của các hợp đồng sáp nhập hoặc chuyển đổi. Để biết thông tin chi tiết các quy định về những vấn đề này, đề nghị xem Điều 74 và 75 của Luật các tổ chức hợp tác xã năm 1979, Đạo luật số 17 năm 1979.

Luật hợp tác xã này như là một luật tổ chức bao gồm nội dung về chính sách của chính phủ/nhà nước (chủ yếu trong Phần VII, và cả trong các điều 1, 8, 9). Việc kết hợp giữa luật tổ chức và các vấn đề chính sách gây ra sự bất tiện, đó là sự thay đổi trong chính sách yêu cầu/đòi hỏi sự thay đổi trong luật tổ chức, trong khi đó luật tổ chức cần phải chắc chắn, ổn định, có hiệu lực lâu dài.

Kinh nghiệm của nhiều nước chỉ ra rằng sẽ là một sai lầm khi sử dụng hợp tác xã như một công cụ thực hiện các chính sách của nhà nước mà không phải để hợp tác xã hoạt động như một tổ chức tự lực, tự chủ, tự nguyện của các

thành viên. Khi là công cụ của nhà nước, các hợp tác xã sẽ được nhà nước hỗ trợ tài chính, định hướng và giám sát, khi đó các hợp tác xã trở nên phụ thuộc vào nhà nước và không còn là những tổ chức độc lập nữa.

Sự tài trợ/bảo trợ của nhà nước thường trở thành sự kiểm soát của nhà nước, điều đó trái với các nguyên tắc của ICA về hợp tác xã (năm 1995) được thế giới thừa nhận. Theo Tuyên bố chung của Hội nghị các bộ trưởng hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ năm, tại Bắc Kinh, năm 1999:

"Các hợp tác xã đóng góp khả năng tốt nhất cho xã hội khi các hợp tác xã thực sự đúng bản chất của mình là một tổ chức do các thành viên của mình quản lý, tự chủ, độc lập và khi các hợp tác xã giữ đúng được các giá trị và nguyên tắc của mình (tự chủ và độc lập)"¹.

Liên quan đến nội hàm của khái niệm này, trong luật có sự trái ngược giữa sự nhận thức về hợp tác xã là một tổ chức tự lực, tự chủ của các thành viên (Điều 2) và lại là công cụ phát triển trong tay nhà nước (Điều 49).

Trong khi nhìn chung mọi người đều thống nhất rằng hợp tác xã giữa các nông dân nghèo cần sự hỗ trợ, giúp đỡ và một môi trường có lợi để phát triển, một câu hỏi vẫn còn đang gây tranh luận/bàn luận là sự hỗ trợ và giúp đỡ các hợp tác xã cần thiết phải có ở mức độ nào và kéo dài bao lâu. Không nghi ngờ gì, việc hỗ trợ tài chính trực tiếp sẽ tạo ra sự phụ thuộc vào các nhà tài trợ. Đầu tư vào phát triển nhân lực không mang lại kết quả tức thì nhưng có lẽ là cách duy nhất để khuyến khích phát triển tự lực bền vững.

Trong các định hướng chính sách và tài liệu đào tạo thường

1. Tuyên bố chung tại Hội nghị các bộ trưởng hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ năm, 1999, tr. 6.

đưa ra những câu hỏi chưa đúng, ví dụ: "Làm thế nào để hợp tác xã có thể giúp đỡ bạn?" hay "Bao nhiêu hợp tác xã cần phải thành lập trong một năm hoặc bao nhiêu hợp tác xã cần phải được đăng ký trong một quận/huyện?". Trong trường hợp đầu tiên, câu hỏi đúng phải là "Làm thế nào để mọi người có thể tự giúp đỡ nhau bằng cách thành lập các tổ chức tự lực theo cách thức hợp tác xã?". Liên quan đến câu hỏi thứ hai, việc đó cần phải do các thành viên/xã viên tương lai tự quyết định, liệu có cần thiết, ở đâu và khi nào cần thành lập một tổ chức hợp tác xã.

Không còn nghi ngờ gì, việc xóa bỏ những khó khăn, rào cản trong việc hỗ trợ tiếp cận thị trường, dịch vụ và kiến thức thường sẽ có những tác động tích cực. Tuy nhiên, việc mặc định những đặc quyền có liên quan đến việc thành lập hợp pháp tổ chức hợp tác xã thường dẫn đến hiểu sai là việc thành lập hợp tác xã chỉ để cho mục đích nhận những đặc quyền đó thôi. Khi xây dựng khung luật pháp cho công ty vì lợi ích cộng đồng - công ty công ích (CICs) ở nước Anh năm 2005, việc đó đã được đề cập: cách duy nhất để tránh lạm dụng những đặc quyền - đó là không trao cho những đặc quyền.

II. VỀ HÌNH THỨC CỦA LUẬT

Việc sử dụng luật này sẽ dễ dàng hơn nếu các khoản mục trong từng điều luật được đánh số thứ tự. Việc đó sẽ cho phép người sử dụng tham chiếu rõ và dễ dàng.

Bình luận theo các điều luật:

Phần I: Giải thích từ ngữ và phạm vi áp dụng

Điều 1

Liệu luật này có đề cập tất cả những vấn đề pháp lý về mặt địa lý, có nghĩa là tất cả mọi cấp độ từ trung ương và

vùng cho đến cơ sở, như là một văn bản luật cơ bản, theo đó mọi quy định pháp luật về hợp tác xã ở cấp quản lý nhà nước thấp hơn phải tuân theo (không được trái luật này) hay không? Điều 9 đã ngầm định điều đó. Hay là liệu luật này đã đề cập tất cả các vấn đề liên quan đến hợp tác xã như nội dung của Điều 1 quy định? Sẽ tốt hơn nếu có thể làm rõ những hồ nghi/băn khoăn về vấn đề này và giải quyết được vấn đề so sánh quy định pháp luật trong các văn bản quy định pháp luật khác và các tiêu chuẩn do các cơ quan (không phải là lập pháp) khác nhau ban hành, và những quy định và tiêu chuẩn này đã tồn tại trước khi luật mới này được thông qua.

Điều 2

1) Hợp tác xã theo định nghĩa đúng là một tổ chức tự kiểm soát và tự nguyện của những nhà/người sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, định nghĩa trên là bó hẹp bằng việc tự hạn chế thành viên/xã viên là những nhà/người sản xuất cùng một loại hàng nông sản và những nhà cung cấp và sử dụng cùng một loại hoạt động nông nghiệp, và điều đó quy định rằng hợp tác xã của những nông dân phải được xây dựng dựa trên cơ sở hệ thống hợp đồng các hộ ở nông thôn. Hạn chế này được phần nào nói lỏng tại Điều 14, theo đó một loạt những cá nhân và tổ chức được đề cập như là những thành viên/xã viên có thể có của hợp tác xã trong những giới hạn được xác định này.

2) Hợp tác xã của những nông dân được thành lập với mục đích tập trung đáp ứng các nhu cầu cần thiết của các xã viên của mình. Tuy nhiên, trong Điều 8 lại quy định hợp tác xã còn phải tuân theo sự chỉ đạo của nhà nước trong các chính sách công nghiệp. Hơn thế nữa, trong Điều 49, hợp tác xã còn được giao phó nhiệm vụ thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn, điều đó có thể biến hợp tác xã trở thành những cơ quan/tổ chức để thực hiện các chính sách nhà

nước.

Điều 3

Một trong những nguyên tắc của hợp tác xã là đa số xã viên là nông dân. Trong thực tế việc "đa phần xã viên hoặc kiểm soát của xã viên", trong trường hợp hợp tác xã chuyên nông nghiệp có nghĩa là "nông dân chiếm đa số". Những cá nhân và pháp nhân/tổ chức khác có thể tham gia nhưng chỉ là thiểu số. Việc phân chia lợi nhuận theo hình thức quỹ hỗ trợ phát triển sản xuất là cách thức duy nhất phân chia hiệu quả kinh tế. Những cách khác đó có thể là quỹ dự phòng/quỹ dự trữ (xem thêm Điều 35).

Việc đánh số thứ tự các nguyên tắc hợp tác xã chưa được hoàn chỉnh. Hợp tác giữa các hợp tác xã (quyền hạn của các liên đoàn, liên hiệp hợp tác xã) chưa được đề cập, cũng như là các mối quan tâm khác với cộng đồng, những vấn đề thậm chí cũng được áp dụng đối với bất kỳ tổ chức hợp tác xã chuyên nghề nghiệp nào và đặc biệt trong trường hợp hợp tác xã chuyên nông nghiệp.

Điều 4

1) Vẫn chưa rõ ràng việc cái gì cần phải được đăng ký. Theo cách lôgic thì cần phải đăng ký những thành viên sáng lập, đăng ký trong danh sách các xã viên, danh sách được hợp tác xã quản lý/giữ và trình cho cơ quan đăng ký để đăng ký chính thức giúp hợp tác xã trở thành một đơn vị pháp nhân thực sự.

2) Khoản 2 có đề cập danh sách các loại cổ phần (xem thêm Điều 10 (e)) và những nguồn quỹ (nguồn tài trợ và hỗ trợ tài chính trực tiếp từ chính phủ). Các khoản dự phòng hình thành từ lợi nhuận không chia có thể có chỉ sau khi hợp tác xã đi vào hoạt động. Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, quyết định giữ hay thanh lý các tài sản do tập thể quyết định. Khi mà

các quỹ trong hợp tác xã thường hình thành từ những nguồn tài trợ và hỗ trợ tài chính trực tiếp từ chính phủ, các vấn đề về việc độc lập sẽ xuất hiện. Có câu ngạn ngữ rằng "Ai trả tiền người đó có quyền".

Điều 5

Điều này giới hạn nghĩa vụ nợ của thành viên/xã viên tương ứng với khoản vốn góp của họ vào hợp tác xã: việc góp vốn và chia lãi/lợi nhuận đều chuyển vào một tài khoản cá nhân. Việc có một tài khoản vốn cho mỗi thành viên sẽ là một bước đột phá mới.

Điều 6

Nhà nước bảo vệ hợp tác xã của những nông dân và các thành viên/xã viên chống lại ai? Chẳng lẽ lại là bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của hợp tác xã của những nông dân và các xã viên của nó chống lại nhà nước và các tổ chức đảng?

Điều 7

Điều này xây dựng/thiết lập một tập hợp những quy định về quản trị tốt, những quy định này là thích hợp và rất cần thiết. Tuy vậy, điều đó có phù hợp với những định hướng chính sách công nghiệp của nhà nước được đề cập trong Điều 8?

Điều 8

Trong điều này, vai trò của nhà nước được mô tả như là một người bảo trợ và hỗ trợ cho các hợp tác xã của nông dân, cung cấp điều kiện tiếp cận các quỹ, dịch vụ ngân hàng, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển nhân lực (tất cả đều phù hợp với nguyên tắc độc lập của hợp tác xã), tuy nhiên định hướng về chính sách công nghiệp lại khiến chính phủ như

là một đối tác hay thậm chí là một giám đốc/người điều hành chỉ đạo hợp tác xã.

Điều 9

Điều này mô tả những cơ sở hạ tầng của nhà nước để phục vụ/hỗ trợ hợp tác xã phát triển: các tổ chức nông nghiệp tại cơ sở và các tổ chức khác có liên quan. Khi cung cấp sự hỗ trợ và dịch vụ trong việc thành lập và phát triển các hợp tác xã của những nông dân trong phạm vi quyền hạn của mình, cần phải làm rõ rằng để bảo đảm các hợp tác xã trở thành các tổ chức tự chủ, độc lập, tự lập của các thành viên/xã viên của mình, thì hợp tác xã phải do các thành viên/xã viên của mình tự thành lập mà không phải do các cơ quan nhà nước lập ra.

Phần II: Hợp tác và đăng ký

Điều 10

Các điều kiện đăng ký hợp tác xã tuân theo thực tế hiện hành. Số lượng thành viên sáng lập tối thiểu là năm người là phù hợp.

Điều 11

Những quy định yêu cầu về cuộc họp sáng lập và nội dung cuộc họp này tuân theo thực tế hiện hành. Các hợp tác xã được tự lựa chọn mô hình quản trị một bộ máy với ban lãnh đạo/ban quản trị bao gồm các chủ nhiệm điều hành hay mô hình quản lý hai bộ máy với ban quản trị/ban chủ nhiệm và ban kiểm soát.

Điều 12

Các nội dung quy định dưới luật tuân theo quy định hiện hành.

Điều 13

1) Thật ngạc nhiên khi việc đăng ký các hợp tác xã chuyên nông nghiệp lại được giao cho Cơ quan quản lý Thương mại và công nghiệp quyết định.

2) 20 ngày để hoàn thành quá trình nộp hồ sơ dường như là quá ngắn (tương tự như nhiều quy định về thời gian khác trong luật này).

3) Điều 23 (2) điều chỉnh một phần những thay đổi về quy trình thực hiện dưới luật này.

4) Các quy định về đăng ký hợp tác xã sẽ được các cơ quan khác của chính phủ chuẩn bị một cách riêng rẽ ngoài luật này.

Phần III: Thành viên/xã viên**Điều 14**

1) Một danh sách mở những cá nhân và tổ chức tham gia vào những hoạt động có liên quan đến hợp tác xã đều có thể trở thành thành viên/xã viên, miễn là họ sẽ sử dụng những dịch vụ của hợp tác xã, ngoại trừ các tổ chức có chức năng quản lý công. Thực tế sẽ chứng tỏ quy định này liệu có mang tính khả thi không.

2) Giữ gìn/bảo quản danh sách của các thành viên/xã viên là nhiệm vụ của hợp tác xã. Danh sách này phải được gửi đến cơ quan cấp giấy đăng ký cho hợp tác xã. Nhưng luật không quy định liệu cơ quan cấp giấy đăng ký này có được phép cung cấp danh sách xã viên cho những người có quan tâm vì mục đích kiểm tra/thanh tra.

Điều 15

1) Việc nông dân chiếm đa số trong các hợp tác xã chuyên nông nghiệp được bảo đảm bằng quy định không ít hơn 80% thành viên phải là nông dân.

2) Những hạn chế giới hạn việc tham gia của các tổ chức pháp nhân phụ thuộc vào quy mô của nhóm xã viên/thành viên.

Điều 16

Quyền của các xã viên/thành viên theo thực tế hiện hành.

Điều 17

1) Quy định cơ bản "một xã viên - một phiếu bầu" được áp dụng trong hợp tác xã có thành phần xã viên/thành viên tương đối đồng nhất.

2) Đối với những nhóm xã viên không thuần nhất/không đồng nhất các nhóm/lớp xã viên có thể được áp dụng tương tự như trong các hợp tác xã đa thành phần của châu Âu. Quy trình phân chia định lượng phiếu bầu đối với từng nhóm/lớp xã viên chưa được quy định rõ ràng trong luật này.

Điều 18

Danh sách các nghĩa vụ của xã viên theo thực tế hiện hành.

Điều 19

Quy định các mốc thời gian khác nhau trong việc rút ra khỏi hợp tác xã: cá nhân là ba tháng, tổ chức pháp nhân là sáu tháng trước khi kết thúc năm tài chính.

Điều 20

Nội dung của điều luật này không được rõ ràng.

Điều 21

1) Theo thực tế hiện hành, cổ phần/vốn góp của các xã viên/thành viên rút khỏi/ra khỏi hợp tác xã có thể đơn giản bị

hủy bỏ và phần cổ phần/vốn góp mới sẽ được phát hành khi có thành viên mới tham gia. Vốn góp của hợp tác xã được định nghĩa rất khác nhau. Khi nói "mua lại cổ phần của những thành viên/xã viên mất/chết đi" có nghĩa là theo luật công ty thường áp dụng, khi cổ đông đó nắm giữ một số lượng nhất định các cổ phiếu của công ty, công ty sẽ tự thông báo giảm tài sản (hủy bỏ số cổ phiếu này đi) nếu như không bán được các cổ phiếu này.

2) Theo thực tế hiện hành.

Phần IV: Cơ cấu tổ chức

Điều 22

Thực tế hiện hành, tuy nhiên, luật này trao cho các thành viên của Đại hội toàn thể xã viên một quyền lực mạnh. Theo đó (c) các quyết định chính phải được các xã viên thông qua. Việc thông qua báo cáo kết quả hoạt động hằng năm trong mục (e) trao thêm quyền quyết định cho xã viên trong khi việc thông qua phương án phân chia lỗ, lãi vẫn đang được thực hiện.

Điều 23

1) Quy định tối thiểu 2/3 số lượng xã viên phải có mặt tại Đại hội toàn thể xã viên là quá cao. Không có quy định ngoại lệ cho trường hợp đại hội không có đủ số lượng xã viên tối thiểu. Thực tế hiện hành trong những trường hợp như thế này là có thể yêu cầu triệu tập cuộc họp khác với nội dung nghị sự tương tự sau một thời hạn nhất định và tại cuộc họp mới này thì hoặc tỷ lệ xã viên phải có mặt sẽ có thể thấp hơn (ví dụ: 1/2 số lượng xã viên tham gia) hoặc tất cả xã viên có mặt sẽ là số lượng tối thiểu để tổ chức họp. Theo cách này sẽ tránh được tình trạng quyết định thông qua song không có hiệu lực pháp lý.

2) Theo thực tế hiện hành.

Điều 24

Tỷ lệ phiếu bầu đủ để yêu cầu triệu tập Đại hội xã viên bất thường theo yêu cầu của xã viên được tuân theo quy định tại khoản (a), đó là tỷ lệ 30% tổng số xã viên có yêu cầu, đây là quy định rất cao. Các quy định còn lại của điều này tuân theo thực tế hiện hành.

Điều 25

Các hợp tác xã với hơn 150 xã viên có thể tổ chức Đại hội đại biểu xã viên thay thế cho Đại hội xã viên. Mặc dù đây là cách quy định cho việc tổ chức Đại hội đại biểu xã viên, số lượng 150 xã viên dường như là hơi thấp (ở Đức, tối thiểu là 1.500 xã viên). Việc thay thế Đại hội toàn thể xã viên bằng Đại hội đại biểu xã viên sẽ nảy sinh vấn đề dân chủ không trực tiếp, bởi vì một lượng lớn các xã viên bị mất đi quyền thành viên chính của mình trong việc tham gia trực tiếp vào các vấn đề của hợp tác xã. Những quyền này đã bị rút gọn/lược bớt đi khi lựa chọn những đại biểu cho thời hạn một vài năm và một số thông tin cùng với quyền cổ đông thiểu số, trong khi đó các nghĩa vụ của xã viên/thành viên vẫn giữ nguyên. Điều này khiến cho xã viên xa rời hợp tác xã của mình.

Điều 26

Điều này tuân theo các chuẩn mực quốc tế, cho phép các hợp tác xã được lựa chọn hoặc thành lập chỉ Ban quản trị mở rộng với một bộ phận/ban điều hành (một bộ máy) hoặc thành lập riêng Ban quản trị và Ban kiểm soát (hai bộ máy). Điều này cho phép tổ chức linh hoạt cho các tổ chức hợp tác xã có quy mô khác nhau.

Điều 27

Điều này tuân theo các chuẩn mực quốc tế.

Điều 28

Điều này cho phép các xã viên trong Đại hội toàn thể xã viên được thực hiện quyền được thuê chủ nhiệm điều hành và kế toán cho bộ máy quản lý. Điều đó cũng cho phép Ban quản trị được thực hiện việc quản lý hoạt động của hợp tác xã đối với chủ nhiệm hợp tác xã. Điều đó đủ linh hoạt để lựa chọn hình thức tổ chức bên trong hợp tác xã cho phù hợp.

Điều 29

Điều này có cách tiếp cận rất hay bằng cách đưa ra điều gì/việc gì mà Ban quản trị và quản lý không được làm chứ không phải xác định các quyền của họ.

Điều này cũng bao gồm nội dung về các hình phạt khi không tuân thủ theo các quy định. Hình phạt được ghi trong luật này có bao gồm cả việc tịch thu các nguồn thu nhập bất hợp pháp. Tuy nhiên, còn thiếu những biện pháp xử lý không phải là phạt tiền, ví dụ: buộc thôi việc, truy tố vì các hành vi gian lận, không trung thực.

Điều 30

Tuân theo các chuẩn mực quốc tế liên quan đến vấn đề không thống nhất giữa Ban quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 31

Điều này rất quan trọng, vì nó không cho phép xuất hiện chế độ quan liêu hành chính, khi mà các công chức trở thành những người cản trở các hợp tác xã trong việc phương hại/tồn hại đến việc kiểm soát dân chủ của các xã viên.

Phần V: Quản lý tài chính

Điều ngạc nhiên trong phần này của luật là cách xử lý với các quỹ dự trữ (Điều 35 (2) và Điều 36), định rõ từng phần quỹ dự trữ trong tài khoản vốn của từng xã viên (theo một cách thức nào đó như ví dụ của Mondragon).

Điều 32

Điều này là một ví dụ khác về việc bỏ nhiều quy định ra ngoài luật này và chuyển sang trách nhiệm của một tổ chức/cơ quan nhà nước khác. Các quy định kế toán theo đó các hợp tác xã phải tuân thủ, lại do Bộ Tài chính - cơ quan của chính phủ - xây dựng.

Điều 33

Điều này tuân theo thực tế chuẩn quốc tế.

Điều 34

Điều này là một cải cách/bước tiến bộ. Quy định bắt buộc quản lý hợp tác xã phải có tài khoản riêng để theo dõi các giao dịch với thành viên/xã viên và không phải thành viên/xã viên hợp tác xã. Việc này liên quan đến những giao dịch mà vì vậy, hợp tác xã được thành lập (các giao dịch có mục đích, ví dụ: bán phân bón cho xã viên và không phải thành viên hợp tác xã tương tự nhau) và không bàn đến những giao dịch khác của thị trường (giao dịch ngược, trong đó hầu hết chỉ giao dịch với đối tượng không phải thành viên hợp tác xã, ví dụ: mua phân bón từ các nhà máy sản xuất phân bón).

Điều 35

Trong điều này, thực tế hiện hành trong việc phân bổ lợi nhuận/lãi được bổ sung thêm khả năng tín dụng/cho nợ một phần khoản lãi đối với tài khoản vốn của xã viên, nếu điều lệ của hợp tác xã cho phép. Đây là một tiến bộ, vì nó

làm tăng vốn góp của xã viên vào hợp tác xã và vì vậy, củng cố hơn nữa cam kết của xã viên đối với hợp tác xã.

Điều 36

Điều này quy định hợp tác xã phải mở tài khoản thành viên riêng cho từng xã viên và liệt kê chi tiết từng cấu phần của tài khoản xã viên này.

Điều 37

Điều này liên quan đến việc phân chia lợi nhuận/lãi và tuân theo thực tế tiêu chuẩn quốc tế. Điều đó bao gồm các điều khoản đặc biệt liên quan đến tỷ lệ phân lợi nhuận dành cho hoặc chia trả cho các xã viên. Tối đa 60% lợi nhuận/lãi được dành cho quỹ cân đối (a), quỹ để thực hiện điều chỉnh kỹ thuật giá đã thanh toán (nhận hoặc trả) trong các giao dịch giữa xã viên/thành viên và hợp tác xã của mình. Phần còn lại sẽ được phân bổ (b) theo hình thức lợi tức trả trên vốn góp hoặc như là vốn góp vào quỹ dự trữ. Tuy nhiên vẫn chưa làm rõ (điều này có thể do vấn đề dịch thuật từ tài liệu gốc) việc phân bổ lợi nhuận/lãi đối với các nguồn trợ cấp chính phủ và các khoản tài trợ khác.

Điều 38

Điều này liên quan đến vấn đề kiểm toán và được quy định trong mục 1 rằng kiểm toán nội bộ phải được những kiểm soát viên điều hành hoặc một ủy ban kiểm tra do các xã viên bầu ra thực hiện.

Theo quy định tại mục 2, Đại hội toàn thể xã viên có thể hợp đồng với những nhà kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính. Việc sử dụng kiểm toán bên ngoài không phải là một lựa chọn (không hoặc có) mà là một quy định bắt buộc. Ngoài ra, đây là thực tế quốc tế hiện hành

xác lập quyền và trách nhiệm của kiểm toán viên ngoài hợp tác xã, phạm vi và nội dung tối thiểu của báo cáo kiểm toán trong Luật hợp tác xã này. Kiểm toán hợp tác xã bao trùm cả kiểm toán tài chính, gồm các nội dung:

- Đánh giá việc thực thi/điều hành của Ban quản trị và quản lý có đáp ứng được mục tiêu của đơn vị hợp tác xã đề ra không (mục tiêu do các xã viên/thành viên hợp tác xã tự xây dựng);

- Hiệu quả hướng tới xã viên (ví dụ: đưa ra những ưu đãi cho các thành viên/xã viên); và

- Khối lượng hoạt động giao dịch với đối tượng không phải thành viên/xã viên hợp tác xã.

Phần VI: Sáp nhập, chia tách, giải thể và phá sản

Điều 39

So với những quy định pháp luật của các nước khác (ví dụ: Điều 74 và 75 của Điều luật các tổ chức hợp tác xã Xingapo, năm 1979), điều này quy định ít hơn mức tối thiểu cần có. Luật không quy định khả năng của việc hợp nhất/sáp nhập bằng cách chuyển từ một tổ chức này sang một tổ chức khác; luật cũng không đề cập quyền lợi của các thành viên/xã viên rút khỏi hợp tác xã không theo đúng trình tự pháp luật quy định như: xin ra khỏi hợp tác xã ngay mà không có thời gian thông báo trước, việc thu nhận quyền của xã viên trong hợp tác xã mới hoặc trong hợp tác xã tiếp nhận (trong trường hợp chuyển đổi) được thực thi theo luật và quyền lợi của các nhà cho vay tín dụng/chủ nợ. Việc thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ chậm nhất trong vòng 10 ngày là quá ngắn. Theo Điều luật các tổ chức hợp tác xã Xingapo (nơi mà thông tin rất nhanh và dễ dàng) thời gian này được phép là ba tháng.

Điều 40

Cũng cùng những bình luận như đối với Điều 39 trong việc chia tách một tổ chức hợp tác xã.

Điều 41

1) Những nguyên nhân giải thể một hợp tác xã cũng tuân theo các quy định thực tế quốc tế hiện hành, ngoại trừ trong mục (c). Trong trường hợp sáp nhập bằng cách chuyển nhượng thì chỉ hợp tác xã bị chuyển đổi mới giải thể, còn hợp tác xã tiếp nhận vẫn giữ đăng ký.

2) Phần mục này tuân theo các quy định thực tế quốc tế hiện hành.

Điều 42

Điều này tuân theo các quy định thực tế quốc tế hiện hành. Việc phá sản thực hiện dưới sự giám sát của những nhà cấp đăng ký cho hợp tác xã. Ở đây, việc thông báo về gặp gỡ với những người thanh lý (trong vòng 10 ngày) và việc công bố niêm yết bằng văn bản những thông báo này trên báo (trong thời hạn 60 ngày) là quá ngắn để có thể thực thi trong thực tế.

Điều 43 đến 47

Các điều khoản này tuân theo quy định thực tế quốc tế hiện hành.

Điều 48

Điều này giúp Luật phá sản chung có thể áp dụng được đối với các hợp tác xã khi mà các điều từ 43 đến 47 chưa bao hàm được những chỉnh sửa, thay đổi.

Phần VII: Chính sách hỗ trợ

Điều 49

Điều này quy định vấn đề mà rất nhiều chuyên gia cho rằng đây là một lỗi tồn tại lâu rồi, đó là sử dụng hợp tác xã là công cụ để thực hiện các chính sách của chính phủ hơn là xem xét hợp tác xã là một tổ chức tự lập, tự chủ và tự nguyện của các thành viên của mình (như Điều 2 luật này đã quy định). Khi mà hợp tác xã hoạt động như một công cụ phát triển trong tay nhà nước, sẽ rất khó để có thể nhận thấy hợp tác xã có thể hoạt động độc lập không dựa vào nhà nước. Kinh nghiệm cho thấy mặc dù xuất phát với mục đích tốt, việc chính phủ tài trợ tạm thời dường như sẽ biến hợp tác xã trở thành tổ chức do nhà nước kiểm soát lâu dài. Điều đó không chỉ đi ngược với nguyên tắc của hợp tác xã mà trong thực tế còn mang ý nghĩa phản tác dụng, nếu như sự hỗ trợ của nhà nước không kích thích được sự hỗ trợ, tham gia của chính các xã viên vào hợp tác xã của mình (trong vấn đề vốn, sự tham gia tích cực của thành viên và sử dụng các dịch vụ thương mại của hợp tác xã).

Cách nhìn nhận này đã được xem xét trong Tuyên bố chung tại Hội nghị các bộ trưởng hợp tác xã khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ năm, tại Bắc Kinh, năm 1999 đã trích dẫn ở trên.

Làm việc/hoạt động cùng nhau trong các hợp tác xã là cách để tăng sức mạnh của các thành viên riêng rẽ bằng cách hợp tác với nhau. Để khuyến khích các hợp tác xã của những người tương đối nghèo, cần khuyến khích trao quyền lực cho họ và giúp họ tìm đường để thoát nghèo.

Điều 50

Các hình thức hỗ trợ khác nhau dành cho hợp tác xã có thể có tác dụng tích cực nếu các hỗ trợ này tạo môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã và tạo cơ hội cho các hợp tác xã

tiếp cận những dịch vụ, thị trường, thông tin, công nghệ mới và những nguồn tài chính khác nhau, việc cung cấp các hỗ trợ này chỉ mang tính khuyến khích chứ không thay thế việc tự thân phát triển của các hợp tác xã.

Kể từ những năm 1970, sau khi URNISD (Viện Nghiên cứu về sự phát triển xã hội của Liên hợp quốc) công bố báo cáo về hợp tác xã như một tổ chức của sự thay đổi thì hợp tác xã bị chỉ trích rằng không giúp đỡ người nghèo. Trong một ấn phẩm về hợp tác xã và xóa đói giảm nghèo năm 2003, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đưa ra một kết luận: Không thể đổ lỗi cho các hợp tác xã trong việc không đạt được mục tiêu của các nhà tài trợ. Hợp tác xã chỉ có thể thành công trong giảm nghèo nếu như các hợp tác xã đó là những tổ chức của những người nghèo mà hoạt động kinh doanh do chính các thành viên/xã viên đó thực chất tự quyết định - chứ không phải là những hợp tác xã vì người nghèo.

Điều 51

Điều này quy định rằng các chính sách để tổ chức các nguồn tài chính khác nhau hỗ trợ cho các hợp tác xã chuyên nông nghiệp theo những chính sách đặc biệt/đặc thù sẽ do cơ quan của chính phủ quyết định.

Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy rằng hỗ trợ tài chính trực tiếp từ các nguồn tài chính công sẽ có hại nhiều hơn là có lợi cho hợp tác xã.

Điều 52

Miễn giảm thuế trong sản xuất nông nghiệp, dịch vụ chế biến và dịch vụ marketing cùng các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác theo thực tế quốc tế hiện hành - không nhất thiết phải gắn với hình thức hoạt động pháp lý mà các nông dân tự tổ chức thành lập.

Thực tế sẽ rất hữu hiệu khi bên cạnh Luật hợp tác xã còn

có các điều chỉnh về vấn đề thuế (những vấn đề đó dường như hướng tới thay đổi đi kèm với những thay đổi trong chính sách). Là một luật mang tính quy định về tổ chức, Luật hợp tác xã cần phải có hiệu lực lâu dài và đáng tin cậy/chắc chắn để tạo ra một hành lang pháp lý ổn định cho hợp tác xã.

Phần VIII: Các nghĩa vụ pháp lý

Điều 53 đến 55

Các điều này tuân theo quy định thực tế quốc tế hiện hành.

Phần IX: Những quy định chung

Điều 56

Ở đây không tham chiếu những quy định pháp luật về hợp tác xã đã được ban hành ở cấp vùng sẽ bị hủy bỏ, thay thế hay bổ sung khi luật này có hiệu lực.

Kết luận

Có thể sẽ thích hợp khi các nhà soạn thảo luật có sự quan tâm đến việc tìm ra những ưu đãi đối với các hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và vùng khó khăn (Điều 50).

Trong ấn phẩm năm 2003 của ILO với tiêu đề "*Tìm lại các lợi thế, giá trị của hợp tác xã - tự lực để xóa đói giảm nghèo*", Johnston Birchall đã giới thiệu một mô hình kiểu mẫu hợp nhất mới:

"Sẽ là sai lầm khi nói rằng hợp tác xã có các thành viên/xã viên. Nói đúng hơn đó là các xã viên/thành viên có các hợp tác xã của mình. Hợp tác xã không tự giúp những người nghèo, tuy nhiên, với việc cùng tham gia lao động và đóng góp các nguồn lực khác nhau chung vào, tự tổ chức hoạt động với kỷ luật nhóm và chấp nhận cùng tham gia lợi ích chung và đoàn kết nhóm, người nghèo có thể giải quyết

nhiều vấn đề của chính mình bằng cách tổ chức các nhóm hoạt động sản xuất, kinh doanh trên nguyên tắc tự chủ, độc lập và cùng giúp đỡ lẫn nhau tốt hơn khi họ thực hiện riêng rẽ"¹.

1. Johnston Birchall: *Tìm lại các lợi thế, giá trị của hợp tác xã - tự lực để xóa đói giảm nghèo*, tr. 13.

PHẦN THỨ HAI
THỰC TIỄN VIỆT NAM

HỢP TÁC XÃ*

HỒ CHÍ MINH

1. Lịch sử

Hợp tác xã hầu hết¹ sinh ra ở bên Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội "làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm".

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864, một hội mới lại lập ra được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm Hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tác²), thứ ba Pháp (sinh sản hợp tác³), thứ tư Đan Mạch⁴ (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tác⁵).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 342-347.

1. Đầu tiên (BT).

2. Hợp tác xã tiêu thụ (BT).

3. Hợp tác xã sản xuất (BT).

4. Nước Đan Mạch (BT).

5. Hợp tác xã vay mượn hay còn gọi là hợp tác xã tín dụng (BT).

cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: "Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây".

Hồi bây giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bác tước¹ dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trở lại áp bức dân, chúng nó đã rán sành ra mỡ, lại còn "lấy gậy thầy đánh lưng thầy" cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bớt sức bóp nặn của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Lý luận

Tục ngữ An Nam có những câu: "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "Một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ 10 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ.

Hợp tác xã là "góp gạo thổi cơm chung" cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ.

1. Bóc lột (BT).

4. Mấy cách hợp tác xã

Hợp tác xã có 4 cách:

1. Hợp tác xã tiền bạc¹;
2. Hợp tác xã mua;
3. Hợp tác xã bán;
4. Hợp tác xã sinh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng:

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b) Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bố thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "cách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp².

5. Hợp tác xã tiền bạc

Hay là ngân hàng của dân; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra:

1. Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;
2. Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được phải có ba điều:

a) Tiền vốn - Nếu 1 người bỏ vào một đồng, 1.000 người đã được 1.000 đồng. Có 1.000 vốn, lưu thông khéo thì cũng

1. Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng (BT).

2. Nên hiểu là ai cũng được giúp khi khó khăn và có trách nhiệm giúp đỡ người khác (BT).

bằng 10.000 đồng.

b) Lưu thông - Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì 1.000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng đầu cho A vay 100 hên 6 tháng trả; tháng 2 cho B vay 100 vắn vắn, chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng - Làm có bề thế cho người ta tín dụng¹, thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)² thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ thì đắt mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ: Mỗi thùng dầu lửa giá ba đồng, được 50 lít. Nhà buôn mua về kiếm cách pha phết thành ra 53 lít. Dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi lít phải trả một hào, dầu đã xấu, thấp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời:

1 cái thùng 0đ20

23 lít dầu 2đ30

Cộng cả 2đ50

53 nhà dân lỗ: 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phải một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50, lại lời được 53 giờ. Dem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

1. Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây hiểu là: Cần phải làm cho có bề thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền (BT).

2. Tác giả dùng từ này theo nghĩa từ địa phương *mua buôn* hay *mua nhiều* (BT).

7. Hợp tác xã bán

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Và lại khi đã đem rổ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bí trả rẻ.

Lại thí dụ: 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế, đóng đi đóng lại đổ tháo mất 53 năm, nhà buôn bắt bí trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giờ nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, v.v.. Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu!

8. Hợp tác xã sinh sản

Hợp tác này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ: Dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cái ràn¹, lời thôi biết chừng nào? Lại như những nhà không có, mùa cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm, v.v., khi cày mướm, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không có bàn đánh bông, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thử xem các hàng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hàng buôn ăn bớt.

1. Cái chuồng (BT).

9. Nhà buôn lấy lời

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, ăn *lời một lần*. B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, ăn *lời 2 lần*. C bán cho công ty Đ Hà Nội, ăn *lời 3 lần*. Công ty Đ bán cho công ty E Sài Gòn, ăn *lời 4 lần*. Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, ăn *lời 5 lần*. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, ăn *lời 6 lần*. G bán lẻ cho H, ăn *lời 7 lần*. H bán lẻ cho người uống, ăn *lời 8 lần*.

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

10. Cách tổ chức

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã này thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, và có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy, v.v., thì có phép mượn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau,

ai cũng bình đẳng như nhau.

QUAN ĐIỂM MANG TÍNH TƯ TƯỞNG - CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG TA VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã đề ra nhiều quan điểm và chủ trương về đổi mới tổ chức hợp tác xã, thậm chí từ rất sớm đã đề ra quan điểm chỉ đạo xây dựng mô hình tổ chức hợp tác xã. Nghị quyết Đại hội IV (1976) sau khi phân tích nhược điểm của công tác tổ chức, quản lý hợp tác xã đã chỉ rõ: "... vừa tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên; khắc phục lối quản lý bao cấp cũng như thái độ cửa quyền của các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế quốc doanh, làm cho hợp tác xã bị động, ỷ lại, thiếu tích cực và sáng tạo"¹; Chỉ thị số 67-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 22-6-1985, nêu rõ: "*Cần chuyển hẳn công tác quản lý hợp tác xã sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa... Xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp...* Hợp tác xã phải nắm vật tư chủ yếu và cung ứng kịp thời cho xã viên,..., giúp đỡ và hợp tác với hộ xã viên..."². Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị khẳng định: "Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế tự nguyện của nông dân,..., hoạt động

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 37, tr. 731.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t. 46, tr. 187, 188, 190.

theo nguyên tắc tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh; có tư cách pháp nhân, bình đẳng trước pháp luật... phải dân chủ hóa, công khai hóa công tác quản lý, phát huy đầy đủ quyền lực tối cao của đại hội xã viên, làm cho xã viên thực sự tham gia vào công tác quản lý sản xuất, kinh doanh của tập thể"¹. Nghị quyết Đại hội VII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000 tiếp tục khẳng định nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi của hợp tác xã; *kinh tế tập thể với hình thức phổ biến là hợp tác xã phát triển trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức của những người lao động*, hoạt động không phụ thuộc địa giới hành chính, một hộ gia đình có thể tham gia các hợp tác xã khác nhau... ở nông thôn, trên cơ sở tăng cường vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, các hợp tác xã hướng hoạt động vào những khâu, lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện tự làm hoặc làm kém hiệu quả hơn kinh doanh tập thể,... thực hiện nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hòa sức mạnh của tập thể và của xã viên. Đặc biệt, Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 24-5-1996 của Ban Bí thư và Nghị quyết Đại hội VIII lần đầu tiên sử dụng khái niệm "kinh tế hợp tác", đồng thời tiếp tục khẳng định nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ của hợp tác xã. Nghị quyết Đại hội IX, X, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) tiếp tục nêu rõ quan điểm cơ bản cho mô hình tổ chức hợp tác xã là: trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại... Khẳng định nguyên tắc: hợp tác tự

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 49, tr. 105, 107.

nguyên, dân chủ, bình đẳng và công khai; tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi, hợp tác phát triển cộng đồng.

Mới đây nhất, Đại hội XI (2011) khẳng định: "Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tổng kết tình hình phát triển các hợp tác xã và thực hiện *Luật hợp tác xã*. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các hợp tác xã, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, có chức năng kinh tế và xã hội. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại"¹.

Như vậy, xu thế phát triển mới của kinh tế tập thể ở nước ta, kinh nghiệm phát triển chung về hợp tác xã trên thế giới và chủ trương, quan điểm của Đảng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã là trùng hợp nhau.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 208-209.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2003 VÀ YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT

TS. NGUYỄN MINH TÚ*

Thực hiện Nghị quyết số 883/2010/UBTVQH12 ngày 09-02-2010 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010, theo sự phân công của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các bộ, ngành, địa phương và Liên minh hợp tác xã Việt Nam đang tiến hành tổng kết đánh giá tình hình thực tế thi hành Luật hợp tác xã năm 2003; nghiên cứu xây dựng dự án Luật hợp tác xã (sửa đổi).

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2003

Luật hợp tác xã năm 2003 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 26-11-2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2004 cùng với các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 177/2004/NĐ-CP, Nghị định số 77/2005/NĐ-CP, Nghị định số 87/2005/NĐ-CP, Nghị định số 88/2005/NĐ-CP và các văn bản có liên quan) đã thể chế hóa một bước quan điểm mới

* Vụ trưởng Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

của Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tạo thuận lợi hơn cho các tổ chức kinh tế tập thể phát triển so với khung pháp luật thời kỳ trước đây.

Luật hợp tác xã năm 2003 đã góp phần thúc đẩy việc tổ chức lại và khuyến khích thành lập mới hợp tác xã, tiếp tục đơn giản hóa và minh bạch hóa thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã; tạo điều kiện cho hợp tác xã được hình thành dựa trên sở hữu của xã viên và sở hữu tập thể, thúc đẩy xã viên hợp tác xã, bao gồm cả thể nhân và pháp nhân, cùng góp vốn và góp sức, cùng có lợi; khẳng định nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hợp tác xã; phân định rõ hơn chức năng quản lý của ban quản trị và chức năng điều hành của chủ nhiệm hợp tác xã; khẳng định sự bình đẳng của hợp tác xã với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; quy định cụ thể hơn về các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã phù hợp với các luật chuyên ngành hiện hành; tăng cường hơn chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã như: hỗ trợ sáng lập viên chuẩn bị thành lập hợp tác xã, hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và chính sách ưu đãi đầu tư.

1. Kinh tế tập thể, với hợp tác xã là nòng cốt, đã đóng góp quan trọng vào tổng sản phẩm nội địa (GDP), góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bước đầu chuyển hướng sang phục vụ phát triển kinh tế xã viên, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp

Năm 2010, kinh tế tập thể đóng góp bình quân khoảng 5,22% (so với mức đóng góp 11,54% của khu vực kinh tế tư nhân) vào GDP cả nước.

Kinh tế tập thể đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn; tạo được nhiều ngành, nghề phi nông nghiệp mới và chuyên môn

hóa nhiều khâu sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn.

Xuất hiện ngày càng nhiều hợp tác xã hoạt động có hiệu quả trên các lĩnh vực như: tín dụng nội bộ, quản lý và kinh doanh chợ, kinh doanh siêu thị, dịch vụ vệ sinh môi trường; đã có một số ít hợp tác xã có doanh nghiệp tham gia.

2. Kinh tế tập thể, với hợp tác xã là nòng cốt, góp phần tích cực trong việc tăng thu nhập và tạo việc làm cho thành viên và người lao động, xóa đói giảm nghèo, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; góp phần tích cực trong phát triển tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng thành viên nói riêng và cộng đồng dân cư nói chung, nhất là ở nông thôn; góp phần phát triển sinh hoạt văn hóa cộng đồng, củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trực tiếp ngay tại địa bàn; từng bước tăng cường tính dân chủ trong quản lý tổ chức kinh tế tập thể nói riêng và trong đời sống dân cư trên địa bàn nói chung

Đến nay, ước tính có khoảng 13 triệu người (gần 9 triệu người trong khu vực hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và 4 triệu người trong khu vực tổ hợp tác) là thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể, chiếm trên 30% tổng số lao động của cả nước, trong đó ngành nông nghiệp có tổng số 8.322 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút gần 7 triệu xã viên.

Cùng với chính quyền địa phương, nhiều hợp tác xã tích cực tham gia vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình phúc lợi cộng đồng như: giao thông, đường, điện, kênh mương thủy lợi, trường học, trạm y tế, nhà trẻ.

3. Kinh tế tập thể, với hợp tác xã là nòng cốt, đã bước đầu ra khỏi tình trạng khủng hoảng và có những dấu hiệu phát triển tích cực.

Số lượng tổ hợp tác và hợp tác xã với các loại hình hoạt động đa dạng được thành lập mới tăng nhanh hơn:

- *Tổ hợp tác*

Về cơ bản, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác mặc dù được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự nhưng phù hợp với mô hình hợp tác xã quy định tại Luật hợp tác xã năm 2003. Sự phát triển mạnh mẽ và hoạt động có hiệu quả của tổ hợp tác là điểm sáng nổi bật trong phát triển kinh tế tập thể thời gian qua.

Số tổ hợp tác tăng nhanh và phổ biến ở nhiều địa phương. Năm 2001, cả nước mới có xấp xỉ 180.000 tổ hợp tác, đến hết năm 2008 đã có khoảng 360.000 tổ hợp tác, tăng bình quân khoảng 13%/năm (trong đó hơn 100.000 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, 70.000 tổ hợp tác ở các ngành, nghề phi nông nghiệp và hơn 150.000 tổ hợp tác tín dụng và dịch vụ). Có khoảng 15-20% tổng số tổ hợp tác được ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực. Tổng số thành viên tổ hợp tác tăng, từ 1,6 triệu người năm 2001 lên khoảng 4 triệu người năm 2008, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao, khoảng 18%/năm. Bình quân một tổ hợp tác có khoảng 11 lao động hoặc hộ gia đình tham gia, vượt số lượng xã viên tối thiểu (7 người) cần có của hợp tác xã; cá biệt có tổ hợp tác có tới 80-100 hộ tham gia.

Tổ hợp tác phát triển ở hầu hết các tỉnh, thành phố, trong đó mạnh nhất ở khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, chiếm tới gần 60% tổng số tổ hợp tác của cả nước.

Hoạt động của các tổ hợp tác rất đa dạng; có cơ cấu tổ chức gọn nhẹ; liên kết linh hoạt, mang tính ngắn hạn, phù hợp với nhu cầu của thành viên; nội dung hoạt động tuy đơn giản, nhưng phù hợp với trình độ người dân, thiết thực, có tác dụng tốt trong việc gắn kết thành viên và người lao động trong sản xuất, kinh doanh; góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho thành viên và người lao động, nhất là ở khu vực nông thôn như: hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau về vốn hoặc bơm nước tưới tiêu, làm đất, sử dụng giống mới, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi

trồng thủy sản; cung cấp thông tin và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng kênh mương, bờ bao chống lũ, cải tạo đồng ruộng; trao đổi kinh nghiệm sản xuất kinh doanh. Nhiều tổ hợp tác được tổ chức chặt chẽ, quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm của thành viên, thống nhất về phương thức, quy trình kỹ thuật trong sản xuất, thống nhất về thời gian thu hoạch và giá cả sản phẩm nhằm bảo đảm các hộ thành viên sản xuất đúng quy trình kỹ thuật và có hiệu quả.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Số lượng hợp tác xã tăng lên. Năm 2006, cả nước có 16.771 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đến ngày 30-6-2008 số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã tăng lên 17.977 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể ngày càng được cải thiện. Năm 2006, thu nhập bình quân của xã viên hợp tác xã đạt 7 triệu đồng, của thành viên tổ hợp tác là 8 triệu đồng, của lao động kinh tế tập thể đạt 7 triệu đồng. Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì lợi nhuận bình quân một hợp tác xã đạt 47 triệu đồng năm 2006, 65,04 triệu đồng năm 2007 và ước 79,66 triệu đồng năm 2008. Ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã ngày càng đa dạng hơn; tổ chức bộ máy quản lý của hợp tác xã từng bước được hoàn thiện, nội dung hoạt động được mở rộng, giúp khắc phục tốt hơn một số yếu kém của kinh tế hộ.

Công tác tổ chức, quản lý hợp tác xã có những chuyển biến nhất định theo hướng tích cực, bước đầu khắc phục tình trạng thua lỗ kéo dài, đưa hợp tác xã từng bước thoát khỏi tình trạng yếu kém.

Các hợp tác xã đã đạt một số kết quả bước đầu trên các mặt chủ yếu về cơ chế tổ chức, quản lý và nội dung hoạt động của hợp tác xã theo Luật hợp tác xã, thích ứng dần với cơ chế thị trường. Đặc biệt, một số hợp tác xã đã có nhiều cố

gắng trong việc hướng dẫn, tổ chức xã viên sản xuất, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ cung cấp cho kinh tế xã viên.

Nhiều hợp tác xã đã cùng với chính quyền địa phương tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Đã xuất hiện nhiều hợp tác xã mới hoạt động có hiệu quả cả về kinh tế và xã hội, như hợp tác xã trong làng nghề cung ứng vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, bao tiêu sản phẩm, giải quyết việc làm và thu nhập cho các hộ sản xuất ở làng nghề và một bộ phận dân cư trên địa bàn; các hợp tác xã chuyên ngành chăn nuôi, thủy sản; hợp tác xã nhà ở, hợp tác xã trường học, hợp tác xã trong bệnh viện, hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, hợp tác xã quản lý chợ, v.v., bước đầu đã tạo được sự quan tâm ủng hộ của các cấp, các ngành, sự tin tưởng của nhân dân và có xu hướng phát triển tốt.

Nhìn chung, hợp tác xã được thành lập mới theo Luật hợp tác xã đều hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện của xã viên, dân chủ, bình đẳng, công khai và xuất phát từ nhu cầu thị trường; bộ máy quản lý hợp tác xã gọn nhẹ; đội ngũ xã viên trẻ, có trình độ; hoạt động hiệu quả hơn so với hợp tác xã chuyển đổi.

Đã xuất hiện các mô hình hợp tác xã mới như hợp tác xã chuyên ngành, liên hiệp hợp tác xã; một số đơn vị hợp tác xã đã chú trọng tăng cường mối liên kết trong nội bộ hợp tác xã, giữa hợp tác xã với nhau và với các tổ chức kinh doanh khác. Đầu năm 2006, cả nước đã có 216 hợp tác xã nông nghiệp chuyên ngành. Hiện đã xuất hiện một số mô hình liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và mô hình liên kết giữa hợp tác xã

với các công ty, doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho xã viên, giải quyết đầu vào và đầu ra cho hộ xã viên nhằm đáp ứng nhu cầu chung thiết thực của hộ xã viên, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển sang sản xuất theo quy mô hàng hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp nông dân xóa đói giảm nghèo khá hiệu quả.

Xuất hiện mô hình nông dân dùng quyền sử dụng đất của mình góp vốn vào hợp tác xã để thực hiện các dự án đô thị hóa nông thôn với giá trị vốn góp cao hơn nhiều so với việc nhận đền bù giải tỏa mặt bằng. Đồng thời, nông dân góp đất bằng quyền sử dụng đất được đào tạo chuyển nghề, trở thành lao động của dự án, góp phần giải quyết việc làm cho người dân mất đất, góp phần giảm tệ nạn xã hội.

Đầu năm 2006, cả nước đã có 128 hợp tác xã tham gia các liên hiệp hợp tác xã. Đáng chú ý là năm 2008, xu hướng các hợp tác xã liên kết thành lập liên hiệp hợp tác xã tăng mạnh ở các địa phương. Hoạt động của liên hiệp hợp tác xã đã tạo điều kiện và giúp đỡ các thành viên đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh bước đầu có kết quả.

Mô hình liên kết giữa các hợp tác xã với các công ty để cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản cho nông dân đã xuất hiện khá phổ biến ở các địa phương. Để khắc phục các hạn chế về vốn và quản lý cũng như phát huy thế mạnh vốn có về quan hệ với xã viên, nhiều hợp tác xã phát triển liên doanh, liên kết với các công ty, các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế để cung ứng vật tư, các dịch vụ đầu vào cho xã viên, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn; bước đầu tăng được sức cạnh tranh. Mô hình liên kết bốn nhà được thực hiện ở một số địa phương, theo đó, các hợp tác xã đã ký hợp đồng với các công ty trong và ngoài tỉnh, tiến hành sản xuất, tiêu thụ lương thực và rau màu thực phẩm cho các hộ xã viên, huy động vốn, kinh nghiệm quản lý,

tăng năng lực cạnh tranh của hợp tác xã, chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; đồng thời, thực hiện các dịch vụ tư vấn, chế biến, bảo quản và bao tiêu sản phẩm cho xã viên.

Hiện nay đã xuất hiện một số hợp tác xã mới của người lao động cung cấp việc làm cho phần lớn xã viên tham gia hợp tác xã trên lĩnh vực xã hội như Trường Đại học Quản lý kinh doanh Hà Nội. Ở một số tỉnh trung du Bắc Bộ, đã có một vài hợp tác xã dịch vụ kỹ thuật, theo đó tất cả xã viên đều có trình độ chuyên môn cao (tốt nghiệp đại học và trên đại học) vừa là chủ sở hữu, vừa là người lao động trong hợp tác xã.

Nhờ vậy, hợp tác xã đã bước đầu khắc phục được tình trạng suy thoái; nhiều hợp tác xã mới được thành lập; số hợp tác xã hoạt động kinh doanh có hiệu quả tăng dần lên, số hoạt động yếu kém giảm đi.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2003

Sau thời gian dài, mặc dù Luật hợp tác xã đã được ban hành năm 1996 và năm 2003, nhưng thực tiễn vẫn đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật hợp tác xã năm 2003 với những căn cứ sau đây.

1. Khu vực hợp tác xã vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài như: trình độ công nghệ lạc hậu, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý yếu, chất lượng, hiệu quả hoạt động thấp, sức cạnh tranh yếu; nhiều hợp tác xã còn lúng túng trong xây dựng phương án và tổ chức hoạt động, hoặc chỉ tồn tại trên danh nghĩa; số hợp tác xã hoạt động hiệu quả còn ít, chưa đem lại nhiều lợi ích kinh tế - xã hội cho xã viên. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tập thể còn thấp, thiếu ổn định (đạt bình

quân 4,13%/năm giai đoạn 1995-2001, 3,94%/năm giai đoạn 2002-2005 và 3,11% năm 2008), tỷ lệ đóng góp vào GDP giảm liên tục (đạt bình quân 9,05%/năm giai đoạn 1995-2001, giảm xuống 6,53% năm 2006 và 6,02% năm 2008).

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng yếu kém kéo dài của kinh tế tập thể, trong đó nguyên nhân chủ yếu là: một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, xã viên trong các hợp tác xã và trong xã hội nhận thức chưa đầy đủ, chưa thống nhất về bản chất của tổ chức hợp tác xã, vai trò và tính tất yếu khách quan của kinh tế tập thể; chưa phân biệt rõ mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới với mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu cũ, với mô hình tổ chức doanh nghiệp và với các tổ chức xã hội khác. Tâm lý xã hội nói chung còn nặng nề với mô hình hợp tác xã kiểu cũ và tổ chức hợp tác xã còn chịu ảnh hưởng khá lớn của tổ chức hợp tác xã kiểu cũ. Những hạn chế về luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể góp phần làm cho hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển chưa mạnh mẽ, chưa thu hút nhiều đối tượng tham gia, chưa tạo được động lực cho kinh tế tập thể phát triển. Công tác chỉ đạo của các cấp ủy đảng có nơi, có lúc còn có biểu hiện buông lỏng, hoạt động quản lý nhà nước của các cấp chính quyền hoặc chưa quan tâm tới hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hoặc còn can thiệp quá sâu vào tổ chức và hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể; bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể từ trung ương tới địa phương chưa được kiện toàn, chưa đáp ứng so với yêu cầu. Năng lực nội tại của các hợp tác xã còn yếu, xã viên chưa chủ động tham gia xây dựng hợp tác xã, chưa thực sự là người chủ và chưa thiết tha với tổ chức hợp tác xã.

2. Luật hợp tác xã năm 2003 vẫn còn một số nhược điểm cơ bản như: chưa phân biệt thật rõ tổ chức hợp tác xã kiểu mới với tổ chức hợp tác xã kiểu cũ, với tổ chức doanh

ngiệp và với tổ chức xã hội khác; chưa thể hiện rõ và đầy đủ bản chất của hợp tác xã, đặc trưng riêng của nó so với các loại hình tổ chức khác như doanh nghiệp, tổ chức xã hội; hoặc quy định chưa rõ ràng, hoặc còn thiếu một số quy định cần thiết bảo đảm sự minh bạch của tổ chức hợp tác xã; tính khả thi của chính sách hỗ trợ chưa cao; chưa thể chế hóa đầy đủ mô hình tổ chức hợp tác xã phục vụ xã viên như các nghị quyết của Đảng đã đề ra, nhất là Nghị quyết số 13/NQ-TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể: "Kinh tế tập thể với hình thức phổ biến là các tổ hợp tác và hợp tác xã; trong lĩnh vực nông nghiệp trước hết tập trung làm các khâu dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ thành viên"¹, "... trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển"²; Nghị quyết số 26/NQ-TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn: "Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường;... hợp tác xã phải làm tốt các dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân"³.

Trong khi đó, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự đa dạng hóa các thành phần kinh tế đã và đang phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Đã có sự thay đổi khá lớn về khung pháp lý đối với các loại hình tổ chức kinh tế khác theo hướng ngày càng thông thoáng hơn nhằm

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 29, 30-31.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 137.

tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân, nhà đầu tư. Nước ta đã trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức Thương mại thế giới và tham gia ký kết hiệp định song phương, đa phương với các nước và tổ chức quốc tế. Thực tế đó đòi hỏi phải điều chỉnh khung pháp luật đối với hợp tác xã một cách phù hợp.

3. Sự phát triển của tổ chức hợp tác xã đã xuất hiện xu thế mới vượt ra khỏi khung luật hiện hành, theo đó mô hình tổ chức hợp tác xã dịch vụ phục vụ xã viên đã trở nên phổ biến, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, tín dụng, giao thông vận tải, chiếm tới trên 50% tổng số hợp tác xã.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2003

Dự kiến Luật hợp tác xã sửa đổi, bổ sung sẽ tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Về mục tiêu, yêu cầu sửa đổi

Nghị quyết số 21/NQ-TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa yêu cầu: bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã; bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích của các xã viên đối với tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã. Nghị quyết số 26/NQ-TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng nêu rõ: tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường;... hợp tác xã phải làm tốt các dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho

nông dân.

Quan triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, việc sửa đổi Luật hợp tác xã lần này cần đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu sau đây: *Một là*, xây dựng khung pháp luật cơ bản phù hợp với bản chất, loại hình, tính chất tổ chức, hoạt động của hợp tác xã nhằm tạo điều kiện cho hợp tác xã hoạt động và phát triển một cách tự chủ, vững chắc. *Hai là*, thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đảng, theo đó hợp tác xã trước hết tập trung làm tốt các khâu dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ thành viên, trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ cho kinh tế hộ, trang trại phát triển phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường; khắc phục các hạn chế của Luật hợp tác xã năm 2003, bảo đảm khung pháp luật mới đáp ứng đúng quyền, lợi ích và nghĩa vụ của thành viên tham gia hợp tác xã với tư cách là người chủ của hợp tác xã; tiếp tục tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cạnh tranh; thực hiện một số chính sách đặc thù đủ mạnh, phù hợp với bản chất của tổ chức hợp tác xã, đồng thời không tác động tiêu cực tới môi trường lành mạnh của nền kinh tế, trên cơ sở quy định các điều kiện cần và đủ đối với hợp tác xã được hưởng chính sách đặc thù hỗ trợ của nhà nước, theo đó chỉ những hoạt động hợp tác theo đúng bản chất của hợp tác xã mới được hưởng chính sách của nhà nước dành riêng cho hợp tác xã. *Ba là*, tiếp thu tối đa những quy định pháp luật hợp lý của Luật hợp tác xã năm 2003, đưa các quy định pháp luật cơ bản vào dự thảo luật mới, hạn chế tối đa văn bản hướng dẫn thi hành luật. *Bốn là*, các quy định pháp luật về hợp tác xã phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn phát triển hợp tác xã ở nước ta, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về phát triển hợp tác xã.

2. Về một số nội dung chủ yếu sửa đổi

Dự thảo Luật hợp tác xã sửa đổi, bổ sung sẽ tập trung làm rõ một số vấn đề chủ yếu sau đây.

a) Làm rõ hơn bản chất của tổ chức hợp tác xã, làm rõ loại hình tổ chức hợp tác xã của người lao động (tức "góp vốn và góp sức"), quy định rõ hơn về bản chất tổ chức liên hiệp hợp tác xã, bổ sung quy định về tổ hợp tác với sự tiếp thu có chỉnh sửa từ quy định của Bộ luật dân sự về tổ hợp tác. Cụ thể như sau:

Bản chất của tổ chức hợp tác xã và sự khác biệt cơ bản của nó với tổ chức doanh nghiệp thể hiện:

- *Mục tiêu thành lập tổ chức*: hợp tác xã là đơn vị cung cấp dịch vụ chung (đối với hợp tác xã dịch vụ phục vụ xã viên, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã) hoặc tạo việc làm/thu nhập (đối với hợp tác xã sản xuất tập trung của người lao động, tổ hợp tác) cho xã viên một cách hiệu quả hơn so với từng thành viên đơn lẻ sẽ không thực hiện được hoặc thực hiện không hiệu quả trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường. Mặt khác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác cũng phải hoạt động hiệu quả, có lãi/thặng dư và việc chia lãi phải được thực hiện trên cơ sở đóng góp của các thành viên vào sự tồn tại và phát triển của tổ chức hợp tác xã. Trong khi đó mục tiêu của tổ chức doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận cho chính doanh nghiệp, rồi từ đó phân phối lại cho người góp vốn và mục tiêu góp vốn vào doanh nghiệp của các thành viên là nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho vốn góp của mình thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Quan hệ sở hữu*: thành viên hợp tác xã vừa là đồng sở hữu vừa là khách hàng của tổ chức mình, còn thành viên của tổ chức doanh nghiệp chỉ là người đồng sở hữu doanh nghiệp.

- *Quan hệ kinh tế*: thành viên hợp tác xã, cùng với việc góp vốn, cam kết sử dụng sản phẩm, dịch vụ chung của hợp tác xã cung cấp cho thành viên, hoặc là người lao động làm thuê cho hợp tác xã; còn thành viên doanh nghiệp, ngoài việc góp vốn,

không có ràng buộc kinh tế với doanh nghiệp.

- *Quan hệ phân phối*: thành viên hợp tác xã vừa được chia lãi theo vốn góp, vừa được chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, hoặc vừa được chia lãi theo vốn góp, vừa được trả lương từ hợp tác xã; còn thành viên doanh nghiệp thu lợi ích từ doanh nghiệp thông qua lợi nhuận chỉ được chia theo tỷ lệ vốn góp.

- *Quan hệ quản lý*: thành viên hợp tác xã có quyền quản lý hợp tác xã ngang nhau không phụ thuộc mức vốn góp; còn thành viên doanh nghiệp có quyền quản lý doanh nghiệp phụ thuộc vào tỷ lệ vốn góp.

b) Với tổ chức hợp tác xã có bản chất được trình bày như trên và trong quá trình lâu dài phát triển hợp tác xã, tính "hợp tác" trong hợp tác xã ngày càng được nâng cao; giá trị tốt đẹp và nguyên tắc hợp tác xã ngày càng được củng cố, lan tỏa và ăn sâu bén rễ trong đời sống xã hội khi thu hút ngày càng nhiều thành viên tham gia hợp tác xã và ngày càng có nhiều nhu cầu chung của thành viên được hợp tác xã đáp ứng để: cùng chia sẻ lợi ích/sự thịnh vượng, từ đó góp phần tăng cường sự đoàn kết xã hội; tăng cường sự hợp tác có hiệu quả giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh tự chủ, nhất là hộ nông dân và cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, đồng thời giảm bớt áp lực cạnh tranh thị trường không cần thiết giữa các thành viên; tạo ra hai kênh tăng trưởng kinh tế: của bản thân tổ chức kinh tế hợp tác và nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng của kinh tế thành viên, vừa phát huy được cá thể/kinh tế tự chủ thành viên vừa khuyến khích phát triển cộng đồng/tổ chức kinh tế cộng đồng, tập thể; biến ngày càng nhiều người lao động trở thành người làm chủ, đồng thời làm hài hòa hơn mối quan hệ giữa giới chủ và người làm thuê, tạo việc làm bền vững, tăng thu nhập và vị thế xã hội cho người lao động; gắn kết ngày càng chặt chẽ hơn về lợi ích giữa người sản xuất và người tiêu dùng, mà

xét cho cùng là làm cho những người tiêu dùng trong xã hội được hưởng sản phẩm, dịch vụ rẻ hơn, với chất lượng tốt hơn thông qua hợp tác xã; góp phần thiết thực thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" như là một phương thức tổ chức xã hội.

Dự thảo Luật hợp tác xã sửa đổi cũng sẽ làm rõ hơn bản chất của tổ chức liên hiệp hợp tác xã - hợp tác xã của các hợp tác xã - nhằm liên kết số lượng ngày càng lớn thành viên theo vùng lãnh thổ và quốc gia; dự kiến bổ sung các quy định về tổ hợp tác - là tổ chức có bản chất tương tự như tổ chức hợp tác xã.

c) Trên cơ sở làm rõ tổ chức hợp tác xã, sẽ sửa đổi, bổ sung một cách phù hợp quy định về giá trị, nguyên tắc hợp tác xã; quyền, nghĩa vụ, lợi ích của hợp tác xã, thành viên hợp tác xã; về tổ chức quản lý hợp tác xã, trong đó đề cao vai trò người làm chủ hợp tác xã của thành viên, xử lý hợp lý hơn tài sản chung và tài sản chung không chia của hợp tác xã với tư cách là chất keo kết dính một cách lâu dài, bền vững các thành viên hợp tác xã; tách bạch rõ quyền quản lý của thành viên với tư cách người chủ sở hữu và điều hành hằng ngày hoạt động của hợp tác xã; làm rõ chế độ phân phối lợi ích đối với thành viên hợp tác xã, chủ yếu theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã và theo mức vốn góp; hoặc được trả lương theo công sức đóng góp cho hợp tác xã và theo mức vốn góp; sửa đổi, bổ sung các quy định về thành lập và đăng ký hoạt động hợp tác xã phù hợp với tình hình mới; quy định rõ hơn về chính sách hỗ trợ hợp tác xã và quản lý nhà nước đối với hợp tác xã; khẳng định vai trò quan trọng của tổ chức liên minh hợp tác xã trong bảo vệ quyền lợi và khuyến khích phát triển hợp tác xã.

Luật hợp tác xã sửa đổi, bổ sung sẽ góp phần thể chế hóa đầy đủ hơn chủ trương của Đảng, nhằm mục tiêu đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của đông đảo nhân dân, nhất là nông

dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO LUẬT HỢP TÁC XÃ (SỬA ĐỔI)

VỤ HỢP TÁC XÃ -
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa XII, trên cơ sở Tờ trình của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội đã cho ý kiến về Dự thảo Luật hợp tác xã (sửa đổi). Trong quá trình thảo luận, nổi lên một số vấn đề lớn còn có nhiều ý kiến khác nhau, xin được nêu lên để thảo luận góp phần hoàn thiện dự thảo luật:

1. Về kết cấu của dự thảo luật

Nhiều đại biểu Quốc hội cho rằng kết cấu của dự thảo luật nhìn chung còn dài, một số điều lặp lại các quy định trong các luật khác. Vì vậy, nhiều ý kiến đề nghị đối với những nội dung không thực sự có tính chất đặc thù thì không cần quy định lại mà có thể áp dụng theo pháp luật hiện hành. Cũng có ý kiến đề nghị, trước thực tế hiện nay có nhiều loại hình hợp tác xã khác nhau với tính chất và phương thức hoạt động khác nhau, nên cân nhắc cấu trúc lại dự thảo luật theo hướng có một chương riêng quy định các nguyên tắc chung cho mọi loại hình hợp tác xã và các chương cho từng loại hình hợp tác xã để các nội dung của luật được hiểu một cách thống nhất và dễ áp dụng.

2. Đánh giá chung về dự thảo luật

Về mặt nội dung, nhiều đại biểu Quốc hội cho rằng dự thảo luật trình lần này đã tiếp thu ý kiến trong quá trình thẩm tra của Ủy ban Kinh tế, ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đã có nhiều nội dung được quy định cụ thể, rõ ràng hơn. Tuy nhiên, dự thảo luật nhìn chung vẫn chưa giải quyết triệt để một số bất cập hiện đang gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển bền vững của khu vực hợp tác xã. Nhiều quy định trong dự thảo luật còn rất chung chung, khó áp dụng, một số quy định chưa dựa trên việc xem xét, cân nhắc kỹ tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của các hợp tác xã đang tồn tại, có xu hướng làm phức tạp hóa vấn đề, dẫn đến nếu áp dụng sẽ lại gây ra những khó khăn cho sự phát triển của khu vực hợp tác xã.

3. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Dự thảo luật bổ sung việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân vào phạm vi điều chỉnh. Về vấn đề này, một số đại biểu Quốc hội cho rằng quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Luật hợp tác xã. Tuy nhiên, Luật các tổ chức tín dụng hiện đã quy định rõ ràng về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể các tổ chức tín dụng, trong đó có quỹ tín dụng nhân dân. Trên thực tế, hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm cả việc huy động vốn và cho vay, đã mở rộng đến cả các đối tượng không phải là xã viên; nếu việc tổ chức, hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân cũng áp dụng theo các quy định của dự thảo luật (ví dụ: về thành lập, phân phối lợi nhuận, về xử lý tài sản không chia khi phá sản,...) thì sẽ xảy ra tình trạng chồng chéo

trong các văn bản pháp luật và gây khó khăn trong triển khai thực hiện. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng nếu chỉ bổ sung quỹ tín dụng nhân dân vào phạm vi điều chỉnh như quy định của dự thảo luật cũng sẽ không đầy đủ, vì không tính đến ngân hàng hợp tác xã (là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân góp vốn thành lập, hoạt động với mục tiêu phát triển của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân).

4. Về định nghĩa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Về việc bỏ quy định "hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp": có một số ý kiến tán thành vì quy định như luật hiện hành dễ gây hiểu nhầm hợp tác xã là doanh nghiệp, dẫn đến hoạt động sai lệch bản chất hợp tác xã. Tuy nhiên, cũng có nhiều ý kiến cho rằng nên giữ quy định này vì thực chất hợp tác xã hoạt động như là một loại hình doanh nghiệp đặc thù, cần được bảo đảm hoạt động bình đẳng với mọi loại hình doanh nghiệp khác (các loại công ty theo Luật doanh nghiệp) và có quyền kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm.

- Về quy định phải có ít nhất bảy cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân tự nguyện hợp tác với nhau thành lập hợp tác xã, có ý kiến cho rằng cần cân nhắc thêm về quy định số lượng bảy cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân tham gia hợp tác xã. Quy định số lượng thấp như vậy đã hợp lý hay chưa, nhất là đối với loại hình hợp tác xã nông nghiệp? Đồng thời cũng cần làm rõ và quy định cụ thể hơn số lượng tối đa các hộ gia đình và pháp nhân được phép tham gia trong một hợp tác xã để tránh hiểu nhầm và áp dụng sai trên thực tế.

5. Về điều kiện trở thành thành viên, quyền và nghĩa vụ của thành viên và chấm dứt tư cách thành viên liên quan đến sử dụng sản phẩm, dịch vụ của

hợp tác xã

Có ý kiến tán thành và cho rằng quy định như vậy là nhằm bảo đảm bản chất của mô hình hợp tác xã là ưu tiên phục vụ xã viên. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng cần làm rõ hơn các quy định về việc thành viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Khái niệm sản phẩm, dịch vụ trên thực tế được hiểu rất rộng, nếu không được quy định rõ ràng sẽ dẫn đến nhận thức hợp tác xã chỉ là mô hình tập hợp của một nhóm người tự sản xuất, tự cung ứng trong nội bộ với nhau.

Khảo sát thực tế cho thấy nhiều hợp tác xã hiện nay (như: hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, quỹ tín dụng nhân dân,...) chủ yếu cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra thị trường, xã viên chỉ góp vốn và hưởng lãi trên mức vốn góp; số lượng xã viên sử dụng dịch vụ hoặc lao động trực tiếp tại các hợp tác xã này chiếm tỷ lệ rất thấp. Để áp dụng trên thực tế những quy định về điều kiện thành viên, nghĩa vụ thành viên và chấm dứt tư cách thành viên như quy định trong dự thảo luật, nhiều ý kiến cho rằng cần nghiên cứu làm rõ các căn cứ để xử lý những hợp tác xã đã có xu hướng vận động vượt ra khỏi khuôn khổ phục vụ thành viên. Cụ thể, cần bổ sung vào phần giải thích từ ngữ như thế nào là hợp tác xã được thành lập nhằm tạo việc làm cho thành viên; đối với hợp tác xã dịch vụ thì cũng cần làm rõ khái niệm dịch vụ đầu vào và đầu ra, từ đó có quy định cụ thể về nghĩa vụ sử dụng dịch vụ đầu vào, đầu ra (hoặc cả hai), tính liên tục của việc sử dụng dịch vụ, giá trị tối thiểu của khối lượng dịch vụ xã viên phải sử dụng,...

6. Về quy định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra thị trường

Đa số ý kiến tán thành với chủ trương cho phép hợp tác

xã được cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra thị trường, vì như vậy sẽ phù hợp hơn với điều kiện thực tế và cơ chế thị trường hiện nay. Tuy nhiên, một số ý kiến đề nghị không cần quy định cụ thể tỷ lệ sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường ngay trong dự thảo luật mà giao cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự quyết định.

Cũng có ý kiến cho rằng cần có quy định cụ thể về tỷ lệ sản phẩm dịch vụ mà hợp tác xã được phép cung ứng ra bên ngoài. Tỷ lệ này sẽ xác định ranh giới hoạt động của hợp tác xã, một mặt bảo đảm bản chất của hợp tác xã là ưu tiên cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho thành viên, nhưng không loại trừ trường hợp mở rộng hoạt động ra thị trường.

Một số ý kiến khác băn khoăn về mức *tối đa 40% tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm* hợp tác xã được phép cung ứng ra thị trường, đề nghị có giải trình rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xác định tỷ lệ này để Quốc hội xem xét, quyết định.

7. Về việc phân phối lợi nhuận dựa trên mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của từng xã viên

Một số ý kiến đề nghị cần quy định tỷ lệ cứng cho việc phân phối lợi nhuận theo mức độ sử dụng dịch vụ, để bảo đảm hợp tác xã tổ chức và hoạt động theo đúng bản chất. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng với từng loại hình hợp tác xã khác nhau thì mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã cũng khác nhau, chẳng hạn hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng,... nếu quy định cứng áp dụng cho tất cả các loại hình hợp tác xã là không phù hợp.

8. Về tài sản không chia của hợp tác xã

Xung quanh vấn đề này hiện đang có hai loại ý kiến như sau:

Loại ý kiến thứ nhất, tán thành quy định của dự thảo luật

và cho rằng đây là tài sản không chia, dù có biến động về xã viên thì tài sản đó vẫn cần được duy trì như là tài sản chung của cộng đồng xã viên; trường hợp hợp tác xã giải thể, chấm dứt hoạt động thì phải chuyển khối tài sản cho chính quyền địa phương quản lý. Mặc dù tán thành chủ trương về tài sản không chia nhưng một số ý kiến nhấn mạnh cần quy định rõ hơn, không nên sử dụng khái niệm "*tài sản chung không chia*" vì không thống nhất với quy định của pháp luật dân sự về quyền sở hữu tài sản.

Loại ý kiến thứ hai, đề nghị tài sản không chia nên quy định chỉ bao gồm phần được nhà nước hỗ trợ giao hoặc cấp, phần còn lại nên do Đại hội xã viên quyết định phương án xử lý để bảo đảm quyền tự chủ của hợp tác xã.

9. Về việc hợp tác xã thành lập công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác

Có ý kiến đề nghị không nên cho phép hợp tác xã thành lập công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác nhằm bảo đảm hợp tác xã được thành lập là để phục vụ nhu cầu của thành viên, tránh rủi ro cho hợp tác xã. Ngoài ra, nếu cho phép mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, khi chia cổ tức trong hợp tác xã căn cứ theo mức độ sử dụng dịch vụ thì cũng sẽ không hợp lý, dễ gây nên xung đột về lợi ích giữa việc hợp tác xã đầu tư sinh lời và mục tiêu phục vụ thành viên.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng nếu đã xem hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ, bình đẳng với các loại hình kinh tế khác trong cơ chế thị trường thì không thể không cho phép hợp tác xã thành lập công ty trực thuộc (hoạt động theo Luật doanh nghiệp) hoặc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Thực tế hiện nay cũng đã có nhiều doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã.

10. Về việc miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên

Có ý kiến đồng tình với quy định của dự thảo luật vì theo pháp luật hiện hành, xã viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong khi đó, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ là một tổ chức trung gian phục vụ cho hoạt động kinh tế hoặc đời sống của xã viên, vì vậy nếu đánh thuế thu nhập đối với giao dịch kinh tế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì xã viên phải chịu hai lần thuế thu nhập cá nhân hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp, từ đó không khuyến khích việc thành lập, tham gia hợp tác xã.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng quy định như dự thảo luật là xung đột với pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó các tổ chức là hợp tác xã chỉ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ nông nghiệp (quy định tại Điều 4 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp).

Một số ý kiến khác đề nghị cần nghiên cứu kỹ hơn về mức độ hỗ trợ hợp tác xã thông qua việc miễn, giảm thuế và có giải trình rõ để Quốc hội xem xét, quyết định. Trên thực tế, nhà nước đã có các chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân. Một số hoạt động nông nghiệp đặc thù cũng đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn của nhà nước. Vì vậy, trước hết, cần có báo cáo đánh giá tác động, cả về mặt tích cực và tiêu cực, nếu áp dụng chính sách miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên, đồng thời cũng cần xây dựng các quy định cụ

thể về nguyên tắc tổ chức thực hiện chính sách này. Ví dụ: tiêu chí để xác định thể nào là thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong nội bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hiện cũng chưa rõ ràng, dẫn đến khó áp dụng trong thực tế, hoặc dễ bị lợi dụng. Tương tự, cơ quan nào sẽ có trách nhiệm xác nhận tính đúng đắn, tính hợp pháp của các khoản thu nhập phát sinh này, các chế tài xử lý đối với hành vi gian lận như thế nào,...

11. Về tổ chức quản lý nhà nước về hợp tác xã thống nhất với một đầu mối

Có ý kiến đề nghị làm rõ, cụ thể hơn nội dung chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc quản lý nhà nước đối với hợp tác xã. Cần nghiên cứu, xây dựng các quy định cụ thể trong dự thảo luật để quản lý nhà nước về hợp tác xã được thực hiện thống nhất với một đầu mối, tổ chức từ trung ương đến địa phương, có đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm từ đăng ký, giải thích pháp luật, kiểm tra, giám sát đến thực hiện chế tài xử lý khi có vi phạm. Cơ chế này cho phép nhà nước kịp thời hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi gặp khó khăn và điều chỉnh các hoạt động của hợp tác xã khi có biểu hiện sai lệch bản chất và mô hình hợp tác xã.

12. Về tổ chức đại diện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Nhiều ý kiến cho rằng không nên giao chức năng quản lý nhà nước về hợp tác xã cho Liên minh hợp tác xã. Liên minh hợp tác xã về bản chất là một hiệp hội, cần hoạt động như một hiệp hội nhằm đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của hợp tác xã thành viên. Hiện nay, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP đã quy định khá chi tiết về tổ chức, hoạt động và quản lý

hội, theo đó hội có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

Cũng có ý kiến đề nghị cần quy định rõ hơn về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức để bảo đảm Liên minh hợp tác xã là tổ chức do các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự nguyện cùng nhau thành lập nhằm hỗ trợ sự phát triển của khu vực hợp tác xã.

Một số ý kiến đặt vấn đề có xem Quỹ tín dụng nhân dân trung ương là tổ chức đại diện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hay không? Nên giải quyết mối quan hệ của tổ chức này với Liên minh hợp tác xã như thế nào?

Trên đây là một số vấn đề nổi lên trong quá trình xây dựng và thẩm tra Luật hợp tác xã (sửa đổi). Với sự có mặt của các nhà quản lý, đại diện các hợp tác xã và đông đảo các học giả, các nhà nghiên cứu, chúng ta có thể trao đổi thẳng thắn, phân tích thấu đáo nhằm làm rõ bản chất của mô hình hợp tác xã, từ đó có những đóng góp thiết thực vào dự án luật. Việc sửa đổi Luật hợp tác xã phải bảo đảm giúp thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác xã có hiệu quả; hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hợp tác phát triển lành mạnh, bền vững, đúng với bản chất và mục đích thành lập, từ đó đóng góp tốt hơn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN NHIỀU Ý KIẾN KHÁC NHAU TRONG DỰ ÁN LUẬT HỢP TÁC XÃ (SỬA ĐỔI) TRÌNH XIN Ý KIẾN QUỐC HỘI

PGS.TS. DƯƠNG ĐĂNG HUỆ*

1. Về bản chất của hợp tác xã so với các loại hình doanh nghiệp

Việc làm rõ bản chất của hợp tác xã là vấn đề quan trọng hàng đầu trong Dự thảo Luật hợp tác xã (sửa đổi), vì bản chất của hợp tác xã là yếu tố quyết định các vấn đề quan trọng khác liên quan đến hợp tác xã như: quyền, nghĩa vụ của thành viên; quyền, nghĩa vụ của hợp tác xã; cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hợp tác xã; xử lý tài sản khi giải thể hợp tác xã,... Việc làm rõ bản chất của hợp tác xã còn là cơ sở để nhà nước ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ có tính chất đặc thù cho hợp tác xã, khác với chính sách đối với các loại hình chủ thể kinh doanh khác đang hoạt động trong nền kinh tế, trong đó có doanh nghiệp.

Trên thực tế, vẫn có sự nhận thức chưa rõ và đầy đủ về bản chất của hợp tác xã, dẫn đến quan điểm coi hợp tác xã là một loại hình doanh nghiệp, tức là hợp tác xã được cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thị trường một cách tự do, không hạn chế về quy mô và đối tượng phục vụ (bất kể là cho thành viên

* Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự kinh tế - Bộ Tư pháp.

hay không phải thành viên). Trên cơ sở quan niệm như vậy, đã có người cho rằng việc dự thảo luật đưa ra quy định, theo đó, thành viên phải sử dụng dịch vụ của hợp tác xã là cứng nhắc, không tạo điều kiện cho hợp tác xã phát triển.

Chúng tôi nhất trí với quan điểm của cơ quan soạn thảo, theo đó, xét về bản chất, hợp tác xã khác hẳn với doanh nghiệp ở chỗ, hợp tác xã được thành lập là để phục vụ các thành viên của mình thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ chung cho thành viên; trong khi đó, doanh nghiệp (công ty) được các thành viên góp vốn thành lập để phục vụ thị trường, cho người khác chứ không phải cho chính mình.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng chia sẻ sự lo ngại của một số người, theo đó, nếu xây dựng quy định của dự thảo luật theo hướng thể hiện một cách triệt để bản chất của hợp tác xã như Luật hợp tác xã của các nước phát triển trên thế giới thì sẽ không phù hợp với thực tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, Ban soạn thảo cần cân nhắc để đưa ra các quy định phù hợp, để các quy định đó, một mặt, không trái với bản chất của hợp tác xã, mặt khác, bảo đảm tính khả thi, có thể chấp nhận được trong giai đoạn chuyển đổi hiện nay ở nước ta.

Liên quan đến định nghĩa về hợp tác xã, có ý kiến đề nghị cần tiếp tục khẳng định "hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp" như đã được quy định tại Luật hợp tác xã năm 2003. Theo chúng tôi, về mặt pháp lý, việc quy định hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp vừa không rõ ràng, vừa không chuẩn xác và tất yếu dẫn đến một loạt các quy định không phù hợp với bản chất của hợp tác xã, gây hại cho sự hình thành và phát triển của hợp tác xã đích thực ở nước ta trong thời gian qua. Vì vậy, dự thảo luật này cần làm rõ khái niệm hợp tác xã, giúp phân biệt hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp. Yêu tố quan trọng hàng đầu làm cho hợp tác xã khác hẳn với các loại hình doanh nghiệp, nhất là

các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, là ở chỗ hợp tác xã được các thành viên thành lập trước hết và chủ yếu là để phục vụ chính mình. Ở đâu giữa những con người không có nhu cầu, lợi ích chung và không có sự thỏa mãn các nhu cầu chung đó thì ở đó không có nhu cầu thành lập hợp tác xã, không có sự tồn tại của hợp tác xã.

2. Về đối tượng tham gia hợp tác xã

2.1. Về hộ gia đình, nhất trí vẫn đưa hộ gia đình vào đối tượng tham gia hợp tác xã. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng Bộ luật dân sự (sửa đổi), vấn đề hộ gia đình đang có nhiều ý kiến tranh luận, nhưng quan điểm được khá nhiều người ủng hộ là vẫn duy trì hộ gia đình là một chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự. Vì vậy, trong khi chưa sửa đổi Bộ luật dân sự thì vẫn nên coi hộ gia đình là đối tượng có thể tham gia thành lập hợp tác xã.

2.2. Đối với pháp nhân, quyền tham gia hợp tác xã của pháp nhân đã được quy định từ Luật hợp tác xã năm 2003, nhưng trên thực tế quy định này vẫn chưa đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, đây không phải là lý do để tước bỏ quyền tham gia hợp tác xã của các pháp nhân. Đây là vấn đề thuộc về quyền định đoạt của các tổ chức kinh tế, và nên để cho chính họ quyết định rằng mình có tham gia hợp tác xã hay không. Vì vậy, theo chúng tôi, nên tiếp tục quy định cho phép pháp nhân được quyền tham gia hợp tác xã.

3. Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã

3.1. Cần tránh tình trạng bao cấp tràn lan khi thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Do nguồn lực của nhà nước là có hạn nên không thể ưu đãi, hỗ trợ cho tất cả các hợp tác xã thành lập trong mọi ngành nghề, lĩnh vực. Cần quy định rõ chính sách hỗ trợ, ưu đãi của nhà nước đối

với các hợp tác xã có bản chất hợp tác xã đích thực, đồng thời tập trung hỗ trợ, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng, thị trường và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đối với những hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đối với hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực khác, chỉ nên tập trung hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với thông lệ quốc tế và khả năng tài chính của nhà nước. Việc quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ cũng cần có tiêu chí cụ thể, rõ ràng, tránh việc lợi dụng danh nghĩa hợp tác xã để hưởng ưu đãi, hỗ trợ.

3.2. Khoản 1 Điều 6 dự án luật quy định: *"Thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật"*.

Việc quy định đưa thu nhập phát sinh từ giao dịch kinh tế giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thành viên vào đối tượng không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là cần thiết nhằm khuyến khích các hoạt động đúng bản chất của hợp tác xã. Tuy nhiên, nếu trong dự thảo luật quy định không đủ rõ và cụ thể thì chính sách này có thể bị lợi dụng để trốn thuế. Vì vậy, đề nghị sửa lại quy định trên như sau: *"Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của liên hiệp hợp tác xã cho thành viên và thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên đối với hợp tác xã chỉ có thành viên là cá nhân, hộ gia đình và pháp nhân, không phải là doanh nghiệp vừa và lớn"*.

4. Về vấn đề giới hạn sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã được cung cấp cho thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên

Tại khoản 1 Điều 9 dự án luật quy định: *"Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền cung ứng sản phẩm, dịch vụ*

cho thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên trên cơ sở bảo đảm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên. Việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên do điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định, nhưng tối đa không quá 40% tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trong trường hợp hợp tác xã được thành lập nhằm mục đích tạo việc làm cho thành viên, hợp tác xã có quyền thu hút lao động không phải là thành viên hợp tác xã làm việc cho hợp tác xã trên cơ sở bảo đảm việc làm cho các thành viên và chiếm tỷ lệ tối đa 40% tổng số việc làm trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã".

Có ý kiến cho rằng không nên khống chế tỷ lệ doanh thu tối đa của hợp tác xã được cung cấp cho thị trường bên ngoài hoặc tỷ lệ lao động tối đa được thuê ngoài đối với hợp tác xã được thành lập nhằm mục đích tạo việc làm cho thành viên, vì quy định như vậy sẽ làm mất đi quyền tự chủ kinh doanh của hợp tác xã.

Chúng tôi cho rằng việc hạn chế tỷ lệ doanh thu tối đa của hợp tác xã được cung cấp cho thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên hoặc tỷ lệ lao động tối đa được thuê ngoài đối với hợp tác xã được thành lập nhằm mục đích tạo việc làm cho thành viên là cần thiết để bảo đảm cho hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo đúng bản chất của mình, đồng thời phù hợp với quan niệm cũng như kinh nghiệm thực tiễn của các nước về hợp tác xã. Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế do các thành viên lập ra nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động của chính mình, giúp các thành viên thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu chung của mình. Vì vậy, hợp tác xã trước hết cần phải bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thành viên của mình rồi sau đó nếu còn khả năng thì mới tham gia cung cấp cho thị trường bên ngoài.

Do đó, chúng tôi cho rằng không thể không có cơ chế

nhằm giới hạn tỷ lệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho cộng đồng ngoài thành viên hợp tác xã. Vấn đề là ở chỗ phải xử lý vấn đề này sao cho, một mặt, bảo đảm bản chất của hợp tác xã (không phải là một loại hình doanh nghiệp), mặt khác, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể hiện nay của Việt Nam. Trên quan điểm như vậy, chúng tôi đề nghị cơ quan soạn thảo xử lý vấn đề này theo hướng không quy định tỷ lệ hạn chế trong luật mà nên theo hướng giao cho điều lệ hợp tác xã xác định tỷ lệ cụ thể trên cơ sở hướng dẫn của chính phủ để bảo đảm phù hợp với từng hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực và phù hợp với từng giai đoạn nhất định. Bên cạnh đó, để tạo quyền tự chủ trong hoạt động của hợp tác xã, dự án luật cần có quy định cho phép hợp tác xã có thể thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà mình có khả năng.

Đề nghị sửa lại khoản 1 Điều 9 dự thảo luật như sau:
"Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền cung ứng sản phẩm, dịch vụ và việc làm cho thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên trên cơ sở bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, lợi ích chung của các thành viên theo quy định trong điều lệ và hướng dẫn của chính phủ".

5. Về phân phối lợi nhuận của hợp tác xã

Theo quy định tại Điều 69 dự thảo luật, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà nước, lợi nhuận của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được trích lập quỹ đầu tư phát triển (tối thiểu 20%), quỹ dự phòng tài chính (tối thiểu 5%) và các quỹ khác do đại hội thành viên, điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định; phần lợi nhuận còn lại được chia cho thành viên chủ yếu theo mức độ sử dụng dịch vụ của thành viên và một phần theo mức vốn góp do đại hội thành viên quyết định. Quy định như dự thảo luật là cần thiết nhằm định

hướng hoạt động của hợp tác xã phù hợp với bản chất của tổ chức này, tăng cường quan hệ kinh tế giữa hợp tác xã và thành viên. Thành viên sử dụng nhiều sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã có nghĩa là đóng góp nhiều cho hợp tác xã, do đó, về nguyên tắc, cần được ưu tiên phân phối lợi nhuận. Tuy nhiên, luật không nên quy định cứng nguyên tắc áp dụng cũng như tỷ lệ phân phối lợi nhuận theo mức độ sử dụng dịch vụ của thành viên và mức vốn góp, mà nên giao điều lệ hợp tác xã quy định tùy theo tình hình của từng hợp tác xã.

Qua nghiên cứu, đề nghị sửa lại khoản 2 Điều 69 dự thảo luật như sau:

"2. Phần thu nhập còn lại được phân phối như sau:

a) Đối với thu nhập phát sinh từ giao dịch giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì được phân phối cho thành viên chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Đối với thu nhập phát sinh từ giao dịch giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên thì được phân phối theo quy định của điều lệ;

c) Trong trường hợp hợp tác xã được thành lập chỉ nhằm mục đích tạo việc làm cho thành viên là cá nhân thì toàn bộ phần thu nhập còn lại của hợp tác xã được chia cho thành viên chủ yếu theo công sức đóng góp của thành viên".

6. Về xác định tài sản không chia của hợp tác xã

Khoản 2 Điều 71 dự thảo luật quy định: *"Tài sản chung không chia là bộ phận của tài sản chung, không được chia cho thành viên khi ra khỏi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị giải thể theo quy định của pháp luật. Tài sản chung không chia được hình thành từ các nguồn sau đây: a) Vốn trợ cấp của nhà nước; b) Tài sản được cho, tặng, biếu và tài sản tích lũy trong quá*

trình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã". Trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể thì phần tài sản chung không chia do đại hội thành viên quyết định chuyển giao cho chính quyền địa phương hoặc tổ chức phi lợi nhuận quản lý, sử dụng để phục vụ mục đích chung của cộng đồng tại địa phương hoặc chuyển giao cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác quản lý, sử dụng vì mục tiêu phát triển phong trào hợp tác xã.

Việc cần phải có quy định để xác lập tài sản chung không chia là cần thiết, phù hợp với bản chất của hợp tác xã. Tuy nhiên, quy định tài sản chung không chia gồm cả "*tài sản tích lũy trong quá trình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*" là quá rộng, ảnh hưởng đến tâm lý của các thành viên và vì vậy, không khuyến khích phát triển hợp tác xã. Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 53 dự thảo luật theo hướng xác định tài sản không chia được hình thành từ các nguồn sau đây: vốn trợ cấp của nhà nước; tài sản được cho, tặng, biếu; quỹ đầu tư phát triển của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các nguồn tài sản khác do điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định.

7. Về mức góp vốn tối đa của một thành viên hợp tác xã

Khoản 2 Điều 17 dự thảo luật tiếp tục kế thừa quy định của Luật hợp tác xã năm 2003, theo đó "*mức vốn góp tối đa của một thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không vượt quá 30% vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*". Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị không nên giới hạn tỷ lệ góp vốn vì việc giới hạn này sẽ không tạo điều kiện cho hợp tác xã trong việc huy động vốn để phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chúng tôi nhất trí với quan điểm cho rằng quy định mức góp vốn tối đa như trên là cần thiết nhằm giúp khẳng định sự khác biệt của mô hình hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp, đề

cao nguyên tắc bình đẳng trong quản lý hợp tác xã. Ngoài ra, nếu không khống chế số vốn góp tối đa thì thành viên có mức góp vốn cao sẽ được chia lãi nhiều hơn theo tỷ lệ vốn góp, như vậy sẽ vi phạm nguyên tắc, theo đó, hợp tác xã được thành lập là để phục vụ tất cả các thành viên, không phụ thuộc số vốn góp của họ vào hợp tác xã dù nhiều hay ít. Mặt khác, nếu để một thành viên góp vốn với tỷ lệ quá cao thì khi thành viên này rút vốn sẽ làm cho hợp tác xã có nguy cơ phải giải thể. Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, trong tất cả các luật về hợp tác xã đều có quy định hạn chế tỷ lệ góp vốn của thành viên. Trên cơ sở cân nhắc điều kiện thực tế của Việt Nam, Luật hợp tác xã năm 2003 đã quy định tỷ lệ này là 30% và được cuộc sống chấp nhận, vì vậy, đề nghị tiếp tục kế thừa.

8. Về việc hợp tác xã thành lập công ty, góp vốn, mua cổ phần ở doanh nghiệp khác

Khoản 1 Điều 38 dự thảo luật quy định: "*Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền thành lập công ty nhằm mục tiêu cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ thành viên*".

Chúng tôi nhất trí với chủ trương cho phép hợp tác xã được thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và góp vốn, mua cổ phần ở các doanh nghiệp khác. Hợp tác xã là một pháp nhân, và theo Luật doanh nghiệp năm 2005 thì có quyền thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và góp vốn, mua cổ phần ở các doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, quy định như dự thảo luật vẫn cứng nhắc, không phù hợp với thực tiễn Việt Nam hiện nay, mặt khác, sẽ dễ nảy sinh tranh cãi, xác định như thế nào là công ty nhằm mục tiêu cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ thành viên hợp tác xã. Lo ngại về năng lực của hợp tác xã là đúng nhưng không phải vì thế mà đánh đồng tất cả hợp tác xã và tước bỏ quyền góp vốn, mua cổ phần của hợp tác xã.

Chúng tôi đề nghị bỏ khoản 1 Điều 38 và bổ sung một

khoản vào Điều 9 quy định hợp tác xã có quyền: "*Góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật*"; đồng thời, để hạn chế tình trạng thành lập tràn lan công ty trực thuộc, có thể bổ sung quy định hạn chế một tỷ lệ vốn trên vốn điều lệ của hợp tác xã mà hợp tác xã được sử dụng để góp vốn, mua cổ phần hoặc đầu tư thành lập công ty con.

9. Về tổ chức Liên minh hợp tác xã

Liên minh hợp tác xã về bản chất là một hiệp hội, cần hoạt động như một hiệp hội nhằm đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của hợp tác xã thành viên và hoạt động theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Vì vậy, việc không giao chức năng quản lý nhà nước về hợp tác xã cho Liên minh hợp tác xã là phù hợp. Tuy nhiên, xuất phát từ điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội hiện nay của Việt Nam thì việc tiếp tục duy trì và khẳng định vị trí, vai trò của hệ thống Liên minh hợp tác xã trong Luật hợp tác xã là cần thiết. Vì vậy, đề nghị trong dự thảo luật bổ sung quy định làm rõ hơn về hệ thống tổ chức này với vai trò là tổ chức hội đặc thù có tư cách pháp nhân, có điều lệ riêng, do các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự nguyện cùng nhau thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. Trong luật cũng cần khẳng định nhà nước tạo điều kiện cơ sở vật chất và tài chính để hệ thống Liên minh hợp tác xã thực hiện các hoạt động được nhà nước giao nhằm phục vụ cho việc phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu chính đáng của các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã, trong luật cũng cần có quy định cho phép các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong cùng ngành nghề, lĩnh vực có thể tự nguyện thành lập các hội, hiệp hội chuyên ngành theo quy định của pháp luật về hội.

CẦN SỬA ĐỔI LUẬT HỢP TÁC XÃ HIỆN HÀNH NHƯ THẾ NÀO?

VÕ THỊ KIM SA*

Năm 2006, tại Quebec, Canada có 3.200 hợp tác xã với hơn 7,7 triệu xã viên. Lúc bấy giờ số dân tại đây chỉ khoảng 7,5 triệu người. Điều này có nghĩa là nhiều người dân ở vùng này tham gia nhiều hơn một hợp tác xã. Số lượng xã viên trung bình trong một hợp tác xã là 2.406 người. Từ câu chuyện của Quebec, chúng ta nhìn lại những con số tương ứng ở Việt Nam. Năm 2007, số dân nước ta là 85,2 triệu người, có khoảng 7,5 triệu xã viên (chiếm 9% tổng số dân) tham gia vào khoảng 14.500 hợp tác xã. Trung bình một hợp tác xã có 517 xã viên. Người đọc sẽ so sánh và đặt câu hỏi: "Tại sao hợp tác xã ở Quebec phát triển mạnh như vậy?". Bà Lise Jacob, Giám đốc Vụ Hợp tác xã, Bộ Phát triển kinh tế, cải tiến và xuất khẩu lý giải rằng Nhà nước Canada nói chung và tỉnh Quebec nói riêng luôn tạo điều kiện tốt nhất để các hợp tác xã phát triển bằng cách xây dựng khuôn khổ pháp lý phù hợp và chính sách phát triển hợp tác xã hiệu

* Trường Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn, Trường Quản lý cán bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn II.

quả.

I. BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA HỢP TÁC XÃ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ

Ngay từ khi tạo dựng hình hài hợp tác xã đầu tiên, những nhà sáng lập "Liên minh những người tiên phong công bằng Rochdale" (nước Anh, 1844) đã chọn lọc những ưu việt trong nguyên tắc hoạt động của hiệp hội tự nguyện và doanh nghiệp, biến thể chúng để tạo ra tổ chức "hợp tác xã" có những đặc trưng riêng biệt. Hợp tác xã là một tổ chức rất đặc thù, mang tính "nhị nguyên", thể hiện ở vai trò kép với hai cơ cấu cùng tồn tại song hành: (i) khía cạnh hiệp hội được hình thành trên cơ sở các cá nhân tự nguyện, liên kết với nhau trên tinh thần tương trợ, dân chủ, minh bạch, bình đẳng, bác ái, trách nhiệm cộng đồng; và (ii) khía cạnh doanh nghiệp được thể hiện ở việc huy động vốn góp của xã viên để tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả (giá trị thặng dư) vì mục tiêu gia tăng thêm tài sản của xã viên và tích lũy nội bộ trong hợp tác xã.

Trong Bản tuyên ngôn về các đặc trưng của hợp tác xã năm 1995, ICA định nghĩa: *"Hợp tác xã là một hiệp hội tự chủ do các cá nhân tự nguyện liên kết với nhau nhằm thỏa mãn nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua việc hình thành doanh nghiệp do tập thể xã viên đồng sở hữu và quản lý dân chủ"*.

Trong hợp tác xã, tập hợp xã viên có tính chất rất đặc biệt. Xã viên thành lập "doanh nghiệp" hợp tác xã để mưu tìm cách thức thỏa mãn nhu cầu chung. Mục đích tối thượng của hợp tác xã không phải là tối đa hóa lợi nhuận mà để đáp ứng tốt nhất nhu cầu và lợi ích của xã viên. Điều này có nghĩa là

*xã viên vừa là người đồng sở hữu, quản lý hợp tác xã theo nguyên tắc dân chủ, vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. "Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy, v.v., thì có phép mượn người ngoài"*¹. Đặc tính này làm nổi bật sự khác biệt cơ bản giữa bản chất hợp tác xã so với công ty cổ phần. Ở công ty cổ phần, các cổ đông liên kết vốn với mục đích tối đa hóa lợi nhuận và họ không nhất thiết phải giao dịch mua, bán với công ty mà mình mua cổ phần.

Ở nước ta, hợp tác xã đầu tiên được thành lập cách đây hơn 50 năm và Luật hợp tác xã đầu tiên có hiệu lực từ năm 1997. Xét cả khía cạnh lý luận lẫn thực tiễn, kinh tế tập thể nói chung và hợp tác xã nói riêng là sản phẩm tất yếu của nền sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa càng phát triển, sự cạnh tranh trong kinh tế thị trường càng gay gắt, buộc những người lao động riêng lẻ, hộ cá thể càng phải hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu hợp tác càng cấp thiết hơn, hình thức hợp tác càng đa dạng hơn, nội dung hợp tác trở nên phong phú hơn.

Đến ngày 30-6-2010, cả nước có 18.244 hợp tác xã, 53 liên hiệp hợp tác xã và khoảng 360.000 tổ hợp tác. Không kể phần kinh tế của xã viên, chỉ tính riêng các hợp tác xã ở nước ta đã đóng góp 5,45% năm 2009 và 5,22% năm 2010 vào GDP của cả nước. Sự phát triển của phong trào hợp tác xã hội tụ nhiều lợi ích, đáp ứng được các nhu cầu kinh tế, xã hội và văn hóa của xã viên. Xã viên tham gia vào hợp tác xã để tiết kiệm chi phí, gia tăng giá trị và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm làm ra hoặc để có việc làm ổn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 347.

định. Hợp tác xã là một phương tiện thiết thực nhằm huy động các nguồn lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, đồng thời đóng góp lớn trong xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn.

II. VÌ SAO PHẢI SỬA ĐỔI LUẬT HỢP TÁC XÃ HIỆN HÀNH?

Rất nhiều người biết hợp tác xã, nhưng không phải ai cũng hiểu đúng về nó. Mọi sự ngộ nhận đều dẫn đến hậu quả là làm lu mờ bản chất tốt đẹp và kìm hãm sự phát triển của hợp tác xã.

Theo báo cáo tổng kết thi hành Luật hợp tác xã năm 2003, kèm theo Tờ trình số 107/TTr-CP, ngày 07-9-2010 của Chính phủ, năm 2007 trong lĩnh vực công nghiệp có 4.744 hợp tác xã với gần 1 triệu xã viên, nhưng cung cấp tới hơn 90% doanh thu cho thị trường bên ngoài xã viên và tạo việc làm cho chỉ 6% xã viên. Trong đó, rất nhiều hợp tác xã mang bản chất của công ty, chứ không phải là hợp tác xã đích thực.

Câu chuyện có thực sau đây là một bằng chứng thực tế về cách hiểu, cách diễn giải lệch lạc của một số người về khái niệm "hợp tác xã". Có chín người cùng ý tưởng góp vốn để mua đất, sắm thiết bị, vật liệu,... và thành lập hợp tác xã sản xuất thức ăn chăn nuôi. Tọa lạc trong khuôn viên gần 19 ha đất, với tổng tài sản trên 22 tỷ đồng, hợp tác xã sản xuất trên 500 loại sản phẩm và sản lượng thức ăn chăn nuôi lên đến 100.000 tấn/năm. Hợp tác xã có mạng lưới tiêu thụ gồm 150 đại lý cấp I ở khắp các tỉnh, thành trong cả nước. Đây là mô hình kinh doanh vô cùng thành công và đáng được vinh danh. Nhưng xét về bản chất, đây là công ty hợp danh, chứ không phải là hợp tác xã đích thực.

Mục đích của những người góp vốn thành lập hợp tác xã này không phải là để sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, mà duy nhất để tìm kiếm lợi nhuận. Đội ngũ cán bộ, công nhân làm việc cho hợp tác xã không phải là xã viên. Lượng khách hàng chính mà hợp tác xã này giao dịch (người cung ứng nguyên liệu sản xuất và người mua thức ăn chăn nuôi) cũng không phải là xã viên.

Tuy nhiên, nếu căn cứ vào những quy định tại Luật hợp tác xã hiện hành (năm 2003), thì trường hợp này thỏa mãn đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của một hợp tác xã. Vì vậy, việc làm cần thiết hiện nay là nhận thức đúng bản chất và đặc trưng của hợp tác xã, phân định rõ ràng sự khác biệt giữa hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp khác, định hình chuẩn về khuôn khổ pháp luật để làm điểm tựa cho hợp tác xã phát triển bền vững và công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã có hiệu quả.

III. NHỮNG NỘI DUNG TRONG LUẬT HỢP TÁC XÃ CẦN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Có hai khái niệm quan trọng cần được diễn giải trước khi phân tích những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung trong Luật hợp tác xã. *Thứ nhất*, giao dịch giữa hợp tác xã với xã viên là quan hệ mua, bán hàng hóa vật phẩm và dịch vụ. *Thứ hai*, tỷ lệ giá trị giao dịch giữa hợp tác xã và xã viên là phần giá trị giao dịch giữa hợp tác xã và xã viên trong tổng số giá trị giao dịch (với xã viên và với cộng đồng bên ngoài xã viên) mà hợp tác xã thực hiện trong một năm.

1. Phân loại hợp tác xã

Hiện nay, ở nước ta, các hợp tác xã được phân loại theo lĩnh vực hoạt động như: hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã công nghiệp, hợp tác xã thương mại - dịch vụ, hợp tác xã

giao thông vận tải,... Cách phân loại này gây ra không ít khó khăn trong quản lý nhà nước và lúng túng trong việc xác định tỷ lệ giá trị giao dịch giữa hợp tác xã với xã viên.

Luật hợp tác xã sửa đổi cần bổ sung các loại hình của hợp tác xã. Việc phân loại hợp tác xã nên dựa trên tính chất quan hệ giao dịch giữa hợp tác xã với xã viên. Theo đó có bốn loại hình hợp tác xã như sau:

a) Hợp tác xã của người sản xuất: do những người sản xuất (nông dân nuôi bò sữa, trồng thanh long, sản xuất lúa, những người làm hàng thủ công, mỹ nghệ,...) thành lập nên để tiêu thụ, gia tăng thêm giá trị sản phẩm của mình bằng chế biến, xây dựng thương hiệu,... Do những người sản xuất sở hữu nên hợp tác xã tìm cách tối đa hóa giá bán trong điều kiện thị trường cho phép và tối thiểu hóa chi phí hoạt động để mua hàng từ xã viên với giá càng cao càng tốt. Như vậy, xã viên là người bán hàng hay người cung ứng (thành phẩm hoặc nguyên liệu) cho hợp tác xã. Việc xác định tỷ lệ giá trị giao dịch của hợp tác xã với xã viên trong trường hợp này là số lượng hàng hóa (sữa bò, thanh long, lúa, hàng mỹ nghệ,...) hay giá vốn hàng bán mà hợp tác xã giao dịch với xã viên so với tổng lượng hàng hóa hay giá vốn hàng bán mà hợp tác xã thực hiện trong vòng một năm.

b) Hợp tác xã của người tiêu dùng: trái ngược với trường hợp trên, hợp tác xã của người tiêu dùng tìm cách tối thiểu hóa giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động để có thể bán hàng hóa, vật phẩm hay dịch vụ cho xã viên của mình với giá càng thấp càng tốt. Trong trường hợp này, xã viên là người mua hàng (nguyên vật liệu, vật tư hay hàng tiêu dùng) từ hợp tác xã. Tỷ lệ giá trị giao dịch của hợp tác xã với xã viên được xác định trên phần doanh số mà hợp tác xã bán cho xã viên trong tổng doanh số mà hợp tác xã thực hiện trong một năm.

Những lo lắng như trong trường hợp hợp tác xã sản xuất rau an toàn, "xã viên cùng sản xuất một loại rau mà lại đem

cung cấp cho chính mình sẽ không thể tiêu thụ hết..." xuất phát từ việc lúng túng trong cách phân loại hợp tác xã. Đó là hợp tác xã của người sản xuất, chứ không phải của người tiêu dùng. Tỷ lệ giá trị giao dịch với xã viên được tính bằng số lượng rau mà xã viên bán cho hợp tác xã trong tổng lượng rau mà hợp tác xã tiêu thụ trên thị trường.

c) Hợp tác xã của người lao động: do tập thể những người có nhu cầu tìm kiếm việc làm thành lập nên. Thông qua phương thức quản lý, hợp tác xã tìm cách trả lương cho xã viên của mình (những người lao động và cũng là người sở hữu hợp tác xã) càng cao càng tốt và cung cấp điều kiện lao động tốt nhất. Ví dụ: hợp tác xã làm răng giả, hợp tác xã dịch vụ bệnh viện, hợp tác xã xây dựng,... không thể là hợp tác xã tiêu dùng vì khách hàng chỉ "mua" dịch vụ của hợp tác xã một vài lần trong suốt cuộc đời của mình. Sẽ hợp lý hơn nếu xem đây là hợp tác xã của người lao động. Điều này có nghĩa là xã viên chính là người lao động trong hợp tác xã. Như vậy, việc xác định tỷ lệ giá trị giao dịch của hợp tác xã với xã viên được tính toán trên tỷ lệ xã viên trong tổng số người lao động trong hợp tác xã.

d) Hợp tác xã hỗn hợp: là hợp tác xã có nhiều hơn một loại hình. Trong một số hợp tác xã, xã viên có thể có hai hoặc ba loại quan hệ với hợp tác xã. Ví dụ: hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có thể cung ứng vật tư cho xã viên và tiêu thụ nông sản do xã viên sản xuất. Trong trường hợp này, xã viên vừa là người cung ứng, vừa là người tiêu thụ, có thể vừa là người lao động trong hợp tác xã.

Lúc này việc phân định tỷ lệ giá trị giao dịch giữa hợp tác xã với xã viên khá phức tạp. Hợp tác xã cần phân loại các dịch vụ và xác định tỷ lệ giá trị giao dịch với xã viên trong từng loại dịch vụ khác nhau.

2. Phân loại xã viên

Luật hợp tác xã sửa đổi cần bổ sung thêm cách phân loại xã viên. Điều này đặc biệt hữu ích khi xác định đối tượng được hưởng ưu đãi (Điều 7) hoặc khi xác định tỷ lệ giá trị giao dịch giữa hợp tác xã với xã viên (Điều 9).

Tham khảo Luật hợp tác xã Quebec (Canada), xã viên được chia thành hai loại: xã viên chính thức và xã viên liên kết. Xã viên chính thức là những người trực tiếp sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Ví dụ: xã viên công ty nuôi bò sữa (được xếp loại là doanh nghiệp quy mô vừa) bán sản phẩm do mình trực tiếp sản xuất ra cho hợp tác xã thì hẳn nhiên họ là xã viên chính thức của hợp tác xã. Xã viên liên kết là người trung gian giữa hợp tác xã và người trực tiếp sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Ví dụ: một công ty thu mua sữa (thuộc quy mô nhỏ) mua sữa bò từ những nông dân sản xuất nhỏ lẻ, sau đó bán lại cho hợp tác xã thì xã viên công ty này chỉ là xã viên liên kết (chứ không phải là xã viên chính thức) của hợp tác xã. Xã viên liên kết được sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, được phân phối thặng dư theo mức độ sử dụng dịch vụ, nhưng không được quyền biểu quyết, không có quyền tham gia vào hội đồng quản trị hay ban kiểm soát,...

Điều 7 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước quy định: "Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên đối với hợp tác xã chỉ có thành viên là cá nhân, hộ gia đình và pháp nhân không phải là *doanh nghiệp vừa và lớn*". Việc ưu đãi cho xã viên không thể dựa vào quy mô doanh nghiệp, mà nên dựa vào tính chất thành viên. Từ phân tích trên, Điều 7 khoản 1 của dự thảo luật nên quy định: "Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ của hợp tác xã cho *xã viên chính thức*".

3. Xác định tỷ lệ dịch vụ tối thiểu mà hợp tác xã cung cấp cho xã viên

Điều 9, khoản a trong Dự thảo lần thứ bảy của Luật hợp tác xã quy định: "hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã *có quyền* cung ứng sản phẩm, dịch vụ và việc làm *cho thị trường bên ngoài* cộng đồng thành viên trên cơ sở bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, lợi ích chung của các thành viên theo quy định trong điều lệ và hướng dẫn của chính phủ".

Như đã phân tích ở trên, trong hợp tác xã, tập hợp xã viên có tính chất rất đặc biệt. Xã viên vừa là người đồng sở hữu, quản lý hợp tác xã theo nguyên tắc dân chủ, vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Hợp tác xã được hình thành để đáp ứng nhu cầu của xã viên đi đôi với việc *xã viên có quyền và có nghĩa vụ quan hệ giao dịch (mua, bán hay sử dụng dịch vụ) với hợp tác xã khi có nhu cầu*. Đây là bản chất kinh tế rất quan trọng làm cho hợp tác xã phát triển bền vững. Chính vì vậy, Luật hợp tác xã cần quy định tỷ lệ giá trị giao dịch tối thiểu mà hợp tác xã buộc phải giao dịch với xã viên chính thức của mình (không tính xã viên liên kết) không dưới 50% tổng giá trị giao dịch hằng năm của hợp tác xã.

Khi Luật hợp tác xã quy định rõ ràng về tỷ lệ dịch vụ tối thiểu mà hợp tác xã giao dịch với xã viên thì các hợp tác xã với hơn 90% doanh thu từ giao dịch với thị trường ngoài xã viên như đã được miêu tả trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật hợp tác xã năm 2003 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) sẽ chuyển đổi thành hợp tác xã đích thực bằng cách kết nạp ngày càng nhiều hơn người lao động trong hợp tác xã để họ trở thành xã viên và đồng chủ sở hữu hợp tác xã. Hoặc là các hợp tác xã này chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty và chịu chi phối bởi Luật doanh nghiệp.

4. Phân phối thu nhập theo mức độ sử dụng dịch vụ

Về mặt từ ngữ, một số quốc gia dùng khái niệm "*surplus*" (thặng dư) để chỉ phần tiền chênh lệch giữa doanh thu và chi phí trong hợp tác xã và khái niệm tương ứng trong doanh nghiệp là "*profit*" (lợi nhuận, lãi). Ở Việt Nam, trong các văn bản pháp luật cũng như trong cuộc sống thực tiễn, hai khái niệm "lợi nhuận" và "lãi" được sử dụng cho cả hợp tác xã lẫn doanh nghiệp. Trong hợp tác xã, khái niệm "thặng dư" phản ánh đúng bản chất hơn, bởi vì đó là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí có nguồn gốc từ giao dịch giữa hợp tác xã với các chủ sở hữu của nó (xã viên vừa là chủ sở hữu, vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã). Trong Dự thảo lần thứ bảy của Luật hợp tác xã, khái niệm "thu nhập" được sử dụng để chỉ khoản chênh lệch này.

Hiện tại, đại đa số hợp tác xã phân phối lại thu nhập theo vốn góp. Điều này làm xói mòn tinh thần hợp tác, đề cao tư tưởng lợi nhuận, dễ biến hợp tác xã thành mô hình công ty cổ phần. Lúc này, hợp tác xã không còn có lợi thế riêng trong việc khuyến khích tinh thần hợp tác trong cộng đồng. Một ví dụ khác từ thực tế. Tại một hợp tác xã nông nghiệp, "lãi chia cho xã viên" vào cuối năm 2009 lên đến 56% so với vốn góp. Một nguy cơ của việc phân phối lãi cho xã viên theo vốn góp là các hợp tác xã có xu hướng "đóng cửa", không muốn kết nạp xã viên mới. Thứ hai, xã viên tham gia vào hợp tác xã không phải muốn sử dụng dịch vụ của hợp tác xã mà vì "cổ tức" kỳ vọng. Một khó khăn khác là hợp tác xã này trong tình trạng thiếu vốn để đầu tư tái sản xuất, nhưng ban quản trị không dám thực hiện phương án tăng tỷ lệ trích lập quỹ phát triển sản xuất để gia tăng tích lũy nội bộ. Hợp tác xã không thể vượt qua khó khăn vì tâm lý "xã viên sẽ phản đối nếu phần lãi nhận được năm sau thấp hơn năm trước (!)".

Phân phối thu nhập cho xã viên cần được thực hiện theo *mức độ sử dụng dịch vụ*. Xã viên nào càng giao dịch nhiều

với hợp tác xã thì phân phân phối lại càng cao. Điều này góp phần gia tăng "mức độ trung thành" của xã viên với các dịch vụ của hợp tác xã. Quan trọng hơn, đây là bản chất nhân văn và mang đậm bản sắc riêng biệt của hợp tác xã.

Một bản khoản chung của nhiều hợp tác xã trong thực tế là nếu áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc phân phối thu nhập theo mức độ sử dụng dịch vụ thì hợp tác xã khó huy động vốn. Lời giải cho bài toán huy động vốn được nhiều nơi tìm kiếm trong việc tạo lập tài khoản tiết kiệm cho xã viên và phát hành cổ phiếu ưu đãi, chứ không phải bằng con đường chia lãi theo vốn góp như công ty cổ phần. Luật nên cho phép hợp tác xã phát hành cổ phiếu ưu đãi với mức lãi suất huy động và thời hạn hoàn trả được ấn định khi phát hành. Luật cũng nên khuyến khích các hợp tác xã tạo tài khoản tiết kiệm của xã viên để huy động vốn cho hoạt động của hợp tác xã.

Kết luận

Từ những kinh nghiệm thành công trong và ngoài nước, chúng ta có thể tin tưởng một cách chắc chắn rằng với *vai trò kép: vừa là tổ chức hiệp hội vừa là doanh nghiệp*, hợp tác xã có thể hoạt động tốt như bất kỳ doanh nghiệp nào. Thậm chí, hợp tác xã có thể hoạt động tốt hơn công ty, nếu chúng ta am hiểu tường tận bản chất của hợp tác xã, biết cách sử dụng và khai thác công cụ tập thể độc đáo này. Hợp tác xã là phương tiện hữu hiệu giúp kinh tế gia đình của mỗi xã viên nâng cao sức cạnh tranh và phát triển.

Trên tinh thần hợp tác thật sự và hướng đến mục tiêu phát triển hợp tác xã bền vững, hy vọng rằng bài viết này không chỉ mang giá trị học thuật mà còn góp phần vào việc hoàn thiện Dự thảo Luật hợp tác xã sửa đổi sắp tới.

HỢP TÁC XÃ LÀ DOANH NGHIỆP?

TS. NGUYỄN MINH TÚ

Chính phủ đang trong quá trình trình Quốc hội Dự án Luật hợp tác xã (sửa đổi). Trong quá trình chuẩn bị, một mặt, dự án luật ngày càng đạt được sự đồng thuận cao trong xã hội; mặt khác, Ban soạn thảo qua trao đổi với rộng rãi công chúng đã cầu thị tiếp thu các ý kiến góp ý, chỉnh sửa hoàn thiện dự án luật nhằm làm rõ hơn một số nội dung, khắc phục sự hiểu lầm, hiểu đa nghĩa về một số khái niệm, quy định trong dự thảo luật.

Vẫn còn một số ít ý kiến khác, tuy nhiên Ban soạn thảo rất cân nhắc vì liên quan đến nhận thức về bản chất hợp tác xã, cơ cấu khung pháp luật, nhất là khung pháp luật về kinh tế của nước ta hiện nay. Một trong số các ý kiến đó đề nghị quy định "hợp tác xã là doanh nghiệp" hoặc "hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp".

Xin trao đổi ý kiến về kiến nghị nêu trên.

I. CƠ CẤU KHUNG PHÁP LUẬT KINH TẾ HIỆN NAY

- Nếu coi "hợp tác xã là doanh nghiệp" thì không cần phải có Luật hợp tác xã riêng, vì nước ta đã có Luật doanh nghiệp. Nếu cần thiết thì bổ sung một số quy định vào Luật doanh nghiệp là đáp ứng đủ về kỹ thuật xây dựng luật.

- Về phạm vi điều chỉnh, tại Điều 1 Luật doanh nghiệp

hiện nay ghi rõ: "Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp); quy định về nhóm công ty".

Như vậy, hợp tác xã không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Vì vậy, không thể quy định trong Luật hợp tác xã là: "hợp tác xã là doanh nghiệp" hoặc "hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp". Nếu muốn quy định "hợp tác xã là doanh nghiệp" thì phải sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp.

- Khoản 1 Điều 4 về giải thích từ ngữ của Luật doanh nghiệp quy định: "Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh".

Định nghĩa này có thể áp dụng đối với tổ chức hợp tác xã. Vì vậy, để tránh xung đột với các quy định pháp luật hiện hành đã nêu ở trên, Ban soạn thảo đã cân nhắc, lấy nội hàm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật doanh nghiệp đưa vào khoản 1 Điều 9 Dự thảo Luật hợp tác xã (sửa đổi) về "quyền của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã".

- Định nghĩa về doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật doanh nghiệp có ý nghĩa chung, bao quát cho nhiều tổ chức kinh tế, trong đó có các loại hình công ty, hợp tác xã, v.v., có thể cân nhắc nên tách ra quy định vào một luật riêng, hoặc quy định trong Bộ luật dân sự để dễ áp dụng cho các loại hình tổ chức kinh tế có đặc điểm chung của doanh nghiệp và chỉnh sửa, hoàn thiện khung pháp luật về kinh tế.

- Khung pháp luật nói chung và khung pháp luật về kinh tế đang trong quá trình hoàn thiện, nhất là đối với một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang nền kinh tế thị trường như nước ta: còn thiếu nhiều quy định, hoặc nhiều quy

định chưa rõ nội hàm, hoặc có quy định nhưng nay đã trở nên lạc hậu, có quy định thiếu nhất quán, v.v.. Ví dụ: quy định về các tổ chức kinh tế, kinh tế tập thể, v.v., liên quan đến sở hữu và các hình thức sở hữu. Vì vậy, khi xây dựng hoặc chỉnh sửa một dự án luật cần chú ý đến đặc điểm của khung pháp luật Việt Nam.

II. NHẬN THỨC VỀ BẢN CHẤT TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ

- Nếu chỉ quy định "hợp tác xã là doanh nghiệp" thì rất không đầy đủ, không thể hiện được bản chất riêng có của tổ chức hợp tác xã, vì nội hàm doanh nghiệp là đặc tính chung của nhiều tổ chức kinh tế. Ví dụ: con người là một động vật, hổ là động vật, voi là động vật, v.v.. Động vật có những thuộc tính chung mà loài động vật nào cũng có. Nếu chỉ định nghĩa con người là động vật thì không thể làm rõ bản chất riêng có của con người khác biệt hẳn với các giống, loài động vật khác. Vì vậy, mỗi giống, loài động vật, ngoài những đặc điểm chung mà loài vật nào cũng có đều bắt buộc phải có đặc trưng riêng làm nên bản chất riêng có của nó. Ví dụ: đối với con người, ý thức và ngôn ngữ, cá nhân quyện với xã hội làm nên loài người mà không một giống, loài động vật nào khác có được.

Điều đó nói lên rằng, nếu muốn có một tổ chức hợp tác xã đích thực, có bản sắc riêng so với tất cả các loại hình tổ chức kinh tế khác, và muốn có một đạo luật riêng để không nhầm lẫn, nhập cục với tổ chức khác, để nó có thể phát huy được ưu thế, tiềm năng riêng của mình trong một nền kinh tế thị trường đa dạng, phong phú, thì phải làm rõ bản chất tổ chức hợp tác xã.

- Nói đến hợp tác xã có nghĩa là hợp tác xã phải dựa trên nền tảng "hợp tác", phải hướng vào đáp ứng nhu cầu chung

của các thành viên hợp tác xã mà từng thành viên đơn lẻ không thực hiện được hoặc thực hiện không hiệu quả. Để đáp ứng hiệu quả nhu cầu chung của các thành viên, hợp tác xã phải hoạt động và cạnh tranh trên thị trường một cách bình đẳng với mọi tổ chức kinh tế khác. Về bản chất tổ chức hợp tác xã, Dự án Luật hợp tác xã của chính phủ đã giải trình đầy đủ trên cơ sở năm tiêu chí: mục tiêu tổ chức, quan hệ sở hữu, quan hệ kinh tế giữa hợp tác xã và thành viên, quan hệ quản lý, và quan hệ phân phối.

Đây là nhận thức phổ biến trên thế giới, trong đó có nước ta. Mỗi khái niệm, với tư cách là sự phản ánh nhận thức của con người về sự vật, hiện tượng, đều thể hiện một nội hàm cụ thể, sinh động về bản chất của sự vật, hiện tượng được nhận thức.

III. KHÁI NIỆM "DOANH NGHIỆP" Ở NƯỚC TA VÀ TRÊN THẾ GIỚI

- Ở nước ta cũng như ở nhiều nước trên thế giới, "doanh nghiệp" là một trong nhiều khái niệm không chặt chẽ về pháp lý, hoặc có nhiều nghĩa, hoặc có nhiều từ đồng nghĩa, gần đồng nghĩa; có từ được định nghĩa trong luật, có từ không được định nghĩa trong luật mà hiểu nôm na trong giao tiếp xã hội. Kể cả khi đã được định nghĩa về pháp lý, khái niệm "doanh nghiệp" giữa nước ta với các nước vẫn có sự hiểu khác nhau. Do vậy, rất có thể nhiều người cùng sử dụng một khái niệm, một từ ngữ nhưng lại hiểu khác nhau, dẫn đến hiện tượng "đồng sàng dị mộng", tranh luận không bao giờ dứt, vì không đi sâu vào nội hàm khái niệm, từ ngữ, tức là không đi sâu vào bản chất của sự vật, hiện tượng.

- Ở nước ta, khái niệm "doanh nghiệp" chỉ gần đây mới được định nghĩa về mặt pháp lý, quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật doanh nghiệp. Ngoài ra còn có khái niệm "xí nghiệp",

"hãng",... cũng đồng nghĩa hoặc gần nghĩa được sử dụng khá rộng rãi và hiểu nhầm mà chưa được định nghĩa trong luật. Ví dụ: "xí nghiệp" - khái niệm được sử dụng khá phổ biến, nhất là trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung và hiện vẫn đang được sử dụng - có thể được hiểu là đơn vị kinh tế - kỹ thuật tiến hành quá trình kết hợp các yếu tố sản xuất để tạo ra sản phẩm cho xã hội.

- Ở các nước sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp, "doanh nghiệp" (enterprise) có thể được hiểu là "business" (hoạt động kinh doanh), hoặc "firm" (hãng), là một tổ chức hoạt động kinh doanh (trade) sản phẩm (goods), dịch vụ (services) đối với người tiêu dùng (consumers). Trong khi đó, công ty (company) được hiểu là một hình thức (form) của tổ chức doanh nghiệp (business organization), là một hiệp hội (association), hoặc là một sự tập hợp các cá nhân và/hoặc các công ty khác đóng góp vốn (capital) nhằm tìm kiếm lợi nhuận (profits). Nếu hiệp hội, sự tập hợp hoặc tổ chức này được định nghĩa trong luật thì được coi là pháp nhân (legal person).

- Ở Cộng hòa Liên bang Đức, doanh nghiệp (betrieb) là một đơn vị kinh tế độc lập mang tính hệ thống (eine systemunabhängige wirtschaftseinheit) nhằm thỏa mãn nhu cầu bên ngoài; là sự kết hợp các nhân tố sản xuất, nguyên tắc hiệu quả kinh tế và nguyên tắc cân bằng tài chính nhằm tạo ra các sản phẩm. Doanh nghiệp tồn tại trong tất cả các hệ thống kinh tế và chuyển đổi các đầu vào (inputs) thành đầu ra. Trong chế độ kinh tế thị trường, về cơ bản có hai loại hình doanh nghiệp là: hãng (unternehmen) và doanh nghiệp, cơ quan đại chúng (öffentliche betriebe und verwaltungen).

Trong pháp luật kinh tế Đức, thông thường khái niệm "doanh nghiệp" (betrieb) khác với khái niệm "hãng" (unternehmen). Doanh nghiệp được định nghĩa là đơn vị kinh tế - kỹ thuật (technisch-organisatorische einheit), trong khi đó "hãng" được định nghĩa là đơn vị pháp lý (rechtliche einheit).

Như vậy, khái niệm "doanh nghiệp" lại không phải là khái niệm gốc của "hãng".

Một hãng có thể được hình thành từ một hay nhiều doanh nghiệp. Ngược lại, một doanh nghiệp có thể hình thành từ nhiều hãng (hay còn gọi là doanh nghiệp chung có cùng một bộ máy quản lý chung thống nhất).

Theo luật của Liên minh châu Âu, doanh nghiệp (betrieb) được định nghĩa là tổng thể các đơn vị sản xuất do những người chủ của doanh nghiệp quản lý nằm trên lãnh thổ của các nước thành viên.

IV. TRÁNH VIỆC HIỂU NHẦM GIỮA TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ VÀ TỔ CHỨC CÔNG TY

Hiện có khá nhiều người cho rằng hợp tác xã chính là công ty, chỉ khác ở chỗ biểu quyết của xã viên trong hợp tác xã là như nhau, không phụ thuộc mức vốn góp, trong khi xã viên công ty biểu quyết theo mức độ vốn góp, nghĩa là hợp tác xã do các thành viên góp vốn để sản xuất, kinh doanh tạo ra lợi nhuận, hoạt động theo nguyên tắc: tự nguyện, công khai, minh bạch; biểu quyết như nhau không phụ thuộc mức vốn góp; và phát triển cộng đồng. Những người có nhận thức như vậy đều kiến nghị: tăng mức vốn góp tối đa đối với một xã viên từ 30% lên 40% hoặc bỏ hẳn quy định này; không có quy định ràng buộc pháp lý về việc xã viên hợp tác xã phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã; và không có quy định về tài sản không chia.

1. Một tổ chức mà thành viên góp vốn tiến hành sản xuất, kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận thì luôn mang bản chất công ty. Nếu hợp tác xã mang bản chất như đã nêu ở trên thì đích thực là thuộc phạm trù công ty đã được quy định tại Luật doanh nghiệp, theo đó luật là hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh một loại quan hệ xã hội.

2. Bốn nguyên tắc nêu trong Luật hợp tác xã năm 2003 không phản ánh được đặc tính riêng có của tổ chức hợp tác xã, vì các nguyên tắc tự nguyện, minh bạch, công khai, phát triển cộng đồng là nguyên tắc chung cho tất cả các tổ chức xã hội, nhất là tổ chức kinh tế; nguyên tắc bình đẳng biểu quyết như nhau, mỗi người một phiếu không phụ thuộc mức vốn góp không chỉ áp dụng riêng đối với tổ chức hợp tác xã, mà áp dụng đối với nhiều loại hình công ty, tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức hội, hiệp hội, v.v..

3. Nhận thức như vậy về tổ chức hợp tác xã vừa không chứng minh được tại sao nhà nước phải có chính sách hỗ trợ, ưu đãi riêng đối với hợp tác xã và tại sao Đảng và Nhà nước phải quan tâm phát triển hợp tác xã; vừa hoàn toàn không chú ý đến nội hàm "hợp tác" và ý nghĩa của khái niệm "hợp tác xã". Một mô hình hợp tác xã như vậy không thể giúp giải quyết những nhu cầu cơ bản của nông dân, các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ để cải thiện hoạt động kinh tế và nâng cao sức cạnh tranh của mình vốn đã và đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và nguy cơ bị gạt ra ngoài lề sự phát triển ngày càng lớn.

4. Không có bất kỳ nước nào trên thế giới và không có bất cứ Luật hợp tác xã nào trên thế giới định nghĩa như vậy; không có bất kỳ lý luận và thực tiễn nào trên thế giới về loại hình tổ chức hợp tác xã mà xã viên góp vốn để sản xuất, kinh doanh theo đuổi lợi nhuận, xã viên góp vốn chịu rủi ro theo vốn góp nhưng biểu quyết lại bằng nhau.

5. Nói chung, trong cơ chế thị trường không có tổ chức doanh nghiệp, công ty, hay "hợp tác xã" mà thành viên góp vốn để sản xuất, kinh doanh theo đuổi lợi nhuận, thành viên chịu rủi ro theo mức vốn góp nhưng biểu quyết lại bằng nhau không phụ thuộc mức vốn góp. Nói cách khác, tổ chức này không phù hợp với cơ chế thị trường, hoặc nếu có thì mang

tính chất duy ý chí hoặc do áp đặt gắn với bao cấp của tổ chức tài trợ. Nguyên tắc biểu quyết bình đẳng chỉ mang tính chất nội bộ của thành viên, do chính bản thân thành viên tự quyết và tự kiểm soát, không thể áp đặt, giám sát từ bên ngoài. Để nhận được nguồn bao cấp, ưu đãi, tổ chức kinh doanh có thể sẵn sàng chấp thuận điều kiện này, điều kiện kia mà không thiệt hại gì cho mình.

Tóm lại, nhận thức về bản chất tổ chức hợp tác xã cùng với các kiến nghị nêu trên đã lột sạch các đặc tính mang tính bản chất của tổ chức hợp tác xã, quy tổ chức hợp tác xã vào phạm trù luật "công ty". Do vậy, không cần thiết phải có Luật hợp tác xã đối với loại hình tổ chức hợp tác xã kiểu đó, mà chỉ cần điều chỉnh thích hợp trong Luật doanh nghiệp hiện hành.

V. NHẬN THỨC VỀ BẢN CHẤT TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ HIỆN NAY VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN MỚI TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ Ở NƯỚC TA

- Hiện nay, ở nước ta vẫn còn một số nhận thức khác nhau về bản chất tổ chức hợp tác xã, cụ thể là:

+ Một số cho rằng hợp tác xã chính là công ty do các thành viên góp vốn tìm kiếm lợi nhuận;

+ Một số cho rằng hợp tác xã là tổ chức xã hội - từ thiện, theo đó xã viên trông chờ sự trợ cấp, giúp đỡ từ hợp tác xã;

+ Một số khác cho rằng hợp tác xã là theo kiểu cũ trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Những nhận thức như trên đều không đúng với bản chất tổ chức hợp tác xã.

- Xu hướng phát triển tổ chức hợp tác xã kiểu mới ở nước ta trong những năm gần đây phù hợp với kinh nghiệm quốc

tế, đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã, theo đó hợp tác xã hướng vào tập trung phục vụ thành viên, đáp ứng nhu cầu của thành viên, trong đó có nhu cầu việc làm và thu nhập của thành viên. Theo kết quả điều tra toàn diện hợp tác xã năm 2008 trên cả nước, có tới 63% số hợp tác xã hướng vào phục vụ đáp ứng nhu cầu thành viên, và tỷ lệ này đang gia tăng. Điều đó có nghĩa là, hợp tác xã ở nước ta đã và đang nỗ lực thoát ra khỏi mô hình tổ chức cũ và không nhầm lẫn, nhập cục với mô hình tổ chức doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp và vượt khung luật hiện hành để vươn tới mô hình tổ chức đích thực, bền vững trong nền kinh tế thị trường.

- Bên cạnh những hợp tác xã đang nỗ lực tự đổi mới tìm hướng vượt lên, vẫn tồn tại không ít hợp tác xã thể hiện nhận thức không đúng về bản chất tổ chức hợp tác xã như đã nêu ở trên.

Những hợp tác xã loại này hiện rất khó phát triển, nếu không tự đổi mới, trở về bản chất đích thực thì hoặc sẽ tan rã (chẳng hạn như 3.744 hợp tác xã hiện nay có tên nhưng không hoạt động), hoặc phải nhờ sự bao cấp của ngân sách nhà nước thì mới tồn tại một cách leo lắt, rồi kết cục cũng đi đến tan rã.

Tóm lại, (1) điều quan trọng khi bàn về khái niệm là phải định nghĩa khái niệm, nội hàm khái niệm theo quan điểm của từng nước; (2) khái niệm có nhiều nghĩa hoặc có nhiều khái niệm đồng nghĩa hoặc gần nghĩa; có khái niệm được định nghĩa về pháp lý, có khái niệm được hiểu về mặt khoa học hoặc theo tập quán xã hội, biểu hiện có thể khác nhau ở các nước khác nhau; (3) cùng một khái niệm nhưng các nước có thể hiểu khác nhau. Xét theo ý nghĩa như vậy, trong trường hợp cụ thể của nước ta, không thể định nghĩa một cách giản đơn "hợp tác xã là doanh nghiệp" hoặc "hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp"; hơn nữa viết

như vậy vừa không thể hiện được bản chất của tổ chức hợp tác xã, vừa trái với quy định pháp luật hiện hành.

SỨC HẤP DẪN CỦA MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI

VỤ HỢP TÁC XÃ - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ*

Mấy năm gần đây, khu vực hợp tác xã nước ta đã bắt đầu xuất hiện xu hướng ngày càng nhiều mô hình hợp tác xã kiểu mới với đặc trưng: hợp tác xã phục vụ xã viên của mình, xã viên vừa là người chủ, vừa là khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã.

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Trường Đại học Quản lý kinh doanh Hà Nội - hợp tác xã của những người lao động

Trường Đại học Quản lý kinh doanh Hà Nội - nay là Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hà Nội là tổ chức hợp tác (hợp tác xã) của những người lao động trí óc; tất cả những người góp vốn - tức chủ sở hữu đồng thời là cán bộ, nhân viên của trường. Trường là tổ chức dưới hình thức hợp tác xã với bốn đặc điểm sau đây:

(i) Tất cả cán bộ, nhân viên của trường là người góp vốn đầu tư, do vậy vừa là người sở hữu, vừa là người lao động

* Bài viết tháng 12-2010.

trong trường. Trường không dựa trên nguyên tắc vốn mà dựa trên nguyên tắc hợp tác cùng làm việc, không có ưu đãi hoặc tạo đặc quyền trên cơ sở vốn.

(ii) Trường không chia lãi hằng năm mà trả lãi suất cho vốn góp theo một lãi suất ổn định, hấp dẫn hơn so với lãi suất trên thị trường. Người lao động - tức người sở hữu trường - được chi lương, thưởng theo quy chế do Đại hội cổ đông thông nhất quy định.

(iii) Thực hiện nguyên tắc dân chủ trong quản lý trường: mỗi người góp vốn có quyền có một phiếu bầu như nhau không phụ thuộc số vốn góp.

(iv) Thực hiện quỹ không chia. Số dư kinh phí hoạt động hằng năm được đưa vào quỹ không chia, được sử dụng cho mục đích dự phòng và tích lũy đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật của trường. Quỹ không chia này mang tính chất xã hội. Sau 10 năm hoạt động, quỹ đã tích lũy được 20 tỷ đồng phục vụ hiện đại hóa trường.

Tuy nhiên, trường chưa đăng ký theo Luật hợp tác xã. Đây là mô hình hợp tác xã của những người lao động rất đáng được trân trọng, nghiên cứu và nhân rộng ở nước ta.

2. Hợp tác xã chăn nuôi Diên Lâm

Hợp tác xã chăn nuôi Diên Lâm (thuộc xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc) với 15 xã viên, được thành lập tháng 3-2010, có mục đích hợp tác mua chung đầu vào (cám và thuốc thú y cho gia súc) và bán chung đầu ra là gia súc của hộ xã viên. Chỉ riêng dịch vụ mua chung cám và thuốc thú y cho gia súc của hộ xã viên đã lập tức đem lại khoản chênh lệch tiết kiệm 19,5 triệu đồng, theo đó 12,25 triệu đồng được phân bổ cho xã viên, còn lại 7,25 triệu đồng được trích lập quỹ cho hợp tác xã. Dự kiến thu nhập bình quân từ chăn nuôi của hộ sẽ đạt 95 triệu đồng sau khi thành

lập hợp tác xã so với 75 triệu đồng trước khi có hợp tác xã.

3. Hợp tác xã chăn nuôi Toàn Thắng

Hợp tác xã chăn nuôi Toàn Thắng (thuộc khu 7, xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, Phú Thọ) được thành lập tháng 3-2010, có chức năng mua chung đầu vào (cám, thuốc thú y) và bán chung đầu ra phục vụ chăn nuôi của chín hộ xã viên. Ngay sau khi thành lập hợp tác xã, tổng đàn lợn của hộ xã viên đã tăng lên 432 con so với 270 con trước thời điểm hợp tác xã ra đời. Dịch vụ mua chung cám và thuốc thú y đã đem lại chênh lệch tiết kiệm 30 triệu đồng, trong đó 20 triệu đồng được phân chia cho xã viên, 10 triệu đồng được dành lại trích quỹ hợp tác xã. Thu nhập bình quân hằng năm tăng thêm của một hộ dự kiến sẽ đạt 40 triệu đồng so với 14 triệu đồng khi chưa có hợp tác xã.

4. Hợp tác xã liên doanh nấm huyện Yên Khánh, Ninh Bình

Hợp tác xã được thành lập tháng 6-2010 với 13 xã viên là các tổ hợp tác của các hộ xã viên sản xuất nấm, có chức năng hợp tác mua chung nguyên liệu, giống cho việc sản xuất nấm của hộ xã viên, thống nhất quy trình sản xuất nấm, xây dựng thương hiệu chung cho sản phẩm nấm, xúc tiến thương mại và liên kết chế biến sản phẩm nấm cho hộ xã viên. Hợp tác xã đã mua rẻ hơn nguyên liệu và giống nấm sản xuất cho xã viên, cung cấp dịch vụ tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm cho hộ xã viên - đưa sản phẩm nấm của hợp tác xã vào các siêu thị tại Hà Nội, cung cấp dịch vụ kỹ thuật sản xuất nấm cho xã viên, thực sự mang lại lợi ích cho xã viên.

5. Hợp tác xã chăn nuôi Bảo Chúc

Hợp tác xã chăn nuôi Bảo Chúc (thôn Bảo Chúc, xã Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc) được thành lập tháng 4-2010 với 10 xã viên, có mục đích hợp tác mua chung đầu vào cám và thuốc thú y phục vụ chăn nuôi và hợp tác tiêu thụ chung gia súc của hộ xã viên. Ngay sau khi thành lập và đi vào hoạt động, hợp tác xã đã lập tức mang lại khoản chênh lệch lời từ mua chung cám và thuốc thú y là 57 triệu đồng, trong đó chia cho xã viên 38 triệu đồng, để lại quỹ của hợp tác xã 19 triệu đồng. Dự kiến thu nhập bình quân hằng năm của hộ xã viên sẽ đạt 120 triệu đồng so với 66 triệu đồng trước khi có hợp tác xã.

II. TÁC ĐỘNG VÀ BÀI HỌC TỪ CÁC MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI

Xã viên tham gia các hợp tác xã nói trên rất phấn khởi, vì:

- Họ không bị mất đi mà vẫn duy trì hoạt động kinh tế hộ khi tham gia hợp tác xã;

- Kinh tế hộ xã viên được hợp tác xã phục vụ thông qua việc xã viên hợp tác thực hiện các hoạt động đáp ứng nhu cầu chung của mình, nhờ vậy tiết kiệm được chi phí, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, tiêu thụ được sản phẩm một cách thường xuyên.

Rõ ràng hoạt động kinh tế của xã viên hiệu quả hơn so với trước khi tham gia hợp tác xã, thu nhập của hộ xã viên cũng được cải thiện rõ rệt. Hiện các hợp tác xã nói trên đều có xã viên dự bị, tức là xã viên sẽ được kết nạp chính thức, đồng thời ngày càng có nhiều hộ nông dân trong vùng bày tỏ nguyện vọng được tham gia hợp tác xã. Hợp tác xã sẽ từng bước kết nạp rộng rãi xã viên trên cơ sở củng cố tổ chức và quản lý hợp tác xã một cách phù hợp.

Bài học rút ra từ các mô hình hợp tác xã này là:

Một là, hợp tác xã phải được tổ chức và hoạt động theo đúng bản chất đích thực của hợp tác xã, tức là phải trên cơ sở nền tảng của sự "hợp tác", theo đó hợp tác xã phải phục vụ xã viên, đáp ứng nhu cầu của xã viên; xã viên vừa là người chủ sở hữu vừa là người sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã.

Với xu hướng ấy, theo kết quả điều tra toàn diện hợp tác xã do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện năm 2008, có khoảng 68% tổng số hợp tác xã ở nước ta có hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho xã viên với khoảng 60% tổng doanh số của hợp tác xã.

Đã đến lúc chúng ta phải đoạn tuyệt với mô hình hợp tác xã kiểu cũ, đồng thời tránh nhầm lẫn tổ chức hợp tác xã với tổ chức doanh nghiệp.

Hai là, phải tôn trọng sự tự nguyện, nhu cầu và lợi ích của xã viên khi tham gia hợp tác xã. Nếu chỉ có nhu cầu đầu tư vốn để tìm kiếm lợi nhuận thì đã có khung pháp luật đầy đủ về doanh nghiệp. Nhưng xã viên hợp tác xã với những nhu cầu đa dạng về kinh tế, văn hóa, xã hội thì chỉ có tổ chức hợp tác xã mới có thể đáp ứng được.

Ba là, phải có tổ chức tư vấn, hỗ trợ thành lập và tổ chức hoạt động hợp tác xã. Hoạt động kinh tế cá thể, hộ dễ dàng hơn so với hoạt động hợp tác của nhiều người. Hơn nữa, nói chung, trình độ và năng lực tổ chức hoạt động kinh tế của các hộ xã viên, nhất là ở nông thôn còn hạn chế, vì vậy rất cần dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập và tổ chức hoạt động của hợp tác xã, sao cho hợp tác xã hoạt động theo đúng bản chất đích thực, hiệu quả, bền vững. Kinh nghiệm cho thấy, trong quá trình hoạt động, nếu không theo đúng bản chất của mình, hợp tác xã sẽ chuyển thành tổ chức doanh nghiệp của một nhóm nhỏ cá nhân, trở nên hình thức, hoặc sẽ tan rã.

III. BẢN CHẤT CỦA TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI

Làm rõ bản chất tổ chức hợp tác xã là yêu cầu quan trọng nhất của dự thảo luật. Trong quá trình soạn thảo luật, nổi lên một nhận thức thống nhất: hợp tác xã là một tổ chức kinh tế do thành viên lập ra nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, từ đó giúp thành viên cải thiện hoạt động kinh tế, thu nhập, nâng cao mức sống của thành viên; thành viên vừa là chủ sở hữu vừa là người sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Do đó, hợp tác xã trước hết phải bảo đảm cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên theo nhu cầu của thành viên. Đây chính là nội hàm "hợp tác" của khái niệm "hợp tác xã".

Hợp tác xã, do thành viên tự nguyện thành lập, nhằm phục vụ lợi ích của chính thành viên, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đầu vào và dịch vụ tiêu thụ đầu ra cho thành viên, hoạt động rất hiệu quả, bền vững thu hút được nhiều thành viên trong khu vực tham gia. Từ kết quả khảo sát hợp tác xã trên toàn quốc do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cho thấy xu hướng phát triển chủ yếu của hợp tác xã ở nước ta là: phần lớn các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, tín dụng, tỷ lệ hàng hóa, dịch vụ do hợp tác xã cung cấp cho thành viên chiếm 65% tổng giá trị sản phẩm dịch vụ, chỉ có 35% là cung cấp cho thị trường bên ngoài. Xu hướng phát triển này phù hợp với bản chất tổ chức hợp tác xã mang tính phổ biến trên thế giới, theo đó hợp tác xã là tổ chức của xã viên, phục vụ cho chính xã viên của mình theo đơn hàng/nhu cầu của xã viên; một số nước còn quy định rõ giới hạn dịch vụ hợp tác xã cung cấp ra bên ngoài cộng đồng xã viên hợp tác xã. Như vậy, xã viên vừa là chủ sở hữu vừa là người sử dụng dịch vụ hợp tác xã theo nhu cầu của mình. Chỉ trên cơ sở đó mới thực

hiện được đầy đủ các nguyên tắc hợp tác xã, nhất là nguyên tắc quản lý một cách dân chủ, mỗi thành viên có quyền biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc mức vốn góp, mới thực hiện được các quy định về chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ, tài sản chung không chia - là những đặc trưng riêng có của tổ chức hợp tác xã so với tổ chức doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, lợi nhuận và lợi ích cá nhân được đặt lên hàng đầu, tính chất "sở hữu chung", tính "dân chủ", tính "giúp đỡ lẫn nhau" từ việc "hợp tác" tạo sản phẩm, dịch vụ chung cung cấp cho thành viên không đặc trưng như ở tổ chức hợp tác xã.

Tóm lại, bản chất của tổ chức hợp tác xã là đồng sở hữu, đồng sử dụng sản phẩm/dịch vụ; hoặc đồng sở hữu, cùng là người lao động (góp sức) nhằm đáp ứng nhu cầu chung (đơn hàng) của xã viên - người chủ của hợp tác xã dựa trên nguyên tắc: kết nạp mở, đối nhân/mỗi người một phiếu, tức là quản lý dân chủ và tài sản chung không chia. Nó dựa trên triết lý nền tảng là "hợp tác" với những nội dung chủ yếu sau đây:

- Thành viên phải có nhu cầu chung, mà việc đáp ứng nhu cầu chung ấy thông qua sự hợp tác có hiệu quả hơn so với từng thành viên đơn lẻ tự thực hiện. Nhu cầu chung là cái đầu tiên, cái căn bản đưa đến sự hợp tác thông qua hợp tác xã.

- Các thành viên vẫn giữ được sự độc lập, tự chủ của mình trong quá trình hợp tác. Hợp tác xã thỏa mãn cái Chung cho mọi thành viên, nhưng không "nuốt" và triệt tiêu cái Riêng - tức thành viên. Thành viên vẫn là chủ thể độc lập với hợp tác xã.

- Các thành viên có vai trò bình đẳng trong hợp tác xã, trên cơ sở có trách nhiệm và nghĩa vụ tương tự nhau trong việc bảo đảm cho sự hợp tác. Do vậy, dân chủ trong tổ chức hợp tác xã được hình thành và phát triển.

IV. TÁC ĐỘNG TOÀN DIỆN VỀ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI CỦA TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI

Sở dĩ Đảng và Nhà nước ta quan tâm phát triển hợp tác xã vì những tác động tích cực, toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nó khi được mở rộng cả về số lượng hợp tác xã và số lượng xã viên, thể hiện:

Tính "hợp tác" trong hợp tác xã được tăng cường dần trong quá trình phát triển hợp tác xã, cùng với việc thu hút ngày càng nhiều xã viên tham gia hợp tác xã và nhu cầu chung của xã viên được hợp tác xã đáp ứng ngày càng nhiều đề: cùng chia sẻ lợi ích/sự thịnh vượng và từ đó góp phần tăng cường sự đoàn kết xã hội; tăng sự hợp tác có hiệu quả giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh tự chủ, đồng thời giảm bớt áp lực cạnh tranh thị trường không cần thiết; tạo ra hai kênh tăng trưởng kinh tế: của bản thân tổ chức kinh tế hợp tác và nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng của kinh tế thành viên, vừa phát huy được cá thể/kinh tế tự chủ thành viên vừa khuyến khích phát triển cộng đồng/tổ chức kinh tế cộng đồng, tập thể; gắn kết ngày càng chặt chẽ hơn về lợi ích giữa người sản xuất và người tiêu dùng, mà xét cho cùng là làm cho những người tiêu dùng trong xã hội được hưởng sản phẩm, dịch vụ giá rẻ hơn với chất lượng tốt hơn thông qua hợp tác xã; ngày càng củng cố, lan tỏa các giá trị tốt đẹp của hợp tác xã và nguyên tắc dân chủ trong quản lý tổ chức, xã hội.

Riêng đối với loại hình tổ chức hợp tác xã của người lao động (tức hợp tác xã cung cấp việc làm/thu nhập cho xã viên; xã viên vừa là chủ sở hữu vừa là người lao động trong hợp tác xã), có những tác động bổ sung tích cực riêng có của nó

về mặt chính trị, văn hóa - xã hội là: biến ngày càng nhiều người lao động trở thành đồng sở hữu tài sản, cùng làm chủ hợp tác xã, từ đó tăng cường vai trò cùng làm chủ đất nước, đồng thời làm hài hòa hơn mối quan hệ giữa giới chủ và người làm thuê; tạo việc làm bền vững, tăng thu nhập cho người lao động đi đôi với tạo sự bền vững, ổn định cho hoạt động của hợp tác xã; tăng vị thế xã hội cho người lao động.

Chính vì vậy, tổ chức hợp tác xã góp phần thiết thực vào thực hiện sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" như là một phương thức tổ chức xã hội, trở thành thể chế phổ biến trên toàn thế giới. Đó chính là tính chất xã hội chủ nghĩa của tổ chức hợp tác xã.

THÀNH LẬP MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ KIỀU MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐÁNH BẮT HẢI SẢN XA BỜ

VỤ HỢP TÁC XÃ - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Đối với Việt Nam, kinh tế biển mang tính chiến lược, sống còn. Hoạt động kinh tế trên biển là thể hiện chủ quyền, quyền tài phán đối với thềm lục địa và vùng đặc quyền biển, đảo của nước ta. Đánh bắt hải sản nói chung và hải sản xa bờ nói riêng, do vậy, đương nhiên là một hoạt động kinh tế đặc biệt quan trọng, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế và nguồn mưu sinh cho ngư dân và gia đình của họ, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mà còn mang ý nghĩa trực tiếp về chính trị, an ninh quốc gia. Chính vì vậy, vấn đề phát triển và nâng cao hiệu quả đánh bắt hải sản xa bờ xứng với tầm chiến lược của nó phải được đặt ra và giải quyết thấu đáo, nhất là trong bối cảnh chủ quyền biển, đảo của nước ta đang bị vi phạm nghiêm trọng.

Phát triển và nâng cao hiệu quả đánh bắt hải sản xa bờ cần phải được tiếp cận một cách toàn diện, từ nhiều khía cạnh liên quan: chính sách nhà nước, vai trò của quân đội, quân sự và lực lượng an ninh, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, và cốt lõi là vai trò của ngư dân - những người trực tiếp đánh bắt hải sản trên biển.

Ngư dân, thuyền đánh bắt hải sản với tư cách là một đơn vị kinh tế độc lập nếu đơn độc trên biển, nhất là xa bờ và dài

ngày, thì rất không hiệu quả về tất cả các mặt. Trong khi đó, trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước không thể đầu tư đóng thuyền to và thực hiện đánh bắt hải sản. Chỉ có một biện pháp duy nhất hiệu quả là ngư dân và các thuyền đánh cá đơn lẻ phải hợp tác với nhau dưới hình thức hợp tác xã kiểu mới, đồng thời kết hợp với sự hỗ trợ của nhà nước, phù hợp với bản chất đích thực của tổ chức hợp tác xã.

Cách đây trên 10 năm, chúng ta đã khuyến khích phát triển hợp tác xã hải sản và hỗ trợ nguồn vốn khá lớn cho việc đóng thuyền đánh bắt xa bờ của các hợp tác xã đó. Tuy nhiên, do mô hình chưa đúng và cách thức hỗ trợ chưa phù hợp nên các hợp tác xã đánh bắt hải sản thời kỳ đó không những hoạt động kém hiệu quả, phải giải thể hàng loạt, mà còn để lại gánh nặng nợ nần rất lớn đối với nhà nước.

Theo kết quả khảo sát toàn diện hợp tác xã toàn quốc, vào giữa năm 2008, cả nước có 200 hợp tác xã thủy sản, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản ở nội địa. Trong khi đó, hầu như chưa có thể chế hữu hiệu xử lý một cách thỏa đáng nhu cầu hợp tác nhằm giúp đỡ lẫn nhau của các ngư dân đánh bắt hải sản trên biển, nhất là đánh bắt xa bờ.

Mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới là rất phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đánh bắt xa bờ, theo đó các thành viên góp vốn tạo ra một tổ chức kinh tế (hợp tác xã) nhằm đáp ứng nhu cầu chung của mình mà từng thành viên đơn lẻ không thể tự thực hiện hoặc thực hiện kém hiệu quả.

Như vậy, ngư dân có thể thành lập hợp tác xã dưới các mô hình cụ thể như sau:

- Các ngư dân có thể cùng góp vốn để đóng/mua tàu đánh bắt hải sản và cùng là người lao động trên tàu nhằm đáp ứng nhu cầu về việc làm và thu nhập thường xuyên của các ngư dân. Từng ngư dân riêng lẻ không thể tự có việc làm, có tàu riêng, nhất là tàu lớn, nhưng nhiều ngư dân hợp tác với nhau cùng góp vốn, cùng là thuyền viên thì có thể tự tạo ra tàu và

việc làm, thu nhập cho mình.

- Nhiều tàu thuyền có thể hợp tác với nhau để đáp ứng nhu cầu chung của mình về:

+ Dịch vụ hậu cần phục vụ cho việc đánh bắt xa bờ (nhiên liệu, đá, v.v.);

+ Tiêu thụ sản phẩm do các tàu thành viên đánh bắt được;

+ Chế biến hoặc vừa chế biến vừa tiêu thụ sản phẩm đánh bắt của các thành viên;

+ Bến bãi, cảng cho các tàu thành viên;

+ Dịch vụ tín dụng cho thành viên;

+ Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;

+ Dịch vụ ứng cứu và bảo vệ lẫn nhau trên biển cho thành viên;

+ Các dịch vụ khác.

Tùy theo nhu cầu về quy mô mà các hợp tác xã đánh bắt hải sản có thể thành lập liên hiệp hợp tác xã để hoạt động chuyên sâu về một hoặc một số lĩnh vực đòi hỏi quy mô lớn về sản phẩm và yêu cầu về hiệu quả kinh tế, ví dụ: chế biến, tiêu thụ.

Do tính chất hợp tác xã là tổ chức kinh tế của nhiều người, nhất là những người nghèo, và do nhu cầu phát triển kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền quốc gia, nhà nước có thể ưu đãi, hỗ trợ cho các hợp tác xã đánh bắt hải sản, nhất là đánh bắt hải sản xa bờ nhưng phải trên cơ sở phù hợp với bản chất tổ chức hợp tác xã và bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức hợp tác xã.

Với đặc trưng riêng có của mình, mô hình hợp tác xã kiểu mới chắc chắn vừa mang lại lợi ích thiết thực cho ngư dân, vừa mang lại lợi ích cho đất nước, vừa góp phần khẳng định và bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TS. NGUYỄN MINH TÚ

Trên thế giới cũng như ở nước ta, nông thôn luôn gắn với tổ chức hợp tác xã. Đảng và Nhà nước ta có chủ trương, chính sách lớn về xây dựng nông thôn mới với mục tiêu then chốt là nâng cao chất lượng sống của người dân ở nông thôn. Điều đó phụ thuộc vào một loạt nhân tố, trong đó nhân tố quan trọng nhất là hoạt động kinh tế của người dân nông thôn. Tổ chức hợp tác xã là tổ chức thích hợp nhất giúp họ phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế, nâng cao thu nhập của mình, do vậy, là một trong những tiêu chuẩn của xây dựng nông thôn mới.

I. VAI TRÒ HIỆN NAY CỦA HỢP TÁC XÃ ĐỐI VỚI NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA VÀ QUỐC TẾ

- Hợp tác xã nông nghiệp có vai trò nổi bật hàng đầu ở phần lớn các nước trên thế giới, gắn liền với cuộc sống hàng ngày của hàng triệu nông dân và có quá trình phát triển rất lâu dài. Một ví dụ điển hình là hợp tác xã nông nghiệp ở Pháp (xem bài "Hợp tác xã nông nghiệp Pháp", tr.160).

- Ở nước ta, trong quá khứ, hợp tác xã có vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là ở nông thôn. Trong thời kỳ đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, hợp tác xã đang tiếp tục

giữ vai trò không thể thiếu được trong xây dựng và phát triển nông thôn ở nước ta. Theo số liệu khảo sát toàn diện hợp tác xã năm 2008, vào thời điểm ngày 31-7-2008, cả nước có 6.631 hợp tác xã nông nghiệp với gần 5,31 triệu xã viên, tức là liên quan đến cuộc sống của một nửa tổng số hộ gia đình ở nông thôn với trên 20 triệu người, tạo việc làm cho trên 122,7 nghìn lao động thường xuyên; tạo doanh thu từ dịch vụ phục vụ xã viên chiếm tới 65% tổng doanh thu của tất cả các hợp tác xã nông nghiệp. Theo điều tra của Tổng cục Thống kê, vào thời điểm ngày 31-12-2010, cả nước có 6.336 hợp tác xã nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp) với số lao động thường xuyên là trên 110.000 người, có tài sản cố định và đầu tư dài hạn 4.659,3 tỷ đồng, doanh thu 4.799,1 tỷ đồng (trong đó doanh thu thuần sản xuất, kinh doanh là 4.659,6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 509,7 tỷ đồng. Hợp tác xã nông nghiệp cùng với các hợp tác xã khác, các tổ hợp tác đóng góp hơn 5% vào GDP cả nước, nhưng điều quan trọng hơn cả là đã bước đầu tác động tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế của các thành viên, góp phần nhất định trong sự đóng góp của khu vực kinh tế cá thể, hộ gia đình, trong đó chủ yếu là xã viên hợp tác xã, vào GDP cả nước. Nếu không có khu vực kinh tế tập thể thì khu vực kinh tế cá thể, hộ gia đình không thể đóng góp vào GDP với mức như hiện có, mà sẽ thấp hơn.

Hợp tác xã nông nghiệp bước đầu cùng với chính quyền địa phương góp phần phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, chăm lo đời sống văn hóa tinh thần, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng xã viên và nhân dân tại địa bàn. Xu hướng phát triển mới nổi bật của hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng là định hướng tập trung phục vụ hoạt động kinh tế và đời sống xã viên, tức là dần tiến tới bản chất đích thực của tổ chức hợp tác xã và phù hợp với quy luật phát triển chung của tổ

chức hợp tác xã trên thế giới.

II. VẤN ĐỀ VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở NÔNG THÔN

Mặc dù đạt được một số kết quả nhất định, khu vực hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng vẫn đang phải đối mặt với nhiều yếu kém, hạn chế mang tính cơ cấu.

Vấn đề thứ nhất là nhận thức xã hội về bản chất tổ chức hợp tác xã chưa rõ ràng, chưa phân biệt được sự khác biệt cơ bản của tổ chức hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác; còn có sự nhầm lẫn với mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu cũ, hoặc với tổ chức doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, hoặc tổ chức xã hội - từ thiện.

Vấn đề thứ hai - hệ quả của vấn đề thứ nhất - là quy định pháp luật cơ bản của tổ chức hợp tác xã tại Luật hợp tác xã chưa rõ ràng, thể hiện nhiều cách hiểu khác nhau, chưa làm rõ bản sắc riêng và lợi thế riêng của tổ chức hợp tác xã, chưa phù hợp với nguyện vọng, lợi ích của thành viên trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường và chưa phù hợp với kinh nghiệm phổ biến thế giới về hợp tác xã.

Vấn đề thứ ba là chính sách hỗ trợ hợp tác xã mang tính bao cấp trong khi kinh tế thị trường đòi hỏi phải có sự cạnh tranh bình đẳng, mặt khác, lại không phù hợp với bản chất tổ chức hợp tác xã, dẫn đến kết quả là chính sách hỗ trợ không hiệu quả, thiếu tính khả thi, vừa không thúc đẩy được hợp tác xã phát triển vừa góp phần tạo ra tính ỷ lại và không nâng cao được vị thế và cải thiện hình ảnh của tổ chức hợp tác xã.

Vấn đề thứ tư là công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, công tác hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thi hành Luật

hợp tác xã rất lỏng lẻo; tình trạng vi phạm pháp Luật hợp tác xã diễn ra phổ biến, hiện có tới 3.744 hợp tác xã đã không hoạt động nhiều năm nhưng không được giải thể.

Thực tế đó cho thấy, khu vực hợp tác xã có tiềm năng rất lớn để phát triển và đóng góp xứng đáng hơn nữa cả về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội đối với sự phát triển đất nước. Cùng với việc củng cố lại các hợp tác xã hiện có theo đúng bản chất tổ chức hợp tác xã, cần hình thành các hợp tác xã kiểu mới theo đúng nguyên tắc hợp tác, các liên đoàn hợp tác xã với tư cách là tập đoàn kinh tế của các hợp tác xã liên kết xã viên hợp tác xã, các hợp tác xã trên phạm vi vùng, toàn quốc, thu hút đại bộ phận nông dân, thợ thủ công, trí thức, chuyên gia, doanh nghiệp vừa và nhỏ và các tổ chức khác tham gia hợp tác xã, từng bước trở thành thực thể kinh tế hiệu quả, lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp của tổ chức hợp tác xã (dân chủ, bình đẳng, trung thực, hợp tác, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau,...). Cụ thể là:

- Về kinh tế

Tổ chức hợp tác xã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành viên, trong đó có hoạt động kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của từng thành viên, do vậy tạo ra một nguồn tăng trưởng kinh tế đối với kinh tế thành viên hoặc nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động kinh tế thành viên.

Mặt khác, từ hoạt động của mình, tổ chức hợp tác xã tự tạo ra sự tăng trưởng của riêng nó.

Như vậy, tổ chức hợp tác xã tạo ra hai kênh tăng trưởng, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, quan trọng hơn là nó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động không chỉ của từng thành viên mà còn của toàn xã hội, nâng cao sức cạnh tranh không chỉ của từng thành viên mà còn của toàn bộ nền kinh tế.

- Về chính trị - kinh tế

Do tính chất đồng sở hữu, cùng là người sử dụng dịch vụ

của hợp tác xã hoặc cùng là người lao động trong hợp tác xã và mang tính chất mở nên ngày càng thu hút nhiều người/tổ chức tham gia hợp tác xã, ngày càng nhiều người lao động trở thành người làm chủ tổ chức, làm chủ xã hội, làm lan tỏa tính dân chủ từ trong hợp tác xã ra ngoài xã hội. Tổ chức hợp tác xã làm dịu bớt mâu thuẫn căn bản không lối thoát của xã hội tư bản, dẫn đến nguy cơ xung đột xã hội là mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, giữa giới chủ và người lao động làm thuê như C. Mác đã vạch ra, đồng thời làm dịu bớt sự cạnh tranh thị trường khắc nghiệt không cần thiết, nhất là đối với người sản xuất nhỏ, đặc biệt là nông dân. Do cùng chia sẻ lợi ích từ hợp tác xã nên xã viên ngày càng đoàn kết, xã hội càng có nhiều người tham gia hợp tác xã thì càng có nhiều người cùng chia sẻ lợi ích và lan tỏa sự đoàn kết ra toàn xã hội.

Mặt khác, vị thế xã hội của người lao động trong các hợp tác xã cũng được nâng lên, họ không chỉ là lao động làm thuê, mà còn là người làm chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh của mình, đồng thời góp phần làm hài hòa hóa mối quan hệ giữa giới chủ và lao động làm thuê. Với tư cách là người chủ sở hữu, người lao động trong hợp tác xã tìm cách duy trì việc làm, tăng thu nhập cho chính mình.

Do vậy, tổ chức hợp tác xã góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường. Chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển, khi đối mặt với mâu thuẫn căn bản không lối thoát giữa tư bản và lao động đã nỗ lực tìm tòi, thích nghi, tạo ra các thể chế mới, trong đó có thể chế hợp tác xã, điều tiết thu nhập, an sinh xã hội, v.v. để tiếp tục vượt lên. Vì vậy, có một sự thật hiển nhiên là ngày nay ở các nước tư bản phát triển, khu vực hợp tác xã phát triển rất mạnh mẽ.

- Về văn hóa - xã hội

Tổ chức hợp tác xã phát triển sâu rộng sẽ góp phần hình thành nên giá trị hợp tác, được xã hội thừa nhận, trở thành giá

trị định hướng cho toàn xã hội: trung thực, đoàn kết, công bằng, dân chủ, chăm lo cho mình và cho cả người khác, v.v.. Những cộng đồng người trong các hợp tác xã ổn định, phát triển ngay tại địa bàn cơ sở sẽ góp phần tạo sự ổn định và phát triển chung của toàn xã hội. Mặt khác, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động; cách biệt xã hội giữa các giai tầng sẽ được giảm thiểu; ổn định xã hội sẽ được tăng lên; hạnh phúc của các gia đình, cá nhân trong xã hội sẽ được cải thiện.

Hợp tác xã thể hiện vai trò xã hội của mình thông qua nguyên tắc cơ bản của nó, đó là xã viên tham gia hợp tác xã với tư cách là cá nhân "người" chứ không phải là "vốn" ("hợp tác xã là tổ chức tự chủ, tự giúp đỡ nhau của các cá nhân") để họ hợp tác tự giúp nhau, tức là vừa tôn trọng "cá nhân" xã viên, vừa giúp "cá nhân" xã viên phát triển, vừa tăng cường tính cộng đồng/tập thể. Đây là nguyên tắc mang tính nhân văn của hợp tác xã, làm cho nhiều hợp tác xã nói riêng và phong trào hợp tác xã quốc tế nói chung tồn tại lâu dài liên tục gần 200 năm qua. Hợp tác xã ra đời gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, của cạnh tranh thị trường ngày càng khắc nghiệt. Cạnh tranh ngày càng làm nổi rõ hơn nhu cầu và khả năng cho sự hợp tác để một cộng đồng vượt qua khó khăn trên thị trường, tránh bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển.

Hợp tác xã đề cao nguyên tắc dân chủ, công bằng, bình đẳng, minh bạch trong quản lý hợp tác xã, đề cao sự trung thực, cởi mở, nâng cao trách nhiệm xã hội của từng công dân xã viên cũng như của cộng đồng, chăm lo cả cộng đồng chứ không chỉ chú ý tới lợi ích cá nhân, hoạt động kinh tế cá nhân - tức là hướng vào giá trị cao đẹp của con người: chân, thiện, mỹ. Đây là những giá trị cao đẹp mang tính phổ biến của loài người, là văn hóa đã được dày công vun đắp qua bao thế hệ mới có thể tạo nên tổ chức hợp tác xã ngày nay ở các nước.

Mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới còn phù hợp với chủ

trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, vừa khuyến khích phát triển cộng đồng xã viên hợp tác xã, vừa tôn trọng và nâng cao vị thế cá thể xã viên hợp tác xã. Mặt khác, nó cũng phù hợp với tôn chỉ, mục đích và điều lệ Đảng, khi nó là tổ chức phù hợp và hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực trước hết cho các tầng lớp nông dân, công nhân, trí thức, gắn kết hữu cơ nông dân, công nhân và trí thức, giữa nông nghiệp với công nghiệp và lưu thông, phân phối; góp phần bảo đảm an sinh xã hội, công bằng, bình đẳng ngay tại địa bàn cơ sở.

III. CẦN PHẢI TIẾP TỤC LÀM GÌ ĐỂ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Đề thúc đẩy phát triển hợp tác xã một cách lành mạnh, trước hết cần thay đổi và thống nhất nhận thức về bản chất tổ chức hợp tác xã, phải biến tư tưởng hợp tác xã trở nên phổ biến và sâu sắc trong xã hội ta. Khẩn trương xây dựng Luật hợp tác xã mới thay thế cho Luật hợp tác xã cũ, bảo đảm thể hiện rõ tư tưởng hợp tác xã, bản sắc tổ chức hợp tác xã, mà xét cho cùng là phù hợp với lợi ích của thành viên tham gia và lợi thế của "hợp tác" trong cơ chế kinh tế thị trường, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước đối với hợp tác xã theo hướng chú trọng công tác hướng dẫn thi hành luật, kiểm tra, giám sát thi hành luật và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về hợp tác xã. Cơ cấu lại chính sách hỗ trợ hợp tác xã theo hướng phù hợp với bản chất tổ chức hợp tác xã, vừa hỗ trợ năng lực phát triển hợp tác xã, vừa tránh tình trạng bao cấp và bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, đồng thời đổi mới phương thức hỗ trợ hợp tác xã theo hướng trực tiếp, chuyên nghiệp và hiệu quả cao.

MỘT SỐ HỢP TÁC XÃ ĐIỂN HÌNH KIỂU MỚI

I. HỢP TÁC XÃ CHĂN NUÔI HEO CÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN ĐẦU TIÊN Ở HÀ TÂY¹

Tại xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, Hà Tây, từ tháng 3-2006 đã thành lập hợp tác xã chăn nuôi theo quy trình công nghiệp và quy mô lớn. Anh Nguyễn Văn Thanh, Chủ nhiệm hợp tác xã cho biết: sáu tháng đầu năm, hợp tác xã đã cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu hơn 28.300 con lợn giống và lợn thương phẩm.

Hiện nay, hợp tác xã tập hợp được 33 hộ xã viên ở xã Vạn Thái tham gia, mỗi hộ xã viên có quy mô từ 300 m² đến 10 ha chuồng trại và trang trại để chăn nuôi đàn lợn nái ngoại (30-350 con/hộ), hiện tại đàn lợn nái sinh sản của hợp tác xã lên tới 2.500 con. Để mở rộng chăn nuôi và chủ động hoàn toàn về nguồn giống chất lượng cao, hợp tác xã vừa khởi công xây dựng một trang trại sản xuất tinh lợn giống siêu nạc nhập ngoại. Hợp tác xã chú trọng hướng dẫn hộ chăn nuôi thực hiện các quy trình chăm sóc, sử dụng nguồn thức ăn, nước uống, giữ gìn chuồng trại và môi trường bảo đảm vệ sinh an toàn; đầu tư 10 tỷ đồng để xây dựng lò giết mổ tập trung với hệ thống trang thiết bị hiện đại và tổ chức bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho xã viên nhằm cung ứng cho thị trường nguồn thực phẩm có thương hiệu "Thịt lợn sạch Hòa Mỹ".

1. Nay là Hà Nội (BT).

Hợp tác xã đã tập trung được 35 tỷ đồng nguồn vốn điều lệ, vốn đóng góp của xã viên đạt 100 triệu đồng/hộ, mức đóng góp có thể tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh từng thời kỳ với hình thức rất linh hoạt, xã viên có thể góp vốn bằng tiền, hoặc bằng tài sản, đất đai và cơ sở hạ tầng. Một số chủ trang trại đã được đào tạo chính quy tại các trường đại học chuyên ngành kinh tế, khoa học ứng dụng, vì vậy hợp tác xã phát huy được năng lực tài chính, đất đai của xã viên, đồng thời tập trung được mọi nguồn lực và thế mạnh trong công tác quản lý, tiếp thị, khoa học - kỹ thuật của các hộ xã viên để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tuy hợp tác xã mới ra đời, nhưng đã quy tụ những xã viên, "ông chủ" trang trại trẻ rất giỏi nghề chăn nuôi và có gan làm giàu, trong đó có gần 1/3 số hộ có quy mô chăn nuôi lớn và tập hợp được các yếu tố cho một trang trại sản xuất kinh tế hàng hóa bền vững. Những hộ xã viên khác cũng tập trung tích lũy vốn và kiến thức; phát huy sức mạnh của hợp tác xã bằng việc giúp nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là sự hỗ trợ vật tư, kỹ thuật chăn nuôi, nguồn vốn và tiêu thụ sản phẩm¹.

II. HỢP TÁC XÃ SỮA EVERGROWTH TỈNH SÓC TRĂNG²

1. Đặc điểm tình hình

a) Quá trình thành lập

Tháng 9-2001, sau khi khảo sát về nhu cầu của người nghèo, dự án đã xác định mô hình nuôi bò lai sind là phù hợp và khả thi nhất, với các điều kiện thuận lợi như: vùng đất không bị triều cường hay lũ lụt, nguồn nước ngọt sẵn có,

1. Theo bản tin Thông tấn xã Việt Nam, ngày 23-6-2006.

2. Bài viết của Liên minh hợp tác xã tỉnh Sóc Trăng, tháng 6-2011.

nguồn cỏ và các phụ phẩm nông nghiệp dồi dào, tận dụng lao động nông nhân (trung bình là 3,8 lao động/hộ), giao thông nông thôn khá thuận lợi... và là ngành nghề truyền thống của đồng bào Khơme ở vùng nông thôn.

Các tiểu dự án nuôi bò lai sind được ban quản lý dự án của bốn huyện (Mỹ Xuyên, Mỹ Tú, Thạnh Trị, Vĩnh Châu) lần lượt phê duyệt với tổng số 1.975 con bò cái lai sind.

Bên cạnh đó, dự án tiến hành phân tích tính khả thi của việc phát triển đàn bò sữa và tổ chức cho đại diện các nhóm đối tượng đi tham quan học tập kinh nghiệm chăn nuôi bò sữa ở các tỉnh, thành lân cận như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, v.v.. Sau chuyến đi, bà con nhận thấy mô hình chăn nuôi bò sữa cho thu nhập cao, khoảng 12 triệu/năm/con và tạo ra thu nhập hằng ngày. Các tiểu dự án nuôi bò sữa đã được đệ trình và phê duyệt. Bước đầu dự án cấp 477 con bò cái sữa F1, tập trung ở huyện Mỹ Xuyên.

Các hộ nuôi bò cũng rất ủng hộ dự án tổ chức một hệ thống thu mua và tiêu thụ sữa, nhận thấy đây là vấn đề rất cần thiết. Từ đó, khái niệm về một hợp tác xã của những người sản xuất đã được giới thiệu đến từng câu lạc bộ nuôi bò và dự án đã nhận được sự đồng tình của các đối tượng. Sau đó, 197 hộ nuôi bò sữa ban đầu ở huyện Mỹ Xuyên đã đăng ký tham gia.

Do đồng quan điểm là làm sao bán được sản phẩm, lại được tập huấn để hiểu rõ hơn về tính chất và mục đích của hợp tác xã, nên khoảng đầu năm 2004, một bản phác thảo kế hoạch thành lập hợp tác xã đã được các hộ nuôi bò sữa ở huyện Mỹ Xuyên ủng hộ và 171 người đã tự nguyện tham gia hợp tác xã ngay từ lúc ban đầu.

Vào tháng 3-2004, hai đại diện cho mỗi câu lạc bộ nuôi bò sữa ở các xã Tài Văn, Viên An, Tân Thạnh An, Tham Đôn tập hợp lại và đề cử một ban sáng lập hợp tác xã.

Ban sáng lập hợp tác xã tổ chức cuộc họp để bầu ban

quản trị tạm thời, gồm bảy thành viên để chuẩn bị cho đại hội thành lập hợp tác xã.

Ngày 29-3-2004, tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, đại hội chính thức đã thành lập Hợp tác xã nông nghiệp Evergrowth. Đại hội đã thông qua các điều lệ và quy chế hoạt động, vốn điều lệ hợp tác xã được công bố là 151 triệu đồng.

Tại đại hội, có 87 đại biểu đại diện cho 171 xã viên tham dự. Các đại biểu xã viên đã chính thức bầu ra bảy thành viên Ban quản trị và ba thành viên Ban kiểm soát. Ngay trong đại hội, trưởng ban quản trị và trưởng ban kiểm soát cũng đã được chọn bằng cách bầu cử (mỗi thành viên = một phiếu bầu).

b) Tổ chức bộ máy

Hợp tác xã là tổ chức đặc biệt, vừa là hội của thành viên, vừa là doanh nghiệp.

** Hiệp hội*

- Ban quản trị: gồm bảy người: một trưởng ban, một phó ban, một thư ký và bốn thành viên trong năm 2008 và 2009; đầu năm 2010 là sáu thành viên, nâng tổng số thành viên Ban quản trị lên chín người.

- Ban kiểm soát: gồm ba người: một trưởng ban, một thư ký và một thành viên.

** Doanh nghiệp*

Điều hành doanh nghiệp gồm có 12 nhân viên trong năm 2008, 14 nhân viên năm 2009 và 15 nhân viên năm 2010; với một giám đốc, một trưởng phòng, một kế toán, một thủ quỹ, hai tài xế, hai kiểm nghiệm viên kiêm thu mua và các kỹ thuật viên khuyến nông.

c) Loại hình hoạt động

Với các ngành nghề kinh doanh:

(1) Dịch vụ thu mua và chế biến sữa tươi nguyên liệu;

- (2) Dịch vụ mua bán thuốc thú y và thức ăn gia súc;
- (3) Dịch vụ khuyến nông, hỗ trợ kỹ thuật thú y: điều trị bệnh, phối giống nhân tạo, sinh sản;
- (4) Dịch vụ cung ứng con giống và mua bán thịt bò;
- (5) Chăn nuôi bò sữa;
- (6) Dịch vụ cung ứng con giống và vật tư nông nghiệp;
- (7) Dịch vụ thu mua, sản xuất, chế biến hàng nông sản.

Hợp tác xã chính thức hoạt động vào tháng 12-2004 với các tài sản được tài trợ gồm có: trụ sở làm việc, với một văn phòng, phòng kỹ thuật, phòng kiểm nghiệm, nhà kho, điểm thu mua, hội trường; phòng máy nơi làm lạnh sữa; một xe bồn bảo ôn chuyên dùng vận chuyển sữa,... Tổng tài sản trị giá trên 4 tỷ đồng.

Hợp tác xã hoạt động gồm hai điểm thu mua. Điểm thu mua phụ gọi là Điểm 102, đặt tại xã Tham Đôn và điểm thu mua chính gọi là Điểm 101, trụ sở tại ấp Chắc Tung, xã Tài Văn, huyện Mỹ Xuyên, có công suất thiết kế bồn làm lạnh 6 tấn/ngày và tổng số bò sữa tại thời điểm là 477 con bò sữa F1. Lượng sữa thu mua đạt 150kg/ngày.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động đến cuối năm 2007

Chỉ tiêu	Thực hiện đến cuối năm 2007	Mục tiêu đến cuối năm 2008
1. Tác động		
Số xã viên	849	950
Số lượng bò (sind + sữa)	2.688	3.003
Số lượng bò sữa	1.605	1.871
Tổng lượng sữa hợp tác xã mua (kg)	1.548.461	3.208.662

Chỉ tiêu	Thực hiện đến cuối năm 2007	Mục tiêu đến cuối năm 2008
Bình quân lượng sữa hợp tác xã mua (kg/ngày)	3.727	4.500
Tổng số bò đang cho sữa	528	691
Số người bán sữa bình quân trong ngày	358	553
Năng suất trung bình của mỗi con bò sữa (kg/ngày)	7,1	7,9
Lượng thức ăn cho bò sữa do hợp tác xã bán (kg)	540.620	
Bình quân số kilôgam thức ăn/kilôgam sữa	0,442	
Bình quân số lượng sữa bán cho hợp tác xã/xã viên	8,062	
Mức thỏa mãn của xã viên (%)	90	664,000
2. Chất lượng sữa		
% sữa bị Vinamilk từ chối	0,0	0,0
Bình quân % béo trong sữa (VNM: 3,5%)	4,57	4,2
Bình quân % vật chất khô trong sữa (VNM: 12%)	13,37	13

Chỉ tiêu	Thực hiện đến cuối năm 2007	Mục tiêu đến cuối năm 2008
Độ nhiễm vi sinh (giờ) (VNM: 4:00 giờ)	5:45	5:30
3. Thu chi và tài sản (VNĐ)		
Vốn cố định	3.391.765.418	4.004.626.561
Vốn lưu động của hợp tác xã	1.561.556.190	1.528.621.166
Vốn góp của xã viên (vốn điều lệ)	163.558.760	212.800.000
Vốn góp xã viên/tài sản (%)	4,82	5,3
Giá thành 1 kg sữa tại hợp tác xã	7.958	7.900
Lợi nhuận từ sản xuất, kinh doanh/kilôgam sữa	440	454
Lãi ròng	280.908.578	342.370.500

b) Kết quả hoạt động đến cuối năm 2008

Chỉ tiêu	Thực hiện đến cuối năm 2008	Mục tiêu đến cuối năm 2009
1. Tác động		
Số xã viên	943	1.100
Số lượng bò (sind + sữa)	2.724	3.120
Số lượng bò sữa	1.766	2.000
Tổng lượng sữa hợp tác xã mua (kg)	3.162.881	5.835.246
Bình quân lượng sữa	5.283,3	7.726

Chỉ tiêu	Thực hiện đến cuối năm 2008	Mục tiêu đến cuối năm 2009
hợp tác xã mua (kg/ngày)		
Tổng số bò đang cho sữa	607	700
Số người bán sữa bình quân trong ngày	427	600
Năng suất trung bình của mỗi con bò sữa (kg/ngày)	8.7	11
Lượng thức ăn cho bò sữa do hợp tác xã bán (kg)	1.164.720	2.254.395
Bình quân số kilôgam thức ăn/kilôgam sữa	0,397	0,450
Bình quân số lượng sữa bán cho hợp tác xã/xã viên	11.889,49	23.484.926
Mức thỏa mãn của xã viên (%)	90	90
2. Chất lượng sữa		
% sữa bị Vinamilk từ chối	0,0	0,0
Bình quân % béo trong sữa (VNM: 3,5%)	4,8	4,2
Bình quân % vật chất khô trong sữa (VNM: 12%)	13,7	13

Chỉ tiêu	Thực hiện đến cuối năm 2008	Mục tiêu đến cuối năm 2009
Độ nhiễm vi sinh (giờ) (VNM: 4:00 giờ)	6:00	6:00
3. Thu chi và tài sản (VNĐ)		
Vốn cố định	3.146.406.385	5.472.332.588
Vốn lưu động của hợp tác xã	2.585.312.954	5.682.741.869
Vốn góp của xã viên (vốn điều lệ)	206.033.760	346.560.000
Vốn góp xã viên/tài sản (%)	6,55	6,3
Giá thành 1 kg sữa tại hợp tác xã	7.767	
Lợi nhuận từ sản xuất, kinh doanh/kilôgam sữa	83	
Lãi ròng	443.490.973	

3. Kết quả hoạt động đến cuối năm 2009

a) Khả năng hoạt động và tài chính

Evergrowth đã có tổng số 1.056 hộ xã viên, tổng số bò sữa 2.295 con. Vốn góp của xã viên là 265 triệu đồng. Tổng tài sản trên 8,5 tỷ đồng, tổng số nhân viên làm việc tại hợp tác xã là 14 người và 5 cộng tác viên thú y làm việc trên địa bàn. Lượng sữa thu mua lũy kế đến cuối năm 2009 là 5.809.157 kg sữa tươi nguyên liệu. Riêng sản lượng sữa thu mua từ đầu năm đến cuối năm 2009 là 2.648.258 kg, bình quân 7.255,5 kg/ngày.

b) Về dịch vụ

Hợp tác xã đã thực hiện tốt việc cung cấp các dịch vụ đầu vào và kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng sữa. Nhân viên hợp tác xã cũng tăng cường công tác kiểm tra tại nông hộ. Do đó, với bốn điểm thu mua đang hoạt động, chất lượng sữa của hợp tác xã luôn vượt tiêu chuẩn AAA.

Các xã viên mới gia nhập được cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã trực tiếp tập huấn về các nguyên tắc cơ bản, quy trình kỹ thuật vắt sữa, điều lệ và quy chế của hợp tác xã, đồng thời chuyển tài liệu kỹ thuật và những thông tin về hợp tác xã đến tận tay xã viên.

	Kết quả thực hiện đến cuối năm 2009	Mục tiêu đến cuối năm 2010
1. Tác động		
Số xã viên	1.056	1.267
Số lượng bò (sind + sữa)	3.188	3.248
Số lượng bò sữa	2.295	2.381
Tổng lượng sữa hợp tác xã mua (kg)	5.809.107	11.297.957
Bình quân lượng sữa hợp tác xã mua/ngày (kg)	7.255,5	9.148
Tổng số bò đang cho sữa	787	749
Số người bán sữa bình quân trong ngày	503	599
Năng suất trung bình của mỗi con bò sữa (kg/ngày)	9,2	12,2

	Kết quả thực hiện đến cuối năm 2009	Mục tiêu đến cuối năm 2010
Bình quân lượng sữa hợp tác xã mua/ngày tại Điểm thu mua 101 (kg/ngày)	2.456,2	3.303,7
Bình quân lượng sữa hợp tác xã mua/ngày tại Điểm thu mua 102 (kg/ngày)	1.395,6	1.963,2
Bình quân lượng sữa hợp tác xã mua/ngày tại Điểm thu mua 104 (kg/ngày)	987,2	1.023,7
Bình quân lượng sữa hợp tác xã mua/ngày tại Điểm thu mua 201 và 202 (kg/ngày)	2.416,5	2.857,9
Lượng thức ăn cho bò sữa do hợp tác xã bán (kg)	2.125.277	3.496.047
Bình quân số kilôgam thức ăn/ kilôgam sữa	0,357	0,64
Bình quân số lượng sữa bán cho hợp tác xã/xã viên	17.203,3	15.084
Mức độ thỏa mãn của xã viên (%)	90	90
2. Chất lượng sữa		
% sữa bị Vinamilk từ chối	0,0	0,0

	Kết quả thực hiện đến cuối năm 2009	Mục tiêu đến cuối năm 2010
Bình quân % béo trong sữa (VNM: 3,5%)	4,8	4,5
Bình quân % vật chất khô trong sữa (VNM: 12%)	13,7	13,5
Độ nhiễm vi sinh (giờ) (VNM: 4:00 giờ)	6:00	5:30
3. Thu chi và tài sản (VNĐ)		
Vốn cố định	5.204.025.077	5.472.332.588
Vốn lưu động của hợp tác xã	3.846.324.353	4.130.132.353
Vốn góp của xã viên (vốn điều lệ)	265.009.313	380.100.000
Vốn góp xã viên/tài sản (%)	5,09	0,069
Giá thành 1 kg sữa	7.612	7.828
Lợi nhuận từ sản xuất, kinh doanh/kilôgam sữa	138	142
Lãi ròng	529.114.555	634.937.472

HỢP TÁC XÃ CÀ PHÊ LÂM VIÊN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

DƯƠNG DANH OANH*

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Di Linh là huyện có diện tích cà phê lớn nhất tỉnh Lâm Đồng, khoảng 42.000 ha. Tổng sản lượng bình quân hằng năm khoảng 100.000 tấn.

Nông dân trồng cà phê ở Di Linh sản xuất theo cách tự phát từ khâu chăm sóc, thu hái, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Do việc sản xuất mang tính chất cá thể, đơn lẻ nên nông dân phải thu mua vật tư nông nghiệp và bán sản phẩm của mình qua nhiều cấp đại lý, trung gian,...

Từ năm 2007-2009, với sự hỗ trợ của Dự án ICP (International Coffee Partners) khuyến khích phát triển sản xuất cà phê Robusta bền vững, 400 nông hộ sản xuất cà phê thụ hưởng đã cơ bản thay đổi được tập quán canh tác, sản xuất cà phê đạt Giấy chứng nhận 4C năm 2008, Giấy chứng nhận UTZ Certified năm 2009. Các hộ nông dân đã tính toán được chi phí đầu tư, kiểm soát được giá thành sản phẩm để tăng thêm thu nhập.

Trong giai đoạn này, để hỗ trợ nông dân, Câu lạc bộ khuyến nông cà phê Di Linh, với 36 nông dân nòng cốt, được

* Phó Ban quản trị Hợp tác xã cà phê Lâm Viên.

hình thành với mục tiêu liên kết sản xuất và kinh doanh cà phê tốt hơn, tiết kiệm được chi phí sản xuất mà vẫn bảo đảm năng suất cao và chất lượng cây trồng tốt. Tuy nhiên, vấn đề tổ chức cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân không thực hiện được.

Đầu năm 2010, dự án chuyển sang giai đoạn 2 với tên gọi "Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận thị trường bền vững cho cây cà phê Robusta" ở ba tỉnh Tây Nguyên là Lâm Đồng, Đắk Lắk và Gia Lai. Với sự tài trợ của ba tổ chức phi lợi nhuận Hà Lan gồm: Bộ Nông nghiệp, Douwe Egberts và Rabobank, dự án được tổ chức thực hiện bởi Công ty E.D.E Consulting ở Việt Nam.

Đối với địa phương, được sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Di Linh, sự tích cực của các thành viên nông dân nòng cốt trong việc tập huấn tìm hiểu về hợp tác xã kiểu mới cho các nông hộ, sự năng động và quyết tâm của Ban sáng lập, ngày 18-9-2010, Đại hội thành lập Hợp tác xã cà phê Lâm Viên của 237 nông hộ được tổ chức long trọng, với sự hỗ trợ của chuyên gia tài chính và ngân hàng của Tập đoàn Rabo và các nhà tài trợ.

Phần mềm quản lý kế hoạch được thiết kế. Phần mềm quản lý tài chính - kế toán được thiết kế. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm năm 2011-2015 của hợp tác xã được xây dựng, trong đó dựa trên cơ sở dữ liệu, quy trình canh tác, giá mua vật tư, giá bán cà phê do Ban quản trị cung cấp theo địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tiếp cận các tổ chức tín dụng ở địa phương, ở tỉnh và trung ương. Tiếp cận các đối tác cung ứng, thu mua như: Công ty phân bón Việt - Nhật; Công ty phân bón Yara; Công ty Newman; Công ty Petec; Công ty Nestle; một số công ty thu mua cà phê ở địa phương.

Các điều kiện trên tạo động lực cho Hợp tác xã cà phê Lâm Viên vững bước xây dựng hợp tác xã hoạt động đúng

bản chất, phục vụ nguyện vọng, nhu cầu chung của các thành viên, trong sáng về tài chính, mong muốn phát triển hợp tác xã ngày càng vững mạnh.

Hợp tác xã cả phê Lâm Viên xác định mục tiêu chính của xã viên thông qua các giao dịch cho xã viên theo tiêu chí bền vững (cả phê có chứng nhận).

Hoạt động dựa trên ***năm giá trị cơ bản*** của sự hợp tác: "Tự do, Bình đẳng, Công bằng, Đoàn kết, và Trách nhiệm".

Bảy nguyên tắc hoạt động: (1) Tự nguyện và mở rộng; (2) Dân chủ; (3) Xã viên tham gia giao dịch kinh tế với hợp tác xã và có nghĩa vụ bán sản phẩm cả phê cho hợp tác xã; (4) Tự chủ và độc lập; (5) Giáo dục - đào tạo và thông tin; (6) Hợp tác với các hợp tác xã khác; và (7) Chăm lo cộng đồng thành viên.

Ba nguyên tắc kinh tế: (1) *Phục vụ giá thấp nhất* (không nhằm tối đa hóa lợi nhuận mà nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất cho xã viên); (2) *Phân chia theo tỷ lệ*, hợp tác xã phân chia thặng dư (lãi) theo giá trị của các giao dịch kinh tế mà xã viên thực hiện với hợp tác xã. Quyền biểu quyết năm đầu thành lập theo luật, những năm sau thực hiện theo tỷ lệ sử dụng dịch vụ của xã viên với hợp tác xã (nếu luật cho phép). Tích lũy ở tài khoản xã viên theo giá trị giao dịch kinh tế mà xã viên đó thực hiện với hợp tác xã; (3) *Tự chủ về tài chính*, vốn hợp tác xã phải được đóng góp bởi xã viên. Nguồn vốn này được tạo ra từ vốn điều lệ, quỹ phát triển sản xuất và dự phòng của hợp tác xã, tài khoản tích lũy cá nhân của xã viên ở hợp tác xã. Đối với mục tiêu sản xuất, kinh doanh chính, hợp tác xã có thể dựa vào các nguồn vay ngân hàng, không được phép thu hút vốn mang tính rủi ro từ các nhà đầu tư bên ngoài. Đối với các hoạt động thứ cấp, hợp tác xã chấp nhận hình thức liên doanh với tổ chức khác.

Chính sách tích lũy vốn: phân phân bổ lãi ròng sau thuế

(thặng dư) vào cuối năm tài chính, một phần trích vào tài khoản tích lũy hợp tác xã hình thành vốn không chia; phần còn lại thuộc về xã viên, nhưng được trích vào tài khoản tích lũy của xã viên ở hợp tác xã (khoảng 30-40% thặng dư). Số tiền này không sinh lãi nhằm bổ sung vốn của hợp tác xã, được trả lại khi xã viên chấm dứt tư cách xã viên. Phần còn lại trả cho xã viên vào cuối năm tài chính. Tỷ lệ trích lập do Đại hội xã viên hằng năm quyết định

Chính sách không lỗ: để giảm thiểu rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã sẽ áp dụng chính sách không lỗ bằng cách:

- Tìm đầu ra sản xuất theo nhu cầu đặt hàng của đối tác và ký kết hợp đồng bán hàng.

- Hướng dẫn xã viên canh tác sản xuất theo quy trình bền vững.

- Thỏa thuận giá trả trước và trả sau với xã viên.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý: phân chia hai bộ máy tách bạch:

- Hội đồng quản trị: đứng đầu là chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Ban điều hành: đứng đầu là giám đốc, không phải là xã viên mà do Hội đồng quản trị thuê. Giám đốc được quyền tuyển chọn nhân viên.

II. GÓP Ý VÀO LUẬT HỢP TÁC XÃ (SỬA ĐỔI)

1. Về các quy định liên quan đến bản chất hợp tác xã

Hiện nay các hợp tác xã đang ở trong tình trạng lo bảo toàn vốn, không chú trọng đến việc cung ứng và tiêu thụ sản phẩm của xã viên. Họ đang tiến đến hoạt động doanh nghiệp chia lãi theo cổ phần.

2. Chính phủ quy định tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho cộng đồng ngoài thành viên là 40%, mức

tôi đa từng hợp tác xã phải cụ thể hóa trong điều lệ.

3. Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, ưu tiên hỗ trợ đối với những hợp tác xã có bản chất hợp tác xã đích thực trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa về đất đai, tài chính, tín dụng, thị trường và đầu tư cơ sở hạ tầng.

Để làm được việc này, đề nghị chính phủ, chính quyền các cấp phải tổ chức khảo sát, sau khảo sát có kế hoạch cụ thể cho từng hợp tác xã nơi mình quản lý, đồng thời hướng dẫn các hợp tác xã tiếp cận (như: dự án cạnh tranh nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, vay vốn ưu đãi,...) Hiện nay rất ít hợp tác xã được hưởng chính sách của chính phủ.

4. Sự khác biệt giữa quản trị và điều hành

Luật năm 2003 có hai điều 27 và 28 để các hợp tác xã chọn lựa thành lập bộ máy quản lý.

Dự thảo luật kỳ này tại Điều 43 quy định rõ cơ cấu tổ chức quản lý hợp tác xã gồm: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát (không có cụm từ chủ nhiệm).

Làm rõ hơn để bảo đảm tính minh bạch, công khai: phải có hệ thống kiểm toán nội bộ.

Tuy nhiên tại Điều 53 khoản 7 quy định chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm giám đốc. Đề nghị nên làm rõ hơn. Theo chúng tôi, trong thời gian chưa thuê được giám đốc, chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm.

5. Về phân phối lãi/lợi nhuận (Điều 69)

Đã đưa ưu tiên phân phối lợi nhuận cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ và một phần theo mức vốn góp giúp thành viên quyết định. Đây là đòn bẩy giúp thành viên vừa là chủ sở hữu vừa là khách hàng của hợp tác xã, thể hiện bản chất của hợp tác xã.

6. Về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, Điều 51

khoản 2 phần b, đề nghị giải thích thêm cụm từ "anh chị em nuôi của họ" vì về pháp lý khó xác định.

7. Quyền của thành viên hợp tác xã (Điều 16)

Đã thay cụm từ "xã viên" thành "thành viên", mở rộng thêm hai quyền (cũ là 11, mới là 13), trong đó quyền khởi kiện giám đốc, tổng giám đốc hợp tác xã khi không thực hiện đúng nghĩa vụ với thành viên.

8. Bổ sung một số điều của Nghị định số 87 vào các điều khoản của Luật hợp tác xã sửa đổi: rất phù hợp để các hợp tác xã nghiên cứu thực hiện.

Với suy nghĩ của một nông dân và nguyên là chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ (từ năm 1983 đến 1989), nay là phó chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã cà phê Lâm Viên hoạt động theo mô hình hợp tác xã kiểu mới, tôi nhận thấy rằng Luật hợp tác xã sửa đổi cơ bản đã hoàn chỉnh. Đề nghị Chính phủ và Quốc hội có những văn bản hướng dẫn các chính sách cụ thể cho hợp tác xã sau khi luật được ban hành.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i>	
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ	9
- Khuyến nghị số 193 về khuyến trợ hợp tác xã năm 2002	
<i>Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)</i>	11
- Quyền sở hữu và quỹ dự trữ trong hợp tác xã - thực trạng và đánh giá trong tương lai	
<i>Zvi Galor</i>	24
- Sửa đổi các nguyên tắc hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã trong thế kỷ XXI	
<i>GS. Hans-H. Muenkner</i>	53
- Sổ tay định hướng nghề nghiệp về lịch sử hợp tác xã	
<i>Karen Zimbelman</i>	76
- Lịch sử phát triển hợp tác xã quốc tế và Mỹ	
<i>PGS. Kimberly A. Zeuli</i> <i>và Giáo sư danh dự Robert Cropp</i>	83
- Sự hợp tác giữa các hợp tác xã	
<i>Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA)</i>	89
- Chiến lược phát triển hợp tác xã ở châu Âu	

	<i>Liên minh châu Âu (EU)</i>	99
- Hợp tác xã - một sự lựa chọn theo khả năng, một nơi tốt để định cư		102
- Một số chính sách phát triển hợp tác xã ở Quebec, Canada		106
- Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã tại bang Quebec, Canada		
	<i>Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>	112
- Hợp tác xã nông nghiệp Pháp		
	<i>Luật sư Chantal Chommel</i>	129
- Về Luật 502, Luật hợp tác xã Malaixia năm 1993, tiếp tục được sửa đổi, bổ sung đến năm 2008 (Luật A1297 có hiệu lực từ ngày 1-1-2008)		
	<i>GS. Hans-H. Muenkner</i>	157
- Về Luật hợp tác xã nông nghiệp 2006 Trung Quốc		
	<i>GS. Hans-H. Muenkner</i>	172
	<i>Phần thứ hai</i>	
	THỰC TIỄN VIỆT NAM	193
- Hợp tác xã		
	<i>Hồ Chí Minh</i>	195
- Quan điểm mang tính tư tưởng - chiến lược của Đảng ta về kinh tế tập thể, hợp tác xã		201
- Kết quả triển khai thực hiện Luật hợp tác xã năm 2003 và yêu cầu sửa đổi, bổ sung luật		
	<i>TS. Nguyễn Minh Tú</i>	204
- Một số nội dung xin ý kiến về Dự thảo Luật hợp tác xã (sửa đổi)		
	<i>Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>	219
- Những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau trong		

Dự án Luật hợp tác xã (sửa đổi) trình xin ý kiến Quốc hội	<i>PGS. TS. Dương Đăng Huệ</i>	228
- Cần sửa đổi Luật hợp tác xã hiện hành như thế nào?	<i>Võ Thị Kim Sa</i>	238
- Hợp tác xã là doanh nghiệp?	<i>TS. Nguyễn Minh Tú</i>	249
- Sức hấp dẫn của mô hình hợp tác xã kiểu mới	<i>Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>	258
- Thành lập mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực đánh bắt hải sản xa bờ	<i>Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>	267
- Phát triển kinh tế hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới	<i>TS. Nguyễn Minh Tú</i>	270
- Một số hợp tác xã điển hình kiểu mới		277
- Hợp tác xã cà phê Lâm Viên huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	<i>Dương Danh Oanh</i>	287

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: BÙI HỒNG THÚY
ThS. NGUYỄN KIM NGÀ
PHẠM NGỌC BÍCH
Trình bày bìa và makét: PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: PHẠM NGỌC BÍCH

Mã số: $\frac{32 (V) 2}{CTQG - 2012}$

In 1.410 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2012.

